

PGS.TS. HOÀNG VĂN HIỂN  
TS. DƯƠNG THÚY HIỂN  
(Đồng chủ biên)

**QUAN HỆ**  
**VIỆT NAM - HOA KỲ**  
**(1995 - 2020)**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản  
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
ThS. PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung:	ThS. PHẠM THỊ NGỌC BÍCH ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH TS. VŨ THỊ HƯƠNG TRẦN PHAN BÍCH LIỄU PHẠM THÚY LIỄU
Trình bày bìa:	NGUYỄN QUỲNH LAN
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THỊ LƯƠNG
Sửa bản in:	ThS. ĐỖ THANH HOÀNG TẠ THU THỦY
Đọc sách mẫu:	VŨ THỊ HƯƠNG VIỆT HÀ

---

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 2266-2021/CXBIPH/16-23/CTQG.  
Số quyết định xuất bản: 428-QĐ/NXBCTQG, ngày 29/6/2021.  
Nộp lưu chiểu: tháng 7 năm 2021.  
Mã ISBN: 978-604-57-6901-0.

**QUAN HỆ**  
**VIỆT NAM - HOA KỲ**  
(1995 - 2020)

**Biên mục trên xuất bản phẩm  
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1995 - 2020) / Hoàng Văn Hiến,  
Dương Thuý Hiền (ch.b.), Chúc Bá Tuyên, Nguyễn Văn Tuấn. - H.  
: Chính trị Quốc gia, 2021. - 256tr. ; 21cm  
ISBN 9786045767184

1. Quan hệ ngoại giao 2. 1995-2020 3. Việt Nam 4. Hoa Kỳ  
327.597073 - dc23

CTM0443p-CIP

**PGS.TS. HOÀNG VĂN HIỂN**  
**TS. DƯƠNG THỦY HIỂN**  
(Đồng chủ biên)

**QUAN HỆ**  
**VIỆT NAM - HÒA KỲ**  
**(1995 - 2020)**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**  
Hà Nội - 2021

## **ĐỒNG CHỦ BIÊN**

PGS.TS. HOÀNG VĂN HIỂN - TS. DƯƠNG THÚY HIỀN

## **CÙNG THAM GIA**

TS. CHÚC BÁ TUYỀN

ThS. NGUYỄN VĂN TUẤN

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Sau sự kiện giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước ngày 30/4/1975, vấn đề bình thường hóa quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ đã được đặt ra. Tuy nhiên, phải đến 20 năm sau, ngày 11/7/1995, Việt Nam - Hoa Kỳ mới tuyên bố bình thường hóa quan hệ. Hai mươi năm không phải là khoảng thời gian dài trong lịch sử, song với những nỗ lực lớn lao, không mệt mỏi của lãnh đạo và nhân dân hai nước, với chủ trương của Việt Nam là “gác lại quá khứ, hướng tới tương lai”, cùng Hoa Kỳ xây dựng quan hệ hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi, bình đẳng, tôn trọng thể chế chính trị, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; quan hệ hợp tác song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, không chỉ ở quan hệ chính trị - ngoại giao mà trên tất cả các lĩnh vực khác như kinh tế, thương mại, đầu tư, an ninh - quốc phòng, giáo dục, văn hóa, giao lưu nhân dân, khoa học - công nghệ và từ các lĩnh vực song phương, khu vực, cho đến hợp tác trên phạm vi toàn cầu..., thể hiện đúng tinh thần quan hệ đối tác toàn diện.

Để bạn đọc có cái nhìn toàn diện, sâu sắc hơn về chặng đường 25 năm bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1995 - 2020), khẳng định nỗ lực vượt qua những khó khăn và

khác biệt của cả hai quốc gia, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1995 - 2020)*** của tập thể các tác giả hiện đang công tác tại Trường Đại học Khoa học Huế, do PGS.TS. Hoàng Văn Hiến và TS. Dương Thúy Hiền đồng chủ biên.

Nội dung cuốn sách đi sâu phân tích bối cảnh quốc tế và những yếu tố tác động, chi phối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ; thực trạng, những bước phát triển trong quan hệ của hai nước; bước đầu đánh giá mối quan hệ bình thường hóa giữa hai nước 25 năm qua, dự báo triển vọng quan hệ trong thời gian tới.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 3 năm 2021*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**



## LỜI NÓI ĐẦU

Sau cuộc chiến tranh tại Việt Nam (1954 - 1975) - một chương tối trong lịch sử Hoa Kỳ, Việt Nam và Hoa Kỳ đã có những bước thử nghiệm đầu tiên nhằm tiến tới bình thường hóa quan hệ nhưng tình hình không mấy thuận chiều về cả hai phía. Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 12/1986), với việc tiến hành đường lối đổi mới toàn diện đất nước, cả về đối nội và đối ngoại, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ có cơ hội và hy vọng phát triển lên những nấc thang mới quan trọng. Tuy nhiên, để biến hy vọng thành hiện thực, cả hai nước đều phải cùng nhau giải quyết nhiều vấn đề vướng mắc và nhạy cảm trong quan hệ, nổi bật là vấn đề quân đội Việt Nam ở Campuchia và vấn đề POW - MIA (vấn đề tù binh và người Mỹ mất tích sau chiến tranh). Tháng 4/1991, chính quyền của Tổng thống H.W. George Bush đã đề xuất “lộ trình” (Road map) bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, trong đó Hoa Kỳ gắn kết quá trình bãi bỏ

cấm vận, từng bước cải thiện quan hệ đối với Việt Nam với tiến trình giải quyết các vấn đề lớn nói trên của quốc gia này<sup>1</sup>.

Sau rào cản cuối cùng tiến tới bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ là lệnh cấm vận thương mại được dỡ bỏ (ngày 03/02/1994), ngày 11/7/1995, Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton và Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt thông báo quyết định bình thường hóa quan hệ ngoại giao hai nước. Hai mươi lăm năm qua, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ phát triển một cách tích cực và toàn diện trên nhiều mặt. Hiện Hoa Kỳ là đối tác quan trọng của Việt Nam, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Những bước phát triển của mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong thời gian qua là kết quả của sự nỗ lực từ cả hai phía và cũng là quy luật tất yếu của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

Khách quan nhìn nhận, việc bình thường hóa và phát triển quan hệ với Hoa Kỳ trong 25 năm qua đã có những tác động nhất định đến sự phát triển kinh tế - xã hội, chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Ngược lại, từ bỏ bao vây, cấm vận để thúc đẩy quan hệ bình thường với Việt Nam cũng đã có những ảnh hưởng tích cực đến lợi ích kinh tế, chiến lược của Hoa Kỳ tại khu vực. Bởi vậy, quan

---

1. Xem Hoàng Văn Hiến (Chủ biên) - Nguyễn Viết Thảo: *Lịch sử quan hệ quốc tế (1945 - 1995)*, Nxb. Đà Nẵng, 2006, tr.216, 223-224.

hệ Việt Nam - Hoa Kỳ là lĩnh vực được nhiều học giả của cả hai nước quan tâm. Đây là một mối quan hệ khá đặc biệt, vượt qua nhiều dự đoán. Việt Nam và Hoa Kỳ đã cùng nỗ lực để chuyển biến mối quan hệ từ đối đầu khốc liệt trong thế kỷ XX thành quan hệ đối tác hợp tác toàn diện. Sự phát triển của mối quan hệ này có ý nghĩa quan trọng đối với việc duy trì môi trường hòa bình, ổn định và thúc đẩy thịnh vượng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng như trên thế giới.

Hoa Kỳ là nước lớn, đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong đời sống kinh tế - chính trị thế giới. Do đó, tăng cường hợp tác với Hoa Kỳ không chỉ là cơ hội lớn cho Việt Nam thu hút đầu tư nước ngoài; phát triển ngoại thương, mở rộng thị trường của các loại hàng hóa xuất khẩu chủ lực mà Việt Nam có lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh như dệt may, giày dép và các loại hàng nông sản; đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước..., mà còn là cơ hội cho Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh những bước đột phá trong quan hệ giữa hai nước thời gian qua, mối quan hệ này cũng bộc lộ nhiều vấn đề cần giải quyết như những khác biệt liên quan đến dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo; vấn đề người Mỹ mất tích trong chiến tranh; vấn đề tranh chấp thương mại...

Xuất phát từ thực tế trên, có nhiều câu hỏi được đặt ra và cần lời giải đáp, đó là: Các bước phát triển trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ là gì? Những yếu tố nào chi

phối đến quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ? Điều gì làm cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ kể từ khi bình thường hóa cho đến nay có những bước phát triển đặc biệt như thế? Và, liệu quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ có vượt qua được những trở ngại để vươn lên tầm cao mới, trở thành đối tác chiến lược của nhau hay không?... Cuốn sách ***Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1995 - 2020)*** hy vọng sẽ giải quyết những vấn đề đặt ra này nhằm góp phần thiết thực cho công tác nghiên cứu, giảng dạy chuyên ngành Quan hệ quốc tế, Lịch sử thế giới và qua đó làm rõ đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong quan hệ với đối tác lớn Hoa Kỳ.

Tuy vậy, do tính phong phú, đa dạng, hết sức phức tạp của vấn đề nghiên cứu và do năng lực còn hạn chế, nên công trình nghiên cứu này khó tránh khỏi những sơ suất. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của quý đồng nghiệp và quý độc giả để công trình được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

*Huế, tháng 3 năm 2021*  
**TẬP THỂ TÁC GIẢ**

## *Chương I*

# **NHỮNG NHÂN TỐ CHỦ YẾU TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ TỪ KHI BÌNH THƯỜNG HÓA ĐẾN NAY**

**T**rước khi trình bày về thực trạng và những bước phát triển mạnh mẽ của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, chúng ta cần xem xét các nhân tố tác động quan trọng bên ngoài cũng như các nhân tố có tính chất quyết định nội tại đối với quan hệ hai nước.

## **I- BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

### **1. Bối cảnh thế giới**

Với sự kết thúc của Chiến tranh lạnh và trật tự hai cực Yalta (1989 - 1991) cùng với sự tác động của các nhân tố khác, từ cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, thế giới đang từng bước quá độ từ trật tự thế giới cũ sang trật tự thế giới mới theo hướng đa cực, đa trung tâm và ngày càng định hình rõ nét hơn, trong đó, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều đặt ưu tiên cao cho

mục tiêu phát kinh tế nhằm gia tăng sức mạnh và nâng cao vị thế quốc gia. Kinh tế trở thành nhân tố quyết định trong sức mạnh tổng hợp của quốc gia và là động lực chính của xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa. Các quốc gia cơ bản thực hiện chính sách đối ngoại theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa, thúc đẩy xu thế hợp tác khu vực, liên kết quốc tế. Do đó, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn luôn là xu hướng lớn trong quan hệ quốc tế. Nhìn chung, hầu hết các nước lớn, nhỏ trên thế giới đều đã điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng tạo dựng môi trường bên ngoài thuận lợi để tham gia hiệu quả vào quá trình hợp tác, liên kết, hội nhập quốc tế. Chiều hướng tập hợp lực lượng có sự thay đổi, trong đó ý thức hệ không còn là chuẩn mực cao nhất mà được thay thế bằng lợi ích dân tộc; nguy cơ chiến tranh thế giới tiếp tục giảm đi dù vẫn tồn tại những xung đột, mâu thuẫn khu vực.

Bên cạnh đó, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đem lại nhiều thành tựu mới. Nó làm thay đổi sâu sắc các yếu tố sản xuất, tác động sâu sắc đến kinh tế, chính trị, xã hội và quan hệ đối ngoại của các quốc gia, dân tộc trên thế giới và mở ra khả năng cho các nước đi sau, kém phát triển hơn có thể tận dụng những thành tựu đó để đi tắt, đón đầu phục vụ cho mục tiêu phát triển của quốc gia. Hơn nữa, quá trình toàn cầu hóa trở thành xu thế khách quan, ngày càng lôi kéo nhiều quốc gia, dân tộc tham gia. Trong điều kiện của toàn cầu hóa, lợi ích của các quốc gia đan xen với nhau và ngày càng phụ thuộc, tùy thuộc

lẫn nhau. Trong bối cảnh sự hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực ngày một lớn, không có lý do gì mà những quốc gia đi sau lại không nắm bắt thời cơ tiến hành hội nhập quốc tế sâu rộng, tận dụng thành quả của khoa học và công nghệ để vươn lên mạnh mẽ nhằm giảm bớt chênh lệch khoảng cách với các quốc gia phát triển. Và, cũng không có lý do gì mà các nước phát triển không tranh thủ thời cơ gia tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia thông qua việc “*phổ biến*”, “*mở rộng*” các giá trị của họ ra toàn thế giới. Bởi thế, toàn cầu hóa chính là một cuộc cạnh tranh quyết liệt, nghiệt ngã giữa các quốc gia và tất yếu những ai mạnh hơn vẫn có nhiều lợi thế hơn và những ai yếu hơn sẽ vẫn thiệt thòi hơn. Điều này đòi hỏi các nước, nhất là những nước nhỏ và vừa, trong đó có Việt Nam cần hội nhập quốc tế sâu rộng, chủ động và tích cực hơn để tận dụng cơ hội phát triển, hạn chế những thách thức, khắc phục yếu kém và không bị thua thiệt.

Ngoài ra, sự xuất hiện của một loạt vấn đề toàn cầu (ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, khủng hoảng tài chính, khủng bố quốc tế...) đã và đang đe dọa nghiêm trọng đến an ninh con người cũng như hòa bình, ổn định thế giới. Điều này đặt ra nhu cầu cần có sự tham gia hợp tác đa phương của nhiều quốc gia mới có thể giải quyết được. Vai trò của các thể chế đa phương toàn cầu và khu vực ngày càng cao.

Hơn nữa, sau Chiến tranh lạnh, mặc dù xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn của nhân loại, nhưng môi trường an ninh quốc tế vẫn diễn biến phức

tạp, khó lường. Sự đan xen giữa mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống, phạm vi và sự liên quan của các mối đe dọa cũng ngày càng rộng và khó tách biệt. Đến nay, nhiều điểm nóng an ninh truyền thống trên thế giới vẫn tồn tại, chưa có giải pháp hữu hiệu để giải quyết tận gốc. Trong khi đó, xung đột dân tộc - sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ và tranh chấp nguồn tài nguyên thiên nhiên, chủ nghĩa ly khai, cực đoan, nhất là chủ nghĩa khủng bố quốc tế... lại nổi lên ở nhiều nơi, đe dọa nghiêm trọng hòa bình và an ninh thế giới, đòi hỏi phải có sự hợp tác, liên kết giữa các quốc gia mới giải quyết được.

Cuối cùng, khi môi trường quốc tế thay đổi, các nước lớn đều điều chỉnh chính sách đối ngoại, nhất là sau sự kiện khủng bố ngày 11/9/2001 - “tấn thảm kịch” tại Hoa Kỳ, các nước lớn đều điều chỉnh chính sách để duy trì, mở rộng ảnh hưởng, cạnh tranh lợi ích trên nhiều mặt. Quan hệ giữa các nước lớn rất đa dạng về cấp độ: đồng minh, đối tác chiến lược, đối tác xây dựng, đối thoại chiến lược, đối thủ trực tiếp, đối thủ tiềm tàng... và quan hệ giữa các nước lớn cũng luôn tồn tại tính hai mặt, đó là vừa hợp tác, vừa đấu tranh; vừa mâu thuẫn, vừa hòa giải; vừa tiếp xúc, vừa kiềm chế. Trong khi đó, một thực tế vẫn luôn tồn tại là: Để đảm bảo lợi ích của mình, nhìn chung, các nước lớn đều tránh đối đầu trực tiếp với Hoa Kỳ. Các nước lớn đều gia tăng can dự, mở rộng ảnh hưởng đối với những khu vực có vị trí địa - chiến lược quan trọng, lôi kéo các quốc gia trong khu vực đó đi theo quỹ đạo của mình. Từ đây cho



thấy một đặc điểm rất nổi bật của bối cảnh quốc tế mới đó là sự duy trì hợp tác, gia tăng cạnh tranh cùng với quá trình tập hợp lực lượng của các nước lớn đang thúc đẩy xu thế đa cực hóa ngày càng mạnh mẽ và trọng tâm cạnh tranh chiến lược của các nước lớn đang dịch chuyển về châu Á - Thái Bình Dương.

Như vậy, chiều hướng ưu tiên của xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển trong bối cảnh cách mạng khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão; xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa ngày càng mạnh mẽ; sự xuất hiện của một loạt các vấn đề toàn cầu và môi trường an ninh quốc tế có xu hướng diễn biến phức tạp hơn, cùng với đó là cuộc đấu tranh thiết lập trật tự thế giới mới, cuộc cạnh tranh mở rộng ảnh hưởng của các nước lớn... trở thành những nhân tố tác động nhất định đến sự phát triển của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ thời gian qua cũng như những năm tới<sup>1</sup>.

## **2. Bối cảnh khu vực châu Á - Thái Bình Dương**

Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phát triển năng động và ngày càng chiếm giữ vị trí địa - kinh tế, địa -

---

1. Xem thêm Trần Văn Đào, Phan Doãn Nam: *Lịch sử quan hệ quốc tế (1945 - 1990)*, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội, 2000, tr.392-402; Nguyễn Quốc Hùng: *Quan hệ quốc tế thế kỷ XX*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr.96-105; Hoàng Văn Hiến (Chủ biên), Nguyễn Viết Thảo: *Lịch sử quan hệ quốc tế (1945 - 1995)*, Sđd, tr.174-177.

chính trị quan trọng trong tính toán chiến lược của các nước lớn<sup>1</sup>. Khu vực này tập trung phần lớn các tuyến giao thông quốc tế huyết mạch bao gồm cả đường biển, đường bộ, đường sắt và đường hàng không. Thái Bình Dương chính là cầu nối Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương tới Vịnh Persic. Vị trí của khu vực này có thể sử dụng làm các căn cứ quân sự, các căn cứ quan sát theo dõi tàu ngầm qua lại, đặt các trạm radar, thông tin, các trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu cho tàu bè cũng như xây dựng các căn cứ để bảo vệ giao thông vận tải biển và làm các căn cứ xuất phát cho những cuộc tấn công trên bộ (như ở Trường Sa và Hoàng Sa). Không những thế, đây cũng là khu vực giàu tài nguyên thiên nhiên, không chỉ về loại hình mà còn ở quy mô, trữ lượng... Trong điều kiện tài nguyên thiên nhiên trên đất liền ngày càng cạn kiệt, thì đây chính là nguồn dự trữ quan trọng cho sự phát triển của các nước khu vực trong tương lai, là cơ sở cho sự hợp tác, liên kết của các nước có liên quan, đặc biệt giữa các nước lớn với các nước đang phát triển trong việc tìm kiếm nguồn nguyên liệu phục vụ cho sự phát triển.

Từ cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI đến nay, châu Á - Thái Bình Dương luôn là khu vực tăng trưởng nhanh nhất

---

1. Châu Á - Thái Bình Dương có hai thành tố hợp lại là châu Á và Thái Bình Dương. Cho đến nay, việc xác định khu vực này vẫn chưa có sự thống nhất giữa các nhà nghiên cứu quốc tế, nhưng đa phần đều tán thành việc cho rằng thế kỷ XXI sẽ là “Thế kỷ của Thái Bình Dương”.

thế giới và sự phát triển năng động của khu vực thông qua hàng loạt các cơ chế hợp tác, liên kết trong khu vực với nhiều tầng nấc và mở rộng trên nhiều lĩnh vực từ kinh tế cho đến chính trị, an ninh. Có thể kể ra như Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) (1989), các cơ chế của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) như ASEAN+3 (1997), ASEAN+1, Cấp cao Đông Á (EAS) (2005), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN (ADMM) (2006), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+) (2010)... Rõ ràng, đặc điểm địa lý, quy mô kinh tế và tương lai phát triển không hạn chế là những nhân tố quyết định để khu vực châu Á - Thái Bình Dương dần thay thế khu vực châu Âu - Đại Tây Dương, trở thành trọng tâm địa - chính trị toàn cầu.

Có thể thấy, sự phát triển năng động của khu vực đã trở thành một trong những căn nguyên để khu vực này trở thành nơi hội tụ lợi ích chiến lược của các nước lớn. Đồng thời, tương quan lực lượng giữa các nước lớn từng bước có sự thay đổi do sự lớn mạnh của Trung Quốc, Ấn Độ, sự phục hồi của Nga... nên các nước lớn không ngừng cạnh tranh gia tăng ảnh hưởng trong khu vực. Vì thế, sự va chạm lợi ích giữa các nước trong khu vực là điều không tránh khỏi.

Mặt khác, khu vực châu Á - Thái Bình Dương còn có thêm một điểm nổi bật khiến các nước lớn không ngừng can dự sâu vào các vấn đề an ninh của khu vực, đó là do khu vực tồn tại rất nhiều “*điểm nóng*” như vấn đề Đài Loan, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, vấn đề

Biển Đông, biển Hoa Đông... Trong đó, những tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ sẽ tiếp tục kéo dài, phức tạp và khó giải quyết.

Nhận xét về tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Giáo sư Alexander Panov - cựu Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên bang Nga tại Nhật Bản đã nhấn mạnh: “Khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang diễn ra quá trình chuyển dịch cơ cấu quan hệ quốc tế và cán cân lực lượng. Sự nổi lên của Trung Quốc và sự suy yếu của Nhật Bản, việc Hoa Kỳ trở lại châu Á - Thái Bình Dương khiến cho tình hình trong khu vực thay đổi. Tình hình bây giờ đã trở nên năng động hơn, ít ổn định và hiện đang phát triển tự nhiên...”<sup>1</sup>. Điều này thể hiện rất rõ trong việc các nước lớn điều chỉnh chính sách đối với khu vực này.

Trong số những nhân tố khách quan tác động đến quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ không thể thiếu nhân tố Trung Quốc. Sau hơn 30 năm cải cách mở cửa (tính đến năm 2012), Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu vượt bậc trong nhiều lĩnh vực. Về kinh tế, nếu như năm 1978, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Trung Quốc mới chỉ đạt gần 21 tỉ USD, thì đến năm 2010, GDP của Trung Quốc đã đạt 5.879 tỉ USD, vượt qua Nhật Bản trở thành

---

1. “Chuyên gia Nga: Nhật Bản phản ứng với thay đổi tình hình châu Á - Thái Bình Dương bằng cải cách lực lượng vũ trang”, [http://vn.sputniknews.com/vietnamese.ruvr.ru/2013\\_05\\_31/114713655/](http://vn.sputniknews.com/vietnamese.ruvr.ru/2013_05_31/114713655/).

nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới<sup>1</sup>. Cho đến năm 2012, Trung Quốc luôn nằm trong top những nước đầu tư ra nước ngoài lớn nhất thế giới với tổng số vốn 87,8 tỉ USD, tăng 17,6% so với năm 2011<sup>2</sup>. Về chính trị - ngoại giao, Trung Quốc ngày càng đóng vai trò tích cực, quan trọng trong hoạt động của các tổ chức hợp tác đa phương khu vực và thế giới; cố gắng xây dựng hình ảnh một nước lớn thân thiện, là trung tâm kinh tế - chính trị ở châu Á, qua đó làm bàn đạp vững chắc để mở rộng ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu. Về sức mạnh quân sự, tiềm lực khoa học và công nghệ, Trung Quốc đều ở trong top đầu của thế giới.

Bên cạnh đó, việc tăng cường ngoại giao nhân dân, giáo dục, trao đổi văn hóa, quảng bá các giá trị Trung Hoa ra thế giới cũng là một kênh quan trọng mà các nhà hoạch định chính sách của Trung Quốc tận dụng tối đa để gia tăng “*sức mạnh mềm*”, truyền tải những hình ảnh tích cực của mình ra thế giới bên ngoài, quảng bá “*mô hình Trung Quốc*”.

---

1. Xem Chen Jie Gui, Li Yang: “Phân tích tiền cảnh kinh tế Trung Quốc”, Báo cáo mùa Xuân năm 2011, tr.47. Dẫn theo Phạm Văn Khải: *Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012)*, Luận văn Thạc sĩ Quốc tế học, Hà Nội, 2016, tr.35-36.

2. Xem “Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài đạt kỷ lục năm 2012”, <https://baomoi.com/trung-quoc-dau-tu-ra-nuoc-ngoai-dat-ky-luc-nam-2012/c/11897177.epi>.

Với sức mạnh tổng thể được cải thiện, Trung Quốc có tham vọng trở thành một siêu cường thế giới. Kể từ khi Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình lên nắm quyền (năm 2012), tham vọng đóng vai trò chi phối lớn ở châu Á và toàn cầu ngày càng công khai hơn khi sáng kiến chiến lược “*Vành đai và Con đường*” (BRI) ra đời vào năm 2013 (lúc đó gọi là “*Một vành đai, Một con đường*”). Có thể thấy, nước này dần từ bỏ chính sách “*giấu mình chờ thời, quyết không đi đầu*”, để thực hiện một chính sách đối ngoại ngày càng chủ động, công khai cạnh tranh ảnh hưởng với Hoa Kỳ trong khu vực và trên thế giới. Chính sách đối với các quốc gia láng giềng là một trong những trụ cột quan trọng trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Với tinh thần “*tam lân*”<sup>1</sup>, Đông Nam Á trở thành khu vực được Trung Quốc quan tâm toàn diện trên các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng đến văn hóa, xã hội... Ngoài việc thực hiện “*cuộc tấn công quuyến rũ*” đến các quốc gia trong khu vực thông qua viện trợ, đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng, giao lưu văn hóa..., Trung Quốc cũng hành xử một cách cứng rắn hơn trong các tranh chấp trên biển và trên đất liền với các nước lân cận. Là quốc gia láng giềng với Trung Quốc, đồng thời là quốc gia cùng thể chế chính trị, lại đang có những tranh chấp với Trung Quốc tại Biển Đông (Trung Quốc đã chiếm trái phép quần đảo Hoàng Sa năm 1974 và một số bãi đá ngầm ở quần đảo

---

1. “Tam lân” gồm: An lân (yên ổn với láng giềng), mục lân (thân thiện với láng giềng) và phú lân (làm giàu cùng láng giềng).

Trường Sa năm 1988 của Việt Nam) nên Việt Nam luôn nằm trong các tính toán chiến lược của Trung Quốc. Dù muốn hay không, Việt Nam đã, đang chịu những ảnh hưởng của Trung Quốc trên nhiều mặt, nhất là kinh tế. Trong nhiều năm liền, Trung Quốc luôn là thị trường mà Việt Nam nhập siêu nhiều nhất (năm 2019 là hơn 34 tỉ USD)<sup>1</sup>. Về đầu tư, Trung Quốc (gồm cả Đặc khu hành chính Hồng Kông) trong những năm qua tiếp tục tăng mạnh. Chẳng hạn, trong 10 tháng năm 2019, Hồng Kông và Trung Quốc đứng thứ nhất và thứ ba trong các đối tác đầu tư vào Việt Nam, tăng 3,94 lần và gần 2 lần so với cùng kỳ năm 2018<sup>2</sup>.

Trên thực tế, nhân tố Trung Quốc vừa có những tác động tích cực, vừa có những tác động tiêu cực đến quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Những hành động cứng rắn trên Biển Đông của Trung Quốc thời gian qua dẫn đến sự hội tụ các lợi ích an ninh giữa Việt Nam và Hoa Kỳ nên điều này tạo ra nhiều cơ hội cho Việt Nam và Hoa Kỳ hợp tác để ứng phó và giải quyết các thách thức an ninh đang nổi lên trong khu vực. Trong vấn đề Biển Đông, Việt Nam lựa

---

1. Xem Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Xuất khẩu nước/vùng lãnh thổ - Mặt hàng chủ yếu tính đến hết tháng 12/2019 và Nhập khẩu nước/vùng lãnh thổ - Mặt hàng chủ yếu tính đến hết tháng 12/2019”, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan (Sơ bộ), 2020, tr.29, 23.

2. “Đầu tư từ Trung Quốc vào Việt Nam tăng mạnh”, <https://www.vcci.com.vn/dau-tu-tu-trung-quoc-vao-viet-nam-tang-manh>.

chọn giải pháp quốc tế hóa và hợp tác đa phương để giải quyết hòa bình các tranh chấp nên hợp tác với Hoa Kỳ chính là hợp tác mang chính chiến lược. Tuy vậy, thúc đẩy quan hệ với Hoa Kỳ cũng đòi hỏi Việt Nam phải hết sức khéo léo để Trung Quốc không “*lo ngại*” về mức độ của mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, tức là làm sao để vừa phát triển quan hệ với Hoa Kỳ nhưng cũng vừa tiếp tục phát triển quan hệ với Trung Quốc. Đồng thời, nhân tố Trung Quốc cũng buộc Hoa Kỳ phải có những tính toán chiến lược linh hoạt hơn, nhất là trong điều kiện những lợi ích của Hoa Kỳ với Trung Quốc luôn lớn hơn lợi ích của Hoa Kỳ với Việt Nam. Do đó, một khi Hoa Kỳ phải nhượng bộ Trung Quốc trên một số vấn đề, nhất là vấn đề Biển Đông thì chắc chắn Trung Quốc trở thành nhân tố cản trở quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ.

Đối với Hoa Kỳ, châu Á - Thái Bình Dương tuy không phải là địa bàn chiến lược truyền thống như châu Âu, Trung Đông và Nam Mỹ nhưng nơi đây hiện diện khá nhiều thách thức về kinh tế và an ninh đe dọa lợi ích của Hoa Kỳ trong khu vực, nổi bật là các tranh chấp lãnh thổ và chủ quyền trên Biển Đông và biển Hoa Đông; xu hướng chạy đua vũ trang trong khu vực; các vấn đề an ninh phi truyền thống... và nơi đây còn có mặt nhiều đối thủ tiềm tàng, có sức mạnh to lớn mà Hoa Kỳ phải luôn tìm mọi cách đối phó, phòng thủ như: Nga, Ấn Độ, Trung Quốc. Đường như, các sóng ngầm địa - chính trị khu vực châu Á - Thái Bình Dương diễn biến ngày càng phức tạp, mà xu hướng nổi trội là việc “Hoa Kỳ cùng các đồng minh ngày



càng bất an trước sự trỗi dậy của Trung Quốc và việc nước này công khai thách thức trật tự khu vực, nhất là vị thế siêu cường dẫn đầu của Hoa Kỳ nên cục diện địa chính trị khu vực đang dần đi theo hướng dự báo của thuyết “chuyển giao quyền lực”<sup>1</sup>. Bởi thế, trước việc Trung Quốc đang trỗi dậy mạnh mẽ và trở thành đối thủ duy nhất có đủ tầm đe dọa vị thế siêu cường duy nhất của Hoa Kỳ và tiến đến phá vỡ trật tự thế giới vốn do Hoa Kỳ dẫn dắt để hình thành một trật tự thế giới mới có lợi cho Trung Quốc, Hoa Kỳ buộc phải tập trung nhiều sự chú ý hơn vào khu vực châu Á - Thái Bình Dương để duy trì lợi ích chiến lược, kinh tế và chính trị to lớn, nhất là để kiểm chế các nước khác thách thức vai trò vượt trội của Hoa Kỳ trong khu vực. Hoa Kỳ dần xem Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chiến lược bởi sự lớn mạnh và các tham vọng của Trung Quốc đang làm xói mòn vai trò cũng như các lợi ích của Hoa Kỳ tại khu vực<sup>2</sup>.

Do đó, sau khi lên nắm quyền (tháng 01/2009), Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama tiếp tục quan tâm hơn đến khu vực châu Á - Thái Bình Dương thông qua chiến lược “*Xoay trục*”, “*Tái cân bằng*” sang châu Á. Chiến lược quốc

---

1. Lê Hồng Hiệp: “Sóng ngầm địa chính trị khu vực và lựa chọn của Việt Nam”, <http://nghiencuuquocte.net/2014/12/28/song-ngam-dia-chinh-tri-khu-vuc-va-lua-chon-cua-viet-nam/>.

2. Xem Cù Chí Lợi: “Chiến lược châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ và tác động của nó tới hợp tác và phát triển tại châu Á”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 9 (246), 2018, tr.3-15, 4.

phòng mới của Hoa Kỳ công bố ngày 05/01/2012 khẳng định Hoa Kỳ chuyển trọng tâm sang châu Á - Thái Bình Dương. Trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á được Hoa Kỳ khá ưu tiên. Ảnh hưởng của Hoa Kỳ ở đây có lúc mạnh, lúc yếu tùy theo sự điều chỉnh chính sách và bố cục chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ nhưng chưa bao giờ Hoa Kỳ chịu từ bỏ tham vọng là trọng tài và là người xây dựng “*luật chơi*” cho các trò chơi chính trị và an ninh đối với khu vực. Khoảng một thập niên sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, vị trí của khu vực Đông Nam Á trong chiến lược của Hoa Kỳ có phần suy giảm nhưng sau sự kiện ngày 11/9/2001, Hoa Kỳ đã gia tăng sự hiện diện và can dự sâu hơn vào Đông Nam Á để lôi kéo các quốc gia trong khu vực tham gia vào cuộc chiến chống khủng bố của nước này.

Trong hai nhiệm kỳ của Tổng thống Barack Obama, Hoa Kỳ có nhiều chính sách quan tâm mạnh mẽ đến khu vực Đông Nam Á như tham gia Hiệp ước Thân thiện và hợp tác ở khu vực Đông Nam Á (TAC) (2009); tiến hành hợp cấp cao với ASEAN; ra Tuyên bố chung Hoa Kỳ - ASEAN; Ngoại trưởng Hillary Clinton tham gia Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) 4 lần (2009 - 2012); trở thành thành viên của khuôn khổ hợp tác Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS) năm 2010; Tổng thống Obama thăm Đông Nam Á và tham dự EAS (tháng 11/2012); thúc đẩy Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP); cải thiện và thắt chặt quan hệ với các nước đồng minh và đối tác, nhất là các nước láng giềng Trung Quốc; sử dụng các công cụ như luật

pháp quốc tế và các thể chế quốc tế để kiểm chế và điều chỉnh hành vi của Bắc Kinh...

Từ khi Donald Trump trở thành Tổng thống thứ 45 của Hoa Kỳ (tháng 01/2017), chính sách châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền mới có một số điều chỉnh như: Rút Hoa Kỳ ra khỏi TPP; yêu cầu các đồng minh chia sẻ gánh nặng tài chính cho sự hiện diện của lực lượng Hoa Kỳ đồn trú tại các nước này; mở rộng chính sách châu Á - Thái Bình Dương thành Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; tiến hành cuộc chiến thương mại với Trung Quốc; chuyển trọng tâm an ninh khu vực sang vấn đề Đài Loan sau khi vấn đề Triều Tiên có những chuyển biến tích cực... Mặc dù vậy, trong vấn đề Biển Đông, chính quyền của Tổng thống Donald Trump vẫn tiếp tục thực hiện tự do hàng hải, hàng không ở Biển Đông, tự do tuần tra hoạt động trên biển và mở rộng hợp tác giữa Hoa Kỳ với các quốc gia ở Đông Nam Á. Có thể thấy, dù ưu tiên chiến lược và cách thức triển khai chính sách châu Á - Thái Bình Dương của Tổng thống Donald Trump có khác so với người tiền nhiệm, song mục tiêu của Hoa Kỳ vẫn là can thiệp vào khu vực này để duy trì lợi ích kinh tế, quyền lực chính trị, văn hóa, sức mạnh quân sự và ngoại giao, nhất là để kiểm chế các nước lớn, trước hết là Trung Quốc đang thách thức nghiêm trọng vai trò vượt trội của Hoa Kỳ trong khu vực. Do đó, sự cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc sẽ được đẩy cao hơn, mặt cạnh tranh, đấu

tranh có xu hướng sẽ lấn át mặt hợp tác. Chính sách này sẽ tiếp tục làm gia tăng tầm quan trọng của Việt Nam trong chiến lược đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ.

Không chỉ Trung Quốc, Hoa Kỳ có những chính sách can dự mạnh mẽ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương mà Nga, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc cũng đang có những bước đi tích cực để xác lập ảnh hưởng trong khu vực và bằng cách này hay cách khác sẽ vào cuộc ở những mức độ khác nhau trong tranh chấp Biển Đông<sup>1</sup>. Thực tế này đang khiến cho cấu trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương hết sức phức tạp với nhiều tầng nấc đan xen nhau. Chính sự cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn trong khu vực là nhân tố buộc các quốc gia trong khu vực phải có những điều chỉnh chính sách đối ngoại để có thể thích ứng. Và, những quốc gia nào có vị trí địa - chiến lược quan trọng trong khu vực thì như một điều tất yếu, các nước lớn sẽ “*tìm đến*”, một cách theo kiểu “*hữu xạ tự nhiên hương*” như đã đề cập trong phần trước về tác động của nhân tố địa - chiến lược trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ.

Trong khi đó, ASEAN ngày càng chứng tỏ là một tổ chức hợp tác khu vực thành công nhất, đóng vai trò quan

---

1. “Cuộc cờ Biển Đông dưới cái nhìn địa - chiến lược”, <http://baodatviet.vn/chinh-tri-xa-hoi/cuoc-co-bien-dong-duoi-cai-nhin-dia-chien-luoc-2195281/>.

trọng trong duy trì an ninh, hòa bình, ổn định, phát triển và thịnh vượng trong khu vực. Quá trình hợp tác, liên kết khu vực ngày càng chặt chẽ hơn, sau rộng hơn, nhất là khi Cộng đồng ASEAN (AC) ra đời vào cuối năm 2015. Tuy nhiên, trên thực tế, ASEAN đang gặp không ít trở ngại trong quá trình hợp tác, liên kết, một trong những tình huống khá đặc thù đó chính là sự không ổn định và thiếu đoàn kết trong nội khối ASEAN. Chính việc các quốc gia trong ASEAN không ổn định và thiếu đoàn kết đã tạo cơ hội cho các nước lớn bên ngoài vừa tranh thủ sử dụng sức mạnh, nhất là về kinh tế để gia tăng ảnh hưởng, vừa đào sâu, khoét thêm mâu thuẫn giữa các quốc gia trong khu vực để làm cho ASEAN chia rẽ, suy yếu. Sự gia tăng can dự của Trung Quốc vào ASEAN thời gian qua đã thể hiện rất rõ tính hai mặt này. Do đó, đặc điểm này cũng tạo ra những cơ hội và cả khó khăn cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ.

Hoa Kỳ nhìn nhận vị trí và xử lý mối quan hệ với Việt Nam trong tổng thể quan hệ với khu vực Đông Nam Á và quan hệ giữa hai nước chịu tác động rất lớn từ tình hình khu vực. Việt Nam vẫn là một nước đang phát triển, nếu xét về góc độ kinh tế thuần túy thì Việt Nam khó có thể nằm trong ưu tiên chiến lược của các nước lớn. Tuy nhiên, xét trong tổng thể khu vực với những lợi ích đan xen, chồng chéo giữa các nước lớn, Việt Nam là mắt xích quan trọng trong bàn cờ chính trị của khu vực. Quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam chịu sự chi

phối mạnh mẽ của chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ cũng như quan hệ của Hoa Kỳ với các nước lớn trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương<sup>1</sup>.

Tóm lại, giống như tất cả các mối quan hệ song phương khác, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ luôn vận động và chịu tác động không nhỏ bởi bối cảnh lịch sử. Trong hơn hai thập niên gần đây, bối cảnh thế giới và khu vực châu Á - Thái Bình Dương có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Chính những biến đổi này đã tạo ra nhiều cơ hội cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ phát triển, nhưng bên cạnh đó, nó cũng tạo ra không ít thách thức đòi hỏi hai bên phải vượt qua để thúc đẩy quan hệ tiến về phía trước.

## II- NHÂN TỐ LỊCH SỬ VÀ ĐỊA - CHIẾN LƯỢC

### 1. Nhân tố lịch sử

Khoảng hơn 200 năm trước, Việt Nam và Hoa Kỳ đã có những cố gắng nhằm kiến tạo quan hệ, nhưng rồi những cố gắng đó đã không thành mà nguyên nhân của nó từng được lý giải: “Những nỗ lực này thất bại vì hai nền văn hóa xa lạ đã cùng lên tiếng mà không chịu lắng nghe nhau, và tầm quan trọng của bên này đối với

---

1. Xem Ngô Xuân Bình (Chủ biên): *Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014, tr.135.

bên kia không đủ thuyết phục để vượt qua những trở ngại này”<sup>1</sup>.

Sau đó, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1939), những chuyển động địa - chính trị trên thế giới cũng như khu vực châu Á - Thái Bình Dương diễn ra nhanh chóng. Phát xít Nhật chiếm đóng Đông Dương (tháng 9/1940) và tiếp tục mở rộng xâm chiếm ra toàn khu vực Đông Nam Á - Thái Bình Dương. Hoa Kỳ không thể chấp nhận việc người Nhật muốn “trở thành chủ nhân của một khu vực chiếm gần nửa dân số thế giới. Và như vậy họ sẽ khống chế Thái Bình Dương và con đường mậu dịch trong khu vực đó”<sup>2</sup>. Do đó, việc Nhật chiếm đóng Việt Nam và tiếp tục leo thang chiến tranh ra khắp khu vực châu Á - Thái Bình Dương làm cho những lợi ích của Hoa Kỳ bị đe dọa. Đây được xem là nhân tố đưa đến việc Việt Nam và Hoa Kỳ tìm cách xích lại gần nhau bởi hai bên thấy được sự trùng hợp lợi ích quốc gia trong việc cùng đánh đuổi phát xít Nhật. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nỗ lực làm cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ có tín hiệu kết nối. Đó là, sau khi trực tiếp đưa viên phi công William Shaw được Việt Minh cứu sống (máy bay bị Nhật bắn rơi xuống Cao Bằng) sang Côn Minh trao trả cho

---

1. *Phát biểu của Tổng thống Hoa Kỳ B. Clinton tại Đại học Quốc gia Việt Nam*, Hà Nội, tháng 11/2000. Dẫn theo Trần Nam Tiến: *Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ: Thực trạng và triển vọng*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2010, tr.9.

2. Phạm Thu Nga: *Quan hệ Việt - Mỹ 1939-1954*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004, tr.81.

phía Hoa Kỳ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Hoa Kỳ trợ giúp Việt Minh về vũ khí, thông tin liên lạc, huấn luyện để đánh Nhật. Đề nghị này đã được phía Hoa Kỳ đồng ý thông qua việc Hoa Kỳ lập Đội Con Nai (Deer Team) do thiếu tá Allison K. Thomas chỉ huy. Đội Con Nai đã nhảy dù xuống vùng căn cứ của Việt Minh tiến hành hợp tác với Việt Nam chống Nhật. Trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ chủ yếu xoay quanh việc đánh đuổi phát xít Nhật nhưng còn hạn chế và chủ yếu thông qua các sự vụ cụ thể.

Sau khi giành được độc lập năm 1945, Chính phủ và nhân dân Việt Nam mong muốn phát triển mối quan hệ với Chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ nhưng do ưu tiên cao nhất của Hoa Kỳ khi bước vào thời kỳ Chiến tranh lạnh là *giữ được “thế trận” ở châu Âu, tranh thủ sự ủng hộ của các đồng minh chủ chốt, trong đó có Pháp, để “kiềm chế” Liên Xô. Bởi vậy, để đánh đổi, Hoa Kỳ hạ thấp “khẩu hiệu” phi thực dân hóa và ngấm “bật đèn xanh” cho cựa cường quay trở lại các thuộc địa cũ, trong đó có Pháp quay trở lại Đông Dương<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, Hoa Kỳ ủng hộ và tài trợ ngày càng nhiều chiến phí cho cuộc tái chiếm Đông Dương của Pháp. Với vị trí nằm giữa cuộc đối đầu chiến lược cam go của hai khối Đông - Tây nên Việt Nam phải đối mặt với chính*

---

1. Xem Hoàng Anh Tuấn: “Việt - Mỹ: Cơ duyên ít biết và sự trở trêu của lịch sử”, <http://m.vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/246584/viet--my--co-duyen-it-biet-va-su-tro-treu-cua-lich-su.html>.



sách kiềm chế chống cộng của phương Tây mà đứng đầu là Hoa Kỳ. Vào đầu những năm 50 của thế kỷ XX, Hoa Kỳ bắt đầu trực tiếp can thiệp sâu rộng vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Tuy nhiên, kế hoạch can thiệp quân sự tập thể vào Việt Nam do Mỹ dự tính hành động với các đồng minh phương Tây và kế hoạch mật Vautour do Mỹ và Pháp lập ra (dự định ném bom ô ạt khu vực xung quanh Điện Biên Phủ, thậm chí dùng cả bom nguyên tử chiến thuật) do nhiều nguyên nhân, lần lượt thất bại, để rồi dẫn đến *tấn thảm kịch của nước Pháp* vào ngày 07/5/1954 tại Điện Biên Phủ<sup>1</sup>.

Sau khi Hiệp định Geneva (1954) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết không lâu, Hoa Kỳ chính thức tham chiến ở Việt Nam và Đông Dương bằng cách tạo ra một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới với quy mô lớn hơn và mức độ ác liệt so với cuộc chiến tranh do Pháp tiến hành. *Cuộc chiến tranh kéo dài 21 năm này (1954 - 1975) đã đẩy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ vào thế đối đầu, thù địch với nhau bởi đây là cuộc chiến một mất, một còn giữa những người đi xâm lược và những người quyết tâm đến cùng để bảo vệ nền độc lập.* Ngày 30/4/1975, miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước Việt Nam thống nhất. Vậy là, cuộc thử nghiệm chiến tranh thực dân mới đã thất bại hoàn toàn.

---

1. Xem Hoàng Văn Hiến: *Tiếp cận lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam - Một cách nhìn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.106-107.

Sự phản kích lớn nhất của Hoa Kỳ vào các lực lượng cách mạng sau Chiến tranh thế giới thứ hai hòng phá vỡ phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản quan trọng ở Đông Nam Á bị phá sản, Hoa Kỳ bị đẩy vào tình thế khó khăn về quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội cũng như những tổn thất to lớn về mặt tinh thần. Theo thống kê chưa đầy đủ, cuộc chiến tranh tại Việt Nam đã tiêu tốn của Hoa Kỳ khoảng 676 tỉ USD chi phí trực tiếp (so với 341 tỉ USD trong Chiến tranh thế giới thứ hai và 54 tỉ USD trong chiến tranh Triều Tiên); cướp đi sinh mạng của khoảng 58.000 lính Hoa Kỳ; khoảng 304.000 người lính khác vĩnh viễn bị thương tật, tàn phế. Cuộc chiến này cũng đã để lại vết thương lòng lớn nhất đối với Hoa Kỳ: “*Hội chứng Việt Nam*”. Trong một báo cáo đầu năm 1988, Chính phủ Hoa Kỳ lần đầu tiên đã thừa nhận 15% cựu chiến binh Hoa Kỳ từng tham chiến ở Việt Nam (khoảng 50.000 người) bị chứng rối loạn tâm thần nghiêm trọng và các nhà xã hội học Hoa Kỳ đã khẳng định bình quân mỗi ngày có 3 cựu chiến binh Hoa Kỳ tự sát bằng những cách thức ghê rợn, có lẽ để xóa đi mặc cảm tội lỗi<sup>1</sup>. Cuộc chiến này đã gây chia rẽ xã hội Hoa Kỳ, một bộ phận trong xã hội không muốn nhắc đến Việt Nam. Một vấn đề đặt ra nữa là tại sao một dân tộc nhỏ bé, kinh tế kém phát triển, nghèo nàn lạc hậu lại có thể đánh thắng một cường quốc?

---

1. Xem Hoàng Nguyễn: “Chiến tranh Việt Nam nhìn từ phía Mỹ”, <http://tuoitre.vn/tin/the-gioi/20050501/chien-tranh-viet-nam-nhin-tu-phia-my/76626.html>.

Điều này đã ít nhiều làm tổn hại đến “*thể diện*”, “*niêm kiêu hãnh*” của một cường quốc như Hoa Kỳ. Trong khi đó, cuộc chiến tranh mang tính hủy diệt của Hoa Kỳ tại Việt Nam cũng đã để lại những di chứng đầy tội ác. Hoa Kỳ đã ném xuống Việt Nam hơn 7,8 triệu tấn bom đạn (gấp gần 3 lần tổng số bom sử dụng trong Chiến tranh thế giới thứ hai), nghiêm trọng hơn, Hoa Kỳ đã sử dụng vũ khí hóa học nên để lại những hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Chỉ những thiệt hại về người của Việt Nam cũng đã đủ để thấy sự tàn khốc của cuộc chiến này như thế nào. Số liệu về thương vong của Việt Nam được chính thức công bố gần đây nhất là gần 2 triệu thường dân chết; hơn 2 triệu thường dân mang thương tật suốt đời; khoảng 2 triệu người (gồm cả quân nhân) phơi nhiễm các loại hóa chất độc hại; khoảng 1,1 triệu quân nhân Việt Nam đã hy sinh trong những trường hợp khác nhau<sup>1</sup> và những di chứng của chất độc da cam vẫn luôn đeo bám người dân Việt Nam.

Bởi vậy, quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ sau đó gặp không ít trở ngại do đã có không ít những tiếng nói phản đối bình thường hóa quan hệ từ cả hai phía. Trước khi Chiến tranh lạnh kết thúc, phần lớn các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ luôn thi hành chính sách thù địch chống Việt Nam. Đó là chính sách ngoại giao cấm vận. Chính sách này được ví như “*sự kéo dài một cuộc*

---

1. Xem Hồ Khang (Chủ biên): *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, t.8, tr.436.

*chiến tranh chưa từng được chính thức phát động nhưng cũng chưa từng chính thức kết thúc*<sup>1</sup> đã tiếp tục gây ra cho Việt Nam những khó khăn và thiệt hại to lớn.

Một số ý kiến từng cho rằng, đã có những cơ hội bị bỏ lỡ để tiến đến bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong những năm cuối thập niên 70 của thế kỷ XX. Sở dĩ có ý kiến này là do, đầu năm 1977, Jimmy Carter lên làm Tổng thống Hoa Kỳ đã điều chỉnh chính sách theo hướng tiến đến bình thường hóa quan hệ với Việt Nam để giải quyết cái gọi là “*Hội chứng Việt Nam*” ở Hoa Kỳ. Sự điều chỉnh chính sách được thể hiện thông qua các vấn đề như: Chính phủ Hoa Kỳ không phản đối đơn xin gia nhập Liên hợp quốc của Việt Nam, cử đặc phái viên Leonard Woodcock (Chủ tịch Nghiệp đoàn công nhân các hãng xe hơi Hoa Kỳ) sang Việt Nam để đàm phán. Đồng thời, phía Hoa Kỳ yêu cầu Việt Nam phải thống kê, cung cấp thông tin đầy đủ, giải quyết vấn đề POW/MIA, vấn đề con lai. Trong khi đó, phía Việt Nam yêu cầu Hoa Kỳ phải thực hiện lời hứa bằng văn bản góp phần vào việc tái thiết Việt Nam với số tiền 3,25 tỉ USD<sup>2</sup>. Sự khác biệt nhận thức trong những vấn đề này đã khiến cho Việt Nam và Hoa Kỳ chưa

---

1. Xem thêm Bộ Ngoại giao: *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.43-44.

2. Vấn đề này được ghi trong Điều 21 của Hiệp định Paris, thực chất là Việt Nam đòi bồi thường chiến tranh nhưng để giữ thể diện cho Hoa Kỳ, Việt Nam thỏa thuận dùng từ “*góp phần tái thiết*”. Khi ký tắt Hiệp định, Cố vấn Lê Đức Thọ và Cố vấn An ninh Tổng thống Mỹ Kissinger đã thỏa thuận bằng văn bản số tiền 3,25 tỉ USD mà Mỹ sẽ đóng góp vào tái thiết Việt Nam.

thể xích lại gần nhau và Hoa Kỳ đã đổ lỗi cho Việt Nam bỏ lỡ cơ hội khi gây trở ngại cho quá trình bình thường hóa vì vẫn đòi bồi thường chiến tranh. Thế nhưng, rõ ràng không thể đổ lỗi cho phía Việt Nam vì thời điểm này, cả Hoa Kỳ và Việt Nam đều chưa thể vượt qua những vấn đề của riêng mình. Nguyên Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam Lê Mai khi trả lời phỏng vấn của hãng Reuters (Anh) cho biết, thời điểm năm 1977 mới bắt đầu việc đàm phán bình thường hóa quan hệ nên không thể xem là có cơ hội. Hai bên chưa sẵn sàng vào thời điểm đó. Ông nói: “Đến mùa thu năm 1978, Việt Nam và Mỹ tiến gần đến một thỏa thuận về bình thường hóa quan hệ. Nhưng sau đó Mỹ đã rút lui vì Tổng thống Jimmy Carter lúc đó có một canh bạc khác” và khi phỏng viên hỏi thêm: Đó là canh bạc gì? Ông đã trả lời: “Ai cũng rõ”<sup>1</sup>. Hẳn đúng là ai cũng rõ. Chính Jimmy Carter đã viết trong hồi ký của mình: “Bước đi với Trung Quốc có tầm quan trọng tối cao, cho nên sau vài tuần đánh giá, tôi quyết định hoãn cố gắng về Việt Nam cho đến khi ký hiệp định của chúng ta ở Bắc Kinh”<sup>2</sup>.

Có thể thấy, những ưu tiên chiến lược của Hoa Kỳ và những yêu cầu của Việt Nam đối với Hoa Kỳ về khắc phục hậu quả chiến tranh chưa được đáp ứng đã tác động nhất định đến tiến trình bình thường hóa quan hệ hai bên.

---

1. Bộ Ngoại giao: *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Sdd, tr.401.

2. Dẫn theo Trần Nam Tiến: *Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ: Thực trạng và triển vọng*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2010, tr.28.

Ngoài những trở ngại này thì những vết thương tình cảm, dù muốn hay không cũng là một thực tế phải thừa nhận. Trong một bài trả lời phỏng vấn khi đề cập những khó khăn trong tiến trình bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, Đại tướng Lê Đức Anh cho biết: “... Lúc đó giữa Việt Nam và Hoa Kỳ không có một kênh tiếp cận nào cả nên rất khó làm. Và lại, chiến tranh mới kết thúc hơn 10 năm, sự hận thù vẫn còn sâu sắc lắm. Không thể tiếp cận với nhau bằng chính trị, kinh tế... Bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ là chuyện khó ngay từ trong nội bộ ta lúc bấy giờ. Cán bộ và nhân dân ta chưa đồng tình. Hai mươi năm chiến tranh tàn khốc còn để lại bao vết thương trên cơ thể đất nước và trong tâm lý mọi người”<sup>1</sup>. Còn về phía Hoa Kỳ, “*Hội chứng Việt Nam*” vẫn âm ỉ và có thể bùng phát bất cứ lúc nào bởi nhiều nhóm chính trị có tư tưởng cực đoan khi nhắc đến việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Sau những nỗ lực tiến đến bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ không thành, cộng thêm “*vấn đề Campuchia*”<sup>2</sup> xuất hiện vào cuối năm 1978 đã trở thành lý do quan

---

1. Dẫn theo Sơn Thủy: “Bình thường hóa quan hệ: Đại lộ đầy chông gai”, <https://baoquocte.vn/binh-thuong-hoa-quan-he-dai-lo-day-chong-gai-14600.html>.

2. Sự kết nối của một chuỗi các sự kiện kể từ khi lực lượng Khmer Đỏ ở Campuchia đưa quân xâm nhập sâu vào lãnh thổ Việt Nam, gây nhiều tội ác man rợ đối với nhân dân ta đến khi Việt Nam đưa quân tình nguyện vào Campuchia theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết cứu quốc Campuchia để giúp nhân dân Campuchia chống lại chế độ diệt chủng của Khmer Đỏ.

trọng mà Hoa Kỳ vin vào đó để cắt đứt mọi nỗ lực nối lại quan hệ giữa hai nước.

Quan hệ giữa hai nước tiếp tục trong trạng thái thù địch cho đến nửa cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, bởi suy cho cùng, dù hai bên nỗ lực cải thiện quan hệ đến đâu thì những lực cản của Chiến tranh lạnh, nhất là lực cản ý thức hệ, tư duy đối ngoại khép kín theo “phe” vẫn khó có thể vượt qua. Bởi thế mà, khi quan hệ giữa các nước lớn có sự điều chỉnh trong nửa cuối thập niên 80 của thế kỷ XX thì Việt Nam và Hoa Kỳ có thêm những cơ hội để đến gần với nhau. Năm 1985, Liên Xô tiến hành cải tổ, quan hệ Hoa Kỳ - Liên Xô được cải thiện, trong khi đó, quan hệ Hoa Kỳ - Trung Quốc bị rạn nứt sau sự kiện Thiên An Môn (1989) nên tình hình thế giới có nhiều thay đổi. Ở khu vực Đông Nam Á, tiến trình đi tìm giải pháp giải quyết “vấn đề *Campuchia*” giữa các nước Đông Dương và ASEAN có những chuyển biến tích cực. Quan trọng hơn, năm 1986, Việt Nam tiến hành đổi mới toàn diện. Ưu tiên chính sách đối ngoại của Việt Nam là “*thêm bạn bớt thù*” nên Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) đã chủ trương nêu: “Chính phủ ta tiếp tục bàn bạc với Mỹ giải quyết các vấn đề nhân đạo do chiến tranh để lại và sẵn sàng cải thiện quan hệ với Mỹ vì lợi ích của hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á”<sup>1</sup>. Những chủ trương này đã mở ra cơ hội để Việt Nam và Hoa Kỳ có

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.442-443.

những tiếp xúc trở lại vì Hoa Kỳ rất quan tâm vấn đề MIA. Chính các cuộc thương lượng tìm kiếm MIA trở thành “chất xúc tác”, cầu nối, giúp hai bên bắt đầu hợp tác giải quyết các vấn đề do chiến tranh để lại.

Tháng 7/1987, Đại tướng John Vessey - Đặc phái viên của Tổng thống Ronald Reagan sang Việt Nam để bàn về vấn đề người Mỹ mất tích. Hoa Kỳ có phần tỏ ra mềm dẻo với Việt Nam. Tuy nhiên, để đi đến bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, phía Hoa Kỳ vẫn đưa ra điều kiện tiên quyết là Việt Nam phải rút quân khỏi Campuchia. Bởi thế, tháng 9/1989, sau khi hoàn thành nhiệm vụ giúp nước bạn ổn định tình hình, Việt Nam rút toàn bộ lực lượng tình nguyện của mình ra khỏi Campuchia. Động thái này được Hoa Kỳ nhìn nhận tích cực nên Hoa Kỳ tuyên bố rút lui việc ủng hộ Campuchia dân chủ ở Liên hợp quốc và sẵn sàng đối thoại với Việt Nam về “*vấn đề Campuchia*”. Sau tuyên bố này, những cuộc tiếp xúc ngoại giao giữa hai nước, kể cả cấp bộ trưởng để bàn về những vấn đề mà hai bên cùng quan tâm đã diễn ra.

Cùng với đó, những thay đổi của tình hình thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt đã mang lại nhiều cơ hội khiến cho những trở ngại trong việc bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ từng bước được loại bỏ. Đưa mối quan hệ hai quốc gia từ trạng thái “*bất bình thường*” sang trạng thái “*bình thường*” là nguyện vọng của nhân dân hai nước và phản ánh sự theo kịp của cả Việt Nam và Hoa Kỳ trước những bước phát triển mới của tình hình thế giới và khu vực. Song, bình thường hóa quan hệ



Việt Nam - Hoa Kỳ là một quá trình lâu dài, đầy chông gai, như cách nói của Thượng nghị sĩ John Kerry: “Đó là cả một quá trình vất vả, đòi hỏi cả tầm nhìn, nỗ lực và đồng thuận của cả hai bên”<sup>1</sup>.

Với phương châm “*Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*”, trong quan hệ với Hoa Kỳ, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định phải “thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ”<sup>2</sup>, bởi “vấn đề quan hệ bình thường giữa Việt Nam với Hoa Kỳ là vấn đề tồn tại lớn nhất trên bản đồ ngoại giao của Việt Nam hiện nay - và cũng là chướng ngại lớn nhất cho việc thực hiện chính sách đối ngoại mở cửa, đa dạng hóa và đa phương hóa của Việt Nam”<sup>3</sup>. Do đó, khai thông mối quan hệ này cũng đồng nghĩa với những chướng ngại đối với chính sách đối ngoại rộng mở của chúng ta được loại bỏ.

Vậy nên, với quan niệm chung cho rằng, các vấn đề nhân đạo phải tách khỏi các vấn đề chính trị, Việt Nam đã hợp tác trong nhiều chương trình để giải quyết vấn đề MIA, con lai, đoàn tụ gia đình theo chương trình ra đi có

---

1. John Kerry: “Quan hệ Việt - Mỹ 15 tuổi: Thành tựu và triển vọng”, <https://baoquocte.vn/quan-he-viet-my-15-tuoi-thanh-tuu-va-trien-vong-14599.html>.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.48.

3. Bộ Ngoại giao: *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Sđd, tr.112.

trật tự (ODP)... và luôn sẵn sàng thảo luận với Hoa Kỳ về những vấn đề hai bên quan tâm để đi đến bình thường hóa quan hệ hai nước. Trong giai đoạn 1974 - 1992, Việt Nam đã trao cho Hoa Kỳ hơn 300 bộ hài cốt lính Mỹ<sup>1</sup>. Kết quả tích cực này đã góp phần đẩy nhanh hơn quá trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Về phía Hoa Kỳ, qua những bước thăng trầm trong quan hệ với Việt Nam, nhiều người Mỹ dần nhận ra rằng chính sách cấm vận của Hoa Kỳ với Việt Nam cũng mang lại những tác động tiêu cực cho chính họ. Bởi thế, bình thường hóa quan hệ với Việt Nam là bước đi cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để giải quyết triệt để vấn đề MIA, chấm dứt những bất đồng, chia rẽ sâu sắc trong xã hội Hoa Kỳ. Hoa Kỳ bắt đầu việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam từ việc đưa ra bản lộ trình gồm bốn giai đoạn (tháng 4/1991), xuất phát từ chính những quan điểm riêng của Hoa Kỳ nhưng phần nào cũng cho thấy Hoa Kỳ có thiện chí và nhu cầu, mong muốn bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Ngoài ra, Hoa Kỳ cũng có nhiều hành động khác thể hiện thiện chí như: Mở văn phòng đại diện ở Hà Nội để giải quyết vấn đề MIA cùng với Việt Nam (tháng 7/1991); tuyên bố viện trợ cho Việt Nam 1,3 triệu USD để lấp chân tay giả cho thương binh và các vấn đề nhân đạo (tháng 9/1991); tuyên bố hủy bỏ lệnh cấm du lịch có tổ chức vào Việt Nam (tháng 12/1991); công bố viện

---

1. Xem Mark E. Manyin: "The Vietnam - U.S. Normalization Process", <https://www.fas.org/sgp/crs/row/IB98033.pdf>, 2005, p.3.

trợ cho Việt Nam 3 triệu USD để đáp lại thiện chí của Việt Nam trong vấn đề POW/MIA; tuyên bố nói lỏng thêm lệnh cấm vận đối với Việt Nam (12/1992)...<sup>1</sup>. Những động thái trên của Hoa Kỳ cùng với đường lối, quan điểm nhất quán của Việt Nam xuất phát từ thiện chí sẵn sàng khép lại quá khứ, hướng đến tương lai và luôn sẵn sàng thảo luận với Hoa Kỳ về tất cả những gì hai bên cùng quan tâm để đi đến bình thường hóa quan hệ giữa hai nước đã tạo đà thúc đẩy quá trình bình thường hóa diễn ra mạnh mẽ khi B. Clinton nhậm chức Tổng thống Hoa Kỳ (1993).

Một loạt các động thái tích cực nhằm bình thường hóa quan hệ với Việt Nam được chính quyền Clinton thúc đẩy như tuyên bố Hoa Kỳ không phản đối việc các nước trong cộng đồng quốc tế hỗ trợ Việt Nam trả nợ Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) các khoản nợ quá hạn (tháng 7/1993); nói lỏng thêm lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam (tháng 9/1993); chính thức bãi bỏ lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam và đồng ý mở cơ quan liên lạc giữa hai nước (tháng 02/1994)... Đáp lại những thiện chí của Hoa Kỳ, Việt Nam đồng ý cho ba nhân viên ngoại giao Hoa Kỳ được ở Thủ đô Hà Nội trong sứ mệnh giải quyết vấn đề MIA (tháng 7/1993); quan chức ngoại giao Hoa Kỳ Scot Marciel được phép thường trú tại Hà Nội (tháng 8/1993); tích cực hợp tác tìm kiếm quân nhân Hoa Kỳ bị mất tích trong chiến tranh...

---

1. Xem Trần Nam Tiến: *Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ: Thực trạng và triển vọng*, Sđd, tr.35-36.

Cột mốc lớn trong tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ là ngày 06/10/1993, Phó Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải đã đến Washington và gặp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ Warren Christopher. Trong cuộc gặp này, phía Hoa Kỳ tuyên bố giữa Hoa Kỳ và Việt Nam không còn tình trạng chiến tranh và Hoa Kỳ không còn coi Việt Nam là kẻ thù. Đây là cơ sở để sau đó Thượng viện Hoa Kỳ thông qua đề nghị của Tổng thống B. Clinton về việc bãi bỏ hoàn toàn lệnh cấm vận đối với Việt Nam với đa số phiếu thuận (tháng 01/1994). Quyết định này của Thượng viện Hoa Kỳ đã cho phép Tổng thống B. Clinton rộng đường hơn trong việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.

Ngày 03/02/1994, Tổng thống B. Clinton tuyên bố bãi bỏ cấm vận thương mại đối với Việt Nam và đề nghị trao đổi văn phòng đại diện hai nước tại hai thủ đô. Giữa tháng 5/1995, Tổng thống B. Clinton cử phái đoàn do Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao Winston Lord dẫn đầu sang Việt Nam và trao đổi ý kiến về những vấn đề liên quan đến quan hệ giữa hai nước. Tháng 6/1995, Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ gửi thư cho Tổng thống B. Clinton đề nghị xem xét vấn đề bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.

Cuối cùng, những nỗ lực của chính quyền, các cá nhân, tổ chức tư nhân, phi chính phủ nhằm hướng đến một thời kỳ quan hệ mới giữa hai bên đã được đền đáp xứng đáng. Sau 20 năm chiến tranh kết thúc, ngày 11/7/1995 (ngày 12/7/1995 theo giờ Việt Nam), Tổng thống Hoa Kỳ B. Clinton và Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt

tuyên bố về việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Sự kiện này đã “gác lại quá khứ và mở ra một chương mới trong lịch sử hai nước”<sup>1</sup>.

Như vậy, tiến trình bình thường hóa quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ là một chặng đường không đơn giản, trải qua nhiều khúc quanh, nhưng rồi, vì lợi ích của nhân dân hai nước và phù hợp với xu thế phát triển mới của tình hình thế giới và khu vực sau Chiến tranh lạnh, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ chính thức bước sang một trang mới, cùng hợp tác, cùng phát triển, khép lại một thời kỳ dài đối đầu.

Mặc dù quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đã chuyển sang trạng thái “bình thường” nhưng *trong suốt 25 năm qua, rõ ràng, những “dấu ấn” từ mối quan hệ đối đầu trong quá khứ, từ di sản của một cuộc chiến tranh đẫm máu nhất của thế kỷ XX vẫn luôn là một trong những nhân tố có tác động đáng kể đến quan hệ hai nước*. Cuộc chiến khốc liệt ấy đã để lại những vết thương không thể xóa nhòa trong lịch sử mỗi nước. Những di sản của quá khứ đẫm máu vẫn như một màn sương che phủ, ẩn hiện đâu đó trong mối quan hệ song phương này. Bằng chứng là, “tại Quốc hội Hoa Kỳ, trong cuộc họp hàng năm trước đây về việc kéo dài miễn áp dụng luật Jackson-Vanik với Việt Nam, vẫn

---

1. Phạm Gia Khiêm: “Đối tác hữu nghị, xây dựng, hợp tác toàn diện hướng tới tương lai”, <https://baoquocte.vn/doi-tac-huu-nghi-xay-dung-hop-tac-toan-dien-huong-toi-tuong-lai-14601.html>.

có những tiếng nói chống lại việc bình thường hóa và cải thiện quan hệ với Việt Nam. Dù nhóm phản đối này không hoàn toàn đồng nhất với nhau về nguyên nhân song phần nhiều là xuất phát từ gánh nặng của quá khứ. Điều này cũng dẫn đến việc phía Hoa Kỳ không chịu thừa nhận những việc làm trong cuộc chiến tranh, đặc biệt là hậu quả chất độc da cam - dioxin<sup>1</sup>. Ở Hoa Kỳ, nhiều người còn nhìn Việt Nam như một cuộc chiến tranh, một đất nước thiếu dân chủ, nhân quyền... Còn về phía Việt Nam, chiến tranh đã lùi xa vào quá khứ nhưng những hậu quả, vết thương mà cuộc chiến ấy để lại vẫn cần nhiều thời gian nữa mới có thể giải quyết, hàn gắn. Hơn thế nữa, Việt Nam cũng không thể mơ hồ về mục tiêu mang tính dài hạn của Hoa Kỳ đối với Việt Nam là tiến hành “*diễn biến hòa bình*”, lật đổ chế độ. Mặt khác, trong số những người Việt ra đi sau chiến tranh hiện đang định cư tại Hoa Kỳ, bên cạnh những người đang hướng về Tổ quốc, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước thì vẫn có một bộ phận không nhỏ lại mang lòng hận thù đối với chính “quê cha đất tổ” do cách hiểu sai lệch về quá khứ, về lịch sử nên thường xuyên có những hành động chống phá, kêu gọi Chính phủ Hoa Kỳ chống lại Việt Nam.

Tóm lại, lịch sử quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ là một trong những nhân tố có tác động đến quá trình phát triển

---

1. Tạ Minh Tuấn: “Quan hệ Việt - Mỹ: Những thách thức trong nhiệm kỳ của Tổng thống Obama”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 4 (133), 2009, tr.29.

của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong 25 năm qua và thậm chí cả những năm tới nữa. Dù hai nước đã đi một chặng đường dài từ mối quan hệ đối đầu sang *đối tác hợp tác toàn diện* nhưng những ký ức của chiến tranh vẫn “*đeo bám*” chính sách của mỗi bên đối với nhau. Đường như “Hội chứng Việt Nam” ở Hoa Kỳ và “Hội chứng Hoa Kỳ” ở Việt Nam được hình thành trong nhiều năm chiến tranh là một rào cản khá lớn đối với quan hệ hai nước mà có nhà nghiên cứu đã nhận định: “Nếu bên kia có hội chứng sau Việt Nam, thì ở bên này có hội chứng sau Mỹ”<sup>1</sup>. Để vượt qua nó, vẫn cần thêm nhiều thời gian và đòi hỏi cả hai bên phải nỗ lực vượt bậc hơn nữa.

## **2. Nhân tố địa - chiến lược**

Địa - chiến lược được hiểu là nhân tố địa lý ảnh hưởng đến chiến lược của một quốc gia. Nó là yếu tố không thể thay đổi, không thể thoái thác, chỉ làm sao vận dụng nó một cách tối ưu để quốc gia sinh tồn, phát triển và phú cường. Trong khi đó, địa - chính trị phản ánh sự kết hợp giữa các nhân tố chính trị và địa lý, nhấn mạnh tác động của địa lý đối với chính trị trong quan hệ đối ngoại. Thế nên, địa - chiến lược thường quan tâm tới các biện pháp thích hợp nhằm tận dụng các nguồn lực phục vụ cho các

---

1. Đặng Phong: *21 năm viện trợ Mỹ ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu khoa học thị trường giá cả, Hà Nội, 1991, tr.4. Dẫn theo: Lê Viết Hùng: *Quan hệ kinh tế Hoa Kỳ - Việt Nam (2000 - 2012)*, Nxb. Đại học Huế, 2018, tr.51.

mục tiêu địa - chính trị<sup>1</sup>. Bởi thế, một điều tất yếu là, những quốc gia nào có lợi thế về địa - chiến lược đều có thể sử dụng nó để làm phương tiện thúc đẩy các mối quan hệ đối ngoại rộng mở.

Đông Nam Á là khu vực có vị trí địa lý hết sức quan trọng, vẫn được ví như “*ngã tư đường*” hay “*ống thông gió*”. Khu vực này án ngữ trên tuyến đường hàng hải thuận tiện nhất từ Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương, đồng thời nắm giữ một trong những tuyến đường buôn bán chủ chốt trên toàn cầu - tuyến đường qua Biển Đông (*trong 10 tuyến đường biển lớn nhất quốc tế hiện nay, có 5 tuyến đi qua và liên quan đến Biển Đông. Hơn 90% lượng vận tải thương mại của thế giới thực hiện bằng đường biển thì 45% trong số đó phải đi qua vùng Biển Đông*). Nằm ở trung tâm Biển Đông, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là những vị trí có nhiều tuyến đường biển nhất trên thế giới<sup>2</sup>. Ngoài ra, Đông Nam Á có 4 trong 16 eo biển chiến lược của thế giới (Malacca, Lombok, Sunda, Ombai - Wetar). Đặc biệt, Malacca<sup>3</sup> - eo biển

---

1. Xem “Cuộc cờ Biển Đông dưới cái nhìn địa - chiến lược”, *Tlđđ*.

2. Xem Trần Bông (Giới thiệu): “Biển Đông: Địa chiến lược và tiềm năng kinh tế”, <http://nghiencuubiendong.vn/tong-quan-ve-bien-dong/504-bien-dong-dia-chien-luoc-va-tiem-nang>.

3. Mỗi ngày có 15,2 triệu thùng dầu được chở qua eo biển Malacca (gấp 15 lần qua kênh đào Panama, hơn 5 lần qua kênh đào Suez), U.S. Energy Information Administration: “World Oil Transit Chokepoints Critical to Global Energy Security”, <http://www.eia.gov/todayinenergy/detail.cfm?id=18991>.



nhận nhiệm vụ thứ hai trên toàn cầu (sau eo biển Hormuz), vẫn được ví như “yết hầu” của thế giới. Nếu khủng hoảng nổ ra ở eo biển này, các loại tàu biển phải đi đường mới hoặc vòng qua nam Ôxtrâyliia thì cước phí vận tải thậm chí sẽ tăng gấp 5 lần và không còn đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Do đó, đây là vùng biển hết sức quan trọng đối với tất cả các nước trong khu vực, cũng như các nước bên ngoài có liên quan về địa - chiến lược, an ninh, giao thông hàng hải và kinh tế. Không những thế, từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc cho đến nay, với sự phát triển năng động, vượt trội, ASEAN ngày càng có vai trò quan trọng hơn trên bàn cờ địa - chiến lược của các nước lớn.

Việt Nam là quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á, có vị trí địa lý quan trọng do nằm trên điểm nối giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á, nằm trải dài trên bờ Biển Đông với nhiều tuyến vận tải quan trọng, có tiềm năng lớn cho phát triển kinh tế - xã hội nên có thể có tầm ảnh hưởng khu vực. Vị trí địa - chiến lược của Việt Nam đã được Giáo sư P. Pozner người Nga đánh giá: “Ai kiểm soát được Việt Nam thì người đó sẽ kiểm soát được cả Đông Nam Á”<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, chính sự liên kết Trung Quốc cũng là một trong những yếu tố làm cho vị trí địa lý của Việt Nam trở nên “nhạy cảm”. Trước đây, để tìm đường vào Trung Quốc,

---

1. Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: “Ai kiểm soát được Việt Nam, người đó kiểm soát cả Đông Nam Á”, tạp chí *Những vấn đề chính trị - xã hội*, số 46, 2006, tr.31.

Pháp đã xâm lược Việt Nam (1858) và sau đó, để ngăn chặn ảnh hưởng của phe xã hội chủ nghĩa và Trung Quốc, Hoa Kỳ đã gây ra cuộc chiến đẫm máu tại Việt Nam (1954 - 1975). Những năm gần đây, kinh tế Việt Nam và khu vực phát triển cũng như tiềm năng dầu mỏ, tầm quan trọng của các tuyến hàng hải qua Biển Đông được ghi nhận khiến Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có vị trí địa - chính trị quan trọng bậc nhất trong khu vực và trên thế giới<sup>1</sup>. Vì thế, Việt Nam trở thành nơi giao thoa lợi ích quốc gia của nhiều nước lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ...

Trung Quốc muốn mở rộng quan hệ với Việt Nam để gia tăng nhanh hơn ảnh hưởng của họ đối với ASEAN. Còn Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ, Liên Minh châu Âu (EU) bên cạnh việc cải thiện, tăng cường quan hệ với Việt Nam để ngày càng can dự sâu hơn vào các vấn đề của khu vực Đông Nam Á, còn ra sức “lôi kéo” Việt Nam để kiềm chế sức ảnh hưởng ngày càng lớn của Trung Quốc tại khu vực và trên thế giới. Tình huống này đang làm cho Việt Nam có “đòn bẩy” chiến lược hết sức có giá trị. Tuy nhiên, ở một góc độ khác, có thể thấy, chính vị trí địa - chiến lược quan trọng và bối cảnh địa - chính trị trong khu vực đang thay đổi lại tạo ra không ít thách thức to lớn cho

---

1. Xem Bắc Hà: “Vị trí địa chính trị của Việt Nam với đường lối quốc phòng”, <http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-vn/61/43/chong-dien-bien-hoa-binh/vi-tri-dia-chinh-tri-cua-viet-nam-voi-duong-loi-quoc-phong/351475.html>.

Việt Nam, kể cả nguy cơ tác động đến độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần phải tăng cường hơn nữa nội lực cũng như tranh thủ các yếu tố ngoại lực để phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia. Đây cũng chính là một trong những cơ sở để Việt Nam triển khai chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ, coi trọng quan hệ với các nước lớn và cân bằng quan hệ giữa họ.

Rõ ràng, tại khu vực Đông Nam Á, vị trí địa - chiến lược của Việt Nam là một yếu tố mà Hoa Kỳ không thể bỏ qua trong cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc trong khu vực. Do đó, Hoa Kỳ không có lý do gì mà không cần có Việt Nam như một đối tác thân thiện tại khu vực. Hơn nữa, Việt Nam ngày càng đóng vai trò tích cực hơn trong ASEAN nên trong tổng thể chiến lược của Hoa Kỳ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, mức độ quan tâm của Hoa Kỳ đối với Việt Nam có chiều hướng gia tăng. Chắc chắn, một Việt Nam đổi mới, mở cửa, phát triển và phần nào đó “*thân thiện*” với Hoa Kỳ sẽ mang lại cho Hoa Kỳ những giá trị chiến lược nhất định. Điều đó đã dẫn đến điều chỉnh quan trọng nhất trong chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam là tăng cường và mở rộng hợp tác nhiều mặt với Việt Nam. Phần nữa, trong tư duy chiến lược của các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc đến nay, có một điều gần như tất yếu, đó là thế giới thì đơn cực nhưng châu Á phải đa cực để không có bất cứ quốc gia nào trong và kể cả ngoài khu vực có ảnh hưởng bao trùm tại đây, vì điều đó vô cùng bất lợi cho Hoa Kỳ. Liệu

Hoa Kỳ còn có cách nào hiệu quả hơn để kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc - nhân tố đang đe dọa vị trí siêu cường thế giới của Hoa Kỳ - là tạo ra những xung lực vành đai quanh Trung Quốc bằng cách liên kết với các đồng minh, đối tác của Hoa Kỳ và các đối thủ, đối thủ tiềm tàng của Trung Quốc?

Không thể phủ nhận, sự biến động tình hình địa - chính trị của khu vực tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam thực hiện chính sách ngoại giao đa dạng hóa, đa phương hóa, mở rộng, nâng cấp quan hệ đối tác với các nước trên thế giới, nhất là với các nước lớn. Chính vị trí địa - chiến lược đặc biệt quan trọng trong khu vực Đông Nam Á của Việt Nam trở thành động lực thúc đẩy cả Việt Nam và Hoa Kỳ dần định hình các tính toán chiến lược hướng về nhau của mỗi bên. Dù không nói trước được điều gì bởi trong quá khứ các động lực chiến lược đã từng đưa Việt Nam và Hoa Kỳ đối địch nhau nhưng dù sao trong bối cảnh sau Chiến tranh lạnh, nhân tố địa - chiến lược là “*chất xúc tác*” quan trọng thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đến gần với nhau hơn nên quan hệ hai nước cũng luôn chịu tác động nhiều chiều từ những chuyển động của nhân tố địa - chiến lược trong khu vực.

### III- NHU CẦU HỢP TÁC VÀ VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM, HOA KỲ TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA NHAU

Từ những phân tích về các nhân tố tác động đến quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ như ở trên, có thể thấy nhu cầu hợp

tác giữa Việt Nam - Hoa Kỳ thời gian qua là luôn có *nhưng nhu cầu của mỗi bên phụ thuộc vào điều kiện cụ thể và không bao giờ vượt quá được điều kiện cho phép* dù mong muốn của hai bên có lớn đến đâu đi chăng nữa. Đó chính là không gian phát triển. *Việt Nam có nhu cầu phục vụ lợi ích xây dựng Tổ quốc trong thiết lập, mở rộng quan hệ với Hoa Kỳ. Hoa Kỳ cũng có nhu cầu về lợi ích, đảm bảo khu vực lợi ích không bị xâm phạm. Lợi ích của Hoa Kỳ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương là lợi ích về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng. Cũng chính vì thế mà họ thúc đẩy hợp tác với Việt Nam*<sup>1</sup>.

### **1. Nhu cầu hợp tác của Việt Nam với Hoa Kỳ và vị trí của Hoa Kỳ trong chính sách đối ngoại của Việt Nam**

Đối với Việt Nam, mở rộng quan hệ với tất cả các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Hoa Kỳ là một trong những ưu tiên của chính sách đối ngoại Việt Nam. Sau khi bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, Việt Nam chủ trương chuyển chính sách từ đối đầu sang hợp tác và đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình với Hoa Kỳ. Thúc đẩy quan hệ với cường quốc kinh tế, khoa học và công nghệ hàng đầu thế

---

1. Xem Khổng Hà: “Khẳng định khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ là đối tác toàn diện”, <http://cand.com.vn/Binh-luan-quoc-te/Khang-dinh-khuon-kho-hop-tac-Viet-Nam-Hoa-Ky-la-doi-tac-toan-dien-357918/>.

giới như Hoa Kỳ sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam. Là một quốc gia đang phát triển, *Việt Nam rất cần thị trường, vốn, khoa học công nghệ và phương thức quản lý của Hoa Kỳ để phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển đất nước*. Chẳng hạn, việc đầu tư từ các tập đoàn công nghệ cao của Hoa Kỳ như Intel đã mở đường cho các nhà đầu tư nước ngoài muốn giúp Việt Nam vươn lên tầm cao mới trong chuỗi giá trị và tạo dựng một nền kinh tế sáng tạo, hiệu quả<sup>1</sup>. Mặt khác, Hoa Kỳ đóng vai trò chi phối trong nhiều tổ chức quốc tế và trong quan hệ với các nước nên việc *phát triển quan hệ với Hoa Kỳ sẽ tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập vào cộng đồng quốc tế rộng rãi hơn*. Không chỉ vậy, *việc tạo lập quan hệ tốt với Hoa Kỳ giúp Việt Nam duy trì sự ổn định, hòa bình và thịnh vượng không chỉ cho Việt Nam mà còn cho cả khu vực Đông Nam Á*.

Hơn nữa, trước những áp lực to lớn trong bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, *Việt Nam nhận thấy Hoa Kỳ là đối tác cần được ưu tiên bởi Hoa Kỳ hiện là cường quốc duy nhất có khả năng thách thức, kiềm chế hiệu quả tham vọng quân sự của Trung Quốc - tức là một đối trọng cân bằng được sức mạnh của Trung Quốc*. Vậy nên, trong chính sách đối ngoại cân bằng giữa các nước lớn của Việt Nam, Hoa Kỳ là một nhân tố không thể không

---

1. Xem Lê Hồng Hiệp: “Việt Nam trong cuộc chơi quyền lực Mỹ - Trung”, <http://nghiencuuquocte.net/2014/06/17/viet-nam-trong-cuoc-choi-quyen-luc-my-trung/#sthash.dATu2a7M.dpuf>.

tính đến, thắt chặt quan hệ với Hoa Kỳ giúp Việt Nam nâng cao vị thế trong quan hệ với các nước lớn khác.

Bên cạnh đó, những quan điểm, chính sách của Hoa Kỳ trong giải quyết tranh chấp ở Biển Đông là theo hướng có lợi cho Việt Nam, ít nhất trong thời gian trước mắt. Nói như vậy không có nghĩa là Việt Nam sẽ liên minh hay trở thành đồng minh của Hoa Kỳ. Vấn đề đặt ra là Việt Nam cần tận dụng những mặt tích cực trong thái độ của Hoa Kỳ đối với khu vực Đông Nam Á để cụ thể hóa hơn nữa những biên độ trong quan hệ với Hoa Kỳ. Việt Nam cần nhận thức rõ việc Hoa Kỳ can dự vào tranh chấp Biển Đông không phải chỉ là hòa bình hay tự do hàng hải, mà dường như tranh chấp còn đang được siêu cường này sử dụng như một công cụ tiện lợi để kiểm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc ở tầm khu vực và trên phạm vi toàn cầu. Và như vậy, vô hình trung, động thái của Hoa Kỳ rõ ràng phù hợp với lợi ích của Việt Nam, tức là đưa tranh chấp với Trung Quốc ra lớp ngoài cùng để hóa giải sức mạnh vượt trội hơn của Trung Quốc. Sự tham gia của Hoa Kỳ dù là gián tiếp cũng có thể buộc Trung Quốc phải hành động thận trọng hơn và ít sẵn sàng sử dụng vũ lực hơn. Ngoài ra, toan tính chiến lược của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc cũng sẽ làm giảm áp lực trong vấn đề nhân quyền đối với Việt Nam và tạo cơ hội thúc đẩy quan hệ song phương bước lên tầm cao mới<sup>1</sup>.

---

1. Xem “Cuộc cờ Biển Đông dưới cái nhìn địa - chiến lược”, *Tlđđ*.

Không chỉ vậy, hợp tác quốc phòng - an ninh với Hoa Kỳ phần nào giúp Việt Nam nâng cao khả năng và tính chuyên nghiệp của các lực lượng quân đội, an ninh, góp phần vào giải quyết các vấn đề an ninh, cũng như từng bước để Việt Nam có thể đóng vai trò lớn hơn đối với an ninh khu vực.

Như vậy, có thể thấy, nhu cầu hợp tác và việc xác định vị trí ưu tiên của mỗi nước dành cho nhau trong chính sách đối ngoại khi có sự giao thoa lợi ích là nhân tố quan trọng thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ phát triển trong thời gian qua cũng như sẽ tiếp tục chi phối mối quan hệ này trong những năm tới.

## **2. Nhu cầu hợp tác của Hoa Kỳ với Việt Nam và vị trí của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ**

Trước hết, thúc đẩy quan hệ với Việt Nam sau khi bình thường hóa quan hệ sẽ mang lại cho Hoa Kỳ cơ hội xóa bỏ những mâu thuẫn trong nội bộ như giải quyết những hậu quả chiến tranh, thoát khỏi “*Hội chứng Việt Nam*”, tìm kiếm những người Hoa Kỳ mất tích trong chiến tranh... là những vấn đề mà người dân và các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ rất quan tâm và cần phải giải quyết.

Kế đó, là một siêu cường, mục tiêu chiến lược trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ là củng cố, duy trì vị trí lãnh đạo thế giới trên cơ sở những ưu thế về cả “sức mạnh cứng” lẫn “sức mạnh mềm”. Hiện nay, Hoa Kỳ vẫn là nền kinh tế lớn nhất thế giới. GDP của Hoa Kỳ năm 2018 là



hơn 20.544 tỉ USD, chiếm 23,9% GDP của thế giới<sup>1</sup>. Hoa Kỳ vẫn tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong các thiết chế kinh tế, tài chính, thương mại chủ chốt của thế giới như IMF, Ngân hàng thế giới (WB), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)... cũng như luôn đi đầu trong việc xây dựng một nền kinh tế mới - nền kinh tế tri thức. Hoa Kỳ còn là thị trường xuất khẩu lớn của nhiều nước. Rõ ràng, kinh tế Hoa Kỳ vẫn là nền kinh tế đầu tàu không thể thiếu trong nền kinh tế toàn cầu nên nhờ sức mạnh kinh tế, Hoa Kỳ vẫn có ảnh hưởng chính trị lớn trên thế giới. Tuy nhiên, kinh tế Hoa Kỳ dù mạnh nhưng không phải không có khó khăn lớn. Hiện Hoa Kỳ đang mất dần vai trò là động lực chính của kinh tế thế giới. Kinh tế nước này đang phải đối mặt với vấn đề lạm phát cao, tăng trưởng thấp. Tính đến tháng 5/2013, tổng nợ của Chính phủ Hoa Kỳ đã đạt tới giới hạn là 16,699 nghìn tỉ USD. Trong năm tài chính 2013 - 2014, tổng nợ công của Chính phủ Hoa Kỳ dự kiến đạt mức 75% GDP trong khi tỷ lệ này năm 2007 chỉ là 36%<sup>2</sup>. Thâm hụt thương mại lớn, thường khoảng hơn 700 tỉ USD mỗi năm. Hoa Kỳ thâm hụt thương mại với Trung Quốc năm 2012 là 315 tỉ USD trong tổng số 729,9 tỉ USD

---

1. Xem World Bank: “Gross domestic product 2018”, World Development Indicators Database, 23 December, 2019, <https://databank.worldbank.org/data/download/GDP.pdf>.

2. Xem Minh Nguyên: “Trần nợ công và nguy cơ nước Mỹ vỡ nợ”, [http://www.nhandan.com.vn/mobile/\\_mobile\\_thegioi/\\_mobile\\_nhandinhthulieu/item/21380802.html](http://www.nhandan.com.vn/mobile/_mobile_thegioi/_mobile_nhandinhthulieu/item/21380802.html).

thâm hụt thương mại của Hoa Kỳ<sup>1</sup> và năm 2018, thâm hụt thương mại của Hoa Kỳ với Trung Quốc tăng lên đến mức 419,2 tỉ USD<sup>2</sup>.

Do đó, sau khi lên nắm quyền, Tổng thống Donald Trump chủ trương thực hiện chính sách bảo hộ mậu dịch và Hoa Kỳ đã liệt Việt Nam vào danh sách 16 quốc gia mà nước này có thâm hụt thương mại lớn; rút Hoa Kỳ ra khỏi TPP - Hiệp định hợp tác mà Việt Nam được đánh giá là sẽ được hưởng lợi lớn nhất. Rõ ràng, những hành động này của Hoa Kỳ được cho là bất lợi đối với Việt Nam nên ít nhiều gây ra những quan ngại cho Việt Nam. Dù vậy, Hoa Kỳ vẫn tiếp tục có nhu cầu tăng cường quan hệ kinh tế với Việt Nam vì làm ăn buôn bán với Việt Nam vẫn luôn mang lại lợi ích cho Hoa Kỳ. Hoa Kỳ cung cấp cho Việt Nam các sản phẩm công nghệ và thu lợi nhuận, hay Hoa Kỳ có thể nhận được các hàng hóa giá rẻ do lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên và lực lượng lao động dồi dào từ phía Việt Nam. Những cơ hội về thương mại, đầu tư mà các doanh nghiệp Hoa Kỳ có được khi thâm nhập vào thị trường Việt Nam ngoài đem lại lợi nhuận, việc làm còn tạo ra cho Hoa Kỳ những lợi thế mới trong cạnh tranh kinh tế toàn cầu hiện nay. Trong báo cáo trình Nghị viện Hoa Kỳ,

---

1. Xem Đài Truyền hình Việt Nam: Thời sự VTV1, 19 giờ, ngày 20/12/2013.

2. Xem Office of the United States Trade Representative: “U.S.-China Trade Facts”, <https://ustr.gov/countries-regions/china-mongolia-taiwan/peoples-republic-china>.

chuyên gia Brock R. Williams khẳng định: “Với dân số có ý nghĩa và nền kinh tế tăng trưởng nhanh, Việt Nam sẽ đóng vai trò tiềm năng lớn trong quan hệ với Hoa Kỳ trong giai đoạn tiếp sau”<sup>1</sup>. Rõ ràng, thị trường Việt Nam là hiện hữu tiềm năng cho các doanh nghiệp Hoa Kỳ tham gia kinh doanh buôn bán. Khi chiến tranh thương mại giữa Hoa Kỳ với Trung Quốc diễn ra, thậm chí Tổng thống D. Trump còn kêu gọi các doanh nghiệp Hoa Kỳ chuyển hướng đầu tư kinh doanh sang Việt Nam. Như vậy, lợi ích kinh tế vẫn là nhân tố then chốt để hai bên thúc đẩy quan hệ phát triển hơn nữa.

Mặt khác, dưới góc độ an ninh, những bất ổn an ninh trên thế giới, nhất là tại những khu vực mà Hoa Kỳ xác định là có lợi ích chiến lược đang đặt ra nhiều vấn đề mà Hoa Kỳ cần quan tâm giải quyết. Trong bối cảnh lợi ích của Hoa Kỳ đang bị đe dọa bởi một đối thủ tiềm tàng nhưng hết sức quyết liệt như Trung Quốc, Hoa Kỳ có chiều hướng nhìn nhận Việt Nam là một lực lượng quan trọng đóng góp vào trật tự an ninh đang nổi lên ở châu Á - Thái Bình Dương. Hoa Kỳ đã coi việc củng cố quan hệ với Việt Nam là “một trụ cột trong sự hiện diện của Hoa Kỳ ở khu vực (Thái Bình Dương) và sự tham gia của Hoa Kỳ trong các thể chế đa phương ở

---

1. Đỗ Phú Hải: “Thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao: Hiện trạng, những vấn đề đặt ra và triển vọng”, tạp chí *Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, số 6 (31), 2015, tr.35.

châu Á - Thái Bình Dương”<sup>1</sup>. Bởi thế, lần đầu tiên trong Báo cáo Quốc phòng 2010 (QDR-2010), Hoa Kỳ xác định Việt Nam là nước cần xây dựng quan hệ chiến lược mới cùng với Indônêxia, Malaixia nhằm giải quyết các vấn đề khu vực (chống khủng bố, chống buôn bán ma túy, ủng hộ các hoạt động trợ giúp nhân đạo trong khu vực).

Và dưới góc độ chiến lược, Hoa Kỳ tăng cường quan hệ sâu rộng với Việt Nam vì những lợi ích chiến lược lâu dài. Hoa Kỳ nhận thấy Việt Nam có vai trò ngày càng quan trọng tại khu vực, muốn Việt Nam đóng vai trò quốc tế lớn hơn và hợp tác với Hoa Kỳ nhiều hơn trong các vấn đề quốc tế và khu vực. Quan điểm tích cực này về Việt Nam đã khuyến khích Hoa Kỳ thúc đẩy mối quan hệ gần gũi hơn giữa hai nước. Đồng thời, khi Hoa Kỳ đưa ra chiến lược “*Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và mở rộng*”, Việt Nam còn được đánh giá là trái tim của khu vực Ấn - Thái. Mặt khác, chính những đòi hỏi và thái độ của Trung Quốc ở Biển Đông đang dẫn đến một sự hội tụ lợi ích chiến lược giữa Hoa Kỳ và Việt Nam, dẫn đến việc hai bên tích cực tăng cường quan hệ. Bằng chứng là, kể từ khi bình thường hóa quan hệ đến nay, cả bốn tổng thống của Hoa Kỳ đều đã sang thăm Việt Nam. Không những thế, Hoa Kỳ cũng đã lựa chọn Việt Nam để tiến hành Hội nghị Thượng đỉnh Hoa Kỳ - Triều Tiên lần thứ hai (2019). Điều này đã thể hiện vai

---

1. Ngô Xuân Bình (Chủ biên): *Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ*, Sđd, tr.134.

trò nhất định của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ.

Thêm nữa, vị thế và sức mạnh của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới không ngừng được tăng lên. Vị trí của Việt Nam trong ASEAN ngày càng được khẳng định, củng cố. Trong khi đó, ASEAN ngày càng đóng vai trò quan trọng trong chính sách đối ngoại, an ninh, kinh tế của Hoa Kỳ. Ngày 27/9/2017, Hạ viện Hoa Kỳ đã thông qua Nghị quyết HRES 311 công nhận vai trò này của ASEAN<sup>1</sup>. Như vậy, với tư cách là một thành viên chủ động, tích cực và có trách nhiệm của ASEAN, Hoa Kỳ không thể không tính đến Việt Nam trong chính sách đối với khu vực Đông Nam Á nói chung và khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói riêng.

Tuy phát triển quan hệ với Việt Nam đem lại cho Hoa Kỳ các lợi ích chính trị, kinh tế, chiến lược đáng kể nhưng trong các trụ cột chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, trụ cột dân chủ, nhân quyền luôn chiếm một vị trí khá quan trọng. Đây là vấn đề nhạy cảm trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ vì hai nước có nền tảng chính trị, hệ tư tưởng khác nhau nên còn tồn tại nhiều khác biệt trong vấn đề này. Do vậy, đây được coi là một trong những nhân tố gây trở ngại lớn đối với tiến trình tăng cường quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Thế nhưng, ở một mức độ

---

1. Xem Phạm Thị Yên: “Quan hệ Việt - Mỹ thời kỳ chính quyền Donald Trump: Vấn đề và triển vọng”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 9 (234), 2017, tr.27-36, 31.

nhất định, chính những khác biệt này phần nào cũng đòi hỏi cả hai nước cần phải quan tâm hợp tác để giải quyết. Mặt khác, để đảm bảo các lợi ích chiến lược ở Việt Nam, lãnh đạo Hoa Kỳ cho rằng phải can dự và dính líu với Việt Nam bằng cách đưa Việt Nam vào quỹ đạo phát triển chung. Bởi thế, bên cạnh thúc đẩy quan hệ hợp tác với Hoa Kỳ, Việt Nam cũng cần hết sức tỉnh táo trước chiến lược “*diễn biến hòa bình*” của Hoa Kỳ và trong thực hiện chính sách trước đó là “*ba không*” trong quân sự (không tham gia các tổ chức liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác<sup>1</sup>) và từ tháng 11/2019 là “*bốn không*” (không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế<sup>2</sup>).

Như vậy, dù hoạch định chính sách đối với bất kỳ khu vực, quốc gia nào trên thế giới, Hoa Kỳ cũng luôn xuất phát từ lợi ích quốc gia nên chính sách với Việt Nam cũng vậy. Mục tiêu nhất quán trong chính sách của Hoa Kỳ với Việt Nam là tăng cường vị thế và ảnh hưởng của Hoa Kỳ,

---

1. Xem Bộ Quốc phòng: *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2009*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.18, 21, 22.

2. Xem Bộ Quốc phòng: *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2019, tr.25.

ngăn ngừa ảnh hưởng của các nước lớn khác đối với Việt Nam, nhất là Trung Quốc, phục vụ lợi ích chiến lược lâu dài của Hoa Kỳ ở khu vực Đông Nam Á nói riêng và châu Á - Thái Bình Dương nói chung. Vậy nên, vị thế và giá trị của Việt Nam trong chiến lược và chính sách của Hoa Kỳ đối với khu vực này tùy thuộc phần lớn vào những mâu thuẫn và lợi ích song trùng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

Tóm lại, 25 năm qua, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ chịu sự tác động của cả nhân tố nội tại và nhân tố khách quan, trong đó có nhân tố tác động thuận chiều, tức là thúc đẩy quan hệ hai bên phát triển, nhưng cũng có nhân tố không thuận chiều, tức là gây ra những cản trở, khó khăn, nhất là những vấn đề do lịch sử để lại và sự khác biệt trong cách nhìn nhận của Việt Nam cũng như Hoa Kỳ về vấn đề dân chủ, nhân quyền. Kể từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn cũng như những tác động của bối cảnh quốc tế và khu vực theo xu thế hòa bình, hợp tác đã tạo điều kiện cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ xích lại gần nhau và tiếp tục tạo tiền đề cho quan hệ hai nước trong giai đoạn mới. Việt Nam và Hoa Kỳ có nhiều điểm đồng trong việc củng cố, bảo vệ hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương. Mặt khác, trong bối cảnh những chuyển động địa - chính trị đang diễn ra mạnh mẽ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhân tố Trung Quốc có những tác động rất lớn đến quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Khi Trung Quốc tăng cường ảnh hưởng và hiện diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa... trong đời sống khu vực và quốc tế

thì Trung Quốc càng có những tác động mạnh đến những lợi ích cốt lõi của Việt Nam (bởi sự gần gũi về địa lý và những quan hệ lịch sử giữa hai nước) cũng như những lợi ích chiến lược của Hoa Kỳ tại đây. Điều này tạo ra một mối quan tâm chiến lược chung giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, nhất là mối quan tâm và quyền lợi chung về phương diện an ninh càng ngày càng rõ nét, dẫn đến việc hai nước cần nhau hơn. Song cũng phải thấy rằng, Trung Quốc cũng gây ra những trở ngại cho sự phát triển quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ thời gian qua. Vì lợi ích chiến lược, Trung Quốc không muốn có một liên kết chặt chẽ giữa Việt Nam - Hoa Kỳ ngay sát sườn, nên Trung Quốc gây ra những sức ép nhất định để mối quan hệ này “*giãn ra*”. Hơn nữa, kinh tế Việt Nam hiện đang phụ thuộc rất lớn vào Trung Quốc, cán cân thương mại đang lệch hẳn về Trung Quốc và Việt Nam là nước láng giềng, nhỏ hơn Trung Quốc rất nhiều, hai bên lại có một quan hệ lịch sử hết sức phức tạp, nên việc phải chú ý đến mối quan hệ nhạy cảm với Trung Quốc là điều Việt Nam không thể không làm. Không những vậy, thúc đẩy quan hệ với Trung Quốc luôn được đặt ưu tiên cao hơn nhiều so với Việt Nam trong các cân nhắc chính sách của Hoa Kỳ. Bởi thế, những yếu tố này thời gian qua đã cản trở và ít nhiều làm chậm lại tiến trình phát triển quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ.



## *Chương II*

# **QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ TRÊN MỘT SỐ LĨNH VỰC CHỦ YẾU TRONG 25 NĂM (1995 - 2020)**

**K**ể từ khi bình thường hóa quan hệ (tháng 7/1995), quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ phát triển một cách tích cực và toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Đây là kết quả của sự nỗ lực từ cả hai phía và được dư luận quốc tế đánh giá cao.

## **I- TRÊN LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ - NGOẠI GIAO VÀ QUỐC PHÒNG - AN NINH**

### **1. Về chính trị - ngoại giao**

Trước những bộn bề, khó khăn, phức tạp của một mối quan hệ khởi đầu không mấy dễ dàng, gạt bỏ những hoài nghi còn cần đến thời gian không ngắn, nhưng với nỗ lực chung của Chính phủ và nhân dân hai nước, 25 năm qua, quan hệ chính trị - ngoại giao giữa Việt Nam và Hoa Kỳ được cải thiện khá rõ và có những bước tiến khích lệ, đặc biệt, năm 2013, hai bên đã nâng cấp quan hệ lên tầm “*đối tác hợp tác toàn diện*”.

Mở đầu cho quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước sau khi bình thường hóa quan hệ là chuyến thăm Việt Nam của Ngoại trưởng Hoa Kỳ Warren Christopher (tháng 8/1995). Đây là chuyến thăm đầu tiên của một ngoại trưởng Hoa Kỳ sau 20 năm thất bại của Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Kết quả của chuyến thăm này là việc hai bên đã ký các văn kiện chính thức xác lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ và thiết lập các đại sứ quán tại thủ đô mỗi nước. Tiếp theo đó, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm đã có chuyến thăm chính thức và làm việc tại Hoa Kỳ (tháng 10/1995). Trong những năm tiếp theo, những chuyến viếng thăm lẫn nhau của hai bên tiếp tục được tiến hành nhằm thúc đẩy mối quan hệ này tiến lên. Thế nhưng, phải mất gần hai năm sau khi hai bên bình thường hóa quan hệ, Việt Nam và Hoa Kỳ mới trao đổi đoàn ở cấp đại sứ (tháng 5/1997). Sự kiện này chứng tỏ quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ được thiết lập một cách đầy đủ.

Thời gian tiếp theo, các chuyến thăm song phương các cấp đã diễn ra thường xuyên hơn, mang ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng nhiều tới quan hệ hai nước. Trong đó, đáng chú ý có chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Hoa Kỳ B. Clinton (tháng 11/2000). Đây là một sự kiện lớn trong trong lịch sử quan hệ chính trị - ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ, bởi đây là lần đầu tiên một tổng thống Hoa Kỳ đến thăm Việt Nam và có lẽ, chuyến thăm này là hành động thuyết phục nhất cho những cam kết thúc đẩy quan hệ bình thường với Việt Nam của Hoa Kỳ trên cơ sở

hợp tác cùng có lợi. Sau chuyến thăm này, hai bên đã có những bước tiến trên nhiều lĩnh vực hợp tác, nhất là trong lĩnh vực kinh tế vì Hiệp định Thương mại song phương (BTA) Việt Nam - Hoa Kỳ được ký kết.

Tháng 6/2005, nhân dịp kỷ niệm 10 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải sang thăm chính thức Hoa Kỳ. Đây là chuyến thăm Hoa Kỳ đầu tiên của người đứng đầu Chính phủ Việt Nam với mục đích thúc đẩy mối quan hệ song phương lên một tầm cao mới. Bản thân chuyến thăm này có thể xem như là “*biểu tượng*” về sự nỗ lực thúc đẩy quan hệ chính trị ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ. Lần đầu tiên trong lịch sử quan hệ giữa hai nước, Tuyên bố chung “*Quan hệ đối tác hữu nghị, xây dựng, hợp tác nhiều mặt, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi*” đã được đưa ra. Sau chuyến thăm này, quan hệ hợp tác giữa hai nước còn mở rộng sang cả lĩnh vực an ninh, quốc phòng. Tiếp theo còn có các chuyến thăm như: Tổng thống George Walker Bush sang thăm Việt Nam trong khuôn khổ cuộc họp của APEC (tháng 11/2006) và các chuyến thăm Hoa Kỳ của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (năm 2007), Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (năm 2008).

Từ khi Tổng thống Barack Obama nắm quyền, quan hệ đối tác Việt Nam - Hoa Kỳ được phát triển đầy đủ hơn và sâu hơn. Với chiến lược “*xoay trục*” sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương, chính quyền Barack Obama xác định Việt Nam là một trong những đối tác cần được phát triển. Do đó, Hoa Kỳ đã thúc đẩy vai trò của Việt Nam

trong TPP, một hiệp định thương mại khu vực có tính bước ngoặt với sự tham gia của 12 quốc gia châu Á - Thái Bình Dương<sup>1</sup>.

Đặc biệt, với chuyến thăm Hoa Kỳ của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (tháng 7/2013), hai bên đã xác lập quan hệ đối tác hợp tác toàn diện Việt Nam - Hoa Kỳ, định hình khuôn khổ quan hệ song phương cho giai đoạn mới cũng như hướng phát triển của quan hệ trong những năm tới. Hai bên đã ra Tuyên bố chung đề cập toàn diện những nguyên tắc và nội hàm của mối quan hệ hai bên. Đồng thời, quan hệ hai bên được xác lập theo khuôn khổ mới, trong đó có tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc, luật pháp quốc tế; tôn trọng thể chế chính trị, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau và Tuyên bố chung hướng đến chủ trương thúc đẩy sự hợp tác mạnh mẽ giữa hai nước trong các lĩnh vực then chốt, nổi bật là quan hệ chính trị - ngoại giao; kinh tế - thương mại; khoa học công nghệ và giáo dục...

Tiếp sau đó, chuyến thăm Hoa Kỳ của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từ ngày 06 đến ngày 08/7/2015 cũng là một chuyến thăm hết sức đặc biệt. Lần đầu tiên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam thăm Hoa Kỳ trong sự đón tiếp trọng thị. Theo đánh giá của Giáo sư Carl Thayer (Ôxtrâyliá) thì chuyến thăm này có ý nghĩa rất quan trọng, “là bước tiến đánh dấu sự công nhận của Hoa

---

1. Xem “Donald Trump, Hillary Clinton và tương lai quan hệ Việt - Mỹ”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 22/6/2016, tr.2.

Kỳ về vai trò quan trọng của Đảng trong hệ thống chính trị Việt Nam, từ đó tăng cường lòng tin lẫn nhau”<sup>1</sup> nên có thể xem chuyến thăm này là “một bước tiến dài trong tư duy của các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ với Việt Nam”. Do đó, chuyến thăm này phần nào cho thấy cả Việt Nam và Hoa Kỳ đang vượt qua chính mình, vượt qua những khác biệt về định hướng phát triển, về lựa chọn con đường phát triển chính trị và hệ giá trị của nhau. Đồng thời, chuyến thăm một lần nữa khẳng định khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ là đối tác hợp tác toàn diện và tạo môi trường thuận lợi hơn nhiều cho các hợp tác trên nhiều lĩnh vực cụ thể<sup>2</sup>. Điều đó cũng cho thấy lòng tin giữa hai nước được củng cố hơn, lợi ích ngày càng đan xen, sự nghi kỵ giảm dần, khuôn khổ hợp tác ngày càng đa dạng và phát triển.

Từ ngày 23 đến ngày 25/5/2016, Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama đã có chuyến thăm chính thức Việt Nam. Chuyến thăm này một lần nữa khẳng định Hoa Kỳ có nhiều lợi ích trong việc thúc đẩy quan hệ với Việt Nam. Tổng thống Barack Obama đã khẳng định: “Để đối thoại

---

1. Hồng Duy, Minh Anh, Hải Anh: “Quan hệ Việt - Mỹ bước vào kỷ nguyên mới”, <https://news.zing.vn/quan-he-viet-my-buoc-vao-ky-nguyen-moi-post557786.html>.

2. Xem Khổng Hà: “Khẳng định khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ là đối tác toàn diện”, <http://cand.com.vn/Binh-luan-quoc-te/Khang-dinh-khuon-kho-hop-tac-Viet-Nam-Hoa-Ky-la-doi-tac-toan-dien-357918/>.

với nhau, cả hai bên (Việt Nam và Hoa Kỳ) đều cùng phải thay đổi... Với khung quan hệ Đối tác toàn diện, hai nước chưa bao giờ gần nhau hơn thế... Hoa Kỳ có lợi ích khi Việt Nam thành công. Mỗi quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ sẽ giúp định hình quan hệ quốc tế<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, kể từ chuyến thăm này, Hoa Kỳ chính thức gỡ bỏ cấm vận vũ khí sát thương với Việt Nam. Đây là cột mốc quan trọng đánh dấu bước tiến mới trong quan hệ song phương giữa hai nước. Có thể nói, với tuyên bố bãi bỏ cấm vận này của Tổng thống B. Obama đã giúp cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ chính thức được bình thường hóa hoàn toàn.

Sau khi Tổng thống Donald Trump lên nắm quyền, Hoa Kỳ có những điều chỉnh chiến lược nhất định đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Chính quyền mới gần như không còn nhắc tới những thuật ngữ “*xoay trục*”, “*tái cân bằng*”, rút Hoa Kỳ ra khỏi TPP... Thế nhưng, điều này không có nghĩa là mối quan tâm của Hoa Kỳ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương suy giảm bởi mối quan tâm đối với vấn đề tự do hàng hải trên Biển Đông vẫn là ưu tiên không thay đổi của Hoa Kỳ trong khu vực, nên quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ từ khi Tổng thống D. Trump nắm quyền vẫn tiếp tục được thúc đẩy. Tháng 5/2017, Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc thăm

---

1. Yến Chi: “Dấu ấn 4 Tổng thống Mỹ với 5 lần thăm Việt Nam”, <https://anninhthudo.vn/chinh-tri-xa-hoi/dau-an-4-tong-thong-my-voi-5-lan-tham-viet-nam/800691.antd>.

chính thức Hoa Kỳ, là nhà lãnh đạo Đông Nam Á đầu tiên và thứ ba ở châu Á (sau Thủ tướng Nhật Bản Abe Shinzo và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình) thăm Hoa Kỳ khi nước này có Tổng thống mới. Cùng năm, Tổng thống Donald Trump thăm Việt Nam vào tháng 11 nhân dịp tham dự Hội nghị Cấp cao APEC được tổ chức tại Đà Nẵng và Việt Nam cũng là quốc gia Đông Nam Á đầu tiên mà Tổng thống Mỹ Donald Trump đến thăm ngay sau khi nhậm chức. Sau đó, vào tháng 02/2019, trước khi có cuộc đối thoại trực tiếp với nhà lãnh đạo Triều Tiên Kim Jong Un tại Hà Nội, Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump cũng đã có cuộc hội đàm với Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc. Rõ ràng, đến thời điểm đó, không một quốc gia Đông Nam Á nào có được các cuộc trao đổi cấp cao thường xuyên như Việt Nam với Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống D. Trump. Xét ở nhiều khía cạnh, đây là điều khá đặc biệt bởi lần đầu tiên một Tổng thống Hoa Kỳ thăm Việt Nam hai lần trong vòng 15 tháng. Như vậy, thông qua các cuộc gặp gỡ cấp cao này, nhiều thỏa thuận hợp tác về thương mại, đầu tư đã được hai nước ký kết nên chúng đã củng cố thêm cơ sở vững chắc cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ và góp phần tiếp tục thúc đẩy quan hệ đối tác toàn diện giữa hai nước đi vào chiều sâu.

Bên cạnh các chuyến viếng thăm lẫn nhau, lãnh đạo cấp cao hai nước còn có các cuộc tiếp xúc thường xuyên bên lề các hội nghị quốc tế. Đối ngoại nhân dân giữa hai

nước ngày càng được tăng cường với nhiều hình thức. Ngày càng nhiều người dân hai nước đến du lịch, thăm viếng, học tập lẫn nhau.

Với sự gắn kết hiệu quả giữa ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, các vấn đề hai bên còn có khác biệt về quan điểm cũng đã được trao đổi trên tinh thần thẳng thắn, cởi mở, xây dựng. Một trong những vấn đề gai góc nhất trong quan hệ chính trị Việt Nam - Hoa Kỳ là vấn đề về dân chủ, nhân quyền, tôn giáo cũng đã được hai nước thẳng thắn đối thoại tương đối hiệu quả trong thời gian qua. Không chỉ mở rộng về các lĩnh vực và hình thức hợp tác trong quan hệ song phương, Việt Nam và Hoa Kỳ còn nỗ lực thúc đẩy hợp tác đi vào chiều sâu với việc hình thành các cơ chế đối thoại. Cho tới nay, hai nước đã thiết lập được hơn 10 kênh đối thoại với mục đích xây dựng lòng tin cũng như xử lý các thách thức và các vấn đề còn khác biệt. Trong đó đáng chú ý, đối thoại chính trị - an ninh - quốc phòng được tiến hành từ năm 2008 và đến tháng 3/2019, hai bên đã tiến hành được 10 lần đối thoại. Thông qua các lần đối thoại, hai bên đã trao đổi, thảo luận thẳng thắn và xây dựng một loạt các vấn đề cùng quan tâm, kể cả những khác biệt về hệ giá trị và vai trò của mỗi bên trong các mối quan hệ song phương. Trong lần đối thoại thứ 10 diễn ra vào ngày 25/3/2019 tại Washington (Hoa Kỳ), hai bên thảo luận hàng loạt vấn đề song phương, khu vực và toàn cầu cùng quan tâm, trong đó có vấn đề Biển Đông. Ngoài ra còn có đối thoại về châu Á - Thái Bình Dương, đối thoại về biển nhằm tạo cơ hội để trao đổi, tham vấn



những vấn đề thực chất trong quan hệ hai nước và liên quan đến hòa bình, ổn định, hợp tác khu vực. Đồng thời, hợp tác liên nghị viện cũng ngày càng phát triển, thông qua việc tích cực viếng thăm lẫn nhau giữa Chủ tịch Quốc hội và giữa các đoàn đại biểu Quốc hội hai nước, Hoa Kỳ cũng đã thúc đẩy quan hệ và đối thoại với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Có thể nhận thấy, 25 năm qua, quan hệ chính trị - ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ đã đạt được những thành quả nhất định thể hiện trên các khía cạnh như: hoạt động trao đổi đoàn các cấp diễn ra thường xuyên; chương trình nghị sự không ngừng được bổ sung những lĩnh vực hợp tác mới; xây dựng nhiều cơ chế đối thoại mới, từ song phương là chính, hợp tác đã mở rộng ra các vấn đề đa phương, khu vực; hai bên đã ra được 8 Tuyên bố chung vào các năm 2005, 2006, 2008, 2013, 2015, 2016, 2017 (có 2 Tuyên bố chung vào tháng 6 và tháng 11) và nâng cấp quan hệ lên tầm đối tác hợp tác toàn diện. Cựu Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam David B. Shear nhận định: Quan hệ đối tác hợp tác toàn diện Hoa Kỳ - Việt Nam là một trong những thành tựu quan trọng nhất giữa hai nước kể từ khi chúng ta bình thường hóa quan hệ ngoại giao gần 25 năm trước đây. Đó là một biểu tượng của những gì chúng ta đã đạt được và của những gì tương lai đang chờ đợi<sup>1</sup>. Có thể khẳng định,

---

1. Xem Thanh Tùng: “Nâng cấp hợp tác đầu tư Việt Nam - Hoa Kỳ”, <http://baodautu.vn/nang-cap-hop-tac-dau-tu-viet-nam-hoa-ky.html>.

quan hệ chính trị Việt Nam - Hoa Kỳ phát triển tốt đẹp đã tạo cơ sở cho sự phát triển quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực khác.

Tuy những thành tựu trên rất đáng tự hào nhưng mới chỉ là bước đầu. Quan hệ chính trị - ngoại giao của Việt Nam - Hoa Kỳ vẫn còn tồn tại không ít khó khăn, trở ngại mà chúng có thể trở thành lực cản cho mối quan hệ này bất cứ lúc nào.

Hàng năm, Việt Nam và Hoa Kỳ đều tiến hành các hoạt động trao đổi đoàn nhưng tần suất của các chuyến thăm cấp cao còn thấp. Hai mươi lăm năm qua, lãnh đạo cấp cao hai nước mới chỉ thực hiện 13 chuyến viếng thăm chính thức tới thủ đô của nhau và kể từ năm 2008 đến năm 2014, không có người đứng đầu nhà nước nào của Hoa Kỳ thăm Việt Nam. Điều này chứng tỏ, vị trí của Việt Nam chưa cao trong các chương trình đối ngoại của Hoa Kỳ. Nhân tố Trung Quốc luôn “*thấp thoáng*” nhưng lại rõ ràng trong cân nhắc chiến lược của Hoa Kỳ với Việt Nam, bởi xét về tương quan so sánh, Trung Quốc vẫn là đối tác rất quan trọng của Hoa Kỳ hiện nay, trong khi đó, đối với Trung Quốc, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ bền chặt sẽ tác động tới những tham vọng của Trung Quốc trong khu vực.

Mặt khác, những bất đồng trong việc hợp tác và khắc phục hậu quả chiến tranh, nhất là vấn đề hỗ trợ cho nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam được phía Hoa Kỳ xử lý chưa tích cực và thỏa đáng cũng sẽ có tác động nhất định đến sự phát triển của quan hệ song phương.

Thêm nữa, do nhiều lý do, vấn đề dân chủ, nhân quyền vẫn chiếm một vị trí quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, song đây đang là một vấn đề gai góc mà hai bên còn tồn tại những khác biệt chưa thể vượt qua.

Ngoài ra, một thách thức không nhỏ trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ là vấn đề cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ. Dù phần đông người Việt tại Hoa Kỳ hoan nghênh, ủng hộ và là cầu nối quan trọng trong tiến trình phát triển quan hệ hai nước, nhưng vẫn còn một bộ phận nhỏ nhìn nhận quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ với con mắt hận thù, phản đối, gây sức ép lên chính sách thúc đẩy quan hệ với Việt Nam của Hoa Kỳ và có những hành động chống phá chính trị nội bộ Việt Nam. Đây là một vấn đề nhạy cảm trong quan hệ song phương của hai quốc gia cần xử lý một cách hết sức tế nhị.

Những khác biệt vẫn còn song không thể phủ nhận hiện Việt Nam và Hoa Kỳ đang chia sẻ nhiều lợi ích chung về địa - chính trị, an ninh và kinh tế; nhiều mối quan tâm chung về duy trì hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn và tự do hàng hải ở Biển Đông, về ủng hộ việc giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) năm 1982, không đơn phương sử dụng sức mạnh, sử dụng và đe dọa sử dụng vũ lực... Do đó, những đòi hỏi phi lý và quá đáng của Trung Quốc về chủ quyền ở Biển Đông và những hành động cứng rắn, mang tính gây hấn của Trung Quốc phần nào tạo ra yếu tố thuận lợi cho sự tiến triển của quan hệ Việt Nam -

Hoa Kỳ<sup>1</sup>. Thêm vào đó, việc Việt Nam tham gia vào các cơ chế hợp tác khu vực ngày càng tích cực, chủ động và có trách nhiệm hơn, vai trò của Việt Nam trong ASEAN tăng lên đáng kể nên trong các tính toán chiến lược của Hoa Kỳ, Việt Nam chắc chắn là một nhân tố cần tăng cường hợp tác.

Rõ ràng, theo logic thông thường khi những lợi ích song trùng càng lớn thì sự gắn bó sẽ có xu hướng chặt chẽ hơn, vấn đề là hai nước sẽ có tầm nhìn chiến lược ra sao, tận dụng các cơ hội như thế nào, thu hẹp khác biệt đến đâu để quan hệ đối tác hợp tác toàn diện được “*cất cánh*” lên những tầm cao mới.

Những hố ngăn cách của sự thù địch tưởng như không gì xóa lấp được, nhưng rồi, qua thời gian, với quyết tâm và thiện chí thúc đẩy hợp tác của cả Việt Nam và Hoa Kỳ, những ký ức đau buồn dần nguôi ngoai và lùi sâu vào quá khứ. Dẫu vậy, những đau buồn mà lịch sử đã để lại sau lưng ấy không thể bị lãng quên, không thể phủ nhận hay làm sai lệch, nhưng cũng không để nó chi phối tương lai. Đây là vấn đề vừa tế nhị, vừa nhạy cảm, vừa mang tính nguyên tắc trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ hiện tại cũng như trong tương lai<sup>2</sup>.

---

1. Xem Xuân Linh: “Dư địa quan hệ Việt - Mỹ còn nhiều”, <http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/200392/-du-dia-quan-he-viet-my-con-nhieu-.html>.

2. Xem Trần Nam Tiến (Chủ biên): *Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ: Thực trạng và triển vọng*, Sđd, tr.65.

Việc xác lập quan hệ đối tác hợp tác toàn diện hôm nay là kết quả của một quá trình hợp tác hướng tới tương lai của cả hai bên. Trong thời gian tới, quan hệ chính trị - ngoại giao với Hoa Kỳ sẽ tiếp tục là ưu tiên trong chủ trương thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, đưa quan hệ với các nước đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả hơn của Việt Nam. Hai mươi lăm năm - chặng đường chưa phải là dài nhưng cũng không phải là quá ngắn trong quan hệ của hai nước. Tuổi hai mươi lăm của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ nói chung và quan hệ chính trị - ngoại giao nói riêng với sức trẻ, lòng nhiệt huyết, sự tự tin liệu có tạo ra xung lực để đẩy Việt Nam và Hoa Kỳ cùng hướng về tương lai với những mục tiêu xa hơn?

Câu trả lời sẽ là có nếu có sự hiểu biết, tin cậy và tôn trọng lẫn nhau về sự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của mỗi nước - một nền tảng vững chắc cho sự hợp tác và một điều kiện không thể thiếu để xây dựng “*lòng tin chiến lược*”<sup>1</sup> như Tổng thống Hoa Kỳ Theodore Roosevelt đã từng nói: “Có lòng tin là đã đi được nửa đường”.

---

1. Thuật ngữ được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đề cập tại Đối thoại Shangri-la năm 2013. Thuật ngữ này được hiểu là sự thực tâm và chân thành, giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế, đề cao trách nhiệm của các quốc gia, nhất là các nước lớn.

## 2. Về quốc phòng - an ninh

Lĩnh vực quốc phòng - an ninh trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ có phần tiến triển chậm hơn, thận trọng hơn và quy mô không lớn so với các lĩnh vực hợp tác khác bởi sự ràng buộc của lệnh cấm vận vũ khí của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Song sau đó, “*nút thắt*” này đã được tháo gỡ, hợp tác hai bên trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh có những bước tiến vượt bậc, bất kể hai bên còn khá nhiều vấn đề về nội dung hợp tác cần cân nhắc.

Trong những năm đầu sau khi Việt Nam và Hoa Kỳ chính thức bình thường hóa quan hệ (ngày 12/7/1995), quan hệ quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ mới chỉ dừng lại ở việc tìm hiểu, thăm dò lẫn nhau thông qua những hoạt động như: Hội nghị đa phương và hội thảo được tổ chức bởi Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương Hoa Kỳ (PACOM); cấp cao thăm quân sự; hợp tác song phương thực tế trong các lĩnh vực như tìm kiếm và cứu hộ (SAR), quân y, an ninh môi trường, và rà phá bom, mìn. Trong đó, vấn đề POW/MIA vẫn là ưu tiên hàng đầu<sup>1</sup>.

Để giảm thiểu nghi ngờ và tăng cường hiểu biết lẫn nhau, các chuyến thăm của các quan chức quân sự cấp cao đến mỗi nước được hai bên tiến hành. Từ năm 2000 trở đi, hợp tác quốc phòng - an ninh giữa Việt Nam - Hoa Kỳ có

---

1. Xem Walter Lohman, Lewis Stern and Colonel William Jordan: “U.S.-Vietnam Defense Relations: Investing in Strategic Alignment”, <http://www.heritage.org/research/reports/2012/07/us-vietnam-defense-relations-investing-in-strategic-alignment>.

bước tiến triển khá rõ rệt. Mở đầu là chuyến thăm Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ William Cohen (tháng 3/2000). Trong chuyến thăm này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam Phạm Văn Trà đã đồng ý mở rộng các hoạt động tàu thăm lẫn nhau. Đây là một tín hiệu tích cực và đến cuối năm 2003, tàu Hải quân Hoa Kỳ USS Vandergrift thực hiện chuyến thăm đầu tiên tới Việt Nam. Sau đó, chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Bill Clinton (tháng 11/2000) có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ hai nước trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh vì nó đã tạo đà cho các hoạt động hợp tác về rà phá bom, mìn, hợp pháp hóa các thảo luận cấp cao và quản lý các vấn đề liên quan tới hậu quả chiến tranh<sup>1</sup>.

Sau nhiều cân nhắc, chuyến thăm lịch sử của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam Phạm Văn Trà tới Hoa Kỳ (tháng 11/2003) được đánh giá góp phần quan trọng khai thông bế tắc trong quan hệ quốc phòng giữa hai nước. Đây là quan chức quân sự cao cấp nhất của Việt Nam thăm Hoa Kỳ kể từ khi cuộc chiến tranh tại Việt Nam chấm dứt và chuyến thăm này được hy vọng sẽ mở đường cho chuyến thăm của lãnh đạo Nhà nước Việt Nam đầu tiên đến Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, chuyến thăm của Đại tướng Phạm Văn Trà đánh dấu thời điểm hai nước bắt đầu thảo luận quan hệ ở tầm chính phủ. Đánh giá về

---

1. "Defense Cooperation in Vietnam", <http://photos.state.gov/libraries/vietnam/8621/pdf-forms/15anniv-DAO-Factsheet.pdf>.

chuyến thăm này, Bộ trưởng Phạm Văn Trà cho biết: “Kết quả chung quan trọng nhất chuyến thăm này là hai bên hiểu biết lẫn nhau, cũng không phải là sớm hay muộn. Thời điểm diễn ra chuyến thăm khi đó là hợp lý. Quan hệ quân sự xét cho cùng không thể ào ào được, phải từng bước. Tôi công khai quan hệ với anh, có tin cậy thì anh và tôi có thể nói với nhau vấn đề hai bên cùng quan tâm. Hai bên đã hợp tác về rà phá bom, mìn, MIA, trao đổi tù viên quân sự, chất độc da cam, đào tạo sĩ quan... Nhịp độ như thế là phù hợp và quan hệ đã có bước phát triển tốt”<sup>1</sup>.

Sau 10 năm bình thường hóa quan hệ, Thủ tướng Phan Văn Khải - nhà lãnh đạo cấp cao đầu tiên của Việt Nam thăm Hoa Kỳ (tháng 6/2005). Sau chuyến thăm này, có thể thấy, hai bên đã “chạm” vào những vấn đề khá cốt lõi trong mối quan hệ quốc phòng - an ninh song phương và mở rộng hợp tác, đối thoại với nhiều sáng kiến mới. Chẳng hạn như: Việt Nam ký thỏa thuận về người sử dụng cuối đối với Chương trình đào tạo và huấn luyện quân sự quốc tế (IMET) và mua bán hàng hóa quốc phòng với Hoa Kỳ; Việt Nam chủ trì Hội thảo Quân y châu Á - Thái Bình Dương (APMMC) tại Hà Nội; Hoa Kỳ thiết lập thỏa thuận IMET với Việt Nam trong lĩnh vực hợp tác song phương thực tiễn mở rộng, bao gồm nghiên cứu khí tượng và thủy văn học, và xây dựng năng lực

---

1. Xuân Linh: “Đại tướng Phạm Văn Trà và chuyến thăm Mỹ lịch sử”, <http://vnn.vietnamnet.vn>, cập nhật ngày 05/7/2019.



đáp ứng Thảm họa và Hỗ trợ nhân đạo (HADR) (tháng 7/2005); Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ D. Rumsfeld thăm Việt Nam (tháng 6/2006) và hai bên đồng ý “*tăng sự trao đổi quân sự trên mọi cấp bậc*”; tháng 12/2006, Tổng thống G.W. Bush ký văn bản cho phép Chính phủ Hoa Kỳ và các công ty tư nhân cung cấp một số hàng hóa quốc phòng hạn chế cho Việt Nam; tháng 4/2007, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ sửa đổi điều lệ mậu dịch vũ khí quốc tế đã cho phép bán các loại vũ khí phi sát thương cho Việt Nam, chỉ hạn chế các hạng mục vũ khí sát thương; tháng 6/2008, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm Hoa Kỳ và hai bên chấp thuận việc thành lập cơ chế đối thoại chính trị - quân sự mới để trao đổi “nhiều hơn và sâu rộng hơn về các vấn đề an ninh và chiến lược”<sup>1</sup>. Không lâu sau, tháng 10/2008, cơ chế đối thoại chính trị - an ninh - quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ thường niên chính thức ra đời, thông qua đó, nhiều vấn đề được mang ra bàn thảo như hợp tác bảo vệ an ninh khu vực, trợ giúp nhân đạo và cứu trợ thiên tai, an ninh hàng hải, tìm kiếm và cứu nạn ngoài biển, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bài trừ ma túy và tội phạm xuyên quốc gia, rà phá bom, mìn và xử lý chất độc da cam...

Có thể thấy, dù hợp tác quốc phòng - an ninh giữa hai nước còn sơ khai, chưa thực chất, chưa đi vào chiều sâu,

---

1. “Defense Cooperation in Vietnam”, <http://photos.state.gov/libraries/vietnam/8621/pdf-forms/15anniv-DAO-Factsheet.pdf> và tạp chí *Quan hệ quốc phòng*, số 16, 2011, tr.47.

phạm vi hợp tác còn khiêm tốn, quy mô không lớn nhưng tốc độ cam kết đã từng bước được đẩy nhanh hơn.

Như đã đề cập ở phần trước, sự trỗi dậy của Trung Quốc đang làm đảo lộn cán cân lực lượng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương khiến Hoa Kỳ phải quan tâm hơn đến khu vực này và chính quyền Barack Obama, thậm chí tuyên bố chuyển hướng trọng tâm chiến lược trong bàn cờ chiến lược toàn cầu sang khu vực này và vị trí địa - chiến lược quan trọng của Việt Nam là một trong những nhân tố khiến Hoa Kỳ quan tâm đến việc thúc đẩy quan hệ với Việt Nam.

Về phía Việt Nam, *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2009* khẳng định: “Cũng như nhiều quốc gia khác, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức về an ninh đa dạng và phức tạp”, nhất là tình hình tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên Biển Đông và các vấn đề an ninh phi truyền thống. Do đó, dù chủ trương thực hiện chính sách “*ba không*” như đã trình bày<sup>1</sup> song sẽ không loại trừ việc Việt Nam coi trọng hợp tác quốc phòng - an ninh với tất cả các nước có chung mục tiêu vì hòa bình, độc lập và phát triển để bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch. Sau đó, *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam năm 2019* bổ sung chủ trương,

---

1. Xem Bộ Quốc phòng: *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2009*, *Sđd*, tr.18, 21, 22.

Việt Nam không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế<sup>1</sup> thành “bốn không”.

Với cách đặt vấn đề như vậy, Việt Nam cần tăng cường hợp tác quốc phòng - an ninh với Hoa Kỳ bởi trong lĩnh vực này, Việt Nam và Hoa Kỳ hiện có nhiều lợi ích song trùng, nhất là trong vấn đề duy trì ổn định, an ninh và thịnh vượng tại khu vực. Về vấn đề Biển Đông, dù tuyên bố không đứng về bên nào trong tranh chấp nhưng Hoa Kỳ chia sẻ nhiều quan điểm thuận lợi cho Việt Nam, đó là phê phán “*các hành động đơn phương*”, phản đối “*đường chín đoạn*” và những hành động gây hấn trên thực địa; ủng hộ một giải pháp hòa bình, đa phương, dựa trên luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS và các nguyên tắc ứng xử ở khu vực như Tuyên bố về ứng xử các bên ở Biển Đông (DOC) và tiến tới Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC); đảm bảo an ninh, an toàn và tự do hàng hải.

Sức ảnh hưởng từ tác nhân Trung Quốc đang thâm thấu vào quan hệ quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ. Sự quyết đoán và cứng rắn của Bắc Kinh trong vấn đề Biển Đông vô hình trung đã thúc đẩy quan hệ quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ mở rộng phạm vi và tiến triển nhanh hơn. Trong Chiến lược an ninh quốc gia 2017 của Hoa Kỳ, nước này đã thẳng thắn phê phán ý đồ của Trung Quốc trong việc bồi đắp các đảo nhân tạo và quân

---

1. Xem Bộ Quốc phòng: *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019*, Sđd, tr.25.

sự hóa các đảo này: “Trung Quốc tìm cách xây dựng và quân sự hóa các vị trí tiên tiêu tại Biển Đông đang gây ra nguy hiểm cho dòng chảy tự do thương mại, đe dọa chủ quyền của các quốc gia khác và làm xói mòn sự ổn định của khu vực”<sup>1</sup>. Do đó, Việt Nam ủng hộ chiến lược “*Tái cân bằng*” của Hoa Kỳ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương dưới thời Barack Obama và hiện là chiến lược “*Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và mở rộng*” của Tổng thống D. Trump nếu chiến lược này tuân thủ luật pháp quốc tế, không làm cho các tranh chấp vốn có phức tạp thêm, mang lại lợi ích cho các quốc gia trong khu vực và không đi ngược lại với xu thế hòa bình, ổn định trong khu vực. Giáo sư Carl Thayer, chuyên gia về quân sự Việt Nam tại Học viện Lực lượng Quốc phòng Ôxtrâyliya nhận định: “Ở thời điểm này, việc liên kết với Hoa Kỳ nằm trong lợi ích lâu dài của Việt Nam và cũng là một chiến thuật ngắn hạn quan trọng”<sup>2</sup>. Ngược lại, không phải ngẫu nhiên khi Trung Quốc hạ đặt giàn khoan Hải Dương 981 (tháng 5/2014), ngay lập tức các nhà quân sự Hoa Kỳ tuyên bố rằng tàu chiến của Hải quân Hoa Kỳ sẽ ra vào hải cảnh Việt Nam thường xuyên hơn. Trong Chiến lược

---

1. The White House: *National Security Strategy of the United States of America*, Washington, DC, 2007.

2. Anh Ngọc: “Hải quân Mỹ muốn tăng cường hợp tác với Việt Nam”, <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/hai-quan-my-muon-tang-cuong-hop-tac-voi-viet-nam-2991383.html>.

an ninh quốc gia 2017 của Hoa Kỳ cũng khẳng định, Hoa Kỳ sẽ tăng cường quan hệ với các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam để hỗ trợ các nước này trở thành các đối tác hợp tác với Hoa Kỳ về vấn đề hàng hải<sup>1</sup>.

Dù thế, cách tiếp cận của Việt Nam với Hoa Kỳ chừng mực nào còn và cần thiết mang tính thận trọng. Các nhà lãnh đạo Việt Nam tất phải xem xét khả năng tiến triển của mối quan hệ quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ vì một số lý do tế nhị nhằm không dẫn đến bất cứ phản ứng không mong muốn nào từ phía Trung Quốc. Xét về tương quan so sánh, Trung Quốc vẫn là đối tác rất quan trọng của Hoa Kỳ nên khách quan nhìn nhận Việt Nam mong muốn bất cứ nước nào đứng về phía mình là không thể. Điều này phù hợp với chủ trương cân bằng lợi ích giữa các nước lớn trong quan hệ đối ngoại (cụ thể ở đây là cân bằng lợi ích giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ trong quan hệ với Việt Nam).

Từ khi B. Obama lên nắm quyền, hợp tác quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ có những bước tiến nhanh chóng. Tháng 8/2010, hai bên lập cơ chế “*Đối thoại chính sách quốc phòng*” cấp Thứ trưởng Quốc phòng và tổ chức đối thoại lần đầu tại Hà Nội. Từ đó cho đến tháng 11/2019, hai bên tiến hành được 7 vòng đối thoại. Việc thiết lập và triển khai cơ chế này góp phần không nhỏ vào tiến trình

---

1. The White House: *National Security Strategy of the United States of America*, Ibid, p.47.

xây dựng lòng tin, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa Việt Nam và Hoa Kỳ bởi thông qua cơ chế này, hai bên có cơ hội tập trung đối thoại, trao đổi về tình hình thế giới, khu vực cùng quan tâm cũng như những nội dung tăng cường hợp tác.

Mang tính định hướng quan trọng nhất cho sự phát triển quan hệ quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ đó là *Bản ghi nhớ giữa Bộ Quốc phòng hai nước về thúc đẩy hợp tác quốc phòng song phương*. Bản ghi nhớ được ký trong dịp Đối thoại chính sách quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ lần thứ hai diễn ra tại Thủ đô Washington ngày 19/9/2011. Theo đó, hai bên thống nhất việc hướng tới phát triển quan hệ quốc phòng trước tiên tập trung vào 5 lĩnh vực là: Thiết lập các cơ chế đối thoại thường xuyên cấp cao giữa Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ và Bộ Quốc phòng Việt Nam; an ninh biển; tìm kiếm cứu nạn; nghiên cứu và trao đổi kinh nghiệm về hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa<sup>1</sup>. Bản ghi nhớ này là bước tiến lớn đánh dấu lần đầu tiên Việt Nam và Hoa Kỳ định hình chính thức khuôn khổ hợp tác rõ ràng. Mặc dù chỉ ở hình thức biên bản ghi nhớ có mức độ ràng buộc pháp lý thấp nhưng đó là một mốc

---

1. Xem Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ: “Việt - Mỹ tiến hành đối thoại chính sách quốc phòng”, <http://vietnamembassy-usa.org/vi/quan-he-viet-my/viet-my-tien-hanh-doi-thoi-chinh-sach-quoc-phong>.

định hướng rất quan trọng<sup>1</sup>. Đồng thời, trong Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ được ký ngày 25/7/2013 nhân chuyến thăm Hoa Kỳ của Chủ tịch nước Việt Nam Trương Tấn Sang, lĩnh vực quốc phòng và an ninh được hai bên nhất trí sẽ tiếp tục hợp tác thông qua duy trì cơ chế Đối thoại chính sách quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ và Đối thoại chính trị - an ninh - quốc phòng song phương nhằm đánh giá quan hệ quốc phòng và an ninh, thảo luận về hợp tác trong tương lai; mở rộng hợp tác cùng có lợi nhằm tăng cường năng lực trong lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn và ứng phó thiên tai; nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thúc đẩy hợp tác trong các vấn đề an ninh phi truyền thống và nhất trí hợp tác chặt chẽ hơn nữa trong lĩnh vực chống khủng bố; tăng cường hợp tác thực thi pháp luật trên biển; đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có chống cướp biển, buôn lậu ma túy, buôn bán người, buôn bán động vật hoang dã; ứng phó với tội phạm công nghệ cao và vấn đề an ninh mạng<sup>2</sup>.

---

1. Xem Quỳnh Trung: “Quan hệ quốc phòng Việt - Mỹ: hợp tác và nhiều triển vọng”, <https://tuoitre.vn/quan-he-quoc-phong-viet-my-hop-tac-va-nhieu-trien-vong-20180309120928633.htm>.

2. Xem Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ: “Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ” nhân chuyến thăm Hoa Kỳ của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang”, <http://vietnamembassy-usa.org/vi/tin-tuc/2013/07/tuyen-bo-chung-viet-nam-hoa-ky-nhan-chuyen-tham-hoa-ky-cua-chu-tich-nuoc-truong-tan-sang>.

Ngoài ra, còn có các thỏa thuận khác như Thỏa thuận hợp tác song phương trong lĩnh vực quân y (tháng 8/2011); Biên bản hợp tác về bảo vệ bờ biển (2013). Cho đến nay, hai bên tiến hành các hoạt động hợp tác dựa trên sự định hướng của các cam kết này.

Cùng với đó, tần suất các chuyến thăm của các quan chức quốc phòng cấp cao hai nước cũng tăng lên. Đáng chú ý, tháng 6/2012, Bộ trưởng Quốc phòng Leon Panetta trở thành Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ đầu tiên đến thăm vịnh Cam Ranh kể từ khi kết thúc chiến tranh ở Việt Nam. Bộ trưởng Leon Panetta đã đề cập vấn đề được xem là khá “nhạy cảm” khi phát biểu: Hoa Kỳ hy vọng “làm việc với các đối tác của chúng tôi như Việt Nam để có thể sử dụng bến cảng như thế này khi chúng tôi di chuyển tàu chiến từ các cảng bên bờ biển phía Tây tới các cơ sở trên Thái Bình Dương” và cũng đã đi thẳng vào vấn đề, việc cho phép các tàu chiến Hoa Kỳ vào vịnh Cam Ranh “là chìa khóa quan trọng của mối quan hệ này (với Việt Nam) và chúng ta thấy một tiềm năng to lớn cho tương lai”<sup>1</sup>. Dẫu vậy, Việt Nam vẫn nhất quán quan điểm không hợp tác với bất cứ nước nào trong khu vực quân cảng tại vịnh Cam Ranh và không cho tàu thuyền nước ngoài vào trong. Sau đó, Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân

---

1. Richard Dudley: “Cam Ranh Bay is the Prize, Are Lethal Weapons the Cost?”, [http://defense-update.com/20120606\\_cam-ranh-bay-is-the-prize-are-lethal-weapons-the-cost.html](http://defense-update.com/20120606_cam-ranh-bay-is-the-prize-are-lethal-weapons-the-cost.html).



Hoa Kỳ Đại tướng Martin Dempsey đến thăm Việt Nam. Điểm sáng trong chuyến thăm này là hai nước tăng cường hợp tác quân sự và tập trung vào an ninh hàng hải. Hai bên cũng nhất trí sẽ đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực khắc phục hậu quả chiến tranh, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm họa thiên tai, đào tạo; tăng cường chia sẻ thông tin, hợp tác thực thi pháp luật trên biển; đồng thời Đại tướng Martin Dempsey khẳng định sẽ giúp Việt Nam giải quyết những thách thức về bảo vệ chủ quyền trên biển và sẽ tìm ra lộ trình và cách thức để sớm dỡ bỏ lệnh cấm bán vũ khí sát thương cho Việt Nam. Có thể thấy, chuyến thăm Việt Nam của Đại tướng Martin Dempsey thể hiện mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ ngày càng trở nên sâu sắc và tạo sự đột phá mới.

Ngày 02/10/2014, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cho biết Washington đã dỡ bỏ một phần lệnh cấm vận vũ khí áp đặt trong gần 4 thập niên đối với Việt Nam, trong khi trước đó không lâu, quan điểm của Hoa Kỳ khá cứng rắn là chỉ bỏ cấm vận bán vũ khí sát thương cho Việt Nam nếu Việt Nam có một sự gắn bó quan hệ ở mức cao hơn với Hoa Kỳ. Sự kiện này phù hợp với logic tất yếu của sự tiến triển trong quan hệ quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ song nó vẫn là “một ngã rẽ bất ngờ”. Vì lẽ đó, sự kiện này được nhiều nhà phân tích đánh giá là một dấu hiệu tích cực cho thấy sự tin cậy lẫn nhau mang tầm chiến lược giữa hai nước ngày càng gia tăng, là một điểm tích cực trong việc triển khai quan hệ đối tác toàn diện giữa

Việt Nam và Hoa Kỳ, đánh dấu bình thường hóa quan hệ một cách khá đầy đủ, trọn vẹn và là bước đi cuối cùng khép lại quá khứ, và mở ra một tương lai hợp tác, phát triển toàn diện cho cả hai nước<sup>1</sup>. Không chỉ vậy, sự kiện này cũng khiến cho nhiều học giả và chiến lược gia Trung Quốc quan ngại trong khi đây là điều không hề bất thường của bất cứ mối quan hệ bình đẳng nào trong quan hệ quốc tế, bởi đây đơn thuần là quan hệ đối tác hai bên cùng có lợi, không phải lập một liên minh quân sự - chính trị. Sau khi lệnh cấm vận vũ khí được dỡ bỏ một phần, Hoa Kỳ đã cung cấp cho Việt Nam một số vũ khí nhưng chủ yếu chỉ dừng lại ở những loại liên quan đến an ninh biển như hệ thống radar, giám sát - trinh sát, máy bay tuần thám biển, tàu tuần tra...

Trong bối cảnh hai nước kỷ niệm 20 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ Ashton Carter thăm chính thức Việt Nam từ ngày 31/5 đến ngày 01/6/2015 và Tuyên bố Tầm nhìn chung về quan hệ quốc phòng đã được ký kết để định hướng hợp tác song phương trên cơ sở Bản ghi nhớ về thúc đẩy hợp tác quốc phòng song phương ký năm 2011, bao gồm: Hợp tác trong khắc phục hậu quả chiến tranh (tìm kiếm quân nhân mất tích, tẩy độc dioxin, rà phá bom, mìn, vật liệu

---

1. Xem Hà Trang: “Vì sao Mỹ dỡ bỏ một phần lệnh cấm bán vũ khí với Việt Nam?”, <http://dantri.com.vn/the-gioi/vi-sao-my-do-bo-mot-phan-lenh-cam-ban-vu-khi-voi-viet-nam-983270.htm>.

nổ còn sót lại); trao đổi đoàn; đối thoại; tham vấn; trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn, khắc phục thiên tai, tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, an ninh biển; đào tạo; quân y; tham vấn lẫn nhau trên các diễn đàn đa phương, ADMM+ và các lĩnh vực khác mà hai bên có nhu cầu và khả năng<sup>1</sup>. Như vậy, từ cựu thù, hai nước đã trở thành đối tác an ninh thực thụ quan trọng của nhau.

Sau đó, ngày 07/7/2015, Bản ghi nhớ về gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc giữa Bộ Quốc phòng Việt Nam và Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ cũng đã được ký kết nhằm thúc đẩy quan hệ quốc phòng song phương trên các lĩnh vực tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc như tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và kỹ năng hoạt động tại các phái bộ Liên hợp quốc, nâng cao năng lực của cá nhân và đơn vị trong huấn luyện tiên triển khai, hỗ trợ trang bị kỹ thuật cho lực lượng tham gia gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, giải ngân gói hỗ trợ xây dựng Trung tâm gìn giữ hòa bình Việt Nam và nâng cao khả năng tiếng Anh...<sup>2</sup>. Và, trong bản “*Tuyên bố tầm nhìn chung*”

---

1. Xem “Việt Nam - Hoa Kỳ ký Tuyên bố Tầm nhìn chung về quan hệ quốc phòng song phương”, <http://dangcongsan.vn/doi-ngoai/viet-nam-hoa-ky-ky-tuyen-bo-tam-nhin-chung-ve-quan-he-quoc-phong-song-phuong-305882.html>.

2. Xem “Việt Nam - Hoa Kỳ ký Bản ghi nhớ về gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc”, <http://www.vietnamplus.vn/viet-namhoa-ky-ky-ban-ghi-nho-ve-gin-giu-hoa-binh-lien-hop-quoc/331848.vnp>.

mà Việt Nam và Hoa Kỳ thông qua nhân chuyến thăm Hoa Kỳ của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (tháng 8/7/2015), hai bên cam kết xử lý các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống, kể cả thiên tai, buôn bán động vật hoang dã, an ninh nguồn nước và đại dịch, cũng như cam kết mở rộng phối hợp trong các hoạt động gìn giữ hòa bình và biến đổi khí hậu, bày tỏ quan tâm tới Hội nghị Cấp cao về an ninh hạt nhân năm 2016 và mong muốn các quốc gia có hành động cụ thể nhằm thúc đẩy an ninh hạt nhân<sup>1</sup>.

Những minh chứng rõ ràng cho lĩnh vực hợp tác này có bước phát triển chính là việc Tổng thống B. Obama tuyên bố dỡ bỏ hoàn toàn lệnh cấm vận vũ khí đối với Việt Nam vào tháng 5/2016 trong chuyến thăm Việt Nam. Sự kiện này cho thấy sự tin cậy lẫn nhau trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh đã tăng lên, tạo đà cho lĩnh vực này bước sang một giai đoạn phát triển mới. Ngoài ra, hoạt động trao đổi đoàn trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh tiếp tục được thúc đẩy. Đáng chú ý, tháng 8/2017, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam Ngô Xuân Lịch đã thăm Hoa Kỳ và hai bên nhất trí tăng cường hợp tác quốc phòng, mở rộng giao lưu hải quân. Đặc biệt, năm 2018, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ James Mattis thăm Việt Nam hai lần.

---

1. Xem “Tuyên bố về Tầm nhìn chung Việt Nam - Hoa Kỳ”, <http://www.vietnamplus.vn/tuyen-bo-ve-tam-nhin-chung-viet-nam-hoa-ky/331699.vnp>.

Có thể thấy, việc một Bộ trưởng Bộ Quốc phòng của Hoa Kỳ đến thăm Việt Nam hai lần trong một năm là điều hiếm thấy trong lịch sử ngoại giao giữa hai nước. Sau đó, tháng 11/2019, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mark Esper cũng đã có chuyến thăm Việt Nam.

Về đào tạo quân sự, từ năm 2005 đến năm 2012, Hoa Kỳ đã tài trợ cho Việt Nam 2,232 triệu USD trong Chương trình đào tạo và huấn luyện quân sự quốc tế<sup>1</sup>. Hoa Kỳ còn giúp đào tạo 25 sĩ quan Việt Nam về chuyên ngành an toàn bay, điện tử, công binh, tiếng Anh; cử các giáo viên sang Việt Nam để tổ chức các khóa huấn luyện lưu động (tháng 5/2010, đội huấn luyện của Lực lượng bảo vệ bờ biển Hoa Kỳ sang Việt Nam tiến hành khóa huấn luyện lưu động về tìm kiếm cứu nạn đường biển tại Nha Trang). Về phần mình, Việt Nam cũng đã đào tạo cho Hoa Kỳ một sĩ quan tại khóa học ngắn hạn dành cho học viên quốc tế tại Học viện Quốc phòng và một sĩ quan Hoa Kỳ học tiếng Việt tại Học viện Khoa học quân sự<sup>2</sup>. Bước phát triển hơn nữa trong vấn đề hợp tác này chính là Hoa Kỳ đã đào tạo phi công quân sự cho Việt Nam.

---

1. Xem Murray Hiebert, Phuong Nguyen, Gregory B. Poling: “A New Era in U.S.- Vietnam Relations: Deepening Ties Two Decades after Normalization”, [http://csis.org/files/publication/140609\\_Hiebert\\_USVietnamRelations\\_Web.pdf](http://csis.org/files/publication/140609_Hiebert_USVietnamRelations_Web.pdf), p.15.

2. Xem Lại Thái Bình: “Quan hệ quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ từ khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao (7/1995)”, tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 10, 2014, tr.29.

Tháng 6/2019, một phi công Việt Nam đã hoàn thành khóa huấn luyện phi công kéo dài một năm trong chương trình hợp tác quốc phòng<sup>1</sup>.

*Về việc tàu chiến Hoa Kỳ thăm cảng Việt Nam và diễn tập với Việt Nam*, từ năm 2000 đến nay, có khoảng gần 30 lượt tàu Hoa Kỳ đã ghé thăm hữu nghị các cảng Việt Nam. Tháng 9/2009, tàu cứu hộ USNS Safeguard đã trở thành chiếc tàu đầu tiên của hải quân Hoa Kỳ tiến hành các hoạt động sửa chữa tại Thành phố Hồ Chí Minh<sup>2</sup>. Sau đó, đầu tháng 4/2015, tàu khu trục có tên lửa dẫn đường USS Fitzgerald (DDG 62) và tàu tác chiến ven biển USS Fort Worth của Hoa Kỳ đã cập cảng Tiên Sa (Đà Nẵng) trong khuôn khổ giao lưu hải quân thường niên lần thứ 6 giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Trong khuôn khổ giao lưu lần này, lực lượng hải quân hai nước đã diễn tập thực hành sử dụng bộ luật ứng xử về va chạm, đột xuất ở trên biển<sup>3</sup>. Hiện Việt Nam giới hạn số chuyến thăm cảng của tàu

---

1. Xem Nguyễn Hoàng “Thượng úy phi công Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp khóa huấn luyện ở Mỹ”, <https://vnexpress.net/the-gioi/thuong-uy-phi-cong-viet-nam-dau-tien-tot-nghiep-khoa-huan-luyen-o-my-3934937.html>.

2. Xem Lê Lan Anh: “Hợp tác quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ hiện nay”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 8 (245), 2018, tr.28-37.

3. Xem C. Sơn: “Hải quân Mỹ muốn thăm viếng, diễn tập nhiều hơn với Việt Nam”, <http://baodatviet.vn/chinh-tri-xa-hoi/tin-tuc-thoi-su/hai-quan-my-muon-tham-vieng-dien-tap-nhieu-hon-voi-vn-3038135/>.

Hoa Kỳ ở mức 1 chuyến (có thể tối đa 3 tàu)/năm. Đáng chú ý, tháng 3/2018, tàu sân bay USS Carl Vinson cùng hai tàu hộ tống (tàu tuần dương USS Lake Champlain và tàu khu trục USS Wayne E. Meyer) của Hải quân Hoa Kỳ cũng đã đến thăm cảng Tiên Sa (Đà Nẵng). Đây là lần đầu tiên một hàng không mẫu hạm của Hoa Kỳ tới thăm Việt Nam kể từ sau năm 1975. Chuyến thăm này cho thấy triển vọng hợp tác quốc phòng giữa hai nước vẫn còn rất lớn và ý nghĩa cũng rất quan trọng, phản ánh quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa hai nước ngày càng phát triển. Về mặt song phương, chuyến thăm này giúp hai nước củng cố lòng tin để tiếp tục vượt qua những trở ngại trong quá khứ. Còn về góc độ đa phương, chuyến thăm chuyển đi thông điệp: Biển Đông là một khu vực mở và năng động, tất cả các bên đều có lợi ích ở Biển Đông và có nghĩa vụ tôn trọng tự do, an ninh hàng hải và duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực này<sup>1</sup>. Gần đây nhất, tháng 3/2020, tàu sân bay USS Theodore Roosevelt (CVN-71) được hộ tống bởi tuần dương hạm USS Bunker Hill (CG-52) cũng đã đến Đà Nẵng. Chuyến thăm này không chỉ củng cố quan hệ quốc phòng song phương mà còn là bằng chứng cho cam kết của Hoa Kỳ đối với một Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và mở rộng. Có thể nói, Đà Nẵng là nơi diễn ra nhiều

---

1. Xem Quỳnh Trung: “Quan hệ quốc phòng Việt - Mỹ: hợp tác và nhiều triển vọng”, *Tlđđ*.

chuyên thăm hữu nghị và các hoạt động huấn luyện giữa hải quân Hoa Kỳ với hải quân Việt Nam nhất. Nhiều sự kiện diễn ra tại Đà Nẵng chứa đựng khá rõ những bước phát triển trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ suốt 25 năm từ khi hai bên bình thường hóa đến nay.

Mặt khác, kể từ khi Quy chế quản lý hoạt động của cảng quốc tế Cam Ranh chính thức có hiệu lực vào ngày 15/8/2016, một số tàu của Hoa Kỳ cũng đã được tiếp nhận để sử dụng các dịch vụ hàng hải tại cảng, trong đó có tàu khu trục mang tên lửa dẫn đường lớp Arleigh Burke USS John S. McCain (DDG 56) (tháng 6/2017), tàu USS San Diego (LPD 22) (tháng 8/2017), sau đó là tàu bệnh viện USNS Mercy của hải quân Hoa Kỳ được phép neo đậu tại đây vào tháng 5/2018 và tàu tác chiến ven bờ Hải quân USS Gabrielle Giffords (LCS 10) thăm cảng Cam Ranh (tháng 12/2019)... Những hoạt động này góp phần làm sâu sắc mối quan hệ quốc phòng và an ninh của Việt Nam với Hoa Kỳ.

*Về khắc phục và giải quyết hậu quả chiến tranh (tìm kiếm quân nhân mất tích trong chiến tranh ở Việt Nam; rà phá bom, mìn, vật nổ còn sót sau chiến tranh; giải quyết hậu quả chất độc da cam/dioxin).* Dù chiến tranh đã đi qua vài thập niên nhưng nhiều người dân Hoa Kỳ và nhiều triệu người dân Việt Nam vẫn bị ảnh hưởng nặng nề bởi những hậu quả của cuộc chiến tranh mà Hoa Kỳ tiến hành tại Việt Nam (1954 - 1975). Giám mục Desmond Tutu, người đoạt giải Nobel hòa bình năm 1984,



từng viết: “Quá khứ không hề biến mất hoặc nằm xuống và im tiếng mà nó sẽ quay lại ám ảnh chúng ta một cách dai dẳng và đáng hổ thẹn, trừ khi nó được giải quyết một cách thích đáng trên thực tế”<sup>1</sup>. Do đó, hợp tác khắc phục hậu quả chiến tranh, không chỉ giải quyết những vấn đề của quá khứ để lại mà còn mở ra nhiều hy vọng cho một tương lai không còn hận thù, một tương lai hợp tác chặt chẽ hơn. Những năm gần đây, hợp tác khắc phục hậu quả chiến tranh ngày càng được đẩy mạnh. Năm 2020, Quốc hội Hoa Kỳ thông qua ngân sách dành cho khắc phục hậu quả chiến tranh ở Việt Nam là 67 triệu USD<sup>2</sup>.

*Về tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích trong chiến tranh ở Việt Nam.* Đây là vấn đề rất phức tạp trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ vì đối với Hoa Kỳ, vấn đề tìm kiếm MIA rất nhạy cảm, luôn được các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ quan tâm, ưu tiên hàng đầu trong quá trình bình thường hóa quan hệ với Việt Nam và thường gắn vấn đề này với các điều kiện chính trị. Trong khi đó, đối với Việt Nam, vấn đề MIA là vấn đề nhân đạo do chiến tranh để lại nên chủ trương hợp tác với Hoa Kỳ giải quyết vấn đề này mà

---

1. Phạm Đan Thành: “Cần sự công bằng”, <http://nld.com.vn/thoi-su-quoc-te/can-su-cong-bang-112837.htm>.

2. Xem Minh Quân: “Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ: Nhìn lại để tiến bước”, <https://baoquocte.vn/dai-su-viet-nam-tai-hoa-ky-nhin-lai-de-tien-buoc-108136.html>.

không kèm theo bất cứ điều kiện chính trị nào. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm đã từng phát biểu trong buổi chiêu đãi do Hội đồng Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ tổ chức tại Washington D.C ngày 04/10/1994: “Chúng tôi coi việc giải quyết vấn đề MIA là công việc nhân đạo mà truyền thống nhân nghĩa dân tộc Việt Nam đòi hỏi phải làm. Hiện nay hai nước đã hình thành được cơ chế có hiệu quả nhất để giải quyết vấn đề này. Việt Nam đã và sẽ làm hết sức mình hợp tác với phía Hoa Kỳ giải quyết càng sớm càng tốt vấn đề này”<sup>1</sup>. Do đó, Việt Nam đã nỗ lực rất nhiều trong việc giúp Hoa Kỳ giải quyết vấn đề này dù còn gặp khó khăn sau chiến tranh.

Có thể nói, sau 25 năm bình thường hóa quan hệ, vấn đề MIA chưa được giải quyết triệt để nhưng những kết quả đạt được cho đến nay là đáng trân trọng bởi nỗ lực lớn từ cả Việt Nam và Hoa Kỳ. Hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ tìm kiếm người mất tích trong chiến tranh đã bắt đầu từ năm 1973 ngay sau khi Việt Nam thành lập Cơ quan Việt Nam tìm kiếm người mất tích sau Hiệp định Paris (tháng 01/1973) để phối hợp với Hoa Kỳ trong vấn đề này nhưng phải đến năm 1988, hai bên mới có thể triển khai đợt hoạt động chung lần đầu tiên. Từ đó đến nay, quy mô tìm kiếm quân nhân Hoa Kỳ ngày càng được mở rộng, tăng cường và đạt hiệu quả cao

---

1. Bộ Ngoại giao: *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Sdd, tr.301.

với sự tham gia của hàng nghìn người từ cả hai nước<sup>1</sup>. Theo ghi nhận của Chính phủ Hoa Kỳ, trong hai nhiệm kỳ của Tổng thống Bill Clinton (1993 - 2001), Việt Nam chuyển gần 300 bộ hài cốt cho phía Hoa Kỳ và cũng đã trao cho phía Hoa Kỳ 159 tài liệu có liên quan do các chuyên gia Việt Nam sưu tầm<sup>2</sup>. Đến tháng 8/2006, Việt Nam tiến hành 100 đợt trao trả, hơn 840 hài cốt, nhờ đó phía Hoa Kỳ nhận dạng được hơn 520 trường hợp quân nhân Hoa Kỳ chết trong chiến tranh. Đến hết năm 2018, hai nước đã thực hiện được 133 đợt hoạt động hỗn hợp, đã thu hồi và hồi hương gần 900 bộ hài cốt, trong đó phần lớn trường hợp đã được nhận dạng. Tuy nhiên, vấn đề này hiện phải đối mặt với không ít thách thức như: Nguy cơ mất hiện trường do điều kiện thời tiết, tự nhiên và phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương; nguy cơ mất dần nhân chứng do tuổi cao, sức yếu; nguy cơ thất lạc hồ sơ, di vật; các hiện trường còn lại phần lớn nằm ở khu vực rừng núi hiểm trở, vùng biển sâu khó khăn, nguy hiểm<sup>3</sup>. Mặc dù vậy, Việt Nam khẳng định sẽ

---

1. Xem Anh Ngọc: “MIA - cây cầu đầu tiên nối lại Việt Nam và Mỹ”, <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/tu-lieu/mia- cay-cau-dau-tien-noi-lai-viet-nam-va-my-3241398.html>.

2. Dẫn theo Trần Nam Tiến: *Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ: Thực trạng và triển vọng*, Sđd, tr.96.

3. Xem Mỹ Châu: “Hợp tác MIA Việt Nam - Hoa Kỳ: 30 năm nhìn lại”, <https://baoquoc.vn/hop-tac-mia-viet-nam-hoa-ky-30-nam-nhin-lai-85746.html>.

tiếp tục hợp tác chặt chẽ, đầy đủ và hiệu quả với Hoa Kỳ trong lĩnh vực này.

Đáp lại những cố gắng to lớn của Việt Nam, Hoa Kỳ cũng nhiều lần cung cấp thông tin liên quan trợ giúp việc tìm kiếm các quân nhân Việt Nam bị mất tích trong chiến tranh và giúp Việt Nam tìm kiếm có hiệu quả hài cốt của các liệt sĩ trong chiến tranh. Từ năm 1994 đến năm 2018, các tổ chức cựu chiến binh Hoa Kỳ đã cung cấp thông tin liên quan đến hơn 11.000 liệt sĩ Việt Nam, giúp ta tìm kiếm và quy tập được hơn 1.000 hài cốt liệt sĩ trong số 300.000 liệt sĩ Việt Nam mất tích<sup>1</sup>.

Như vậy, hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ trong vấn đề tìm kiếm quân nhân mất tích trong chiến tranh thể hiện tinh thần nhân đạo, sự đồng cảm, chia sẻ, hiểu biết và gần gũi giữa nhân dân hai nước và tiếp tục là khởi nguồn cho thiện chí, hợp tác thực chất và hiệu quả giữa hai nước trên các lĩnh vực khác.

*Về hợp tác rà phá bom, mìn, vật liệu nổ còn sót sau chiến tranh.* Chiến tranh đã kết thúc hơn 40 năm nhưng ở Việt Nam, mỗi năm cả nước có hơn 1.500 người chết do tai nạn bom, mìn. Theo thống kê, từ năm 1975 đến năm 2013, có khoảng 6,6 triệu hécta đất, trên 21% diện tích đất nước bị ô nhiễm; hơn 40 nghìn người bị chết,

---

1. Xem Mỹ Châu: “Hợp tác MIA Việt Nam - Hoa Kỳ: 30 năm nhìn lại”, *Tlđđ*.

hơn 60 nghìn người bị thương do bom, mìn còn sót lại sau chiến tranh gây ra. Chỉ riêng khảo sát sơ bộ tại 6 tỉnh miền Trung (Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Quảng Ngãi), đã có trên 22.760 nạn nhân do bom, mìn, trong đó 10.529 người chết, 12.231 người bị thương<sup>1</sup>.

Chính vì những hậu quả nặng nề của bom, mìn sót lại sau chiến tranh nên ngay sau khi chiến tranh kết thúc, Việt Nam đã tích cực tiến hành khắc phục hậu quả bom, mìn, vật liệu nổ. Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn nhưng mỗi năm Chính phủ Việt Nam đã dành từ 80 đến 100 triệu USD cho công tác này<sup>2</sup>. Nỗ lực của Việt Nam cũng nhận được sự quan tâm, ủng hộ cả về vật chất và tinh thần của nhiều tổ chức trong nước và quốc tế... và hợp tác khắc phục, giải quyết hậu quả bom, mìn là một nội dung được quan tâm trong hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ từ khi bình thường hóa quan hệ đến nay.

Hoa Kỳ đã triển khai một số công việc để cùng Việt Nam giải quyết vấn đề này như tài trợ cho Việt Nam để thực hiện các dự án rà phá bom, mìn. Trong 25 năm qua,

---

1. Xem “Hơn 1.500 người chết mỗi năm do bom, mìn sót lại sau chiến tranh”, <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Xa-hoi/642162/hon-1500-nguoi-chet-moi-nam-do-bom-min-sot-lai-sau-chien-tranh>.

2. Xem Nguyễn Hoàng: “Mong quốc tế tiếp tục hỗ trợ giảm nhẹ hậu quả bom, mìn”, <http://baochinhphu.vn/Tieu-diem/Mong-quoc-te-tiep-tuc-ho-tro-giam-nhe-hau-qua-bom-min/194822.vgp>.

các tổ chức phi chính phủ của Hoa Kỳ đã hỗ trợ khoảng 80 triệu USD để giải quyết hậu quả bom, mìn. Tháng 3/2015, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đặc trách kiểm soát vũ khí và an ninh quốc tế, bà Rose Gottemoeller đã có chuyến đi thị sát trực tiếp địa bàn tỉnh Quảng Trị. Trong chuyến thị sát này, Hoa Kỳ tuyên bố sẽ hỗ trợ 8 triệu USD cho Quảng Trị để thành lập Trung tâm cơ sở dữ liệu giúp các đơn vị có thể nắm bắt được những nơi có lượng đất ô nhiễm bom, mìn lớn để ưu tiên rà phá trước<sup>1</sup>. Gần đây, ông Jerry Guilbert, người điều hành Chương trình rà phá vũ khí thông thường (CWD) thuộc Bộ Ngoại giao đã cho biết, trong năm 2019, Hoa Kỳ tăng khoản hỗ trợ Việt Nam trong việc rà phá vật liệu chưa nổ lên 15 triệu USD từ 12,5 triệu USD trong năm 2018<sup>2</sup>.

Tuy nhiên, công tác này cần nguồn vốn và nguồn nhân lực lớn, đòi hỏi sự nỗ lực hợp tác lâu dài bởi theo thống kê, số lượng đạn dược mà Hoa Kỳ đã sử dụng trong chiến tranh tại Việt Nam là 15,35 triệu tấn, gấp 3,9 lần so với Chiến tranh thế giới thứ hai và gấp 12 lần

---

1. Xem “Hoa Kỳ tài trợ hơn 10 triệu USD cho rà phá bom, mìn”, <http://baochinhphu.vn/Khacphucbommin/Hoa-Ky-tai-tro-hon-10-trieu-USD-cho-ra-pha-bom-min/227376.vgp>.

2. Xem Trung tâm Hành động bom, mìn quốc gia Việt Nam: “Mỹ tăng viện trợ cho Việt Nam trong việc rà phá vật liệu chưa nổ”, <http://vnmac.gov.vn/vi/tin-tuc/my-tang-vien-tro-cho-viet-nam-trong-viec-ra-pha-vat-lieu-chua.t-69.html>.

so với chiến tranh Triều Tiên. Tính bình quân, mỗi cây số vuông lãnh thổ Việt Nam phải nhận 46 tấn bom, mìn, vật liệu nổ và mỗi người Việt Nam phải chịu 280kg thuốc nổ. Hiện theo ước tính, còn khoảng 800.000 tấn bom, mìn, vật liệu nổ vẫn còn sót lại trong lòng đất và 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam đều có khu vực bị ô nhiễm bởi bom, mìn, vật nổ, ảnh hưởng nặng nề nhất là khu vực miền Trung<sup>1</sup>. Tỉnh Quảng Trị - địa phương chịu ảnh hưởng lớn nhất bởi bom, mìn còn sót lại sau chiến tranh hiện có 391.500ha đất bị ô nhiễm nặng bởi bom, mìn, vật liệu nổ còn sót sau chiến tranh, chiếm 83,8% diện tích đất toàn tỉnh<sup>2</sup>.

Hàn gắn vết thương chiến tranh là việc tiếp tục cần được giải quyết của Việt Nam và Hoa Kỳ để hai nước có thể tập trung cho các mục tiêu phát triển trong tương lai. Từ tháng 6/2000, Việt Nam đã chính thức trở thành nước thứ 37 tham gia vào Chương trình rà phá bom, mìn nhân đạo của Mỹ<sup>3</sup>. Từ năm 1999 đến nay, Hoa Kỳ

---

1. Xem Nguyễn Xuân Thành: “Hợp tác quốc tế giải quyết vấn đề bom, mìn, vật nổ sót lại sau chiến tranh của Việt Nam”, tạp chí *Quan hệ quốc phòng*, số 25, 2014, tr.38-47, 41.

2. Xem Nguyễn Văn Hai: “Vùng đất “chết” hồi sinh”, <http://www.nhandan.com.vn/xahoi/tin-tuc/item/25981702-vung-dat-chet-hoi-sinh.html>.

3. Xem Ngô Xuân Bình (Chủ biên): *Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ*, Sdd, tr.213.

đã hỗ trợ Việt Nam các loại trang thiết bị dò tìm và hỗ trợ rà phá bom, mìn, trong đó có một số loại thiết bị đặc chủng như: thiết bị phân tích và phát hiện thuốc nổ, máy chụp X-quang; thiết bị xử lý ngòi nổ bom, đạn, rôbot gắn bom; xe chứa vật liệu nổ... Các trang thiết bị trên hiện được đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả trong các hoạt động rà phá bom, mìn ở Việt Nam. Tháng 11/2000, Tổng thống B. Clinton đã cam kết giúp Việt Nam khắc phục triệt để bom, mìn, vật nổ sau chiến tranh, Chính phủ Hoa Kỳ chuyển giao cho Việt Nam các trang bị phục vụ rà phá bom. Từ tháng 5/2001 đến tháng 02/2004, Trung tâm Công nghệ xử lý bom, mìn (BOMICEN) và Quỹ cứu chiến binh Hoa Kỳ tại Việt Nam (VVAFF) đã ký Dự án giai đoạn 1 *“Điều tra khảo sát và đánh giá tác động của sự ô nhiễm bom, mìn, vật nổ sót lại sau chiến tranh ở Việt Nam”*, tiến hành điều tra 344 trong tổng số 559 xã của ba tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị. Tổng ngân sách giai đoạn 1 là 1.158.342 USD, trong đó Hoa Kỳ tài trợ 993.424 USD, còn lại là ngân sách của Việt Nam. Ngày 10/11/2006, BOMICEN và VVAFF ký dự án giai đoạn 2, triển khai tại 837 xã (214 xã còn lại của các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và 623 xã của các tỉnh Nghệ An, Thừa Thiên Huế). Tính đến năm 2006, Hoa Kỳ hỗ trợ khoảng 10 triệu USD (theo công bố của Hoa Kỳ là 36 triệu USD vì Hoa Kỳ tính cả chi phí dịch vụ, vận chuyển và cả các dịch vụ hỗ trợ khác). Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ đã giúp



BOMICEN mở các lớp tập huấn về sử dụng trang bị rà phá bom, mìn, đặc biệt Hoa Kỳ đã chuyển giao cho BOMICEN bản đồ kỹ thuật số về dữ liệu không quân Hoa Kỳ đánh phá Việt Nam giai đoạn 1964 - 1972.

Ngày 19/12/2013, trong chuyến thăm Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ John Kerry, Chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ ký Biên bản ghi nhớ đầu tiên về hợp tác khắc phục hậu quả bom, mìn, vật nổ sau chiến tranh Việt Nam. Phát biểu tại lễ ký kết, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Davis Shea khẳng định: “Bản ghi nhớ nhằm thiết lập một cơ chế lâu dài cho việc tăng cường hợp tác nhân đạo giữa các bên về khắc phục hậu quả bom, mìn sau chiến tranh tại Việt Nam”. Lộ trình được xác định thông qua trao đổi đoàn, tài liệu; tổ chức các hoạt động nhân đạo chung; nâng cấp thiết bị công nghệ; hỗ trợ tài chính và kêu gọi sự tham gia của cộng đồng quốc tế với những nội dung hợp tác cụ thể<sup>1</sup>.

Việt Nam đã nỗ lực rất nhiều trong việc rà phá bom, mìn, vật liệu nổ sót lại sau chiến tranh như thành lập Ban Chỉ đạo khắc phục hậu quả bom, mìn quốc gia (2010) và tận dụng tối đa các nguồn lực nhà nước để tăng tốc độ làm sạch bom, mìn, nhưng là một quốc gia đang phát triển,

---

1. Xem Nguyễn Xuân Thành: “Hợp tác quốc tế giải quyết vấn đề bom, mìn, vật nổ sót lại sau chiến tranh của Việt Nam”, *Tlđđ*, tr.44-45.

bên cạnh nội lực, Việt Nam rất cần sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này, nhất là những cam kết hỗ trợ lâu dài từ Chính phủ Hoa Kỳ. Việt Nam đã đề xuất nhiều dự án hợp tác cụ thể nhằm đẩy nhanh tốc độ rà phá bom, mìn như: *làm sạch bom, mìn ở một số địa phương có tỷ lệ ô nhiễm bom, mìn nặng nhất; Hoa Kỳ hỗ trợ Việt Nam một trung tâm xử lý dữ liệu về bom, mìn và nạn nhân bom, mìn; và triển khai một xưởng sản xuất chân tay giả tại mỗi tỉnh để các nạn nhân bom, mìn Việt Nam có điều kiện lao động và tái hòa nhập cuộc sống*<sup>1</sup>.

Như vậy, hợp tác khắc phục hậu quả bom, mìn sau chiến tranh giữa Việt Nam và Hoa Kỳ thời gian qua được tích cực triển khai và có những bước đi thích hợp. Hai nước đã xây dựng được các mô hình hoạt động mang lại hiệu quả. Nhờ đó, hàng vạn héc-ta đất đai được giải phóng khỏi bom, mìn, vật liệu nổ. Việt Nam cũng đã hoàn thành việc điều tra, lập bản đồ bom, mìn; nhiều dự án rà phá bom, mìn tại các khu vực bị ô nhiễm về bom, mìn được triển khai thực hiện và đã đạt được một số kết quả tích cực. Chẳng hạn như tại tỉnh Quảng Trị - địa phương đầu tiên trong cả nước được

---

1. Xem Ánh Huyền: “Việt Nam - Hoa Kỳ hợp tác khắc phục hậu quả bom, mìn sau chiến tranh”, <http://vovworld.vn/vi-VN/Binh-luan/Viet-Nam-Hoa-Ky-hop-tac-khac-phuc-hau-qua-bom-min-sau-chien-tranh/331035.vov>.

Chính phủ cho phép thực hiện thí điểm chương trình hợp tác quốc tế rà phá bom, mìn nhân đạo, với dự án của Tổ chức Cây Hòa bình Việt Nam - Hoa Kỳ (1996). Qua gần 25 năm hợp tác, tỉnh Quảng Trị và các tổ chức phi chính phủ đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh. Tỷ lệ tai nạn bom, mìn giảm đáng kể, từ 456 vụ (giai đoạn 2001 - 2007) xuống còn 127 vụ (giai đoạn 2008 - 2014). Một số lượng lớn bom, mìn, vật liệu nổ đã được phát hiện và phá hủy an toàn. Tính đến hết năm 2014, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã giúp tỉnh rà phá được 8.399 ha đất nhiễm bom, mìn, tiến hành di dời và hủy nổ an toàn 556.448 vật liệu nổ...<sup>1</sup>.

Trong thời gian tới, hy vọng Hoa Kỳ tiếp tục giúp đỡ Việt Nam đầu tư nghiên cứu, chế tạo thiết bị có hàm lượng công nghệ cao và phù hợp để giúp nâng cao năng suất, hiệu quả và an toàn nhằm đẩy nhanh tiến độ khắc phục bom, mìn sau chiến tranh phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- *Về khắc phục hậu quả của chất độc da cam/dioxin.*  
Trong vòng 10 năm (1961 - 1971), quân đội Hoa Kỳ đã

---

1. Xem Thanh Thủy: “Mỹ hỗ trợ 8 triệu USD giúp Quảng Trị khắc phục hậu quả bom, mìn”, <http://www.vietnamplus.vn/my-ho-tro-8-trieu-usd-giup-quang-tri-khac-phuc-hau-qua-bom-min/309883.vnp>.

rải xuống Việt Nam hơn 72 triệu lít chất độc da cam, chứa khoảng từ 170 - 360kg dioxin. Chiến tranh đã lùi xa hơn 40 năm nhưng hậu quả chất độc da cam/dioxin vẫn để lại những hậu quả hết sức nặng nề đối với con người, hệ sinh thái và môi trường của Việt Nam. Tuy chưa có số liệu thống kê chính xác nhưng ước tính khoảng 2,1 - 4 triệu người bị phơi nhiễm với chất độc da cam/dioxin trong chiến tranh tại Việt Nam<sup>1</sup>. Do đó, việc giải quyết hậu quả chất độc da cam/dioxin là vấn đề phức tạp, lâu dài, đòi hỏi nhiều nỗ lực và càng không thể chần chừ vì đây là vấn đề nhân đạo, ảnh hưởng đến cuộc sống của hàng triệu người dân.

Có thể thấy, việc giải quyết hậu quả chiến tranh dù là một vấn đề được Hoa Kỳ và Việt Nam quan tâm ngay từ khi tiến hành bình thường hóa quan hệ nhưng đối với vấn đề chất độc da cam/dioxin, do Chính phủ Hoa Kỳ không thừa nhận trách nhiệm pháp lý trong việc giải quyết hậu quả chất độc hóa học tại Việt Nam, nhất là vấn đề nạn

---

1. Xem Nguyễn Hoàng Thanh, Hoàng Mạnh An, Đỗ Quyết, Nguyễn Bá Vương, Lương Minh Tuấn: “Khảo sát nồng độ dioxin trong máu ở người phơi nhiễm với chất độc da cam/dioxin tại Đà Nẵng”, tạp chí *Y - Dược học quân sự*, số 9, 2014, tr.83. Còn theo báo cáo của Viện Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ và nhà nghiên cứu Nguyễn Mai (trong cuốn sách *Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ hướng về phía trước*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008), con số này ước tính khoảng 4,8 triệu người.

nhân và giữa các nạn nhân Việt Nam với các công ty hóa chất Mỹ cũng nổ ra các cuộc tranh cãi pháp lý hết sức gay gắt, quyết liệt khi các công ty này cho rằng họ chỉ là “*nhà thầu*” nên không có trách nhiệm bồi thường... nên hợp tác giải quyết hậu quả chất độc da cam/dioxin giữa Việt Nam và Hoa Kỳ tiến triển rất chậm.

Dù Việt Nam nhiều lần yêu cầu Hoa Kỳ có trách nhiệm giải quyết hậu quả chiến tranh nhưng đến cuối nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống B. Clinton, Hoa Kỳ mới có những tín hiệu tích cực. Tuy nhiên, phải đến chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống George Walker Bush (tháng 11/2006), chính sách của Hoa Kỳ đối với vấn đề chất độc da cam/dioxin mới có sự thay đổi quan trọng khi nước này đồng ý đưa vấn đề này vào trong tuyên bố chung giữa hai nước. Trong các tuyên bố chung sau đó, vấn đề này tiếp tục được cam kết. Trong Tuyên bố chung năm 2013, phía Hoa Kỳ khẳng định “cam kết tăng hỗ trợ về chăm sóc y tế và các hình thức chăm sóc, trợ giúp khác cho người khuyết tật vì bất cứ nguyên nhân nào ở Việt Nam” với ám chỉ có thể trợ giúp cho nạn nhân chất độc da cam/dioxin<sup>1</sup>. Đặc biệt, trong Tuyên bố chung năm 2016 nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống B. Obama,

---

1. Xem Nguyễn Hồng Quang: “Động lực mới với việc giải quyết hậu quả chất da cam sau chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Obama”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 8 (221), 2016, tr.20-28.

Hoa Kỳ khẳng định hợp tác giải quyết hậu quả chiến tranh là một trong những ưu tiên trong tăng cường hợp tác quốc phòng - an ninh giữa hai nước và cam kết “sẽ hợp tác với Việt Nam để có đóng góp quan trọng nhằm tẩy độc dioxin tại sân bay Biên Hòa”<sup>1</sup>. Cam kết này mạnh mẽ hơn các cam kết trước đó và là cam kết cụ thể nhất của Hoa Kỳ về vấn đề này từ trước đến nay. Những sự kiện này thể hiện động thái tích cực của Hoa Kỳ trong việc nhìn nhận, đánh giá và tham gia khắc phục hậu quả chất độc da cam/dioxin ở Việt Nam. Có thể thấy, sự thay đổi nhận thức cũng như những cam kết, hành động mạnh hơn từ phía Hoa Kỳ về việc tham gia nhiều hơn, sâu hơn và thực chất hơn trong lĩnh vực này đã mang lại những kết quả cụ thể:

Năm 2007, Nhóm Đối thoại Việt Nam - Hoa Kỳ về chất độc da cam/dioxin được thành lập và hoạt động hết sức tích cực như tổ chức đi tham quan, tìm hiểu thực tế tại các “điểm nóng” dioxin ở sân bay Đà Nẵng, thăm các gia đình nạn nhân và các điểm chăm sóc nạn nhân bị dị tật bẩm sinh do chất độc da cam/dioxin gây ra. Nhóm đã tác

---

1. Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ: “Tuyên bố chung giữa Việt Nam và Hoa Kỳ nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama”, <http://vietnamembassy-usa.org/vi/tin-tuc/2016/05/tuyen-bo-chung-giua-viet-nam-va-hoa-ky-nhan-chuyen-tham-viet-nam-cua-tong-thong-hoa-ky-barack-obama>.

động để Chính phủ Hoa Kỳ hỗ trợ thành lập Phòng phân tích về dioxin trị giá 6,75 triệu USD; chương trình đào tạo nhân lực về phục hồi các vùng đất bị ảnh hưởng do chất độc hóa học đã được thực hiện ở Quảng Trị và Thừa Thiên Huế và tác động để Quốc hội Hoa Kỳ thông qua các khoản viện trợ cho Việt Nam khắc phục hậu quả chất độc da cam/dioxin (với sự tác động của Nhóm Đối thoại Việt Nam - Hoa Kỳ, Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua khoản viện trợ 3 triệu USD/năm cho các năm tài chính 2007, 2008, 2009 và năm 2010 là 15 triệu USD cho việc khắc phục hậu quả chất độc da cam ở Việt Nam). Một thành công của Nhóm Đối thoại Việt - Hoa Kỳ là đã lập nên bản kế hoạch 10 năm (2010 - 2019) để tiếp tục góp phần giải quyết vấn đề hậu quả chất độc da cam/dioxin, với dự kiến kinh phí là 300 triệu USD (trung bình 1 năm là 30 triệu USD). Kế hoạch gồm ba giai đoạn với hai mục tiêu chính là làm sạch đất bị nhiễm dioxin, khắc phục hệ sinh thái đã bị tàn phá và mở rộng các dịch vụ cung cấp cho người khuyết tật có liên quan đến chất độc da cam/dioxin, những người bị các khuyết tật và cho gia đình họ<sup>1</sup>.

Trong năm 2011, Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ 34 triệu USD để tẩy độc sân bay Đà Nẵng - nơi được dùng làm trung tâm

---

1. Xem Viện ASPEN: “Về nhóm đối thoại”, <https://assets.aspeninstitute.org/content/uploads/files/content/docs/agent-orange/9AOVIIFactSheet-AbouttheDialogueGroup-Aug2011-VN.pdf>.

phân phối chất độc da cam trong chiến tranh tại Việt Nam. Năm 2012, Hoa Kỳ viện trợ cho Việt Nam 44 triệu USD để tiếp tục xử lý “điểm nóng” chất độc da cam/dioxin Đà Nẵng. Trong năm 2013, mặc dù kinh tế Hoa Kỳ gặp nhiều khó khăn nhưng phía Hoa Kỳ cam kết cố gắng bảo đảm ngân sách dành cho chương trình xử lý chất độc da cam ở Việt Nam không giảm so với năm 2012. Năm 2014, Hoa Kỳ đã giải ngân 29 triệu USD trong khoản ngân sách 84 triệu USD giai đoạn 2014 - 2016 cho dự án này<sup>1</sup>. Hai bên khẳng định sau khi xử lý xong “điểm nóng” sân bay Đà Nẵng sẽ là sân bay Biên Hòa (Đồng Nai). Kết quả là, đầu tháng 11/2018, hai bên thông báo đã hoàn thành dự án xử lý dioxin tại sân bay Đà Nẵng. Theo đó, dự án đã xử lý thành công hơn 90.000m<sup>3</sup> đất, trầm tích ô nhiễm bằng phương pháp khử hấp thụ nhiệt và cô lập an toàn 50.000m<sup>3</sup>, trầm tích nhiễm dioxin nồng độ thấp, bàn giao hơn 30ha đất sạch cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, cũng đồng nghĩa với việc tạo thêm một cơ hội phát triển kinh tế cho thành phố Đà Nẵng. Ông Daniel Kritenbrink - Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam khẳng định đây là một sự kiện đặc biệt, là thành tựu lịch sử trong sự

---

1. Xem Nguyễn Đông: “Tham mưu trưởng liên quân Mỹ thăm nơi xử lý dioxin ở Đà Nẵng”, <https://vnexpress.net/thoi-su/tham-muu-truong-lien-quan-my-tham-noi-xu-ly-dioxin-o-da-nang-3031648.html>.



hợp tác giữa hai chính phủ và thể hiện việc hai nước đã cùng nhau giải quyết một cách có trách nhiệm các vấn đề di sản còn lại của chiến tranh và chuyển một nội dung gây bất đồng thành một nội dung để cộng tác<sup>1</sup>. Ngày 20/4/2019, hai bên đã khởi động Dự án tẩy độc sân bay Biên Hòa và đến ngày 01/11/2019, Quân chủng Phòng không - Không quân Việt Nam và Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đã tổ chức Lễ ký bàn giao mặt bằng dự án xử lý ô nhiễm dioxin tại khu vực sân bay Biên Hòa. Sau khi nhận bàn giao mặt bằng, phía USAID cần xử lý hơn 500.000m<sup>3</sup> đất ô nhiễm dioxin, gấp khoảng 4 lần so với khối lượng đã xử lý tại sân bay Đà Nẵng. Theo ước tính của cả hai bên, chi phí xử lý cần trên 390 triệu USD và việc xử lý tổng thể sẽ hoàn thành trong 10 năm<sup>2</sup>.

Bên cạnh đó, Hoa Kỳ cũng đã có những trợ giúp đối với người khuyết tật da cam/dioxin. Tính đến năm 2019, Hoa Kỳ đã tài trợ 60 triệu USD cho hoạt động hỗ trợ người

---

1. Xem Công Khanh: “Hoàn thành dự án xử lý dioxin tại sân bay Đà Nẵng: Thành tựu ngoại giao và khoa học mang tính lịch sử”, [http://cadn.com.vn/news/102\\_197868\\_hoan-thanh-du-an-xu-ly-dioxin-tai-san-bay-da-nang-thanh-tuu-ngoai-giao-va-khoa-hoc-mang-tinh-lich-su.aspx](http://cadn.com.vn/news/102_197868_hoan-thanh-du-an-xu-ly-dioxin-tai-san-bay-da-nang-thanh-tuu-ngoai-giao-va-khoa-hoc-mang-tinh-lich-su.aspx).

2. Xem Đức Bình: “Từ tháng 12/2019: sẽ xử lý ô nhiễm dioxin tại sân bay Biên Hòa”, <https://tuoitre.vn/tu-thang-12-2019-se-xu-ly-o-nhiem-dioxin-tai-san-bay-bien-hoa-20191101102910539.htm>.

khuyết tật tại Việt Nam<sup>1</sup>. Đồng thời, trong năm 2019, Hoa Kỳ cam kết sẽ tài trợ 50 triệu USD cho người khuyết tật tại 7 tỉnh của Việt Nam trong thời gian tới<sup>2</sup>. Mặc dù đã có những đóng góp viện trợ từ phía Hoa Kỳ nhưng thực chất hậu quả của chất độc da cam/dioxin vẫn còn rất nặng nề và nhu cầu hỗ trợ nhân đạo là rất lớn. Trong thời gian tới, các nạn nhân da cam Việt Nam mong muốn Chính phủ Hoa Kỳ sẽ có nhiều hoạt động tích cực hơn, như: trợ giúp về vật chất cho những nạn nhân, những gia đình gặp khó khăn trong cuộc sống; xây dựng một bệnh viện để khám và điều trị cho các nạn nhân; xây dựng trung tâm điều dưỡng, phục hồi chức năng cho các nạn nhân cô đơn, không nơi nương tựa... Đây không phải là những đòi hỏi quá sức mà chỉ là những mong mỏi thiết thực và chính đáng của các nạn nhân da cam Việt Nam.

Ngoài ra, theo Báo cáo thường niên của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ trong các năm tài chính từ năm 2007 đến năm 2010, Hoa Kỳ cấp phép cho các lô hàng xuất khẩu quân sự trị giá tới 98,5 triệu USD và 3,7 triệu USD các dịch vụ quốc phòng

---

1. Xem Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam: “Dự án hỗ trợ người khuyết tật do Hoa Kỳ tài trợ làm lợi cho hàng nghìn người dân Việt Nam trong 3 năm”, <https://vn.usembassy.gov/vi/u-s-supported-disability-program-benefited-thousands-of-vietnamese-over-three-years-vi/>.

2. Xem A Lộc: “Hoa Kỳ tài trợ 50 triệu USD cho người khuyết tật tại 7 tỉnh Việt Nam”, <https://tuoitre.vn/hoa-ky-tai-tro-50-trieu-usd-cho-nguoi-khuyet-tat-tai-7-tinh-viet-nam-20190819174643745.htm>.

cho Việt Nam<sup>1</sup>. Năm 2013, Hoa Kỳ cam kết cung cấp cho Việt Nam 18 triệu USD để tăng cường năng lực hàng hải và mua các tàu tuần tra, và tháng 3/2015, phía Hoa Kỳ công bố trao 6 tàu tuần tra cao tốc cho Việt Nam và giúp đỡ Việt Nam vận hành, bảo trì và xây dựng xưởng sửa chữa nhằm tối ưu hóa khả năng hoạt động của các thiết bị này. Sau đó, tháng 5/2017, lực lượng tuần duyên Hoa Kỳ đã bàn giao tàu tuần duyên trọng tải cao USCGC Morgenthau số hiệu 722 thuộc lớp Hamilton cho Cảnh sát biển Việt Nam và hỗ trợ Việt Nam 26,25 triệu USD để tăng cường năng lực an ninh hàng hải giai đoạn 2017 - 2018<sup>2</sup>. Đồng thời, Hoa Kỳ đang hỗ trợ, giúp đỡ Việt Nam xây dựng và phát triển Trung tâm Huấn luyện gìn giữ hòa bình.

Tuy nhiên, hợp tác quốc phòng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ còn hiện hữu một khoảng cách không nhỏ bởi sự khác biệt về thể chế chính trị, lối sống, văn hóa, nhận thức, những nhân tố chi phối chiến lược và đôi khi là cả sự hoài nghi, e ngại và chưa yên tâm về nhau.

Hoa Kỳ xây dựng quan hệ quốc phòng - an ninh tốt đẹp hơn với Việt Nam trước hết là để phục vụ cho lợi ích, an ninh quốc gia của Hoa Kỳ. Do đó, Việt Nam phải luôn kiên trì chính sách quốc phòng - an ninh gắn bó mật thiết

---

1. Xem Mark E. Manyin: *U.S.-Vietnam Relations in 2014: Current Issues and Implications for U.S. Policy*, <http://fas.org/sgp/crs/row/R40208.pdf>, update 24/6/2014, p.22.

2. Xem “Khắc phục hậu quả chiến tranh trong tiến trình tăng tốc quan hệ Việt - Mỹ”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 02/4/2019, tr.1-4, 3

với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Chúng ta hợp tác với Hoa Kỳ trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh không nhằm chống lại bất cứ nước nào và đi ngược lại với lợi ích của bất kỳ ai, hơn tất cả là để phục vụ cho lợi ích quốc gia - dân tộc, góp phần duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực.

## II- TRÊN LĨNH VỰC KINH TẾ

### 1. Về thương mại

*Về kim ngạch trao đổi thương mại:*

Sau khi Hoa Kỳ tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam (tháng 7/1995), trao đổi thương mại song phương hai chiều giữa hai nước năm 1995 đạt 451,3 triệu USD và những năm sau đó có những chuyển biến khá tích cực (năm 1996 đạt 948,2 triệu USD, năm 1997 đạt 674,9 triệu USD, năm 1998 đạt 801,2 triệu USD, năm 1999 đạt 899,8 triệu USD, năm 2000 đạt 1.189 triệu USD)<sup>1</sup> nhưng khoảng 5 năm sau khi hai bên bình thường hóa quan hệ ngoại giao, quan hệ kinh tế nói chung và quan hệ thương mại nói riêng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ vẫn chưa thật sự “*bình thường*” vì những cản trở chưa được giải tỏa. Việt Nam chưa được hưởng Quy chế Tối huệ quốc (MFN) của Hoa Kỳ nên chưa được hưởng các ưu đãi thuế quan,

---

1. Xem Lại Lâm Anh: “Khó khăn thách thức và phương hướng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 10, 2005, tr.29.

hàng hóa của Việt Nam rất khó cạnh tranh với hàng hóa các nước có MFN trên thị trường Hoa Kỳ. Trong khi đó, hàng hóa của Hoa Kỳ vào Việt Nam được hưởng quy chế bình đẳng, ngang bằng như các nước khác về thuế quan.

Vậy nên, Hiệp định thương mại song phương (BTA) Việt Nam - Hoa Kỳ đã tạo ra cơ sở pháp lý và là bước ngoặt quan trọng trong quan hệ thương mại song phương. Tháng 12/2001, Hiệp định này có hiệu lực và Hoa Kỳ trao cho Việt Nam được hưởng Quy chế thương mại bình thường (NRT) (2002), các rào cản thương mại chính thức được loại bỏ, thuế quan giảm xuống những mức thấp hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho trao đổi thương mại song phương có bước tăng đột phá so với giai đoạn trước đó. Năm 2002, kim ngạch thương mại hai chiều tăng 97,2% so với năm 2001, năm 2003 tăng 74,8% so với năm 2002...

Năm 2005, 10 năm bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng lên đến 15 lần. Năm 2006 là một cột mốc quan trọng trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ. Đây là năm Việt Nam gia nhập WTO (tháng 11/2006) và Việt Nam được hưởng Quy chế Quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) với Hoa Kỳ (tháng 12/2006). Năm 2006, tổng giá trị thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đạt 8,81 tỉ USD<sup>1</sup>.

---

1. Xem Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Đôi nét về quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ”, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=242&Category=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20chuy%C3%AAn%20C4%91%E1%BB%81&Group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch>.

Đồng thời, không lâu sau đó, Việt Nam và Hoa Kỳ ký Hiệp định khung về thương mại và đầu tư (TIFA) (ngày 21/6/2007). Với TIFA, quan hệ kinh tế của Việt Nam với Hoa Kỳ phát triển lên một bước mới. Bởi thế, những năm tiếp theo, kim ngạch thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ về cơ bản liên tục tăng khá ấn tượng (Bảng 1).

**Bảng 1. Kim ngạch xuất, nhập khẩu  
Việt Nam - Hoa Kỳ giai đoạn 2001 - 2006**

*Đơn vị: tỉ USD*

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ	1,06	2,45	3,94	5,02	5,92	7,84
Nhập khẩu của Việt Nam từ Hoa Kỳ	0,41	0,45	1,13	1,12	0,85	0,97
Tổng kim ngạch	1,47	2,9	5,07	6,14	6,77	8,81

*Nguồn:* Tổng cục Hải quan (số liệu đã được làm tròn<sup>1</sup>).

So với năm 2006, năm 2007, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ tăng trưởng với tốc độ 33,9%, đạt 11,8 tỉ USD. Những năm sau

---

1. Xem Nguyễn Thiết Sơn (Chủ biên): *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ: Vấn đề, chính sách và xu hướng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011, tr.192.

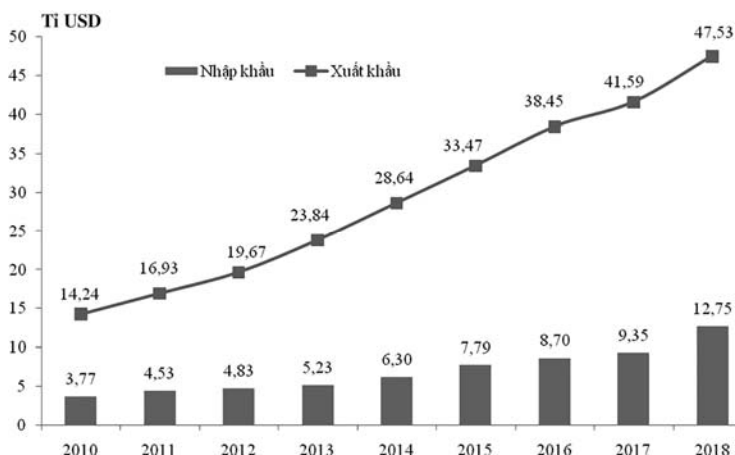
do chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, trao đổi thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ có biến động nhẹ. Tốc độ trao đổi thương mại tăng trưởng chậm lại. Năm 2008 tăng 23,2% so với năm 2007, thậm chí năm 2009 tốc độ tăng trưởng -13% so với năm 2008, năm 2010 tăng 24,7% so với năm 2009<sup>1</sup>. Qua Biểu đồ 1, có thể thấy, kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ giai đoạn 2010 - 2018 liên tục tăng. Năm 2019, tổng kim ngạch thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam đạt 75,72 tỉ USD, chiếm 16,64% tỷ trọng trong xuất nhập khẩu của cả nước<sup>2</sup>. Như vậy, trong vòng 25 năm qua, tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam với Hoa Kỳ tăng lên 167,8 lần. Năm 2019, sau nhiều năm xếp vị trí thứ ba, Hoa Kỳ đã vượt Hàn Quốc trở thành đối tác thương mại lớn thứ hai trong số hơn 100 đối tác thương mại của Việt Nam trên toàn cầu (sau Trung Quốc).

---

1. Xem Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Thương mại hàng hóa Việt Nam - Hoa Kỳ: đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam và cập nhật trong 4 tháng đầu năm”, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=933&Category=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20chuy%C3%AAn%20C4%91%E1%BB%81&Group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch>.

2. Xem Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và năm 2019”, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1734&Category=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20C4%91%E1%BB%81&Group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch>.

**Biểu đồ 1. Kim ngạch xuất, nhập khẩu  
Việt Nam - Hoa Kỳ giai đoạn 2010 - 2018**



Nguồn: Tổng cục Hải quan.

Vậy là, việc Việt Nam ký BTA với Hoa Kỳ và gia nhập WTO, được hưởng Quy chế PNTR của Hoa Kỳ đã mang lại nhiều thuận lợi cho hàng hóa Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ. Do đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ tăng nhanh và Hoa Kỳ liên tục nhập siêu từ Việt Nam. Năm 2002, xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ tăng đột biến, tăng 131% so với năm 2001, năm 2003 tăng 60,8% so với năm 2002. Năm 2006, sau 5 năm BTA có hiệu lực, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ chiếm 19,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam<sup>1</sup>.

---

1. Xem Nguyễn Thiết Sơn (Chủ biên): *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ: Vấn đề, chính sách và xu hướng*, Sđd, tr.192.



Sau đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ tiếp tục tăng trưởng khá nhanh và ổn định. Tính toán của Tổng cục Hải quan cho thấy tốc độ tăng xuất, nhập khẩu giữa hai nước bình quân trong giai đoạn 2010 - 2019 đạt trên 16%/năm.

Năm 2007, xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 10,09 tỉ USD thì 10 năm sau, con số này đã tăng lên đến 41,59 tỉ USD và năm 2019, Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ đạt 61,35 tỉ USD (chiếm 23,2% tỷ trọng trong xuất khẩu của cả nước). Sự gia tăng này đã đưa Hoa Kỳ trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường Hoa Kỳ cũng gia tăng khá nhanh. Năm 2007, Việt Nam nhập khẩu từ Hoa Kỳ 1,70 tỉ USD thì 10 năm sau, con số này là 9,35 tỉ USD và năm 2019, Việt Nam nhập khẩu từ Hoa Kỳ 14,37 tỉ USD (chiếm 5,7% tỷ trọng trong nhập khẩu của cả nước)<sup>1</sup>.

Biểu đồ 2 cho thấy, cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam trong trao đổi thương mại với Hoa Kỳ luôn duy trì mức thặng dư lớn. Năm 2010, mức thặng dư hàng hóa của Việt Nam trong buôn bán trao đổi thương mại với

---

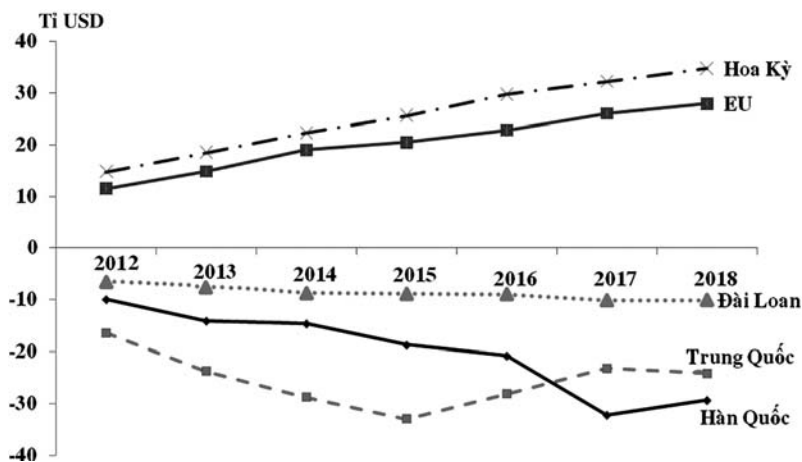
1. Xem Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Thương mại hàng hóa Việt Nam - Hoa Kỳ: đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam và cập nhật trong 4 tháng đầu năm”, *Tlđđ* và Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và năm 2019”, *Tlđđ*.

Hoa Kỳ đã vượt qua con số 10 tỉ USD, tăng 26,5% so với năm 2009. Năm 2019, nhờ kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ cao gấp hơn 4 lần so với kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước từ thị trường này, mức xuất siêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đã lên tới 46,98 tỉ USD và đóng góp tỷ trọng lớn vào thặng dư thương mại của cả nước năm 2019<sup>1</sup>. Dù vậy, trên tinh thần quốc gia bình đẳng và nguyên tắc cân bằng thương mại của các hiệp định thương mại tự do toàn cầu, Việt Nam không bao giờ theo đuổi mục tiêu xuất siêu vào thị trường Hoa Kỳ. Trong thời gian qua, Việt Nam đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Hoa Kỳ sang thăm và tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư tại Việt Nam nhằm hướng đến cán cân thương mại hài hòa và bền vững giữa hai nước. Chẳng hạn, gần đây các hãng hàng không của Việt Nam như Vietnam Airlines, Vietjet, Bamboo Airways đã ký kết thỏa thuận mua hàng chục chiếc máy bay của Hoa Kỳ gồm B737 Max, Boeing 787 Dreamlines của Hoa Kỳ với trị giá vài chục tỉ USD đã góp phần kéo giảm đáng kể khoảng cách thâm hụt thương mại giữa hai nước.

---

1. Xem Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và năm 2019”, *Tlđđ*.

**Biểu đồ 2. Cán cân thương mại giữa Việt Nam với Hoa Kỳ và đối tác thương mại lớn khác trong giai đoạn 2012 - 2018**



Nguồn: Tổng cục Hải quan.

Biểu đồ 2 cho thấy, trong số các đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam, Hoa Kỳ là thị trường Việt Nam luôn có thặng dư thương mại lớn nhất trong những năm qua. Do đó, thặng dư thương mại từ thị trường Hoa Kỳ giúp Việt Nam phần nào có thể bổ sung cho những khó khăn trong việc thâm hụt thương mại triền miên và rất lớn từ thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc (năm 2019, thâm hụt thương mại từ hai thị trường này của Việt Nam là 61,25 tỉ USD)<sup>1</sup>.

1. Xem Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và năm 2019”, *Tlđđ*.

### *Về cơ cấu hàng hóa trao đổi:*

Khi mới bình thường hóa quan hệ, hàng hóa hai bên trao đổi còn tương đối nghèo nàn về chủng loại. Một thời gian ngắn sau, cơ cấu hàng hóa trao đổi giữa hai nước đã trở nên phong phú và đa dạng hơn. Hoa Kỳ xuất khẩu sang Việt Nam chủ yếu là máy móc và thiết bị, phân bón, ô tô...; còn Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ chủ yếu là các mặt hàng nông sản, trong đó cà phê luôn giữ vị trí số một trong các mặt hàng nhập khẩu của Hoa Kỳ từ Việt Nam. Năm 1995, cà phê chiếm khoảng 73,7% giá trị nhập khẩu của Hoa Kỳ từ Việt Nam, năm 1996 khoảng 34,7% và năm 1999 khoảng 24%. Sau cà phê là các mặt hàng dầu thô, hải sản, dệt may, giày dép...<sup>1</sup>.

Sau khi BTA có hiệu lực, cơ cấu các mặt hàng của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ cũng có những thay đổi nhất định. Các mặt hàng chế tạo, gia công như dệt may, giày dép, thủy sản... ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong các mặt hàng nhập khẩu của Hoa Kỳ từ Việt Nam.

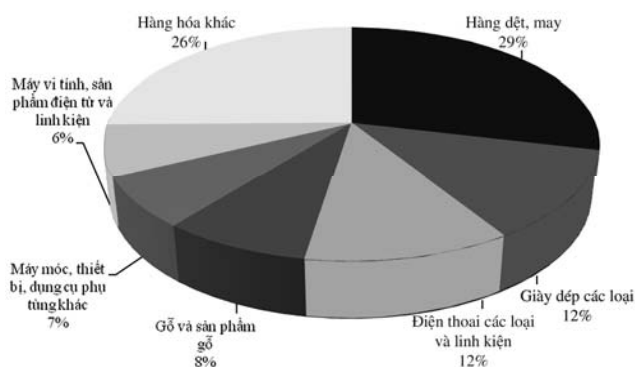
Tính đến hết năm 2018, theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tổng giá trị 10 nhóm mặt hàng lớn nhất của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 40,58 tỉ USD, chiếm 85,4% trong tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Trong nhiều năm qua, hàng dệt may đã dần thế chỗ cho các mặt hàng nông sản và trở thành ngành hàng dẫn đầu về xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường

---

1. Xem Phạm Hồng Tiến: “Quan hệ thương mại Việt - Mỹ sau 5 năm nhìn lại”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 5, 2000, tr.46-47.

Hoa Kỳ với giá trị xuất khẩu trong năm 2018 đạt 13,7 tỉ USD, chiếm đến 29% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này và chiếm gần 45% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của cả nước (xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam ra thị trường thế giới năm 2018 đạt 30,38 tỉ USD). Các nhóm mặt hàng lớn tiếp theo: giấy dếp các loại đạt 5,82 tỉ USD, tăng 13,9%; điện thoại các loại và linh kiện đạt 5,41 tỉ USD, tăng 46,1%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 3,9 tỉ USD, tăng 19,3%; máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng đạt 3,4 tỉ USD, tăng 40,3%... (Biểu đồ 3). Những năm gần đây, Việt Nam cũng đã xuất khẩu được thêm một số mặt hàng nông sản mới sang Hoa Kỳ như vải, nhãn, thanh long và sản phẩm hóa chất... đem lại sự đa dạng hơn cho cơ cấu hàng hóa xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ.

**Biểu đồ 3. Tỷ trọng các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ năm 2018**



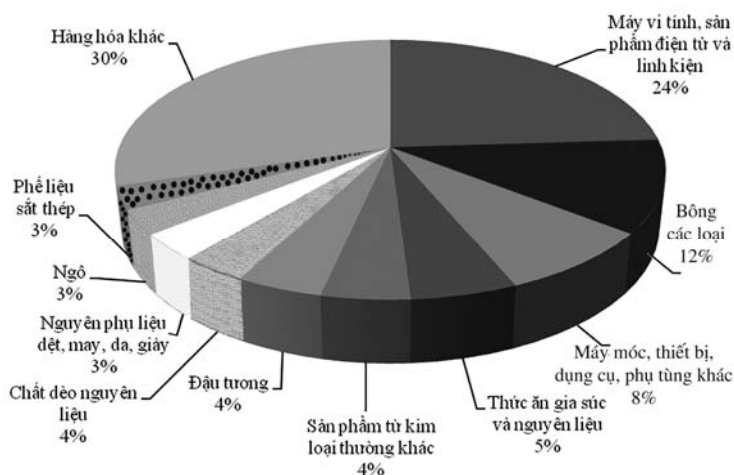
*Nguồn: Tổng cục Hải quan.*

Thế nhưng, các chuyên gia kinh tế nhận định chuyển dịch cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ còn đơn giản, hàm lượng gia tăng của sản phẩm còn thấp. Đến nay, sự chuyển biến về chất để tăng giá trị gia tăng của sản phẩm còn chậm. Mặt khác, theo xu hướng chung, thị trường Hoa Kỳ đang gia tăng các rào cản (chống bán phá giá, hàng rào kỹ thuật - từ sản phẩm đến quy trình), đòi hỏi từ chất lượng sản phẩm đến tính chất quy trình sản xuất, đang tạo ra khó khăn, thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam vì nhiều mặt hàng Việt Nam có nguy cơ bị Hoa Kỳ kiểm soát chặt chẽ hơn.

Đối với nhập khẩu, Việt Nam ngày càng có nhu cầu nhập khẩu lớn các loại máy móc, thiết bị công nghệ cao, thiết bị hàng không, viễn thông và nông sản nguyên liệu là những mặt hàng mà Hoa Kỳ có nguồn cung dồi dào. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong năm 2018, tổng giá trị nhập khẩu của 10 nhóm mặt hàng lớn nhất có xuất xứ từ Hoa Kỳ năm 2018 đạt hơn 8,97 tỉ USD, chiếm 70,4% trong tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa có xuất xứ Hoa Kỳ. Các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều từ Hoa Kỳ năm 2018 gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; thức ăn gia súc và nguyên liệu; đậu tương... (Biểu đồ 4). Trong đó, Việt Nam nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có xuất xứ từ Hoa Kỳ chiếm giá trị lớn nhất, lên đến 3,1 tỉ USD, chiếm 24% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường này và chiếm 7,18% tổng

nhập khẩu mặt hàng này của cả nước. Hiện để góp phần cân bằng thêm cán cân thương mại của hai nước, các doanh nghiệp Hoa Kỳ quan tâm đến xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thực phẩm, khí hóa lỏng... vào thị trường Việt Nam.

**Biểu đồ 4. Tỷ trọng các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Hoa Kỳ năm 2018**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan.*

Nhìn chung, cơ cấu trao đổi hàng hóa giữa Việt Nam và Hoa Kỳ thời gian qua khá ổn định và khác nhau về chủng loại. Hoa Kỳ xuất khẩu sang Việt Nam các mặt hàng công nghiệp chế tạo có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, còn Việt Nam xuất khẩu chủ yếu sang Hoa Kỳ các mặt hàng sơ chế, chất lượng chưa cao, mang tính chất lao động giản đơn, gia công. Điều này phản ánh sự chênh lệch

về trình độ phát triển giữa nền kinh tế Việt Nam và Hoa Kỳ và sự thiệt thòi của Việt Nam vì các mặt hàng xuất khẩu có giá trị gia tăng thấp. Song, ở một góc độ nào đó, sự khác nhau trong cơ cấu trao đổi hàng hóa giữa Việt Nam và Hoa Kỳ sẽ khiến tính bổ trợ cho nhau giữa hai thị trường tương đối lớn. Đây là một đặc điểm quan trọng trong quan hệ kinh tế, thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ. Dù vậy, Việt Nam cần có chiến lược hướng nhanh vào các mặt hàng tinh chế cao nhằm nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu để tạo ra giá trị gia tăng lớn hơn cho hàng xuất khẩu.

*Những điều chỉnh chính sách thương mại của Tổng thống Donald Trump và những tác động đến Việt Nam:*

Sau khi trở thành Tổng thống Hoa Kỳ vào tháng 01/2017, với ưu tiên “*nước Mỹ trên hết*”, Tổng thống Donald Trump đã có những điều chỉnh trong chính sách thương mại của Hoa Kỳ để chống lại sự gia tăng thâm hụt thương mại, sự suy giảm việc làm của ngành sản xuất và chế tạo của Hoa Kỳ. Do đó, chính quyền Donald Trump đã chống lại xu hướng “*thương mại tự do*” thông qua hành động quyết liệt đầu tiên, đó là rút Hoa Kỳ ra khỏi TPP, cùng với đó là yêu cầu cập nhật và nâng cấp Hiệp định Tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA), đàm phán lại FTA với Hàn Quốc... Có thể thấy, việc Hoa Kỳ rút khỏi TPP đã tạo ra “*cú sốc*” nhất định cho Việt Nam vì hiệp định này được đánh giá mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam. Tháng 12/2016, Việt Nam đã chính thức tham gia TPP và nó được dự báo có thể sẽ giúp GDP của Việt Nam tăng thêm



23,5 tỉ USD vào năm 2020 và 33,5 tỉ USD vào năm 2025. Xuất khẩu sẽ tăng thêm được 68 tỉ USD vào năm 2025<sup>1</sup>.

Đồng thời, sắc lệnh chống bán phá giá và thuế đối kháng; sắc lệnh xác định nguyên nhân thâm hụt thương mại của Hoa Kỳ cũng đã được ký kết và ban hành (tháng 3/2017). Theo đó, Hoa Kỳ xác định Việt Nam là một trong 16 thị trường mà Hoa Kỳ có thâm hụt thương mại lớn. Bởi thế, Hoa Kỳ áp thuế cao đối với hàng hóa nhập khẩu chắc chắn tác động tiêu cực đến Việt Nam. Cụ thể như, tháng 3/2018, Hoa Kỳ quyết định áp thuế 7,74 USD/kg đối với cá tra Việt Nam. Đây là mức thuế cao nhất từ trước đến nay, mức thuế này cao hơn gấp 9,7 lần so với mức thuế ngay kỳ trước đó. Do vậy, mục tiêu xuất khẩu cá tra đạt trên 2,4 tỉ USD gặp nhiều khó khăn<sup>2</sup>. Cùng với đó, các mặt hàng gia dụng của Việt Nam cũng bị ảnh hưởng vì tháng 11/2017, Hoa Kỳ công bố áp thuế tử đọng dụng cụ nhập khẩu từ Việt Nam, với mức thuế doanh nghiệp Việt Nam phải chịu lên đến 230%, thậm chí còn cao hơn mức 90,4 - 168,93% mà doanh nghiệp Trung Quốc phải chịu. Không chỉ vậy,

---

1. Xem Lê Vân: “Sau khi ký kết, TPP sẽ tác động thế nào tới kinh tế Việt Nam?”, <http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/91-4205-sau-khi-ky-ket-tpp-se-tac-dong-the-nao-toi-kinh-te-viet-nam.html>.

2. Xem Văn Thọ: “Triển khai kế hoạch phát triển ngành hàng cá tra năm 2019”, <https://tongcucthuysan.gov.vn/vi-vn/tin-t%E1%BB%A9c/-ng%E1%BB%81-c%C3%A11-trongn%C6%B0%E1%BB%9Bc/doc-tin/012314/2019-02-22/trien-khai-ke-hoach-phat-trien-nganh-hang-ca-tra-nam-2019>.

cuối năm 2017, sản phẩm tôn mạ của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ phải chịu mức thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp lần lượt là 199,43% và 39,05%, trong khi thép cán nguội phải chịu hai loại thuế trên ở mức lần lượt là 256,79% và 256,44%<sup>1</sup>. Rõ ràng, các biện pháp phòng vệ thương mại như vậy đã khiến cho xuất khẩu của Việt Nam bị ảnh hưởng không nhỏ, bởi thực tế, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất hàng dệt may, thép nguyên liệu... đều có một tỷ lệ khá lớn nhập khẩu từ Trung Quốc.

Bên cạnh đó, quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ cũng chịu những tác động nhất định từ cuộc chiến tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc. Tổng thống Donald Trump cho rằng Trung Quốc đã triển khai nhiều chính sách thương mại vi phạm quy định của WTO như định giá đồng nhân dân tệ thấp; hỗ trợ các doanh nghiệp nhà nước trong các hoạt động thương mại, đầu tư; Trung Quốc không trao cho các công ty nước ngoài quyền tiếp cận thị trường nước này một cách tương xứng; vi phạm sở hữu trí tuệ khi ép buộc nhiều công ty Hoa Kỳ phải chuyển giao công nghệ thông qua việc liên doanh với các công ty nội địa của Trung Quốc... dẫn đến Hoa Kỳ luôn chịu thâm hụt thương mại lớn với Trung Quốc và gây mất công ăn việc làm cho người dân của Hoa Kỳ. Do đó,

---

1. Xem Hà Nguyễn: “Xuất khẩu hàng hóa sang Mỹ: Doanh nghiệp chủ động trước chính sách mới”, <https://baodautu.vn/xuat-khau-hang-hoa-sang-my-doanh-nghiep-chu-dong-truoc-chinh-sach-moi-d76855.html>.

Hoa Kỳ đã áp đặt các biện pháp trừng phạt kinh tế với Trung Quốc khi áp thuế quan và hạn ngạch lên nhiều mặt hàng xuất, nhập khẩu của Trung Quốc đối với Hoa Kỳ; đồng thời, ngay lập tức, Trung Quốc cũng đã có những hành động đáp trả. Những hành động này đã dẫn đến cuộc chiến thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc khởi đầu từ ngày 06/7/2018. Có thể thấy, sự căng thẳng giữa hai đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam (Hoa Kỳ - thị trường xuất khẩu lớn nhất và Trung Quốc - thị trường nhập khẩu lớn nhất) đã tác động mạnh mẽ tới Việt Nam. Việt Nam sẽ có cơ hội chiếm lĩnh thị phần, gia tăng xuất khẩu vào Hoa Kỳ vì các mặt hàng do Trung Quốc sản xuất bị đánh thuế cao sẽ tạo cơ hội cho Việt Nam mở rộng hoạt động xuất khẩu các mặt hàng tương tự sang Hoa Kỳ. Đây là cơ hội cho không ít doanh nghiệp Việt Nam có thể mua được nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng với giá rẻ, từ đó hàng hóa sẽ tăng sức cạnh tranh xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ thay thế phần nào hàng hóa Trung Quốc. Về trung hạn, Việt Nam có thể có sự gia tăng sản phẩm của một số ngành xuất khẩu có khả năng cạnh tranh với Trung Quốc và nhiều khả năng sẽ diễn ra xu hướng chuyển các công ty xuyên quốc gia từ Trung Quốc sang Việt Nam<sup>1</sup>. Ngoài ra, cuộc chiến

---

1. Xem Hoàng Thị Thúy: “Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và vấn đề đặt ra đối với kinh tế Việt Nam”, <http://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/chien-tranh-thuong-mai-my-trung-va-van-de-dat-ra-doi-voi-kinh-te-viet-nam-314677.html>.

này cũng mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vì nhiều công ty nước ngoài đang tìm cách chuyển các hoạt động sản xuất của họ ra khỏi Trung Quốc nên với môi trường kinh doanh thông thoáng, an ninh, chính trị ổn định, Việt Nam được đánh giá là điểm thu hút đầu tư hấp dẫn. Cụ thể, vốn FDI thực hiện năm 2019 của Việt Nam đạt 20,38 tỉ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến ngày 20/12/2019, Việt Nam đã thu hút 3.046 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt hơn 16,7 tỉ USD, tăng 27,5% về số dự án và giảm 6,8% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, Việt Nam chắc chắn cũng sẽ chịu không ít tác động tiêu cực từ cuộc chiến này. Chẳng hạn như, để giảm phụ thuộc vào Hoa Kỳ, duy trì năng suất, Trung Quốc có thể có những chính sách phá giá, đẩy hàng hóa dư thừa sang các nước xung quanh, trong đó có Việt Nam. Điều này tạo ra sức ép cho doanh nghiệp nội địa<sup>2</sup>. Không chỉ vậy, Trung Quốc có thể sẽ đưa hàng hóa giá rẻ vào Việt Nam rồi tìm cách

---

1. Xem: “Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài năm 2019”, <https://dautunuocngoai.gov.vn/tinbai/6318/Tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-nam-2019>.

2. Xem Gia Minh: “Tác động 2 chiều của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đến kinh tế Việt Nam”, <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/tac-dong-2-chieu-cua-chien-tranh-thuong-mai-my-trung-den-kinh-te-viet-nam-141589.html>.

xuất khẩu sang Hoa Kỳ bằng cách gắn mác Việt Nam để tránh bị đánh thuế khi xuất sang Hoa Kỳ nên Việt Nam có nguy cơ trở thành “*cánh tay nối dài*” cho hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc và nếu Hoa Kỳ phát hiện ra, Việt Nam sẽ rơi vào tình trạng bất hợp pháp. Trong tổng số 19 vụ điều tra thương mại, chỉ riêng 8 tháng đầu năm 2019 đã có 7 vụ liên quan tới xuất xứ hàng hóa Việt Nam, tập trung vào các nhóm hàng như: nhôm, thép, đồ gia dụng, đồ điện tử, thủy sản, ván ép... với cáo buộc nhập khẩu nguyên liệu từ các nước đang bị Hoa Kỳ áp thuế phòng vệ thương mại như Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ... Điều này tác động tiêu cực đến nỗ lực hội nhập kinh tế của Việt Nam, đặc biệt với Hoa Kỳ, EU và các nước khác trong khu vực, gây cản trở hoạt động xuất khẩu và ảnh hưởng lớn tới uy tín của các ngành hàng Việt Nam trên thị trường quốc tế<sup>1</sup>. Mặt khác, dưới tác động của cuộc chiến thương mại này, sản xuất của Trung Quốc cũng bị đình trệ nên sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu từ Việt Nam. Hơn nữa, nếu nhiều doanh nghiệp Trung Quốc bị phá sản, rất có thể lao động Trung Quốc sẽ sang các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam để tìm việc. Điều này không chỉ tác động đến các vấn đề về kinh tế mà còn cả các vấn đề về an ninh, xã hội.

---

1. Xem Xuân Anh: “Quan hệ kinh tế, thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ có tính hỗ trợ cho nhau”, <https://bnews.vn/quan-he-kinh-te-thuong-mai-viet-nam-hoa-ky-co-tinh-bo-tro-cho-nhau/133130.html>.

Tóm lại, 25 năm qua, quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã có những bước phát triển liên tục, vững chắc và mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân hai nước, song *Việt Nam vẫn chịu nhiều thiệt thòi trong quan hệ thương mại với Hoa Kỳ và vẫn còn nhiều rào cản cần vượt qua.*

Cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa được hưởng Chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) và Hoa Kỳ vẫn chưa công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường đầy đủ nên hàng hóa Việt Nam vẫn phải cạnh tranh với các nước đã được hưởng quy chế GSP của Hoa Kỳ để có thể đứng vững ở thị trường này. Đồng thời, Hoa Kỳ thực hiện nhiều biện pháp và rào cản thương mại nhằm hạn chế hàng nhập khẩu, bảo vệ người tiêu dùng và bảo vệ sản xuất trong nước đang bị mất dần lợi thế so sánh so với hàng nhập khẩu (đạo luật Farm Bill, đạo luật Lacey), gây nhiều khó khăn cho Việt Nam.

Những mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ như tôm, cá tra, cá ba sa, hay là những mặt hàng về may mặc gặp cản trở khi mở rộng quy mô xuất khẩu do các rào cản kỹ thuật từ Hoa Kỳ.

Do đó, trong thời gian tới, còn nhiều gian nan phải vượt qua cho hàng hóa Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ. Các doanh nghiệp Việt Nam bắt buộc phải hướng đến việc coi trọng chất lượng hàng hóa là yếu tố hàng đầu và cần tìm hiểu, nắm bắt rõ thể chế pháp luật, quy định của Hoa Kỳ hơn nữa; chú ý theo dõi chặt chẽ phản ứng của khách hàng nhằm tránh vướng vào các vụ kiện tụng hoặc bị xử

phạt nặng. Kể cả khi các vụ kiện tụng có xảy ra thì các doanh nghiệp của Việt Nam phải chuẩn bị cho mình đội ngũ các luật sư am hiểu các quy định, chính sách của Hoa Kỳ nhằm sẵn sàng, tự tin “*theo đến cùng*” và giành được ưu thế pháp lý. Thực tế, cho đến nay, hầu hết rào cản “*chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với hàng xuất khẩu*” mà Hoa Kỳ áp đặt đối với Việt Nam thường xuất phát từ yếu tố chính trị hơn là xuất phát từ cạnh tranh bình đẳng trên thương trường. Các doanh nghiệp Việt Nam không bán phá giá các sản phẩm mà phía Hoa Kỳ đưa ra áp thuế chống bán phá giá thì chúng ta hoàn toàn có niềm tin sẽ vượt qua được những trở ngại này. Đơn cử như năm 2013, Việt Nam đã thắng trong vụ kiện Hoa Kỳ áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với mặt hàng tôm của Việt Nam và đạt được mức thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đều là 0%.

## **2. Về đầu tư**

### *a) Về quy mô vốn đầu tư:*

Hoạt động đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam được bắt đầu từ trước khi hai nước bình thường hóa quan hệ nhưng còn hết sức nhỏ bé. Từ năm 1988 đến năm 1994, Hoa Kỳ đầu tư vào Việt Nam 22 dự án, với tổng kinh phí khoảng 123 triệu USD. Sau khi hai bên tuyên bố bình thường hóa quan hệ, đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam đã có chuyển biến lớn, chỉ trong năm 1995, Hoa Kỳ đã đầu tư 19 dự án FDI với tổng số vốn 462 triệu USD (gấp gần 2 lần số dự án,

nhưng gấp hơn 20 lần số vốn đầu tư so với giai đoạn 1988 - 1993)<sup>1</sup>. Tuy nhiên, sau đó, trước khi hai bên ký kết BTA vào năm 2001, đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam giảm mạnh do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á năm 1997 - 1998 và một phần cũng do môi trường, chính sách đầu tư của Việt Nam chưa ổn định, khá nhiều rủi ro, chậm thu lợi nhuận.

Có thể nói, BTA đã tạo ra “*cú hích*” mới cho hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Sau khi Hiệp định này được ký kết, đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ vào Việt Nam đã có sự gia tăng cả về số dự án và số vốn đầu tư. Nếu năm 2001, Hoa Kỳ mới chỉ có 24 dự án đầu tư vào Việt Nam thì đến năm 2005, con số này là 55 dự án và năm 2008 là 81 dự án. Và, nếu năm 2001, số vốn Hoa Kỳ đầu tư vào Việt Nam là 102 triệu USD thì đến năm 2009, vốn đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ vào Việt Nam đạt 9,8 tỉ USD và Hoa Kỳ đã vươn lên thành nhà đầu tư số 1 tại Việt Nam trong năm này. Thế nhưng, bước sang năm 2010, vốn đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam đã sụt mạnh do kinh tế Hoa Kỳ suy thoái bởi chịu tác động mạnh mẽ của khủng hoảng tài chính năm 2008, khủng hoảng nợ công châu Âu vào đầu năm 2010. Tổng số vốn đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam năm 2010 đạt giá trị 1,96 tỉ USD. Đặc biệt, tổng số vốn

---

1. Xem Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Đồng Anh Xuân: “Thu hút đầu tư trực tiếp từ Hoa Kỳ vào Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”, tạp chí *Công nghiệp*, số 6, 2012, tr.16.



đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam năm 2011 thấp kỷ lục trong vòng gần 10 năm trở lại đây, chỉ đạt giá trị 253,99 triệu USD. Từ năm 2012 đến nay, kinh tế Hoa Kỳ phục hồi và chiến tranh thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc diễn ra nên các nhà đầu tư Hoa Kỳ có xu hướng đẩy mạnh đầu tư vào Việt Nam. Tính lũy kế đến ngày 20/12/2019, Hoa Kỳ có 988 dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt hơn 9,38 tỉ USD; xếp thứ 11 trong tổng số 135 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Quy mô bình quân vốn đầu tư cho một dự án của Hoa Kỳ là 9,5 triệu USD/dự án, thấp hơn so với quy mô trung bình của một dự án FDI vào Việt Nam hiện nay là 11,8 triệu USD<sup>1</sup>. Song nếu so với con số 67,7 tỉ USD của Hàn Quốc; 59,3 tỉ USD của Nhật Bản; hay 49,8 tỉ USD của Xingapo; 32,3 tỉ USD của Đài Loan, thì 9,38 tỉ USD vốn đầu tư của Hoa Kỳ vẫn là con số khiêm tốn. Tuy nhiên, có thể thấy, đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam còn do một số tập đoàn như Intel, Coca-Cola, Procter&Gamble, Chevron, ConocoPhillips... đầu tư thông qua các chi nhánh, công ty con đăng ký tại một số nước, vùng lãnh thổ khác như Quần đảo Virgin thuộc Anh, Xingapo, Hồng Kông... nên con số này chưa phản ánh hết luồng vốn đầu tư của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Cho đến nay, dự án FDI lớn nhất của Hoa Kỳ tại Việt Nam là

---

1. Xem: “Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài năm 2019”, <https://dautunucngoai.gov.vn/tinbai/6318/Tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-nam-2019>.

dự án Công ty trách nhiệm hữu hạn Winvest Investment (Việt Nam) cấp phép năm 2006. Dự án do Winvest Investment LLC đầu tư với mục tiêu hoạt động là xây dựng khu nghỉ mát, khách sạn 5 sao, vui chơi giải trí tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Dự án có quy mô 4,1 tỉ USD vốn đầu tư<sup>1</sup>. Hiện Việt Nam được đánh giá là tâm điểm thu hút rất nhiều nhà đầu tư Hoa Kỳ sau khi chiến tranh thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc diễn ra, tuy nhiên để thúc đẩy quan hệ đầu tư lên một tầm cao mới, Chính phủ Việt Nam cần tiếp tục cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa các thủ tục để tạo thuận lợi hơn trong kinh doanh như mong muốn của các doanh nghiệp Hoa Kỳ.

Ở chiều ngược lại, theo Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2019, Hoa Kỳ là địa bàn đứng thứ hai về vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài, với 26 dự án, tổng vốn đầu tư là 93,4 triệu USD, chiếm 18,4% tổng vốn đầu tư<sup>2</sup>. Tuy vậy, đầu tư của Việt Nam sang Hoa Kỳ vẫn được đánh giá là khiêm tốn và còn nhiều hạn chế. Sở dĩ đầu tư của Việt Nam sang Hoa Kỳ còn khiêm tốn là do hoạt động FDI và việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam

---

1. Xem Cục Đầu tư nước ngoài: “Tình hình đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ tại Việt Nam”, <http://fia.mpi.gov.vn/tinbai/2989/Tinh-hinh-dau-tu-truc-tiep-cua-Hoa-Ky-tai-Viet-Nam>.

2. Xem: “Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài năm 2019”, *Tlđđ*.

còn nhiều bất cập, hạn chế. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp Việt Nam chưa hiểu rõ về thị trường Hoa Kỳ nên chưa tận dụng hết thế mạnh trong những lĩnh vực phù hợp với điều kiện của mình để vào thị trường này và cũng có nhiều doanh nghiệp Việt Nam chưa nắm bắt đầy đủ luật pháp của Hoa Kỳ nên chưa dám mạo hiểm đầu tư. Mặc dù số lượng và quy mô các dự án của doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại Hoa Kỳ còn rất khiêm tốn, nhưng việc xuất hiện các nhà đầu tư Việt Nam tại Hoa Kỳ cho thấy quan hệ hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã bước sang một giai đoạn mới, chuyển từ xu hướng một chiều sang xu hướng hai chiều.

*b) Về cơ cấu đầu tư:*

Vốn FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam 25 năm qua chủ yếu tập trung vào ba lĩnh vực: công nghiệp và xây dựng; dịch vụ; nông, lâm, ngư nghiệp, nhưng có sự ưu tiên khác nhau qua từng giai đoạn. Trước năm 2006, vốn đầu tư của Hoa Kỳ chủ yếu tập trung vào các ngành công nghiệp. Tính đến tháng 6/2000, tỷ trọng vốn đầu tư của Hoa Kỳ vào ngành công nghiệp cao hơn nhiều so với chỉ số tương ứng của tổng vốn FDI vào Việt Nam: 58,83% so với 38,78%<sup>1</sup>. Tuy nhiên, từ năm 2006 đến nay, vốn đầu tư của Hoa Kỳ mở rộng ra nhiều ngành như bán lẻ, sửa chữa; công nghiệp chế biến, chế tạo; dịch vụ lưu trú và ăn uống; hành chính và dịch vụ hỗ trợ; hoạt động

---

1. Xem Lê Viết Hùng: *Quan hệ kinh tế Hoa Kỳ - Việt Nam (2000 - 2012)*, Nxb. Đại học Huế, 2018, tr.65.

chuyên môn, khoa học và công nghệ; kinh doanh bất động sản; nông, lâm nghiệp, thủy sản; thông tin và truyền thông; vận tải kho bãi; xây dựng; tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; giáo dục - đào tạo; cấp nước, xử lý chất thải; khai khoáng y tế và trợ giúp xã hội..., trong đó chủ yếu tập trung vào khu vực dịch vụ. Đến tháng 12/2018, các nhà đầu tư Hoa Kỳ đã đầu tư vào 17/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, vốn đầu tư tập trung vào lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống với 17 dự án, tổng số vốn đăng ký xấp xỉ 4,68 tỉ USD (chiếm 42,3% tổng vốn đăng ký của Hoa Kỳ tại Việt Nam). Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu về tổng số dự án với 323 dự án, tổng số vốn đăng ký đứng thứ hai, đạt 2,24 tỉ USD (chiếm 20,3% tổng vốn đăng ký của Hoa Kỳ tại Việt Nam). Còn lại là một số lĩnh vực khác<sup>1</sup>. Nhìn chung, đầu tư của Hoa Kỳ tập trung vào những lĩnh vực cần nhiều vốn và tri thức, và do các nhà đầu tư Hoa Kỳ luôn muốn thu hồi vốn nhanh và có lợi nhuận cao nên thường tập trung vào những ngành đáp ứng được yêu cầu này như các nhóm ngành công nghiệp, dịch vụ...; các ngành chế biến nông sản và thực phẩm là thế mạnh của Việt Nam song rất ít dự án và vốn đầu tư cho một dự án thường nhỏ; các lĩnh vực cần thiết như văn hóa, giáo dục, y tế,... cũng chưa thu hút được nhiều các dự án FDI của Hoa Kỳ.

---

1. Xem Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI: *Hồ sơ thị trường Hoa Kỳ*, tháng 12, 2018, tr.8.

*c) Về hình thức đầu tư:*

Nguồn vốn FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam được thực hiện thông qua 4/6 hình thức đầu tư được pháp luật Việt Nam cho phép, đó là Hợp đồng BOT (Build - Operate - Transfer: Xây dựng - Vận hành - Chuyển giao); Hợp đồng BTO (Build - Transfer - Operate: Xây dựng - Chuyển giao - Vận hành); Hợp đồng BT (Build - Transfer: Xây dựng - Chuyển giao) và công ty mẹ - con. Giống như nhiều đối tác đầu tư lớn của Việt Nam, các nhà đầu tư Hoa Kỳ đa số lựa chọn hình thức 100% vốn nước ngoài với 599 dự án và gần 8,27 tỉ USD vốn đăng ký (chiếm 74,8% tổng vốn đăng ký của Hoa Kỳ tại Việt Nam). Hình thức liên doanh có 111 dự án với xấp xỉ 2,6 tỉ USD vốn đăng ký (chiếm 23,5% tổng vốn đăng ký của Hoa Kỳ tại Việt Nam). Còn lại là hai hình thức công ty cổ phần và hợp đồng hợp tác kinh doanh chiếm tỷ trọng không đáng kể<sup>1</sup>. Việc các nhà đầu tư Hoa Kỳ ưu tiên lựa chọn hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài cho thấy Việt Nam còn nhiều yếu kém về vốn, công nghệ, nguồn nhân lực nên các hình thức khác chưa lôi cuốn được các nhà đầu tư Hoa Kỳ.

*d) Về địa bàn đầu tư:*

Những năm đầu sau khi hai bên mới bình thường hóa quan hệ, đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam chủ yếu tập trung ở một số địa bàn có lợi thế về kết cấu hạ tầng. Riêng Thành phố Hồ Chí Minh chiếm 29,7% tổng số vốn FDI của

---

1. Xem Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI: *Hồ sơ thị trường Hoa Kỳ*, Tlđđ, tr.9.

Hoa Kỳ vào Việt Nam. Chỉ riêng địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai đã chiếm đến 60,92% tổng vốn FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam. Còn nếu tính thêm cả Hà Nội (nơi thu hút FDI của Hoa Kỳ lớn thứ ba) thì ba địa phương này chiếm hơn 2/3 tổng số vốn FDI của Hoa Kỳ vào Việt Nam<sup>1</sup>. Đến nay, các nhà đầu tư Hoa Kỳ đã mở rộng địa bàn đầu tư tại Việt Nam, có mặt tại 42/63 địa phương trong cả nước (tính cả khu vực dầu khí ngoài khơi). Mặc dù địa bàn đầu tư của Hoa Kỳ ở Việt Nam đã được mở rộng nhưng đầu tư của Hoa Kỳ vẫn chủ yếu tập trung tại các địa phương thuộc vùng trọng điểm kinh tế phía Nam, nơi có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi và khu vực phát triển kinh tế năng động nhất, như: Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Bình Dương. Cụ thể như: Bà Rịa - Vũng Tàu có 18 dự án với tổng vốn đăng ký là 5,3 tỉ USD (chiếm gần 50% tổng vốn đăng ký của Hoa Kỳ tại Việt Nam)<sup>2</sup>.

Như vậy, có thể thấy, có sự mất cân đối về địa bàn đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam. Do đó, nhiệm vụ đặt ra là cần phải thực hiện công tác quy hoạch và các chính sách hợp lý để điều chỉnh cơ cấu FDI ở Việt Nam nói chung và cơ cấu đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ ở Việt Nam nói riêng theo đúng hướng chiến lược phát huy

---

1. Xem Lê Viết Hùng: *Quan hệ kinh tế Hoa Kỳ - Việt Nam (2000 - 2012)*, Sđd, tr.65.

2. Xem Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI: *Hồ sơ thị trường Hoa Kỳ, Tlđđ*, tr.9.

triệt để thế mạnh từng vùng phục vụ công cuộc phát triển đất nước.

Tóm lại, hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Hoa Kỳ kể từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ đến nay đã có những bước tiến vượt bậc và có tác động khá tích cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi bên. Đối với Việt Nam, nguồn vốn FDI của Hoa Kỳ góp phần tích cực trong việc bổ sung nguồn vốn cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta; cải thiện cán cân thanh toán quốc tế, góp phần bù đắp sự thiếu hụt về ngoại tệ. Có thể nhận thấy rằng, mặc dù giá trị vốn đầu tư của Hoa Kỳ trong tổng vốn FDI vào Việt Nam là rất nhỏ so với tiềm năng đầu tư của quốc gia này nhưng lượng vốn này cũng là đáng kể đối với Việt Nam. Đồng thời, đầu tư của Hoa Kỳ đã góp phần nâng cao năng lực công nghệ của nền kinh tế Việt Nam bởi thông qua việc tiếp nhận đầu tư của Hoa Kỳ, Việt Nam đã ít nhiều tiếp thu được công nghệ và kỹ thuật hiện đại từ Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, FDI của Hoa Kỳ tại Việt Nam cũng góp phần tích hợp Việt Nam vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tạo việc làm chất lượng cho lao động Việt Nam. Đến nay, khu vực có vốn đầu tư của Hoa Kỳ đã thu hút hàng triệu lao động trực tiếp và lao động gián tiếp khác như xây dựng, cung ứng dịch vụ,... Là một trong những doanh nghiệp Hoa Kỳ đầu tiên đầu tư vào thị trường Việt Nam, đến nay, Coca-Cola đã đầu tư gần 1 tỉ USD vào Việt Nam, trở thành nhà đầu tư Hoa Kỳ hàng đầu trong lĩnh vực nước giải khát, tạo công ăn việc làm cho 4.000 lao động trực tiếp và từ đó tạo ra 6 - 10 lần việc

làm gián tiếp trong chuỗi dịch vụ cung ứng. Trong quá trình hoạt động, công ty luôn tận dụng tối đa mọi nguồn nguyên liệu và nhân lực sẵn có tại Việt Nam<sup>1</sup>. Ngoài ra, không chỉ tham gia đầu tư sản xuất, các nhà đầu tư Hoa Kỳ còn tiên phong đóng góp những hành động thiết thực trong các hoạt động hướng đến phát triển bền vững tại Việt Nam. Mới đây, hai nhà đầu tư Hoa Kỳ là Coca-Cola và Suntory PepsiCo Việt Nam cùng 7 doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực hàng tiêu dùng của nước ngoài và Việt Nam đã thành lập Liên minh Tái chế bao bì Việt Nam (PRO Vietnam) nhằm mục tiêu vào năm 2030, tất cả bao bì do các thành viên đưa ra tiêu thụ trên thị trường sẽ được thu gom và tái chế vì một Việt Nam xanh, sạch, đẹp<sup>2</sup>. Đối với Hoa Kỳ, đầu tư sang Việt Nam giúp các nhà đầu tư của họ có thể tận dụng được những yếu tố của Việt Nam mà ở trong nước họ không thể có được như: lao động giá rẻ nhưng ngày càng được nâng cao về chất lượng, tài nguyên phong phú, thị trường tiêu thụ có sức mua tương đối lớn... để mang lại lợi thế cạnh tranh, đồng thời cũng mở ra một thị trường mới cho hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ.

Như vậy, sau 25 năm thiết lập quan hệ đầu tư, có thể thấy, nhận xét: “Người Việt Nam bây giờ uống Coca-Cola,

---

1, 2. Xem T.C: “Doanh nghiệp Hoa Kỳ đầu tư vào Việt Nam: Lộ trình dài hạn để phát triển bền vững”, <https://baodautu.vn/doanh-nghiep-hoa-ky-dau-tu-vao-viet-nam-lo-trinh-dai-han-de-phat-trien-ben-vung-d103720.html>.



tra Google, lên Facebook, mua sắm qua Amazon, bay máy bay Boeing”<sup>1</sup> đã minh chứng khá rõ cho sức ảnh hưởng của hoạt động đầu tư của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

### III- TRÊN LĨNH VỰC VĂN HÓA, GIÁO DỤC, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, Y TẾ

#### 1. Về văn hóa

Sau khi hai nước bình thường hóa quan hệ, song song với các lĩnh vực quan hệ hợp tác khác thì lĩnh vực văn hóa được hai bên quan tâm hợp tác, tập trung chủ yếu ở các hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật và ký kết các hiệp định về văn hóa. Để hiện thực hóa các hoạt động hợp tác, giao lưu văn hóa giữa hai nước, hai bên đã tiến hành ký kết các hiệp định, cam kết cũng như các bản ghi nhớ về hợp tác văn hóa giữa hai nước, trong đó có Hiệp định về thiết lập quan hệ quyền tác giả (hay còn gọi là Hiệp định Quyền tác giả Việt Nam - Hoa Kỳ ngày 27/6/1997). Việc ký kết Hiệp định đã thúc đẩy hơn nữa quá trình bình thường hóa quan hệ, tăng cường mối quan hệ giao lưu và phát triển hợp tác văn hóa giữa hai nước.

Hai bên đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật sôi nổi với việc trao đổi, giới thiệu nhiều tác phẩm văn học, thơ ca, âm nhạc, hội họa, kịch nghệ... đến đông đảo

---

1. Xem T.C: “Doanh nghiệp Hoa Kỳ đầu tư vào Việt Nam: Lộ trình dài hạn để phát triển bền vững”, *Tlđđ*.

nhân dân và rộng rãi ở cả hai nước không chỉ trong các chương trình riêng biệt mà cả trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, báo chí, internet... Các nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ hai nước thường xuyên trao đổi hợp tác về nghề nghiệp thông qua các tổ chức hội nghề nghiệp của mỗi bên. Trong lĩnh vực điện ảnh, nghệ thuật cũng được quan tâm hợp tác, các phim ảnh từ Hoa Kỳ nhập vào Việt Nam đều được Công ty Xuất nhập khẩu và Phát hành phim Việt Nam (Fafilm) kiểm duyệt và cấp phép trình chiếu trên các đài truyền hình và rạp chiếu. Các sản phẩm ghi âm, âm nhạc và xuất bản sách là lĩnh vực nhạy cảm về bản quyền cũng được Việt Nam quản lý ngày càng chặt chẽ hơn, hoạt động giao lưu nghệ thuật cũng được hai nước thường xuyên tổ chức như nhóm 80 nghệ sĩ Việt Nam tổ chức chuyến lưu diễn và trưng bày triển lãm các tác phẩm nghệ thuật ở 9 tiểu bang của Hoa Kỳ năm 1997. Tiếp đó, ngày 25/8/1999, một cuộc triển lãm tổng hợp về nghệ thuật Hoa Kỳ cũng được tổ chức tại Bảo tàng nghệ thuật Hà Nội với tựa đề “Nghệ thuật Hoa Kỳ trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI”. Đây được coi là một cuộc triển lãm đầu tiên có quy mô về nghệ thuật của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Sự kiện này được nhận định là “mở ra quá trình giao lưu văn hóa của nghệ thuật Hoa Kỳ và Việt Nam, đánh dấu một ngày đặc biệt trong lịch sử quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ”. Từ năm 2003 đến năm 2005, nhiều hoạt động triển lãm nghệ thuật đã được hai bên cùng phối hợp tổ chức như: Cuộc triển lãm về văn hóa đương đại

Việt Nam do Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Hoa Kỳ phối hợp với Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam; Triển lãm tranh của 15 họa sĩ Việt Nam với tựa đề “Truyền thống và đổi thay: Nghệ thuật Việt Nam ngày nay” tại Đại sứ quán Việt Nam ở Hoa Kỳ (tháng 7/2004); Triển lãm ảnh của Peter Steinhauer và Nguyễn Hoài Linh do Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam tổ chức tháng 7/2005. Đến nay, nhiều hoạt động giao lưu văn hóa đã được hai bên tiếp tục tiến hành thường niên. Năm 2015, nhân kỷ niệm 20 năm bình thường hóa quan hệ ngoại giao, Việt Nam và Hoa Kỳ đã có nhiều hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật thiết thực và bổ ích để giới thiệu về văn hóa, con người và những bước phát triển đến đông đảo công chúng hai nước.

Như vậy, trao đổi văn hóa là một hoạt động quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ 25 năm qua. Hai nước đều coi đây là con đường chung của các quốc gia trong quá trình hội nhập toàn cầu. Hai nước đều có những chính sách để hỗ trợ các hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa. Song, trên lĩnh vực này, các hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật, phim ảnh, thông tin trên mạng internet, tivi và báo đài xuất xứ từ Việt Nam trên đất Hoa Kỳ chưa phong phú. Trong khi đó, văn hóa Hoa Kỳ lại có tác động đến Việt Nam nhiều hơn. Thời gian qua, mặc dù cả hai nước đã có nhiều cố gắng để đưa nền văn hóa, nghệ thuật đến gần với nhau và gần với công chúng hơn, nhưng những cố gắng đó vẫn chưa thể thấm thấu sâu rộng vào quần chúng nhân dân, vẫn còn một bộ phận nhỏ người Mỹ gốc Việt và một số

tổ chức thù địch lưu vong luôn tiến hành các hoạt động chống phá Việt Nam bằng cách tuyên truyền, phát tán các tài liệu xuyên tạc, kích động chống phá.

## **2. Về giáo dục**

Giáo dục là một trong những lĩnh vực hợp tác được coi trọng hàng đầu trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ 25 năm qua.

Sau nhiều nỗ lực của các bên, đặc biệt là những người quan tâm đến nền giáo dục Việt Nam, đến cuối năm 2002, Quốc hội Hoa Kỳ thông qua đạo luật “*Quỹ Giáo dục dành cho Việt Nam*” (VEF), kéo dài đến năm 2016, mỗi năm có khoảng 5 triệu USD dành cho việc cấp học bổng và tuyển chọn, đào tạo tại Hoa Kỳ khoảng 100 người ở các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và sau tiến sĩ thuộc 5 chuyên ngành: khoa học tự nhiên, toán học, y học, môi trường và công nghệ.

Năm 2003, nguyên tắc hợp tác trong việc thực hiện Đề án VEF được ký kết, mở ra nhiều cơ hội cho việc cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam sang Hoa Kỳ đào tạo về các ngành khoa học và công nghệ. Trên cơ sở Báo cáo nhóm chuyên trách về hợp tác giáo dục Hoa Kỳ - Việt Nam (tháng 9/2009), những khuyến nghị về các hình thức phối hợp giữa hai chính phủ nhằm hỗ trợ quan hệ đối tác giữa khu vực công và tư, với mục tiêu cải thiện hệ thống giáo dục của Việt Nam và tăng số sinh viên Việt Nam theo học tại các trường của Hoa Kỳ đã được thúc đẩy thực hiện. Bên cạnh đó, những ý tưởng cho việc

thành lập trường đại học theo mô hình Hoa Kỳ, nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy tiếng Anh, thúc đẩy hợp tác chặt chẽ hơn nữa giữa các trường đại học của Hoa Kỳ và Việt Nam cũng như giữa các công ty của Hoa Kỳ và các trường đại học của Việt Nam cũng đã được đưa ra và triển khai trên thực tế.

Một số quỹ chính phủ và phi chính phủ Hoa Kỳ cũng đã có nhiều chương trình hợp tác và trao đổi giáo dục, đào tạo với Việt Nam như Tổ chức Tình nguyện châu Á (VIA) và Viện Anh ngữ (ELI) đã ký các văn bản thỏa thuận chính thức về việc hợp tác với Bộ Giáo dục và Đào tạo của Việt Nam. Trong hai năm 1996 - 1997, hai tổ chức này đã cử khoảng 60 giáo viên tình nguyện sang dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục ở Việt Nam. Một trong những điểm sáng về hợp tác giáo dục Việt Nam - Hoa Kỳ là sự thành công trong hoạt động của Trung tâm Anh văn của Hội Việt - Mỹ, được thành lập từ năm 1997, hoạt động chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh, hằng năm có hàng nghìn lượt người đến học tập nâng cao trình độ tiếng Anh.

Trong lĩnh vực hợp tác đào tạo cán bộ quản lý, Việt Nam và Hoa Kỳ đã phối hợp tổ chức nhiều khóa đào tạo ngắn hạn ở hai nước thông qua các tổ chức phi chính phủ của Hoa Kỳ như Quỹ Fulbright và Quỹ Ford. Trong thời gian qua, Quỹ Fulbright đã phối hợp với Viện Phát triển quốc tế của Đại học Harvard mở các khóa đào tạo cán bộ quản lý kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội và Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó mỗi năm, Hoa Kỳ dành cho Việt Nam 30 suất học bổng

đào tạo nâng cao về kinh doanh và kinh tế tại Hoa Kỳ dưới sự tài trợ của Quỹ Fulbright. Quỹ này còn tổ chức đào tạo cho các quan chức cấp chính phủ và các nhà quản lý tại Việt Nam những kiến thức về kinh tế và kinh doanh trong thời gian dưới một năm. Đến nay, trải qua 25 năm hoạt động tại Việt Nam đã có 1.100 người tốt nghiệp chương trình Fulbright hiện đang đảm nhiệm những vai trò quan trọng tại tất cả các cấp và trong mọi lĩnh vực tại các thành phố lớn và các tỉnh.

Cùng với Quỹ Fulbright, Quỹ Ford cũng có những hoạt động tích cực tại Việt Nam như tài trợ cho các tổ chức, các cơ quan chính phủ, các trường đại học, viện nghiên cứu... trong công tác nghiên cứu, đào tạo, thể nghiệm và phát triển. Trong thời gian 1997 - 2002, Văn phòng đại diện Quỹ Ford tại Việt Nam đã phê duyệt 281 dự án với tổng kinh phí 36,7 triệu USD, hoạt động tài trợ duy trì ở mức 7 triệu USD mỗi năm, từ năm 1994 đến năm 2002 đã có khoảng 1.220 chuyên viên đối ngoại Việt Nam tham gia các khóa học ngắn hạn về ngoại giao đa phương, an ninh quốc tế, toàn cầu hóa và khu vực hóa, kinh tế và thương mại..., và khoảng 450 học viên Việt Nam khác đi ra nước ngoài học tập, khảo sát thực tế do Quỹ Ford tài trợ<sup>1</sup>.

Bên cạnh đó, hợp tác giữa các trường đại học của Việt Nam và Hoa Kỳ cũng được hai nước quan tâm.

---

1. Xem Trần Nam Tiến: *Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ: Thực trạng và triển vọng*, Sđd, tr.107.

Nhiều trường đại học Hoa Kỳ sang thăm và tìm hiểu, mở các chương trình hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi cán bộ giảng dạy với Việt Nam như các trường Đại học Harvard, Berkeley, Columbia, Ohio, Indiana, Washington, Fullerton..., đặc biệt là sự hợp tác giữa Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học California (Los Angeles). Số lượng du học sinh Việt Nam sang Hoa Kỳ du học ngày càng tăng. Theo báo cáo hàng năm Open Doors của Viện Giáo dục quốc tế (IIE), số lượng du học sinh Việt Nam bậc đại học tại Hoa Kỳ tăng 18 năm liên tiếp. Nếu năm học 1995 - 1996 mới có khoảng 500 sinh viên thì đến năm học 2018 - 2019, tổng số sinh viên Việt Nam đang theo học tại các trường của Hoa Kỳ là 24.392 sinh viên (tăng hơn 48 lần). Tính đến tháng 3/2019, có khoảng 30.000 học sinh và sinh viên Việt Nam đang theo học ở tất cả các bậc học tại Hoa Kỳ, đứng thứ nhất trong khối ASEAN<sup>1</sup>. Ở chiều ngược lại, theo Open Doors, chỉ có khoảng 1.000 sinh viên Hoa Kỳ đang học tập tại Việt Nam. Theo Tuyên bố Tầm nhìn chung giữa Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Tổng thống Barack Obama ngày 07/7/2015, Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright (FETP) sẽ chuyển đổi thành một tổ chức hoàn chỉnh có tên là Trường Đại học Fulbright Việt Nam (FUV) với số vốn

---

1. Xem QT: “Số lượng du học sinh Việt Nam bậc đại học tại Mỹ tăng 18 năm liên tiếp”, <https://baoquoc.vn/so-luong-du-hoc-sinh-viet-nam-bac-dai-hoc-tai-my-tang-18-nam-lien-tiep-104699.html>.

đầu tư ban đầu là 20 triệu USD<sup>1</sup>. Năm 2017, hai nước cũng phối hợp đưa Đại học Fulbright vào hoạt động, tạo điều kiện cho thanh niên Việt Nam tiếp cận với giáo dục tiêu chuẩn cao, tiếp thu kiến thức hiện đại, góp phần xây dựng đất nước. Những kết quả đạt được là bằng chứng rõ ràng cho thấy giáo dục vẫn là nền tảng của mối quan hệ song phương giữa hai nước.

Tuy nhiên, Việt Nam và Hoa Kỳ vẫn chưa xây dựng được những cơ chế và nguyên tắc hợp tác ở cấp độ sâu để cấu trúc hợp tác có thể phát triển thực sự bền vững. Giữa hai nước vẫn còn nhiều sự khác biệt lớn trong phương thức vận hành, cơ chế quản lý khoa học, nghiên cứu cũng như hình thức và triết lý về giáo dục, đào tạo. Mặc dù có nhiều cố gắng, song Việt Nam vẫn chưa thực sự sẵn sàng cho hội nhập, chưa tạo được môi trường thúc đẩy hiệu quả cho phát triển tri thức. Giáo dục chưa trở thành vấn đề hội nhập hàng đầu vì mô hình phát triển rất khác nhau. Việc xây dựng mô hình hợp tác ở tầm cao còn tiến triển chậm chạp vì một mặt, Việt Nam đánh giá cao hệ thống giáo dục Hoa Kỳ, đặc biệt là đại học và sau đại học, mặt khác, nỗ lực xây dựng sự tương đồng về giáo dục còn bị ràng buộc bởi bối cảnh quá khác biệt hoặc thiếu quyết tâm giữa các cơ quan liên quan. Quan điểm chính thống về giáo dục của Việt Nam và Hoa Kỳ còn khác xa nhau, trong khi Hoa Kỳ

---

1. Xem: “Quan hệ Việt - Mỹ bước vào kỷ nguyên mới”, <http://news.zing.vn/Quan-he-Viet-My-buoc-vao-ky-nguyen-moi-post557786.html>.



dựa trên hai yếu tố căn cốt để đào tạo nên một con người là tri thức cơ bản và tri thức xã hội thì Việt Nam lại sử dụng phương pháp sàng lọc vào đại học theo hướng tách bạch các khối ngành, phương pháp giảng dạy ở hai nước cũng khác xa nhau... đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự hợp tác, trao đổi về giáo dục giữa hai nước.

### **3. Về khoa học và công nghệ**

Sau khi Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ, đặc biệt là khi hai nước ký kết Hiệp định thương mại song phương, hợp tác khoa học và công nghệ giữa hai nước đã có bước phát triển mới với những kết quả rất đáng khích lệ. Năm 2000, nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton, Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường Việt Nam (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) và Đại sứ Hoa Kỳ tại Hà Nội đã ký kết Hiệp định về hợp tác khoa học và công nghệ giữa hai nước (ngày 17/11/2000). Hiệp định mở ra triển vọng mới cho quan hệ hợp tác về khoa học và công nghệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Theo Hiệp định, hai nước sẽ thành lập Ủy ban hỗn hợp về hợp tác khoa học và công nghệ (JCM). Đây là cơ chế có chức năng xem xét, đánh giá các hoạt động hợp tác, định ra chủ trương, đường lối và xét duyệt các nội dung hợp tác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của hai nước. Tính đến tháng 10/2018, hai bên đã tiến hành được 10 khóa họp. Tại khóa họp lần thứ 10, hai bên thống nhất sẽ tiếp tục đẩy mạnh hợp tác khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực y tế và sức khỏe, công nghệ sinh học trong

nông nghiệp, khoa học bảo tồn, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp doanh thương. Các hoạt động hợp tác nổi bật đã được hai nước triển khai thời gian qua, có thể kể đến như: Chương trình bảo vệ sức khỏe toàn cầu - Tăng cường các hệ thống giám sát và Trung tâm khẩn cấp; Chương trình dịch tễ học thực địa; Chương trình giảm thiểu đe dọa sinh học, các hoạt động đào tạo năng lực chuyên môn, dự án nghiên cứu khoa học về phòng, chống ung thư trong khuôn khổ Nhóm công tác về y tế; Chương trình hợp tác nghiên cứu trao đổi đánh giá nguồn gen; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ mới trong nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi có các tính trạng kháng bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu; nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong các khâu thu hoạch, bảo quản sau thu hoạch và chế biến nông sản; nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong đánh giá và phục hồi thoái hóa đất<sup>1</sup>.

Hợp tác trong lĩnh vực hạt nhân thời gian qua cũng được hai nước quan tâm thúc đẩy. Bước tiến lớn nhất cho đến nay là hai nước đã ký Hiệp định hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hoa Kỳ về sử dụng hòa bình năng lượng hạt nhân (gọi tắt là Hiệp định 123) ngày 06/5/2014. Hiệp định đề cập các lĩnh vực hợp tác như:

---

1. Xem Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông khoa học và công nghệ; Vụ Hợp tác quốc tế: “Hoa Kỳ tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với Việt Nam về khoa học và công nghệ”, <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/15052/hoa-ky-tiep-tuc-day-manh-hop-tac-voi-viet-nam-ve-khcn.aspx>.

phát triển việc sử dụng năng lượng hạt nhân; nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ lò phản ứng hạt nhân dân sự, quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng; đào tạo, phát triển kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng đồng vị phóng xạ trong công nghiệp, nông nghiệp, y tế và môi trường; bảo vệ bức xạ, quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu đã qua sử dụng; an toàn, an ninh, thanh sát và không phổ biến hạt nhân. Với hiệu lực 30 năm, Hiệp định sẽ mở ra những triển vọng to lớn cho cả hai nước trong việc thúc đẩy những dự án hợp tác trong lĩnh vực hạt nhân, nhất là về ứng dụng bức xạ và phát triển điện hạt nhân phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước. Tại lễ ký kết, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Hoa Kỳ tại Việt Nam phát biểu: “Hiệp định này sẽ tạo cơ sở vững chắc cho quan hệ hợp tác cùng có lợi trong lĩnh vực hạt nhân dân sự giữa Việt Nam và Hoa Kỳ... Hiệp định này sẽ tạo ra nhiều khả năng để các công ty Hoa Kỳ xuất khẩu thiết bị hạt nhân dân sự cho ngành công nghiệp năng lượng hạt nhân của Việt Nam. Hiệp định cũng giúp Việt Nam tiếp cận những công nghệ hạt nhân tiên tiến và an toàn nhất hiện nay”<sup>1</sup>. Sau đó, trong Tuyên bố chung năm 2016, hai nước cũng đã khẳng định tăng cường hợp tác hạt nhân dân sự nhằm giảm thiểu phát thải từ ngành điện lực toàn cầu cũng như việc ký bản Dân xếp hành chính trong

---

1. PV: “Việt Nam - Hoa Kỳ ký chính thức hiệp định hợp tác hạt nhân”, <https://vietnamnet.vn/vn/khoa-hoc/viet-nam-hoa-ky-ky-chinh-thuc-hiep-dinh-hop-tac-hat-nhan-173964.html>.

khuôn khổ Hiệp định giữa Việt Nam và Hoa Kỳ về sử dụng hòa bình năng lượng hạt nhân (Hiệp định 123), và những chuẩn mực cao nhất về an toàn, an ninh và chống phổ biến vũ khí hạt nhân. Tháng 3/2018, hai nước lần đầu tiên tổ chức Đối thoại về an ninh năng lượng tại Hà Nội. Như vậy, sự tin cậy trong quan hệ hợp tác giữa hai nước về sử dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hòa bình có bước tiến lớn.

#### **4. Về y tế**

Sau khi bình thường hóa quan hệ, nhiều lĩnh vực hợp tác y tế được mở ra như hợp tác nghiên cứu vắc xin, hợp tác nghiên cứu dịch tễ học trong phòng, chống dịch bệnh nói chung và phòng, chống HIV/AIDS nói riêng, đào tạo cán bộ y tế. Hai nước cũng đã ký kết nhiều cam kết, thỏa thuận và hiệp định về y tế như Tuyên bố chung về hợp tác y tế giữa hai Bộ Y tế (tháng 12/1997); Bản ghi nhớ về việc Hoa Kỳ trợ giúp Việt Nam trong lĩnh vực phòng, chống AIDS, sốt rét và lao giữa Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Việt Nam với Bộ Lao động Hoa Kỳ (tháng 11/2000); Tuyên bố chung về hợp tác y tế Việt Nam - Hoa Kỳ (năm 2000); Hiệp định hợp tác y tế và khoa học y học Việt Nam - Hoa Kỳ (tháng 7/2006); Bản ghi nhớ về thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm y tế (tháng 6/2008) và Hiệp định hợp tác y tế và khoa học y học Việt Nam - Hoa Kỳ (ngày 17/6/2013) nối tiếp Hiệp định năm 2006. Các hiệp định này tập trung chủ yếu vào vấn đề y tế công cộng, giám sát, chia sẻ thông tin phòng, chống các dịch bệnh mới.

Hoa Kỳ còn hỗ trợ Việt Nam trong các hoạt động về tăng cường năng lực trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm, đào tạo và nghiên cứu khoa học, trong lĩnh vực dược, các vấn đề về an ninh y tế toàn cầu. Việt Nam là một trong hai nước được Hoa Kỳ hỗ trợ để xây dựng Trung tâm an ninh y tế toàn cầu.

Trong các lĩnh vực cụ thể, Hoa Kỳ đã có nhiều chương trình hợp tác thiết thực với Việt Nam như cho phép Trung tâm Kiểm soát dịch bệnh của Hoa Kỳ (CDC) phối hợp với Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương Việt Nam giúp phát triển hệ thống kiểm dịch ở Việt Nam; Ủy ban Hợp tác khoa học với Việt Nam của Hoa Kỳ cũng có nhiều chương trình trợ giúp đối với Trung tâm Sức khỏe cộng đồng và Viện Vệ sinh dịch tễ Hà Nội trong việc kiểm soát bệnh sốt rét, viêm gan, điều trị ung thư, bệnh bại liệt...; Viện Y tế quốc gia Hoa Kỳ (NIH) cũng gửi nhiều nhà nghiên cứu bệnh dịch đến Nha Trang để nghiên cứu vắc xin trừ bệnh tả; Quỹ Ford cũng có nhiều chương trình tài trợ trong lĩnh vực an toàn tình dục, sức khỏe sinh sản, hỗ trợ các cơ quan y tế của Việt Nam trong phòng, chống và chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS, nạo phá thai an toàn, giáo dục giới tính...; các tổ chức phi chính phủ của Hoa Kỳ cũng tài trợ nhiều chương trình như Chương trình “Phẫu thuật nụ cười” cho trẻ em Việt Nam. Hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS được hai chính phủ quan tâm, từ tháng 6/2004, Việt Nam trở thành một trong 15 quốc gia được tiếp nhận viện trợ của Chương trình cứu trợ khẩn cấp về phòng, chống HIV/AIDS của Tổng thống Hoa Kỳ (PEPFAR).

Chương trình này tập trung vào các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV. Trong giai đoạn 2005 - 2010, các cơ quan của Chính phủ Việt Nam đã tiếp nhận 67,9 triệu USD bằng tiền mặt và 25,28 triệu USD bằng hiện vật từ chương trình PEPFAR<sup>1</sup>. Trong thời gian qua, Việt Nam là nước duy nhất ở khu vực châu Á được Hoa Kỳ chọn để hỗ trợ trong điều trị HIV/AIDS, nhờ vậy, số trường hợp nhiễm mới và tử vong do HIV đã giảm mạnh. Năm 2015 đánh dấu một bước tiến đặc biệt của PEPFAR, bởi gần 100.000 người Việt Nam được điều trị bằng thuốc kháng virus ARV và trên 40.000 người được cai nghiện bởi Methadone<sup>2</sup>. Đặc biệt là chương trình tham quan và khám, chữa bệnh cho người dân Việt Nam của lực lượng hải quân Hoa Kỳ tại Nha Trang (tháng 6/2008), Quy Nhơn (tháng 6/2010) đã tiến hành thăm khám và điều trị cho hàng nghìn người dân hai tỉnh này. Tại Đà Nẵng (tháng 8/2015), trong Chương trình đối tác Thái Bình Dương năm 2015, nhiều hội thảo chuyên đề y tế liên quan đến tim mạch, chăm sóc phục hồi bỏng, X-quang can thiệp, phóng xạ ung thư, y học trị liệu, liệu pháp vật lý, tổn thương tủy sống, chăm sóc tiền bệnh viện và thương tích dưới nước tại biển;

---

1. Xem Kim Anh: “Việt Nam - Hoa Kỳ ký kết Hiệp định hợp tác y tế”, <https://vov.vn/xa-hoi/viet-nam-hoa-ky-ky-ket-hiep-dinh-hop-tac-y-te-266857.vov>.

2. Xem Hồng Giang: “Việt Nam - Hoa Kỳ: Hợp tác y tế đi trước bình thường hóa quan hệ”, <https://baoquocte.vn/viet-nam-hoa-ky-hop-tac-y-te-di-truoc-binh-thuong-hoa-quan-he-21235.html>.

chăm sóc chấn thương tại trận địa, sơ tán y tế; chăm sóc khẩn cấp cho bệnh nhân chấn thương, diễn tập cứu hộ y tế đối với thảm họa bờ biển diễn ra ngay trên tàu USNS Mercy... Như vậy, qua 25 năm, hợp tác y tế hai nước đã mở rộng ra nhiều lĩnh vực khác như phòng, chống lao, sốt rét, phòng, chống tác hại của thuốc lá, an toàn thực phẩm, hỗ trợ người khuyết tật, phòng, chống bệnh truyền nhiễm... Đồng thời, kể từ khi bình thường hóa quan hệ năm 1995, Chính phủ Hoa Kỳ đã hỗ trợ Việt Nam hơn 900 triệu USD trong lĩnh vực y tế, chiếm gần 75% trên tổng số tiền hỗ trợ của nước này tại Việt Nam<sup>1</sup>.

Gần đây, khi đại dịch Covid-19 bùng phát, hai nước cũng đã có sự hỗ trợ nhau để đẩy lùi dịch bệnh, cụ thể như: Việt Nam đã gửi tặng Hoa Kỳ 450.000 bộ quần áo bảo hộ y tế, 250.000 chiếc khẩu trang vải kháng khuẩn và Hoa Kỳ cam kết hỗ trợ Việt Nam 4,5 triệu USD để chuẩn bị hệ thống phòng thí nghiệm, kích hoạt hệ thống giám sát dịch Covid-19...

Mặc dù lĩnh vực này trong thời gian qua đã nhận được sự quan tâm của hai nước, với nhiều hiệp định, cam kết được ký kết, nhưng nhìn chung sự hợp tác về y tế vẫn chưa đi vào chiều sâu, một phần do chênh lệch về trình độ, cơ sở vật chất trong y học giữa hai quốc gia, nhưng mặt khác cũng do sự xa cách về địa lý, văn hóa và chính sách y tế của cả hai nước. Việt Nam vẫn còn thụ động, chủ yếu tiếp

---

1. Xem Hồng Giang: “Việt Nam - Hoa Kỳ: Hợp tác y tế đi trước bình thường hóa quan hệ”, *Tlđđ*.

nhận các nguồn viện trợ và là nơi đến của các đoàn y, bác sĩ Hoa Kỳ thăm khám, chữa bệnh, phát thuốc mà chưa thực sự chủ động trao đổi, giao lưu học thuật, kinh nghiệm cũng như thu hút các nhà y học Hoa Kỳ sang Việt Nam làm việc.

Như vậy, qua những lĩnh vực hợp tác này cho thấy, một điều tất yếu là trong mối quan hệ nào cũng tồn tại những bất đồng cho dù là quan hệ đồng minh hay quan hệ đối tác. Do các yếu tố lịch sử, sự khác biệt về chính trị, văn hóa và cạnh tranh thương mại, các mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình mở rộng và phát triển quan hệ giữa hai nước là không tránh khỏi, điều quan trọng là hai bên không để cho những khác biệt và mâu thuẫn ảnh hưởng xấu đến quan hệ và sự phát triển giữa hai nước.

#### IV- TRÊN MỘT SỐ LĨNH VỰC KHÁC

##### **1. Về hợp tác giao lưu nhân dân**

Bên cạnh lĩnh vực văn hóa, thì hợp tác giao lưu nhân dân giữa nhân dân hai nước cũng được quan tâm. Trong 25 năm qua, hợp tác, giao lưu nhân dân giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Hoa Kỳ đã có nhiều kết quả nổi bật và không ngừng được mở rộng. Nhiều tổ chức phi chính phủ của hai nước đã đẩy mạnh những hoạt động hợp tác trên nhiều mặt, từ nhân đạo từ thiện đến xóa đói, giảm nghèo, đào tạo nguồn nhân lực... Đối với người dân bình thường, các quan hệ giao lưu, du lịch cũng ngày càng phát triển.



Lượng khách du lịch của Hoa Kỳ vào Việt Nam tăng nhanh. Từ năm 1995 đến hết năm 2018, có trên 7,8 triệu lượt khách du lịch Hoa Kỳ đến du lịch tại Việt Nam. Nhìn vào Bảng 2, có thể thấy, số lượng du khách Hoa Kỳ đến Việt Nam năm 2019 tăng gấp gần 12 lần so với năm 1995.

**Bảng 2. Số lượng du khách Hoa Kỳ đến Việt Nam giai đoạn 1995 - 2018**

Năm	Số lượt du khách (người)	Tỷ lệ tăng/giảm so với năm trước (%)	Vị trí
1995	57.500	-?	5
1996	43.200	-25	5
1997	40.400	-6,5	6
1998	39.600	-2	5
1999	62.700	+58	5
2000	95.800	+53	4
2001	230.400	+141	2
2002	259.900	+13	3
2003	218.000	-16	2
2004	272.473	+24,5	2
2005	333.566	+22,4	2
2006	385.654	+16,8	2
2007	412.301	+6,9	3

Năm	Số lượt du khách (người)	Tỷ lệ tăng/giảm so với năm trước (%)	Vị trí
2008	416.198	+2,2	3
2009	403.930	-0,6	3
2010	430.993	+6,9	4
2011	439.872	+2,1	4
2012	443.826	+0,9	4
2013	432.228	-2,6	4
2014	443.776	+2,7	4
2015	491.249	+10,7	4
2016	552.644	+12,5	4
2017	614.117	+11,1	5
2018	687.226	+11,9	5

*Nguồn:* Tổng cục Thống kê Việt Nam qua các năm.

Số lượng lượt khách du lịch Việt Nam sang Hoa Kỳ cũng ngày càng tăng. Theo Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong năm 2018, số lượt người Việt Nam đi du lịch qua quốc gia này đạt mức tăng trưởng rất ấn tượng, với 107.000 người<sup>1</sup>.

---

1. Xem N. Bình: “Hơn 100 ngàn người Việt du lịch Mỹ năm 2018”, <https://dulich.tuotitre.vn/hon-100-ngan-nguoi-viet-du-lich-my-nam-2018-20190418190620144.htm>.

Sau khi Hãng truyền hình ABC của Hoa Kỳ phát sóng trực tiếp chương trình “*Good Morning America*” về hang Sơn Đòng thuộc tỉnh Quảng Bình của Việt Nam trên truyền hình Hoa Kỳ sáng ngày 13/5/2015 đã tạo ra những động thái tích cực thúc đẩy số lượng du khách nước ngoài, nhất là người Mỹ đến Việt Nam. Bên cạnh đó, tháng 5/2017, Hiệp hội Lữ hành Việt Nam và Hiệp hội Lữ hành Hoa Kỳ đã ký kết thỏa thuận hợp tác phát triển du lịch. Xác định rõ thị trường Hoa Kỳ có nhiều tiềm năng để phát triển, năm 2018, du lịch Việt Nam cũng đã tổ chức chuỗi sự kiện xúc tiến du lịch Việt Nam tại Hoa Kỳ; năm 2019, lần đầu tiên Tổng cục Du lịch Việt Nam tham dự Hội nghị toàn cầu Hiệp hội Lữ hành Hoa Kỳ (ASTA); tháng 8/2019, Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ mở trang thông tin quảng bá văn hóa du lịch; một số doanh nghiệp địa phương của Việt Nam đã tham gia hội chợ, tổ chức giới thiệu du lịch tại Hoa Kỳ... với mục tiêu đến năm 2020 thu hút 1 triệu du khách Hoa Kỳ. Hơn nữa, kết nối hàng không giữa hai nước đang có chiều hướng thuận lợi vì đầu năm 2019, Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines) đã được nhận chứng chỉ xếp hạng hàng không an toàn loại 1 của FAA (CAT 1 - một phần của chương trình thẩm định an toàn hàng không quốc tế IASA) và tháng 8/2019, Vietnam Airlines và hãng hàng không lớn thứ hai tại Mỹ - Delta Air Lines đã ký kết mở rộng hợp tác liên doanh linh hoạt hai chiều. Đây là điều kiện quan trọng mở ra cơ hội cho các hãng hàng không của Việt Nam mở

đường bay thẳng đến Hoa Kỳ, thu hút thị trường khách du lịch Hoa Kỳ đến Việt Nam<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, có một điều dễ nhận thấy rằng, hợp tác du lịch Việt Nam - Hoa Kỳ vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước. Những chương trình hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ còn hạn chế; số lượng khách du lịch Hoa Kỳ đến Việt Nam mặc dù có tăng trong thời gian qua nhưng tốc độ tăng chưa nhanh và có dấu hiệu chững lại; sự cạnh tranh giữa các điểm đến quốc gia, cùng với khoảng cách địa lý xa và hiện vẫn chưa có đường bay thẳng giữa hai quốc gia. Do đó, trong những năm gần đây, Nhật Bản và Hàn Quốc đã vượt Hoa Kỳ về số lượng du khách đến Việt Nam hằng năm.

Đồng thời, hiện có khoảng hơn 2 triệu người Việt Nam định cư ở Hoa Kỳ, chiếm 1/2 tổng số người Việt Nam ở nước ngoài. Cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ trong thời gian qua đã có nhiều đóng góp cho quê hương, đất nước và là cầu nối quan trọng giữa nhân dân hai nước, sau khi bình thường hóa, hằng năm có hàng nghìn người về thăm quê hương, đất nước, không những vậy kiều bào còn về định cư, đầu tư, làm ăn buôn bán và cống hiến cho đất nước.

Bên cạnh đó, không thể không kể đến vai trò của hàng trăm tổ chức phi chính phủ Hoa Kỳ đến Việt Nam hoạt

---

1. Thúy Hà: “Hướng đến Mỹ - thị trường du lịch hàng đầu thế giới”, <http://baovanhoa.vn/du-lich/artmid/416/articleid/21356/huong-den-my-thi-truong-du-lich-hang-dau-the-gioi>.

động vì mục tiêu nhân đạo và phát triển xã hội với quy mô ngày càng lớn. Năm 1995, có khoảng 100 tổ chức phi chính phủ Hoa Kỳ hợp tác với Việt Nam. Con số này tăng lên trên 300 tổ chức vào năm 2015. Từ năm 1995, giá trị viện trợ hàng năm từ các tổ chức phi chính phủ Hoa Kỳ thường chiếm khoảng 50% tổng giá trị viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho Việt Nam và tăng dần qua từng năm, từ 10 triệu USD năm 1995 lên khoảng 150 triệu USD năm 2014<sup>1</sup>. Các tổ chức phi chính phủ của Hoa Kỳ đến Việt Nam hoạt động trong nhiều lĩnh vực như: y tế, giáo dục, nông nghiệp, cứu trợ khẩn cấp, những hỗ trợ và hợp tác gia tăng của phía Hoa Kỳ để khắc phục hậu quả của chất độc da cam/dioxin, rà phá bom, mìn, giúp đỡ người khuyết tật ở Việt Nam. Ngoài đóng góp trực tiếp cho công tác giảm nghèo và phát triển, các tổ chức phi chính phủ Hoa Kỳ còn có những hoạt động đóng góp ý nghĩa vào phát triển quan hệ song phương, tăng cường hiểu biết lẫn nhau và mở rộng quan hệ hai nước, đồng thời tích cực ủng hộ Việt Nam trong các vấn đề quốc tế mà Việt Nam tham gia như một số tổ chức hỗ trợ Việt Nam trong quá trình đàm phán TPP. Đặc biệt, một số tổ chức đã kêu gọi ủng hộ Việt Nam trong các vấn đề da cam/dioxin, người khuyết tật...

---

1. Xem Hoàng Thị Hoa: “Quan hệ hợp tác nhân dân Việt - Mỹ ngày càng đi vào thực chất”, <http://www.vietnamplus.vn/quan-he-hop-tac-nhan-dan-viet-my-ngay-cang-di-vao-thuc-chat/332133.vnp>.

Trong số các chương trình giao lưu, hợp tác giữa nhân dân hai nước, nổi lên một số chương trình, dự án trên một số lĩnh vực như:

Chương trình “*Sáng kiến cựu chiến binh*” của VVA, đến nay đã cung cấp được 299 hồ sơ liên quan tới khoảng 11.000 bộ đội Việt Nam hy sinh, mất tích trong chiến tranh và giúp tìm kiếm hài cốt của hơn 1.300 liệt sĩ. Các thành viên tham gia chương trình của VVA từ trước đến nay hầu hết có tình cảm đặc biệt với Việt Nam, quan tâm và có quyền góp, hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam<sup>1</sup>.

Trong lĩnh vực hợp tác phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức World Vision International có chương trình phát triển vùng mang tính tổng thể nhằm nâng cao chất lượng sống và chăm sóc trẻ em với các hợp phần về sinh kế, giáo dục, y tế, nước sạch và vệ sinh. Các dự án tương tự đã góp phần xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam.

Ngoài ra, các tổ chức phi chính phủ Hoa Kỳ còn tiên phong trong các lĩnh vực môi ở Việt Nam, như Quỹ Rockefeller, Environmental Defense, Winrock International trong lĩnh vực biến đổi khí hậu; Green Cities Fund trong tăng trưởng xanh; Habitat trong lĩnh vực tình nguyện...

---

1. Xem Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam: “Quan hệ hợp tác nhân dân Việt - Mỹ ngày càng đi vào thực chất”, <http://vufo.org.vn/Quan-he-hop-tac-nhan-dan-Viet-My-ngay-cang-di-vao-thuc-chat-29-1995.html?lang=vn>.

Nhìn chung, hoạt động của các tổ chức phi chính phủ Hoa Kỳ đã trở thành một hình thức đối ngoại nhân dân đặc biệt. Bên cạnh hiệu quả về kinh tế - xã hội, các dự án của các tổ chức này đã đóng góp không nhỏ vào việc tăng cường hiểu biết, thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Hoa Kỳ, đồng thời thúc đẩy quá trình hòa giải trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và hợp tác bình đẳng vì lợi ích chung.

## **2. Về vấn đề dân chủ, nhân quyền**

Trong quan hệ với Việt Nam, Hoa Kỳ có khuynh hướng áp đặt các giá trị của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Dân chủ, nhân quyền dường như vẫn được phía Hoa Kỳ sử dụng như là một tiêu chí luôn được tính đến trong việc nâng cấp quan hệ với Việt Nam lên mức cao hơn. Phía Hoa Kỳ thường xuyên có những cáo buộc Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo. Năm 2004, Hạ viện Hoa Kỳ thông qua “*Dự luật nhân quyền Việt Nam*” H.R.1587. Theo đó, Dự luật yêu cầu Nhà Trắng phải chi 4 triệu USD trong năm tài chính 2004 - 2005 nhằm thúc đẩy dân chủ, nhân quyền tại Việt Nam, 10 triệu USD hỗ trợ Đài châu Á tự do phát sóng vào Việt Nam; năm 2005, trong Đạo luật tự do tôn giáo, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ xếp Việt Nam vào danh sách “*Các quốc gia cần quan tâm đặc biệt*”. Trong Báo cáo (thường niên) của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (ngày 19/4/2013) về tình hình nhân quyền thế giới, phần về Việt Nam luôn được lưu ý. Sau đó, Ủy ban

Đối ngoại Hạ viện Hoa Kỳ thông qua cái gọi là “*Dự luật nhân quyền Việt Nam năm 2013*” H.R.1897 yêu cầu Chính phủ Hoa Kỳ không cung cấp viện trợ phi nhân đạo cho Việt Nam dựa trên các báo cáo một chiều về tình hình nhân quyền Việt Nam, và kêu gọi đưa Việt Nam trở lại danh sách các nước cần quan tâm đặc biệt..., cùng với đó, xu hướng can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam vẫn tăng lên. Tháng 02/2010, trong buổi họp báo tại Hà Nội, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Michael W. Michalak phản đối việc Việt Nam xét xử các nhân vật vi phạm pháp luật mà họ gọi là những người bất đồng chính kiến. Gần đây, ngày 11/3/2020, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã công bố Báo cáo nhân quyền Việt Nam năm 2019 vẫn còn một số nội dung thiếu khách quan dựa trên những thông tin không được kiểm chứng về thực tế tại Việt Nam vì cho rằng vấn đề nghiêm trọng nhất ở Việt Nam là hạn chế các quyền tự do, bao gồm tự do biểu đạt, tự do báo chí, tự do internet và tự do tôn giáo<sup>1</sup>.

Có thể thấy, Hoa Kỳ thường chủ trương chính trị hóa vấn đề nhân quyền nên thường sử dụng chiêu bài “*dân chủ, nhân quyền*” để mặc cả, gây sức ép với Việt Nam trong một số vấn đề lớn của quan hệ song phương như gần việc cải thiện tình hình dân chủ, nhân quyền của Việt Nam với vấn đề xóa bỏ lệnh cấm vận vũ khí, nâng cấp

---

1. Xem P.V: “Việt Nam lên tiếng về báo cáo nhân quyền của Mỹ”, [http://www.xaydungdang.org.vn/home/nhan\\_quyen/2020/13679/viet-nam-len-tieng-ve-bao-cao-nhan-quyen-cua-my.aspx](http://www.xaydungdang.org.vn/home/nhan_quyen/2020/13679/viet-nam-len-tieng-ve-bao-cao-nhan-quyen-cua-my.aspx).



quan hệ lên mức độ cao hơn hay thậm chí gắn với vấn đề đàm phán TPP trong những năm trước đây... Điều đó đòi hỏi Việt Nam trong quan hệ song phương, bên cạnh sự thiện chí, cởi mở, tôn trọng vẫn phải luôn thận trọng.

Về phía Việt Nam, chúng ta tôn trọng nhân quyền trong mọi lĩnh vực vì chúng ta là thành viên của các công ước quốc tế về nhân quyền và không có sự phân biệt đối xử về tôn giáo. Trong các báo cáo về tình hình nhân quyền (Báo cáo kiểm điểm năm 2009 trước Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc và Dự thảo Báo cáo quốc tế về thực hiện dân chủ nhân quyền năm 2013), Việt Nam tự đánh giá tình hình nhân quyền có nhiều tiến bộ, có thể định lượng trong đảm bảo quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, có những bước phát triển mới trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, đảm bảo quyền cho các nhóm dễ bị tổn thương... Gần đây, ngày 25/01/2019, Nhóm làm việc về Rà soát Định kỳ Phổ quát chu kỳ III của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc đã đồng thuận thông qua Báo cáo về kết quả rà soát của Việt Nam và khẳng định: Việt Nam luôn đảm bảo những quyền tự do cơ bản của công dân phù hợp với các công ước quốc tế về quyền con người. Sự đảm bảo đó được thể hiện trong Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm trên thực tế ở Việt Nam<sup>1</sup>.

---

1. Xem Hồng Phú: “Đánh giá về nhân quyền ở Việt Nam - vẫn “bỏ cũ soạn lại””, <http://cand.com.vn/Chong-dien-bien-hoa-binh/Danh-gia-ve-nhan-quyen-o-Viet-Nam-van-bon-cu-soan-lai-538144/>.

Có thể thấy, dù hai bên có sự “vênh” nhau trong khá nhiều nhận định, đánh giá về vấn đề dân chủ, nhân quyền, song 25 năm qua, hợp tác trong lĩnh vực nhân quyền giữa hai nước cũng đã được thúc đẩy để thu hẹp những bất đồng. Tính đến năm 2019, Việt Nam và Hoa Kỳ đã tiến hành 23 phiên đối thoại nhân quyền. Trong phiên đối thoại lần thứ 18 diễn ra tháng 5/2014 tại Washington, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam cho biết: Hai bên đã trao đổi thẳng thắn về những vấn đề cùng quan tâm, trong đó có tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, quyền của người lao động, người khuyết tật, nhà nước pháp quyền cũng như tăng cường hợp tác đa phương về nhân quyền. Phía Việt Nam đã thông tin đầy đủ, cởi mở về các nỗ lực, chính sách và thành tựu trong việc bảo đảm các quyền con người ở Việt Nam; trao đổi thẳng thắn, thực chất về một số quan tâm mà phía Hoa Kỳ nêu; đồng thời nêu rõ sẵn sàng trao đổi, hợp tác tại các cơ chế đa phương về nhân quyền, trong đó có Hội đồng Nhân quyền mà Việt Nam và Hoa Kỳ cùng là thành viên. Đối thoại nhân quyền Việt Nam - Hoa Kỳ là cơ chế có tính chất xây dựng, thiện chí và tôn trọng lẫn nhau, nhằm giúp hai nước tăng cường hiểu biết, thu hẹp khác biệt về lĩnh vực nhân quyền, góp phần thúc đẩy quan hệ đối tác toàn diện Việt Nam - Hoa Kỳ<sup>1</sup>.

---

1. Xem Kiệt Linh: “Việt, Mỹ trao đổi thẳng thắn về vấn đề nhân quyền”, [http://vnmedia.vn/VN/quoc-te/tin-tuc/17\\_2503478/viet-my-trao-doi-thang-than-ve-van-de-nhan-quyen.html](http://vnmedia.vn/VN/quoc-te/tin-tuc/17_2503478/viet-my-trao-doi-thang-than-ve-van-de-nhan-quyen.html).

Những nỗ lực hợp tác của hai bên trong vấn đề này cũng đã được khẳng định trong Tuyên bố Tầm nhìn chung Việt Nam - Hoa Kỳ (tháng 7/2015): “Hoa Kỳ hoan nghênh những nỗ lực hiện nay của Việt Nam hài hòa hóa luật với Hiến pháp 2013 và các cam kết quốc tế mà Việt Nam thực hiện nhằm phát triển toàn diện đất nước, kể cả trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản. Hoa Kỳ hoan nghênh việc Việt Nam phê chuẩn Công ước về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người và Công ước về quyền của người khuyết tật, và hai nước mong muốn thúc đẩy hợp tác kỹ thuật trong lĩnh vực này”<sup>1</sup>.

Với mong muốn của hai nước là tiếp tục ủng hộ việc thúc đẩy, bảo vệ quyền con người và ủng hộ việc duy trì đối thoại tích cực, thẳng thắn và xây dựng về quyền con người nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau và thu hẹp khác biệt, Hoa Kỳ nên có cái nhìn khách quan về vấn đề nhân quyền ở Việt Nam, không nên áp đặt hay can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam vì những điều này sẽ vi phạm những nguyên tắc trong quan hệ quốc tế và đi ngược lại với lợi ích của nhân dân hai nước.

---

1. “Toàn văn Tuyên bố về Tầm nhìn chung Việt Nam - Hoa Kỳ”, <http://www.vietnamplus.vn/toan-van-tuyen-bo-ve-tam-nhin-chung-viet-nam-hoa-ky/331699.vnp>.

## V- QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ TRONG CÁC CƠ CHẾ HỢP TÁC ĐA PHƯƠNG

Bên cạnh quan hệ song phương, quan hệ đa phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ cũng đang từng bước phát triển phù hợp với lợi ích của hai nước. Việt Nam và Hoa Kỳ đã phối hợp hành động trong các tổ chức quốc tế, các diễn đàn khu vực mà cả hai là thành viên. Cơ chế hợp tác đa phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trên phạm vi toàn cầu nói chung và trong phạm vi khu vực nói riêng là một cơ cấu nhiều tầng bậc.

Tại Liên hợp quốc và các tổ chức chức năng của nó, hai nước thường xuyên trao đổi ý kiến, ủng hộ các ứng cử viên của nhau tham gia vào cơ cấu điều hành của các tổ chức trong khuôn khổ Liên hợp quốc. Hai nước cam kết mở rộng phối hợp trong các hoạt động gìn giữ hòa bình và biến đổi khí hậu, đấu tranh chống khủng bố, củng cố trật tự an ninh thế giới, giữ gìn sự ổn định trên quy mô khu vực và toàn cầu.

Về hợp tác trong Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), hai nước nhất trí tiếp tục đẩy mạnh “mục tiêu Bogo” tiến tới thành lập hệ thống thương mại tự do, mở cửa và hợp tác đầu tư trong khu vực, bảo đảm điều kiện cần thiết và hạ tầng ổn định tin cậy để thực hiện mục tiêu này. Hoa Kỳ cũng đã ủng hộ các nội dung của Chương trình hành động Hà Nội về cụ thể hóa nhiệm vụ thực hiện “mục tiêu Bogo”. Việc Hoa Kỳ tham dự Hội nghị các nhà lãnh đạo các nền kinh tế thành viên APEC

lần thứ 14 tổ chức tại Hà Nội đã tạo điều kiện mở rộng hơn nữa sự phối hợp của Việt Nam và Hoa Kỳ trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Với chính sách coi trọng khu vực Đông Nam Á, Hoa Kỳ đã liên tục mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ với ASEAN. Hoa Kỳ đã ký Hiệp ước Thân thiện và hợp tác (TAC), tiến hành Hội nghị cấp cao với ASEAN, cử đại sứ đến ASEAN, tham dự Hội nghị cấp cao Đông Á. Ngoài ra, tại các diễn đàn như ARF, Hội nghị sau hội nghị Bộ trưởng (PMC), Shangri-La, ADMM+... để bàn bạc, thảo luận về các vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, chống tội phạm xuyên quốc gia; xây dựng các cấu trúc mới ở khu vực về chính trị, kinh tế, an ninh; thúc đẩy giải quyết hòa bình tranh chấp trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế; không dùng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực; bảo đảm tự do và an toàn hàng hải, quyền khai thác tài nguyên hợp pháp, nhằm duy trì hòa bình, ổn định và hợp tác ở khu vực... Như vậy, thông qua các diễn đàn ASEAN, hai nước thường xuyên tiếp xúc, trao đổi, tạo điều kiện cho việc chia sẻ quan điểm về tình hình khu vực và khả năng tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực. Việt Nam ủng hộ việc nâng cấp quan hệ ASEAN - Hoa Kỳ lên “*đối tác hợp tác chiến lược*”.

Gần đây, “Sáng kiến hạ lưu sông Mekong” (LMI) được xem là một trong những hạt nhân trong mối quan hệ Hoa Kỳ - Đông Nam Á. Sáng kiến này được công bố bởi Ngoại trưởng Hoa Kỳ Hillary Clinton năm 2009

nhằm thúc đẩy hợp tác và xây dựng năng lực giữa các nước hạ lưu sông Mekong như Campuchia, Lào, Thái Lan, Mianma và Việt Nam cũng đang thúc đẩy hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ trong việc xử lý các thách thức xuyên quốc gia quan trọng như quản lý tài nguyên nước chung. Trong quản lý nguồn nước sông Mekong, Hoa Kỳ đưa ra hỗ trợ trong việc phát triển các chương trình môi trường trong khu vực sông Mekong để giúp giải quyết những thách thức trong tương lai. Do đó, sáng kiến đã đem lại nhiều thuận lợi về mặt khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ cho Việt Nam và đảm bảo giảm thiểu những tác động xấu tới đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam. Vai trò của Việt Nam cũng được khẳng định mạnh mẽ hơn qua việc Trường Đại học Cần Thơ giữ vị trí quan trọng trong các chương trình hợp tác của Hoa Kỳ với các nước hạ nguồn sông Mekong và các đề xuất ý kiến của Việt Nam được đánh giá cao tại các hội nghị của LMI.

Mặt khác, khi TPP được khởi động, kênh này cũng đã trở thành một kênh hợp tác đa phương khá tích cực giữa Hoa Kỳ và Việt Nam trong thời kỳ Tổng thống B. Obama nắm quyền.

Như vậy, trong thời gian qua, những quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong các tổ chức, diễn đàn đa phương diễn ra hết sức sôi động. Thông qua các khuôn khổ đa phương, hai nước đang dần hình thành thói quen hợp tác, xây dựng các thể chế và cơ chế hợp tác, thúc đẩy quan hệ và sự hiểu biết lẫn nhau.

Tóm lại, 25 năm qua, quan hệ hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ liên tục được mở rộng và tăng cường trên tất cả các lĩnh vực. Nếu vào thời điểm năm 1995, quan hệ hai nước mới chủ yếu trong vấn đề MIA thì nay đã được mở rộng trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, ngoại giao, kinh tế - thương mại, văn hóa - giáo dục, khoa học - công nghệ, quốc phòng - an ninh, quan hệ giao lưu nhân dân... Bên cạnh các nguyên tắc quan trọng nhất về mối quan hệ mang tính xây dựng, hợp tác nhiều mặt dựa trên sự bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, cùng có lợi, vì hòa bình, ổn định, phát triển của khu vực và quốc tế, phía Hoa Kỳ lần đầu tiên khẳng định “*tôn trọng thể chế chính trị*” của Việt Nam. Việc hai nước xác lập quan hệ “*đối tác hợp tác toàn diện*” là một dấu mốc quan trọng của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của quan hệ hai nước trong tương lai<sup>1</sup>. Bên cạnh các lĩnh vực hợp tác song phương, hai bên tăng cường hợp tác trong các vấn đề khu vực cũng như trong các vấn đề toàn cầu như chống khủng bố, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc...

---

1. Xem Hà Kim Ngọc: “Tầm nhìn mới cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ”, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2015/35134/Tam-nhin-moi-cho-quan-he-Viet-Nam-Hoa-Ky.aspx>.

Do đó, 25 năm qua, quan hệ hợp tác giữa hai nước ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả và thực chất hơn. Cùng với sự phát triển của quan hệ hai nước, các cơ chế đối thoại cũng được hình thành, tạo cơ hội để hai nước trao đổi, tham vấn những vấn đề thực chất, phát triển hợp tác đi vào chiều sâu, nhất là các vấn đề liên quan đến hòa bình, ổn định, hợp tác ở khu vực. Trên một số lĩnh vực, hai nước từng bước xây dựng lòng tin, tạo điều kiện cho việc tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác toàn diện, lâu dài.

Những kết quả đạt được trên các lĩnh vực cụ thể trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ 25 năm qua là nỗ lực to lớn và không mệt mỏi của cả hai phía bởi cả hai đang ngày càng chia sẻ nhiều lợi ích, đều cố gắng “vượt lên quá khứ để nhìn về tương lai”, từng bước xây dựng lòng tin và tiếp tục tăng cường hơn nữa quan hệ đối tác hợp tác toàn diện mà hai nước đã xác lập và hai nước ngày càng ưu tiên mở rộng hợp tác với nhau. Việt Nam coi Hoa Kỳ là đối tác quan trọng hàng đầu, nhất là về kinh tế - thương mại. Về phần mình, trong bối cảnh ngày càng quan tâm hơn tới khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á, Hoa Kỳ cũng ngày càng coi trọng vai trò của Việt Nam trong khu vực, một thị trường hơn 90 triệu dân và một nền kinh tế có tiềm năng lớn.

Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận một cách thẳng thắn là giữa hai nước vẫn còn một số khác biệt, tồn tại. Hai nước có lập trường và cách tiếp cận khác nhau liên quan đến vấn đề dân chủ, nhân quyền do xuất phát từ sự khác



biệt về chế độ chính trị, xã hội, trình độ phát triển, văn hóa, lịch sử, truyền thống tập quán. Hoa Kỳ cần giảm các rào cản thương mại, nhất là các vụ chống bán phá giá, chống trợ cấp, mở cửa hơn nữa thị trường cho hàng hóa Việt Nam; công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam. “*Hội chứng Việt Nam*” vẫn còn tồn tại trong đời sống chính trị ở Hoa Kỳ, một bộ phận nhỏ người Hoa Kỳ gốc Việt vẫn còn lưu giữ những tư tưởng gây chia rẽ, đối đầu. Hậu quả của cuộc chiến tranh, đặc biệt là chất độc da cam/dioxin, vẫn là gánh nặng dai dẳng của hàng trăm nghìn gia đình và trên nhiều vùng đất Việt Nam. Những nỗ lực hợp tác của Hoa Kỳ khắc phục hậu quả chiến tranh còn khiêm tốn so với nhu cầu rất lớn ở Việt Nam. Cho đến nay, vẫn còn những hạn chế trong việc dỡ bỏ hoàn toàn lệnh cấm vận bán vũ khí sát thương cho Việt Nam của Hoa Kỳ<sup>1</sup>.

Dẫu vậy, không thể phủ nhận, 25 năm qua, Việt Nam và Hoa Kỳ đã cùng nhau cố gắng bỏ lại sau lưng một chương buồn trong lịch sử, đưa quan hệ hai bên tiến những bước dài ấn tượng như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhận xét: Từ chỗ là “*cựu thù*”, Việt Nam và Hoa Kỳ đã trở thành “*bạn*”, “*đối tác*” và từ năm 2013 đến nay là “*Đối tác hợp tác toàn diện*” của nhau.

---

1. Xem Hà Kim Ngọc: “Tầm nhìn mới cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ”, *Tlđđ*.

### *Chương III*

## **ĐÁNH GIÁ QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ SAU 25 NĂM BÌNH THƯỜNG HÓA VÀ TRIỂN VỌNG QUAN HỆ HAI NƯỚC TRONG NHỮNG NĂM TỚI**

**Đ**ể có thể dự báo được triển vọng, xu thế phát triển quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong những năm tới trên những lĩnh vực cụ thể cũng như những kịch bản có thể sẽ xảy ra, thiết nghĩ điều cần làm là phải đánh giá được những thành tựu, hạn chế trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ kể từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ cho đến nay nhằm xác định được tiềm năng hợp tác của mối quan hệ này trong thời gian tới ra sao; cần tập trung ưu tiên lĩnh vực nào; cần tạo ra bước đột phá ở đâu và đâu là lĩnh vực cần khắc phục, điều chỉnh... Bên cạnh đó, những chủ trương, những ưu tiên chính sách mà mỗi nước đang và sẽ dành cho nhau cũng là điều cần thiết phải làm rõ vì chính chúng định hướng cho mối quan hệ này trong tương lai. Sau cùng, không thể không chỉ ra những cơ hội, những thuận lợi cũng như những thách thức, khó khăn mà quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ có thể gặp phải bởi

đó là những yếu tố có thể khiến triển vọng quan hệ hai nước tươi sáng hoặc mù mịt, to lớn hoặc nhỏ bé, tốt đẹp hoặc hạn chế.

## I- ĐÁNH GIÁ QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ SAU 25 NĂM BÌNH THƯỜNG HÓA

### **1. Một số đặc điểm trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ**

*Thứ nhất*, đây là mối quan hệ giữa hai nước có nhiều sự khác biệt về chế độ chính trị - xã hội và lịch sử phát triển, trình độ phát triển; từng đối đầu trực tiếp và quyết liệt trong suốt cả thời kỳ Chiến tranh lạnh, trong đó cuộc chiến tranh Việt Nam - Hoa Kỳ (1954 - 1975) là một cuộc đối đầu mang đậm màu sắc ý thức hệ giữa hai hệ thống thế giới đối địch là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Trong bối cảnh sau Chiến tranh lạnh, mối quan hệ hai nước thường xuyên bị tác động từ nhiều nhân tố bên trong và bên ngoài xét trên cả mặt tích cực và tiêu cực.

*Thứ hai*, do vị trí, vai trò quan trọng của Hoa Kỳ ở cấp độ toàn cầu cũng như khu vực và do những hệ lụy lịch sử cùng những đặc thù trong quan hệ song phương, trong toàn bộ mối quan hệ giữa Việt Nam với các cường quốc, nước lớn, trước hết là với các nước ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, quan hệ với Hoa Kỳ trong 25 năm qua luôn được Việt Nam xác định là một trong những mối quan tâm lớn nhất, quan trọng nhất, khác hẳn về tính chất và tầm

quan trọng so với các quan hệ đối ngoại khác của Việt Nam, xét trên nhiều mặt: thuận lợi và khó khăn, cơ hội và thách thức<sup>1</sup>, chính trị - ngoại giao và kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh...

*Thứ ba*, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ sau Chiến tranh lạnh là quan hệ giữa một siêu cường thế giới duy nhất, quốc gia đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới đang trong quá trình khôi phục, tăng cường vị trí cường quốc số một toàn cầu với một nước xã hội chủ nghĩa không lớn, một quốc gia đang phát triển đang trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế một cách tích cực, chủ động để từng bước khẳng định vị thế quốc tế của mình. Trong một thế giới mà tính tùy thuộc lẫn nhau ngày càng sâu sắc hơn bao giờ hết giữa các quốc gia, dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ và xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa, đặc thù này không tạo ra những khó khăn quá lớn, quá đặc biệt trong quan hệ giữa hai nước.

*Thứ tư*, về chính trị - tư tưởng, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ là quan hệ giữa hai quốc gia có mục tiêu, lợi ích chiến lược đối kháng nhau. Trong khi mục tiêu, lợi ích nhất quán của Việt Nam là quyết tâm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, góp phần vào quá trình khôi phục,

---

1. Xem Trình Mưu, Nguyễn Hoàng Giáp (Đồng chủ biên): *Tập bài giảng Quan hệ quốc tế*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2012, tr.338.

củng cố chủ nghĩa xã hội hiện thực thế giới (đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức) thì mục tiêu, lợi ích chiến lược xuyên suốt, nhất quán của Hoa Kỳ là “Mỹ hóa” toàn cầu, duy trì và củng cố vị trí bá quyền của quốc gia này trên tất cả các lĩnh vực<sup>1</sup> trong “*Trật tự Mỹ*”, xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại trên hành tinh này. Đặc điểm này làm cho mặt đối trọng trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ khá thường trực và có khi trở nên gay gắt. Mặt khác, di sản quá khứ vẫn còn ảnh hưởng không nhỏ đến quan hệ giữa hai nước, nhất là những vấn đề nhạy cảm.

*Thứ năm*, về quốc phòng - an ninh, cả Hoa Kỳ và Việt Nam đều rất quan tâm và mong muốn tăng cường hợp tác giữa hai nước, xem đây như là một cơ sở để tạo dựng niềm tin và đôn bẩy để mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác và hai nước đã có những bước đi thận trọng phù hợp với chủ trương, chính sách của nước mình<sup>2</sup>. Mặt khác, do tình hình Biển Đông ngày càng diễn biến phức tạp, biến động khó lường nên về phía Hoa Kỳ đã và đang có những điều chỉnh về quan điểm, lập trường cũng như những hành động trên thực tế và điều này sẽ có tác động rất lớn đến

---

1. Xem Trình Mưu - Nguyễn Hoàng Giáp (Đồng chủ biên): *Tập bài giảng Quan hệ quốc tế*, Sdd, tr.333.

2. Xem Đinh Nguyên Đức: *Quan hệ Việt - Mỹ từ 2009 đến nay: Thực trạng và triển vọng*, Luận văn Thạc sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao, Hà Nội, 2014, tr.46-47.

quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong hiện tại và tương lai, đặc biệt về hợp tác quân sự.

*Thứ sáu*, về kinh tế, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ là quan hệ giữa hai nền kinh tế có sự chênh lệch rất lớn về quy mô, trình độ phát triển (GDP, GDP bình quân đầu người, cơ cấu nền kinh tế, năng lực cạnh tranh...). Trong khi kinh tế Hoa Kỳ được xem là nền kinh tế thị trường khổng lồ và phát triển nhất thế giới thì nền kinh tế Việt Nam có tiềm lực chưa lớn, lại đang trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế... Đặc điểm này một mặt tạo ra nhiều cơ hội để Việt Nam phát triển nếu biết tận dụng thời cơ, mặt khác, lại đặt ra không ít thách thức cho Việt Nam. Tuy nhiên, trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ, mặt cơ hội lớn hơn thách thức, mặt hợp tác lớn hơn mặt đấu tranh, do vậy, Việt Nam cần có quan hệ đúng mực với Hoa Kỳ với sự chủ động, tỉnh táo, khôn khéo, nhất là trong việc xử lý những vướng mắc nhạy cảm, để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước<sup>1</sup>.

Trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, quan hệ kinh tế - thương mại được xem là lĩnh vực phát triển nhanh nhất, đạt nhiều thành công nhất, đã tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

---

1. Xem Lê Viết Hùng: *Quan hệ kinh tế Hoa Kỳ - Việt Nam (2000 - 2012)*, Sđd, tr.142-143.

## 2. Những thành tựu đạt được

Hai mươi lăm năm qua, trên tinh thần “gác lại quá khứ”, phát huy tương đồng, hướng tới tương lai cùng thái độ đối thoại thẳng thắn, chân thành, có thể khẳng định, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đã liên tục được củng cố và mở rộng, bổ sung những lĩnh vực mới, từ quan hệ hợp tác song phương là chính đã mở rộng ra các vấn đề đa phương, hợp tác ngày càng đi vào chiều sâu và hiệu quả hợp tác được nâng cao, thực chất hơn. Những nhận định này được thể hiện rõ trên các lĩnh vực cụ thể sau:

*Về quan hệ chính trị - ngoại giao*, vượt qua những nghi ngại, e dè trong những năm đầu bình thường hóa quan hệ, với nỗ lực của cả hai nước, Việt Nam và Hoa Kỳ đã xích lại gần nhau. Hai nước đã trao đổi các hoạt động đối ngoại song phương ở cả cấp cao và cấp làm việc. Các hoạt động này gần đây càng diễn ra sôi động, đạt nhiều kết quả thực chất, trong đó đáng chú ý có sự khởi sắc ở kênh đối ngoại đẳng qua chuyến thăm ở cả hai chiều. Hai quốc gia giờ đây đã trở thành đối tác hợp tác toàn diện của nhau và “không còn có lĩnh vực nào mà hai nước không thể hợp tác”, để mở ra một giai đoạn phát triển mới về chất trong quan hệ giữa hai nước. Và từ chỗ ban đầu chỉ có duy nhất một cơ chế đối thoại về tìm kiếm quân nhân Hoa Kỳ mất tích trong chiến tranh, đến nay Việt Nam và Hoa Kỳ đã thiết lập được trên 10 cơ chế đối thoại, trong đó có những cơ chế rất quan trọng như Đối thoại thường kỳ cấp Bộ trưởng, Đối thoại Chính trị - An ninh - Quốc phòng,

Đối thoại về Chính sách quốc phòng, Đối thoại về châu Á - Thái Bình Dương, Đối thoại nhân quyền. Đồng thời, chương trình nghị sự không ngừng được bổ sung những lĩnh vực hợp tác mới. Sự phát triển quan hệ chính trị - ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ được đánh giá là ổn định, thực chất, không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi nước mà còn rất quan trọng đối với hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực. Từ năm 2015 đến nay, hai nước trao đổi các đoàn cấp cao với nhịp độ chưa từng có, trong đó có các chuyến thăm Hoa Kỳ của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (tháng 7/2015), của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (tháng 5/2017), chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Mỹ Barack Obama (tháng 5/2016) và của Tổng thống Donald Trump (tháng 11/2017). Trong năm 2017 có hai chuyến thăm cấp cao là điều đặc biệt kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao. Có thể thấy 25 năm không phải là quãng thời gian dài trong tiến trình lịch sử song với những bước phát triển vượt bậc đã đủ để cho cả Việt Nam và Hoa Kỳ có thêm cơ sở tiếp tục xây dựng lòng tin chính trị, tiếp tục hướng tới những mối quan hệ bền chặt hơn trong tương lai.

*Về quan hệ quốc phòng - an ninh*, sự vận động của mối quan hệ này 25 năm qua cho thấy dù chưa thật sự đi vào chiều sâu nhưng xét về tổng thể, hai nước cũng đã đạt được những kết quả nhất định, mang lại lợi ích cho cả hai. Các chuyến viếng thăm quân sự cấp cao thường xuyên giúp hai nước hiểu biết lẫn nhau hơn và đã đưa đối thoại



trở thành hành động. Hoa Kỳ đã có những bước đi tích cực bao gồm việc tiến tới dỡ bỏ hoàn toàn lệnh cấm bán vũ khí sát thương. Trên cơ sở những thỏa thuận đạt được, hai nước từng bước mở rộng hợp tác và đạt những tiến triển quan trọng, nhất là về tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ nhân đạo, giảm nhẹ thiên tai, gìn giữ hòa bình, đào tạo và an ninh hàng hải. Trên tinh thần nhân đạo, Việt Nam phối hợp hiệu quả với Hoa Kỳ trong lĩnh vực tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích trong chiến tranh. Hoa Kỳ cũng có những nỗ lực đáng ghi nhận trong các lĩnh vực rà phá bom, mìn, tẩy độc da cam. Không những thế, hiện nay, các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ coi Việt Nam là một đối tác đầy triển vọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hai nước có mối quan tâm chung về việc đảm bảo tự do hàng hải và thương mại ở Biển Đông, ngăn chặn việc sử dụng vũ lực trong các tranh chấp lãnh thổ, bảo đảm việc giải quyết hòa bình các tranh chấp biển. Đồng thời, hai nước cũng đã tiến hành đối thoại thường niên ở cấp Thứ trưởng nhằm tìm cách thúc đẩy hợp tác quốc phòng và an ninh, và hai nước đã đạt được những tiến bộ vững chắc trong cả 5 lĩnh vực ưu tiên hợp tác là: an ninh hàng hải; đối thoại cao cấp; tìm kiếm và cứu nạn; trợ giúp nhân đạo và cứu trợ thiên tai (HA/DR); và hoạt động gìn giữ hòa bình. Như vậy, có thể thấy, dù phạm vi hợp tác trong lĩnh vực này còn khiêm tốn nhưng tốc độ cam kết đã được đẩy nhanh hơn và những bước phát triển trong lĩnh vực này được minh chứng thông qua những kết quả đạt được trên

các lĩnh vực hợp tác cụ thể về đào tạo quân sự, về khắc phục hậu quả chiến tranh, về hỗ trợ mua sắm khí tài...

*Về quan hệ kinh tế*, có thể nói, đây là lĩnh vực ưu tiên, tiến triển nhanh nhất, đạt thành tựu nổi bật nhất và động lực thúc đẩy quan hệ. Từ khi thực hiện BTA, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam không bị phân biệt đối xử tại thị trường Hoa Kỳ, mang lại cơ hội mở rộng giao lưu thương mại cho cả hai nước, nhanh chóng đưa Hoa Kỳ trở thành thị trường hàng đầu cho xuất khẩu của Việt Nam. *Về thương mại*, với kim ngạch xuất khẩu 61,35 tỉ USD năm 2019, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước đứng đầu ASEAN về xuất khẩu vào Hoa Kỳ và vượt qua Ấn Độ để lọt vào danh sách 10 nước xuất siêu hàng đầu vào thị trường có sức mua lớn nhất thế giới. Sau 25 năm bình thường hóa quan hệ, tổng kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ tăng hơn 167,8 lần và khá ổn định. Cơ cấu trao đổi hàng hóa hai bên cũng ngày càng phong phú, đa dạng hơn. Về đầu tư, Hoa Kỳ hiện là nhà đầu tư lớn thứ 11 trong tổng số 135 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam tính lũy kế đến hết năm 2019. Cơ cấu đầu tư, hình thức đầu tư đa dạng, phong phú hơn vì hiện Hoa Kỳ đã đầu tư vào 17/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân của Việt Nam và nguồn vốn được thực hiện thông qua 4/6 hình thức đầu tư được pháp luật Việt Nam cho phép. Địa bàn đầu tư cũng không ngừng được mở rộng khi các nhà đầu tư Hoa Kỳ có mặt tại 42/63 tỉnh, thành phố của Việt Nam. Ở chiều ngược lại, đầu tư

của Việt Nam sang Hoa Kỳ cũng có những bước tiến nhất định bởi những năm gần đây Hoa Kỳ luôn là thị trường nằm trong top dẫn đầu về vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài.

*Quan hệ hợp tác về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ* giữa Việt Nam và Hoa Kỳ không “*gập ghềnh*” như trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh. *Về văn hóa*, thông qua các hoạt động trao đổi hợp tác về âm nhạc, mỹ thuật, văn chương... Việt Nam và Hoa Kỳ đã có nhiều cơ hội chia sẻ các giá trị văn hóa, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau. *Về giáo dục và đào tạo*, thông qua các hoạt động trao đổi trong khuôn khổ các chương trình như Fulbright, VEF, hai nước đã thúc đẩy hợp tác giáo dục gần gũi hơn và hiểu biết sâu hơn qua việc học tập, nghiên cứu hoặc giảng dạy ở mỗi nước. Thành công đáng kể nhất là hai nước đã nhất trí xây dựng Trường Đại học Fulbright Việt Nam (FUV). Hợp tác giáo dục chặt chẽ giữa hai nước thể hiện qua con số khá ấn tượng với khoảng 30.000 du học sinh Việt Nam đang học tập tại Hoa Kỳ (đưa Việt Nam trở thành nước đứng đầu ASEAN, đứng thứ sáu thế giới về số lượng sinh viên tại Hoa Kỳ), nhiều chương trình liên kết đào tạo đại học và sau đại học giữa đại học Việt Nam và đại học Hoa Kỳ, hàng loạt dự án hợp tác, học bổng đã được triển khai. *Về khoa học và công nghệ*, bước đột phá mới đó là việc Hiệp định hạt nhân dân sự 123 đã chính thức có hiệu lực từ ngày 10/9/2014, mở ra cơ hội lớn cho hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực hạt nhân dân sự. *Về y tế*, Hiệp định Hợp tác y tế và

khoa học y học Việt Nam - Hoa Kỳ đã được ký kết và nhiều chương trình hợp tác cụ thể như phòng, chống các dịch bệnh mới nổi như dịch SARS, dịch cúm, bệnh lây nhiễm; phòng, chống HIV/AIDS; nghiên cứu vắc xin và sinh phẩm đã được tiến hành.

Về vấn đề dân chủ, nhân quyền, hai nước từng bước nỗ lực giảm thiểu những bất đồng thông qua việc thường xuyên duy trì đối thoại nhân quyền hằng năm với những trao đổi thẳng thắn, thực chất về những vấn đề mà hai nước quan tâm, góp phần xử lý hiệu quả vấn đề dân chủ, nhân quyền trong tổng thể quan hệ song phương. Tại phiên đối thoại lần thứ 19 (năm 2015), ông Tom Malinowski, Trợ lý Ngoại trưởng Hoa Kỳ chuyên trách dân chủ, nhân quyền và lao động đánh giá: “Phía Việt Nam đã có nhiều bước tiến trong thực hiện nhân quyền, nhất là việc Chính phủ Việt Nam đã thông qua hai công ước quốc tế rất quan trọng, đó là Công ước chống tra tấn và Công ước về quyền của người khuyết tật. Tôi lạc quan rằng chúng ta sẽ đạt được sự thấu hiểu và đồng thuận về vấn đề có tính quyết định đó - vấn đề quyền của người lao động, vì những lợi ích kinh tế và lợi ích chiến lược sẽ vượt trội so với bất cứ lý do gì khác”<sup>1</sup>.

---

1. Bích Ngọc, Chu Chính: “Việt Nam đã có nhiều bước tiến trong thực hiện nhân quyền”, <http://vtv.vn/viet-nam-va-the-gioi/viet-nam-da-co-nhieu-buoc-tien-trong-thuc-hien-nhan-quyen-20150512165050862.htm>.

Ngoài ra, *các lĩnh vực viện trợ nhân đạo, các chương trình từ thiện* cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Các chương trình hỗ trợ xây dựng các trung tâm y tế ở Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Quảng Ninh, Lai Châu (Việt Nam) của Hoa Kỳ là những dấu ấn tốt đẹp trong quan hệ hai nước. Việc Hoa Kỳ tiếp tục mở rộng các hoạt động từ thiện và trợ giúp nhân đạo ở Việt Nam góp phần thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác hơn nữa giữa nhân dân Hoa Kỳ và nhân dân Việt Nam.

Cùng với những thành tựu đạt được trong quan hệ song phương, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong các cơ chế đa phương đang diễn ra hết sức sôi động. Hai nước chia sẻ nhiều nhận thức chung trong các vấn đề khu vực và quốc tế, phối hợp chặt chẽ trên các diễn đàn đa phương, như APEC, ASEAN, ARF... vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực. Hai bên nhất trí tăng cường quan hệ ASEAN - Hoa Kỳ, ủng hộ vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực.

Những kết quả này có được là do: *Thứ nhất*, Việt Nam và Hoa Kỳ ngày càng chia sẻ những lợi ích rộng lớn hơn, không chỉ những lợi ích có tính chất song phương mà cả những lợi ích mang tính khu vực và toàn cầu; *thứ hai*, cả hai nước thực sự cùng nhau nỗ lực phát triển quan hệ với tinh thần “gác lại quá khứ, vượt qua khác biệt, phát huy tương đồng, hướng tới tương lai” và thái độ đối thoại chân thành, thẳng thắn, xây dựng; *thứ ba*, Việt Nam và Hoa Kỳ phát triển quan hệ với nhau

dựa trên những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc, trong đó quan trọng nhất là nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi và cam kết tôn trọng thể chế chính trị của nhau; *thứ tư*, Việt Nam và Hoa Kỳ ưu tiên mở rộng hợp tác hơn nữa trên cả bình diện song phương, khu vực và toàn cầu phù hợp với lợi ích của mỗi nước. Việt Nam coi Hoa Kỳ là đối tác quan trọng hàng đầu, nhất là về kinh tế - thương mại và Hoa Kỳ cũng ngày càng coi trọng vai trò của Việt Nam trong khu vực, một thị trường hơn 90 triệu dân và một nền kinh tế có tiềm năng lớn; *thứ năm*, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ phát triển trong bối cảnh hòa bình, hợp tác là xu thế chủ đạo ở khu vực và trên thế giới nên có nhiều cơ hội thuận lợi<sup>1</sup>.

Như vậy, sau 25 năm bình thường hóa quan hệ, Việt Nam và Hoa Kỳ đã tiến được những bước dài. Những kết quả đạt được đã minh chứng: Chỉ có con đường hợp tác bình đẳng, cùng có lợi trên tinh thần tôn trọng thể chế chính trị, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, đối thoại thay cho đối đầu thì cả Việt Nam và Hoa Kỳ mới có thể vượt qua quá khứ,

---

1. Xem Hà Kim Ngọc: “Tầm nhìn mới cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ”, *Tlđđ*.

cùng chung tay xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho mỗi dân tộc cũng như đóng góp tích cực vào hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới<sup>1</sup>.

### 3. Những hạn chế

Bên cạnh những thành tựu kể trên, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ vẫn còn những hạn chế như:

Về *quan hệ chính trị - ngoại giao*, các cuộc viếng thăm, trao đổi đoàn đã được tổ chức thường xuyên nhưng vẫn còn tiềm ẩn những nhân tố gây căng thẳng, chủ yếu do sự khác biệt chế độ chính trị và do phía Hoa Kỳ thường sử dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” và tự do tôn giáo làm nguyên cớ và phương tiện để can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam nhằm “*chuyển hóa*” Việt Nam theo hệ giá trị Hoa Kỳ. Hơn nữa, hai nước còn tồn tại những bất đồng trong việc hợp tác và khắc phục hậu quả chiến tranh, nhất là vấn đề hỗ trợ cho nạn nhân chất độc da cam/dioxin. Hoa Kỳ vẫn có sự liên quan nhất định với những người Việt chống phá chính trị nội bộ Việt Nam và nhiều cuộc đối thoại giữa các nhà lãnh đạo Việt Nam và Hoa Kỳ đã cho thấy hai bên còn nhiều khác biệt liên quan đến vấn đề ý thức hệ. Trong cuộc gặp với Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng năm 2015 tại Nhà Trắng, Tổng thống

---

1. Xem “20 năm quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ: Chặng đường ngắn, bước tiến dài”, <http://www.vietnamplus.vn/20-nam-quan-he-viet-nam-hoa-ky-chang-duong-ngan-buoc-tien-dai/332201.vnp>.

B. Obama thừa nhận rằng “vẫn tiếp tục có sự khác biệt đáng kể về triết lý và hệ thống chính trị giữa hai nước chúng ta” và ông đã viện dẫn những bất đồng xung quanh các vấn đề về quyền con người và tự do tôn giáo<sup>1</sup>. Chính vì vậy, có thể nói trong cục diện vừa hợp tác, vừa đấu tranh của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, *trong sâu xa mặt đấu tranh với Hoa Kỳ của Việt Nam trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao lớn hơn mặt hợp tác*<sup>2</sup> nếu hai bên không có giải pháp tích cực.

Về *quan hệ quốc phòng - an ninh*, thực tế cho thấy, mức độ hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực này vẫn còn một số hạn chế và rào cản. Hợp tác chưa thật sự đi vào thực chất, chiều sâu vì giữa hai nước vẫn còn hiện hữu một khoảng cách không nhỏ bởi sự khác biệt về thể chế chính trị, lối sống, văn hóa, nhận thức, những nhân tố chi phối chiến lược và đôi khi là cả sự hoài nghi, e ngại và chưa yên tâm về nhau. Hơn nữa, mục tiêu và quan điểm, hình thức đối với hợp tác quân sự của Hoa Kỳ và Việt Nam khác nhau. Hai bên chưa có sự thống nhất về việc xác định tầm quan trọng của quan hệ quân sự

---

1. Xem “Quan hệ Việt - Mỹ thời Tổng thống Donald Trump”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 24/9/2019, tr.1-8.

2. Xem Hà Mỹ Hương: “Chính sách của Việt Nam với Mỹ và quan hệ Việt - Mỹ những năm đầu thế kỷ XXI: Thực trạng và triển vọng”, [http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document\\_library/get\\_file?uuid=27a112ae-1037-4676-9db7ab0049d353c1&groupId=13025](http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document_library/get_file?uuid=27a112ae-1037-4676-9db7ab0049d353c1&groupId=13025).



hai nước trong quan hệ song phương, đòi hỏi trong hợp tác quân sự khác nhau, phương thức và dự kiến tốc độ về hợp tác cũng khác nhau. Hoa Kỳ tuy đã dỡ bỏ hoàn toàn lệnh cấm bán vũ khí sát thương cho Việt Nam nhưng không thể phủ nhận động lực chính thúc đẩy hai quốc gia xích lại gần nhau trên phương diện này chính là thách thức từ Trung Quốc nên hợp tác quốc phòng - an ninh Việt Nam - Hoa Kỳ vẫn còn nhiều giới hạn. Trên những lĩnh vực hợp tác cụ thể như rà phá bom, mìn, vật nổ sót lại sau chiến tranh; giải quyết hậu quả chất độc da cam/dioxin tiến độ hợp tác còn chậm. Chẳng hạn, theo ước tính, với tốc độ khắc phục hậu quả bom, mìn như thời gian 5 năm trở lại đây thì phải mất đến 300 năm nữa mới có thể làm sạch được bom, mìn tại Việt Nam<sup>1</sup> với kinh phí lên tới cả chục tỉ USD. Thời gian qua, việc giải quyết ô nhiễm bom, mìn, vật nổ ở Việt Nam mới chỉ ở bề nổi, công tác rà phá bom, mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh tại Việt Nam hiện đang gặp nhiều khó khăn, thách thức như các khu vực bị ô nhiễm bom, mìn phần lớn có địa hình, địa chất, thủy văn phức tạp; bom, mìn, vật nổ nằm ở các độ sâu khác nhau với nhiều dị vật nhiễm từ. Hoạt động rà, phát hiện bom, mìn tại Việt Nam chủ yếu sử dụng thiết bị cá nhân vì địa hình không phù hợp với phương pháp dò tìm bằng

---

1. Xem Ánh Huyền: “Việt Nam - Hoa Kỳ hợp tác khắc phục hậu quả bom, mìn sau chiến tranh”, *Tlđđ*.

cơ giới nên hiệu suất chưa cao; trang thiết bị xử lý bom, mìn, vật nổ sau khi phát hiện còn thiếu và hiệu quả chưa cao. Mặt khác, dù đã có những động thái tích cực của chính phủ và các tổ chức, cá nhân từ phía Hoa Kỳ trong giải quyết hậu quả chất độc da cam/dioxin, nhưng những khoản tài trợ trên còn quá nhỏ bé so với hậu quả hết sức to lớn mà quân đội Hoa Kỳ gây ra cho nhân dân Việt Nam. Hơn nữa, những hỗ trợ trên mới chỉ tập trung vào việc giải quyết vấn đề môi trường, còn việc đền bù, chăm sóc sức khỏe, cuộc sống cho nạn nhân da cam vẫn còn rất hạn chế.

Về *quan hệ kinh tế*, cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa được hưởng Chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) và Hoa Kỳ chỉ “*đang xem xét tích cực*”, chứ chưa thực sự công nhận kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường. Mặc dù hợp tác thương mại - đầu tư 25 năm qua có những bước tiến vượt bậc nhưng còn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của cả hai nước. Việt Nam chưa phải là bạn hàng lớn của Hoa Kỳ, chiếm thị phần rất nhỏ trong tổng kim ngạch thương mại của nước này. Theo số liệu thống kê trong Cơ sở thống kê dữ liệu thương mại của Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc (UNCOMTRADE), năm 2017, tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ ra thị trường thế giới đạt 1.784 tỉ USD, Việt Nam là nước nhập khẩu hàng hóa lớn thứ 31 của Hoa Kỳ (chỉ chiếm 0,5% trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ); trong khi đó, tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ lên

đến 2.407 tỉ USD từ tất cả đối tác thương mại, Việt Nam xếp vị trí thứ 12 (chiếm tỷ trọng 2% trong tổng giá trị nhập khẩu của Hoa Kỳ)<sup>1</sup>. Đến cuối năm 2018, dù có bước nhảy vọt nhưng Việt Nam cũng mới chỉ xếp thứ 9 trong các nước xuất khẩu lớn nhất vào Hoa Kỳ; xếp thứ 27 về nhập khẩu hàng hóa và là đối tác thương mại lớn thứ 16 của Hoa Kỳ<sup>2</sup>.

Trong trao đổi thương mại, Hoa Kỳ vẫn thường có những cáo buộc rằng Việt Nam bán phá giá một số mặt hàng sang Hoa Kỳ và nước này đã tạo ra những rào cản về mặt kỹ thuật đối với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam vào Hoa Kỳ, trong đó đáng chú ý là thủy sản. Năm 2014, Đạo luật Nông trại (Farm Bill) của Hoa Kỳ quy định cá da trơn phải chịu sự kiểm tra liên tục nên cá tra, cá basa của Việt Nam khi xuất khẩu vào Hoa Kỳ phải đối mặt với những kiểm tra ngặt nghèo hơn. Đồng thời, từ tháng 3/2016, cá tra, cá basa của Việt Nam khi xuất khẩu

---

1. Xem Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Hoa Kỳ: Diễn biến giai đoạn 2010 - 2018 và cập nhật tháng 01/2019”, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1607&Category=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20chuy%C3%AAn%20C4%91%E1%BB%81&Group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch>.

2. Xem Xuân Anh: “Quan hệ kinh tế, thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ có tính hỗ trợ cho nhau”, <https://bnews.vn/quan-he-kinh-te-thuong-mai-viet-nam-hoa-ky-co-tinh-bo-tro-cho-nhau/133130.html>.

vào Hoa Kỳ sẽ thuộc quyền giám sát của Cục Thanh tra an toàn thực phẩm (FSIS) thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ thay vì chịu quy định của Cục Quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) như trước. Không những thế, kể từ tháng 01/2018, Chương trình giám sát thủy sản nhập khẩu (SIMP) đã được áp dụng. Do đó, các nhà chế biến thủy sản Việt Nam khi xuất khẩu mặt hàng này vào Hoa Kỳ sẽ gặp rất nhiều khó khăn<sup>1</sup>. Cụ thể như, sản phẩm cá da trơn xuất khẩu sang Hoa Kỳ sẽ được kiểm soát chặt chẽ từ công đoạn nuôi, thu hoạch, vận chuyển cá tới cơ sở chế biến, cho đến khâu chế biến, xuất khẩu. Sản phẩm phải đảm bảo yêu cầu liên quan đến 85 chỉ tiêu về thuốc thú y, 106 chỉ tiêu về thuốc bảo vệ thực vật, 4 chỉ tiêu về thuốc nhuộm, 17 chỉ tiêu về kim loại, 8 chỉ tiêu về vi sinh, hóa học... dựa theo những chỉ tiêu mà phía Hoa Kỳ đã đưa ra<sup>2</sup>. Tuy vậy, có một tín hiệu đáng mừng, ngày 31/10/2019, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ đã chính thức công bố quyết định công nhận tương đương hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm cá da trơn của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ nên đây sẽ là cơ hội

---

1. Xem Nguyễn Bình Dương: “Rào cản phi thuế quan của Mỹ đối với hàng thủy sản xuất khẩu Việt Nam và một số hàm ý chính sách”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 4 (253), 2019, tr.23-32.

2. Xem Kiều Linh: “Hoa Kỳ sắp thanh tra chương trình kiểm soát cá da trơn Việt Nam”, <http://vneconomy.vn/hoa-ky-sap-thanh-tra-chuong-trinh-kiem-soat-ca-da-tron-viet-nam-20180507212101131.htm>.

thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu cá tra vào thị trường này trong những năm tới.

Mặt khác, cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu giữa hai nước còn nhiều hạn chế. Trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào Hoa Kỳ thời gian qua, chiếm tỷ trọng cao nhất là các nhóm hàng nông sản, dệt may, da giày, trong khi xuất khẩu của Hoa Kỳ sang Việt Nam là những mặt hàng có hàm lượng công nghệ cao nên Việt Nam chịu nhiều thiệt thòi vì các mặt hàng xuất khẩu có giá trị gia tăng thấp.

Trong khi là nhà đầu tư lớn nhất tại nhiều nước ASEAN, Hoa Kỳ mới chỉ là nhà đầu tư lớn thứ 11 tại Việt Nam và quy mô bình quân vốn đầu tư cho một dự án của Hoa Kỳ là 9,5 triệu USD/dự án, thấp hơn so với quy mô trung bình của một dự án FDI vào Việt Nam. Do đó, đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước, đồng thời còn có sự mất cân đối trong quan hệ đầu tư giữa hai nước vì số vốn các doanh nghiệp Việt Nam đăng ký đầu tư sang Hoa Kỳ thấp hơn nhiều so với số vốn các doanh nghiệp Hoa Kỳ đầu tư vào Việt Nam. Mặt khác, nhiều dự án đầu tư của Hoa Kỳ triển khai còn chậm, hiệu quả chưa cao. Mặc dù khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là khu vực có mức độ tăng trưởng khá nhưng vẫn có rất nhiều dự án triển khai không đúng tiến độ đăng ký; một số công ty Hoa Kỳ hoạt động kém hiệu quả do nhiều nguyên nhân chủ quan cũng như

khách quan. Việc một số công ty làm ăn thua lỗ và kém hiệu quả đã có những tác động tiêu cực đến bức tranh đầu tư nước ngoài của Việt Nam, làm giảm lòng tin của các nhà đầu tư cũng như những quyết định đầu tư của họ. Hơn nữa, thực tế một số công ty Hoa Kỳ có biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh, độc quyền, hạch toán lỗ để trốn thuế. Thêm vào đó, nguồn vốn FDI của Hoa Kỳ tập trung chủ yếu tại các tỉnh, thành phố trọng điểm phía Nam do có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi và khu vực phát triển kinh tế năng động nhất của cả nước đang góp phần tạo ra sự mất cân đối trong phát triển vùng, miền của Việt Nam.

*Về quan hệ văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ cùng một số lĩnh vực khác cũng có những hạn chế, bất cập.* Các hoạt động hợp tác này còn mang tính bề nổi, chưa đi vào thực chất. Trước sức mạnh lan tỏa của văn hóa Hoa Kỳ, Việt Nam gặp những khó khăn nhất định trên con đường giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, trình độ giáo dục, khoa học và công nghệ giữa hai nước tồn tại khoảng cách khá lớn nên độ “vênh” trong quá trình hợp tác không phải là không có. Cấu trúc hệ thống giáo dục Việt Nam và Hoa Kỳ có khác biệt lớn ở chỗ sự kết hợp hay tách biệt giữa nghiên cứu và đào tạo vì Việt Nam chưa thật sự làm tốt công tác này nên gặp không ít khó khăn trong hợp tác với Hoa Kỳ. Và Hoa Kỳ không phải lúc nào cũng mẫn mà trong việc chia sẻ các thành tựu khoa học

kỹ thuật của mình, đơn giản vì đây là tài sản trí tuệ, là tiền, dù là trong những lĩnh vực có chung quyền lợi. Hơn nữa, năng lực khoa học và công nghệ của Việt Nam còn yếu kém, thiếu các cán bộ khoa học công nghệ đầu đàn giỏi khiến Việt Nam không nhanh nhậy trong chuyển giao các thành tựu nghiên cứu. Cơ chế quản lý các tổ chức khoa học và công nghệ ở nước ta không phù hợp với đặc thù hoạt động lao động sáng tạo của người Mỹ<sup>1</sup>.

Cuối cùng, hạn chế trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ được thể hiện khá rõ trong *lĩnh vực dân chủ, nhân quyền*. Đây có lẽ là rào cản lớn trong quan hệ hai nước suốt 25 năm qua. Các quan chức Hoa Kỳ liên tục lên tiếng thể hiện mối lo ngại của họ về vi phạm nhân quyền ở Việt Nam và luôn xem vấn đề này như là một điều kiện tiên quyết trong các đàm phán với Việt Nam, các vấn đề hợp tác cụ thể như hợp tác quân sự, đàm phán TPP (mà Hoa Kỳ đã rút khỏi) và thậm chí là trong việc nâng cấp quan hệ với Việt Nam lên tầm cao hơn. Chính những bất đồng trong vấn đề nhân quyền giữa hai nước thời gian qua trở thành những trở lực lớn trong việc xây dựng lòng tin giữa hai nước.

Như vậy, việc hiểu rõ những hạn chế này là hết sức cần thiết để Việt Nam và Hoa Kỳ có những giải pháp cụ

---

1. Xem Ngô Xuân Bình (Chủ biên): *Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ*, Sdd, tr.293.

thể phù hợp hơn trong việc thúc đẩy quan hệ hai nước trong thời gian tới. Và, việc đánh giá những hạn chế một cách chi tiết, cụ thể trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ từ sau khi hai nước bình thường hóa quan hệ cho đến nay sẽ không làm mất đi niềm tin rằng cơ hội cho việc xây dựng mối quan hệ phát triển hơn nữa giữa hai nước là có thực và khả thi. Ở một góc độ nào đó, như đã đề cập, việc hai nước xác định vẫn có nhu cầu hợp tác với nhau thì những hạn chế này là những vấn đề cấp bách buộc hai nước phải thúc đẩy hợp tác hơn nữa để giải quyết.

## II- CHIỀU HƯỚNG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM VÀ HOA KỲ NHỮNG NĂM TỚI

### **1. Quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong quan hệ với Hoa Kỳ**

Với tư tưởng chỉ đạo hoạt động đối ngoại được Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (năm 2016): “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi... Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng;



Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”<sup>1</sup>, nhiệm vụ đối ngoại cần thực hiện là: “Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước”<sup>2</sup>. Và để thực hiện được nhiệm vụ này, các hoạt động đối ngoại phải bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là nguyên tắc tối cao của mọi hoạt động đối ngoại và mọi hoạt động đối ngoại đều phải hướng đến bảo đảm một cách tối cao lợi ích quốc gia - dân tộc. Đồng thời, phương châm để thực hiện những nhiệm vụ này là: “*vừa hợp tác, vừa đấu tranh*”.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế (tháng 4/2013) cũng đã khẳng định những định hướng đối ngoại thời gian tới là: **Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác có tầm quan trọng chiến lược đối với sự phát triển và an ninh của đất nước; đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập đi vào thực chất, tạo sự đan xen gắn kết lợi ích giữa nước ta với các đối tác.**

Trên nền tảng đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong quan hệ với các nước lớn, trong đó có Hoa Kỳ cũng được hoạch định theo hướng đó.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.161-162, 162.

Một thành công lớn của đối ngoại Việt Nam trong những năm qua là đã lựa chọn và thực hiện những bước đi mang tính đột phá nhằm xác định mối quan hệ bình thường với tất cả các nước lớn theo hướng cân bằng lợi ích vì mục tiêu giữ vững nền độc lập và phát triển đất nước. Phát triển quan hệ với các nước lớn luôn tạo điều kiện thuận lợi để nước ta thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác có thực lực và tiềm năng lớn trên nhiều lĩnh vực nên trong quan hệ với các nước lớn, Đảng và Nhà nước ta coi trọng việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, tranh thủ thu hút vốn đầu tư, công nghệ, thị trường, kinh nghiệm quản lý tiên tiến cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mặt khác, việc tăng cường quan hệ với đối tác là các nước lớn, các trung tâm kinh tế - chính trị chủ chốt trên thế giới tạo ra mối quan hệ ràng buộc, đan xen về lợi ích của các đối tác đó đối với nước ta, từ đây chúng ta có khả năng khai thác “*nhân tố nước lớn*” trong từng mối quan hệ cụ thể, *tránh bị rơi vào thế đối đầu, cô lập hay lệ thuộc*<sup>1</sup>. Chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong quan hệ với các nước lớn là thực hiện cân bằng lợi ích giữa các nước lớn, một mặt thúc đẩy quá trình cải thiện, mở rộng quan hệ với từng nước lớn, mặt khác tiếp tục giữ vững độc lập, thống nhất và định hướng xã hội chủ nghĩa, không để các

---

1. Xem Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

nước lớn thâm tóm, áp đặt hoặc lôi kéo vào những tập hợp lực lượng gây bất lợi trong quan hệ đối ngoại, đặc biệt trong quan hệ với các nước lớn khác, cũng như kiên trì những nguyên tắc nền tảng là tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi<sup>1</sup>.

Trong bối cảnh khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang trải qua những biến động mạnh mẽ và sâu sắc chưa từng có kể từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc thì vai trò của các nước lớn trong khu vực này ngày càng tăng lên. Trong khi đó, Việt Nam với tiến trình hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, đang trở thành một thành viên chủ chốt, có tiếng nói quan trọng trong khu vực, nhất là khi Việt Nam giữ vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020. Việt Nam tiếp tục coi trọng và mong muốn tăng cường quan hệ với các nước trên thế giới. Do đó, tăng cường quan hệ với các nước đối tác lớn quan trọng luôn là một ưu tiên của Việt Nam. Đối với Việt Nam, việc tăng cường quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ là một bộ phận trong chiến lược đối ngoại mới, phục vụ mục tiêu phát triển và phát huy vai trò đối tác tin cậy, có trách nhiệm của mình.

Thời gian tới, chiều hướng chính sách của Việt Nam trong quan hệ với Hoa Kỳ là mong muốn đưa mối quan hệ

---

1. Xem Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thị Quế: *Chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2013, tr.161.

này lên tầm cao hơn, tầm “*Đối tác hợp tác chiến lược*” đương nhiên không gấn với các điều kiện như dân chủ, nhân quyền hay “*chuyển hóa*”, thậm chí là “*một số nhượng bộ thỏa đáng*” nào đó như Tổng thống Barack Obama từng đề cập. Các nhà lãnh đạo cấp cao Việt Nam đều khẳng định Hoa Kỳ hiện là một đối tác quan trọng hàng đầu có ý nghĩa chiến lược của Việt Nam và Việt Nam sẽ thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác toàn diện với Hoa Kỳ. Tuy nhiên, trong quan hệ với Hoa Kỳ, có những yêu cầu cần phải nắm vững đó là: luôn lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm nền tảng cho việc hoạch định chính sách đối với Hoa Kỳ; kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, giữ vững chế độ xã hội chủ nghĩa; nắm vững phương châm vừa hợp tác, vừa đấu tranh; tuân thủ chính sách “*bốn không*”; kiên trì phát triển kinh tế, tiến hành cấu trúc lại nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh; thúc đẩy mạnh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, chống chiến lược “*diễn biến hòa bình*”. Bên cạnh đó, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hợp tác quốc tế là “*dĩ bất biến, ứng vạn biến*”.

## **2. Chiều hướng chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ với Việt Nam**

Trong bối cảnh Hoa Kỳ đặt ra mục tiêu tạo dựng vị thế để phát huy ảnh hưởng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nên Hoa Kỳ tiếp tục coi trọng, dành ưu tiên và thể hiện mong muốn tăng cường hợp tác sâu rộng với các nước ở khu vực này. Do đó, khi đặt ưu tiên thúc đẩy quan hệ với

các nước trong khu vực thì rõ ràng, một Việt Nam với vị trí chiến lược quan trọng trong khu vực, một Việt Nam mạnh, cải cách theo hướng kinh tế thị trường, hội nhập khu vực và quốc tế là có lợi cho Hoa Kỳ. Cựu Ngoại trưởng Hillary Clinton từng khẳng định: “Hoa Kỳ nhìn nhận Việt Nam không những thật sự là một quốc gia quan trọng mà còn là một bộ phận chiến lược nhằm tăng cường cam kết của người Mỹ trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là trong vùng Đông Nam Á” và “Hoa Kỳ tiếp tục coi trọng và mong muốn thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác nhiều mặt với Việt Nam, trong đó có việc nâng tầm quan hệ, hướng tới đối tác chiến lược”.

Như đã đề cập, có nhiều lý do để Hoa Kỳ coi trọng Việt Nam trong chính sách đối ngoại của mình và lợi ích quốc gia luôn là cơ sở quan trọng hàng đầu trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và với Việt Nam nói riêng. Hoa Kỳ nhìn nhận và xử lý quan hệ với Việt Nam trong tổng thể quan hệ với khu vực Đông Nam Á. Trong những năm tới, chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam chắc chắn vẫn chịu sự chi phối của những nhân tố như Trung Quốc, lợi ích kinh tế và nhân quyền. Do đó, mục tiêu nhất quán trong chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam là tăng cường vị thế của Hoa Kỳ, ngăn ngừa ảnh hưởng của các nước lớn khác đối với Việt Nam, phục vụ lợi ích chiến lược lâu dài của Hoa Kỳ trong khu vực. Mặc dù vị trí của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ

ở khu vực Đông Nam Á chưa được ưu tiên như Philíppin hay Xingapo nhưng với những lợi ích chung mà hai bên đang chia sẻ, như Tổng thống Barack Obama đã xác định: “Quan hệ đối tác hợp tác toàn diện giữa hai nước sẽ cho phép hợp tác hơn nữa trên một loạt các vấn đề từ thương mại đến hợp tác giữa hai quân đội, đến hoạt động đa phương trong các lĩnh vực như cứu trợ thiên tai, đến trao đổi khoa học và giáo dục” và khẳng định: “Hoa Kỳ rất coi trọng quan hệ với Việt Nam và vai trò của Việt Nam ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Việt Nam là “đối tác xây dựng” trên nhiều lĩnh vực, bao gồm biến đổi khí hậu và gìn giữ hòa bình toàn cầu của Hoa Kỳ”, thời gian tới, Hoa Kỳ sẽ ưu tiên thúc đẩy hơn nữa hợp tác toàn diện với Việt Nam.

### III- NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ THỜI GIAN TỚI

Để chia sẻ tầm nhìn, hướng tới tương lai trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ và để định hướng quan hệ hai nước cần phải nhìn nhận trên nhiều yếu tố. Đó là lịch sử quan hệ, kết quả hợp tác và chiều hướng chính sách đối ngoại của mỗi nước và cả những vận động địa - chính trị trong khu vực. Những yếu tố này sẽ tạo ra những cơ hội to lớn, nhưng song hành là những thách thức đan xen.

#### **1. Những cơ hội**

*Thứ nhất, môi trường quốc tế và khu vực mặc dù có những diễn biến phức tạp, khó lường và sự tranh giành*

ảnh hưởng tại những địa bàn chiến lược ở khu vực Đông Nam Á vẫn diễn ra nhưng về cơ bản, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, tiếp tục chi phối cục diện quan hệ quốc tế trong thời gian tới và châu Á - Thái Bình Dương vẫn được dự báo là một trong những khu vực phát triển năng động nhất thế giới, nhưng cũng sẽ là khu vực cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc, tiềm ẩn nhiều bất ổn. Xu hướng này sẽ tạo ra những cơ hội to lớn cho Việt Nam và Hoa Kỳ tiếp tục thúc đẩy quan hệ theo hướng tăng cường lợi ích song phương. Bên cạnh các hoạt động song phương, hợp tác đa phương cũng là hoạt động rất quan trọng cho sự phát triển của quan hệ hai nước trong bối cảnh liên kết quốc tế diễn ra mạnh mẽ. Cùng là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế, nhiều diễn đàn, cơ chế hợp tác trong khu vực, Việt Nam và Hoa Kỳ có nhiều cơ hội tham gia vào các chương trình hợp tác chung nên đó sẽ là điều kiện thuận lợi để hai nước giải quyết những vấn đề do lịch sử để lại, đưa quan hệ hai nước tiếp tục tiến lên phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân hai nước.

*Thứ hai, những thành quả mà Việt Nam - Hoa Kỳ đạt được trên các lĩnh vực hợp tác từ khi bình thường hóa quan hệ đến nay sẽ là tiền đề, cơ sở cũng như sẽ tạo ra động lực, niềm tin thúc đẩy quan hệ song phương tiếp tục phát triển sâu rộng, bền chặt hơn và cũng là nền tảng cho hai nước trong việc thực hiện mục tiêu nâng cấp quan hệ lên tầm cao*

hơn. Liệu có thể có một FTA với Hoa Kỳ vẫn là một cơ hội mà Việt Nam cần nắm bắt. Trong bài phát biểu tại APEC 2017, Tổng thống Donald Trump từng khẳng định: “Tôi sẽ ký các thỏa thuận thương mại song phương với bất cứ quốc gia Ấn Độ - Thái Bình Dương nào muốn trở thành đối tác của Hoa Kỳ và sẽ tuân thủ nguyên tắc thương mại công bằng và có đi có lại”<sup>1</sup>. Nếu hai nước quyết tâm và tận dụng mọi cơ hội để ký kết FTA thì chắc chắn quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trên lĩnh vực kinh tế sẽ có nhiều không gian phát triển hơn nữa. Mặt khác, hiện Chính phủ Việt Nam đang quyết tâm xây dựng một chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động, phục vụ; cam kết tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp nước ngoài nói chung và doanh nghiệp Hoa Kỳ nói riêng đầu tư, kinh doanh hiệu quả tại Việt Nam nên hợp tác kinh tế giữa hai nước sẽ có nhiều điều kiện để phát triển mạnh mẽ và sâu rộng hơn.

*Thứ ba, cả Việt Nam và Hoa Kỳ đang chia sẻ nhiều lợi ích song trùng.* Cả hai cùng mong muốn một khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển và thịnh vượng; tôn trọng luật pháp quốc tế, các thỏa thuận khu vực; đảm bảo tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không; phi quân sự hóa

---

1. Da Nang Today: “Full text of President Donald Trump's speech at APEC CEO Summit”, <https://www.baodanang.vn/english/politics/201711/full-text-of-president-donald-trumps-speech-at-apec-ceo-summit-2577482/>.



Biển Đông. Cả Việt Nam và Hoa Kỳ đều thể hiện rõ nhu cầu hợp tác khi nỗ lực lâu dài của cả hai nước là cố gắng làm giảm bớt việc xem nhau là mối đe dọa đã và đang thu được những thành quả ấn tượng. Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, yếu tố góp phần thúc đẩy hai nước vốn từ thù địch trở thành bạn bè là sự xuất hiện của một mối đe dọa an ninh chung. Sự gia tăng các hoạt động nhằm độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc như là “chất xúc tác” góp phần làm thay đổi cách nhìn nhận về nhau lẫn những tính toán chiến lược của cả Việt Nam và Hoa Kỳ. Đối mặt với thách thức lớn từ Trung Quốc, Việt Nam và Hoa Kỳ đang dần giảm bớt sự coi trọng những bất đồng về ý thức hệ để tập trung vào những lợi ích chiến lược chung và đều hướng tới việc thắt chặt hơn nữa quan hệ với nhau.

*Thứ tư, Việt Nam sẽ tiếp tục là “tâm điểm” trong một khu vực có vị trí địa - chiến lược quan trọng.* Với vị thế quan trọng của Việt Nam hiện nay không chỉ trong tổ chức ASEAN mà cả trên trường quốc tế, Việt Nam lại có cảng Cam Ranh - cảng có vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất khu vực hiện nay về mặt quân sự nên trong tính toán của Hoa Kỳ, Việt Nam là một nhân tố quan trọng trong chính sách cân bằng chiến lược ở Đông Nam Á và quan hệ với Việt Nam sẽ phục vụ lợi ích chiến lược lâu dài của Hoa Kỳ ở châu Á - Thái Bình Dương. Vì vậy, Hoa Kỳ thúc đẩy quan hệ với Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Hoa Kỳ thực hiện các mục tiêu ở khu vực, nhất là

trong bối cảnh Hoa Kỳ điều chỉnh chính sách đối ngoại từ “*xoay trục về châu Á - Thái Bình Dương*” sang “*Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và mở rộng*” hiện nay. Đây đang là cơ hội mở ra đối với Việt Nam trong việc thúc đẩy mối quan hệ với Hoa Kỳ. Hơn nữa, lập trường của Hoa Kỳ về Biển Đông hiện nay là ủng hộ giải quyết tranh chấp ở Biển Đông bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS) và lên án mạnh mẽ hành động của Trung Quốc ở Biển Đông làm gia tăng sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam. Đồng thời, việc Hoa Kỳ quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề của khu vực và tranh chấp ở Biển Đông giúp cho Việt Nam có một “*đòn bẩy chiến lược*” tiềm tàng tạo thế cân bằng chiến lược trong quan hệ với các nước lớn. Vì vậy, có thể khẳng định rằng, trong thời gian tới cả Hoa Kỳ và Việt Nam sẽ tiếp tục có lập trường, quan điểm chung đối với vấn đề Biển Đông nên đây sẽ là cơ hội cho việc tăng cường hơn nữa hợp tác giữa hai nước.

*Thứ năm, lãnh đạo và nhân dân hai nước đều hiểu và thấy rõ tầm quan trọng của việc tăng cường mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ vì mục tiêu chung là hòa bình, ổn định và phát triển.* Sự mở rộng và nâng cấp quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đang thúc đẩy mạnh mẽ chính sách ngoại giao “đa phương hóa, đa dạng hóa” của Việt Nam. Quan hệ với Hoa Kỳ chính là một trong những “sức mạnh của

thời đại” giúp Việt Nam vươn lên, thoát khỏi nghèo nàn và tụt hậu, không lệ thuộc vào bên ngoài. Ngược lại, việc Hoa Kỳ nâng cấp quan hệ với Việt Nam cũng đang giúp Hoa Kỳ gia cố những khiếm khuyết mà lâu nay chưa được khỏa lấp tại khu vực Đông Nam Á.

## **2. Những thách thức**

*Trước hết, việc Hoa Kỳ quay trở lại châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á cũng nằm trong mục tiêu kiềm chế sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc. Xét thấy vị thế chiến lược quan trọng của Việt Nam - là nước nằm sát sườn nam của Trung Quốc, kiểm soát hầu như suốt một cạnh của Biển Đông và đặc biệt có vai trò ngày càng tăng trong ASEAN nên có thể tạo nên một đối trọng trong tương lai đối với ảnh hưởng ngày càng lớn của Trung Quốc ở khu vực nên Hoa Kỳ coi Việt Nam là trận địa tiền duyên ngăn chặn sức ảnh hưởng của Trung Quốc tiến xuống phía Nam; Hoa Kỳ muốn lợi dụng vị thế đang lên của Việt Nam trong nội bộ ASEAN cũng như mối quan hệ căng thẳng giữa Trung Quốc và Việt Nam xung quanh vấn đề Biển Đông để can dự vào các vấn đề của khu vực, tham gia cơ chế hợp tác Đông Á để tìm kiếm chỗ đứng, ngăn chặn sự ảnh hưởng và kiềm chế sức mạnh của Trung Quốc ngày càng tăng cao ở khu vực. Là một nước láng giềng của Trung Quốc, nằm giữa Trung Quốc và các nước đồng minh của Hoa Kỳ đã đưa Việt Nam vào một vị thế nhạy cảm, rất có thể trở thành nơi tranh chấp ảnh hưởng giữa*

Hoa Kỳ và Trung Quốc. Do đó, việc xử lý mối quan hệ của Việt Nam với hai nước lớn then chốt Hoa Kỳ và Trung Quốc như thế nào cho phù hợp nhất với các lợi ích kinh tế, chính trị, an ninh và chiến lược của Việt Nam là hết sức quan trọng. Và làm sao để việc phát triển quan hệ với nước lớn này không làm ảnh hưởng đến quan hệ với nước lớn khác là thách thức không nhỏ đối với Việt Nam. Mặc dù vậy, trong bối cảnh hiện nay khi Trung Quốc liên tục có những hành động khiêu khích ở Biển Đông, còn Hoa Kỳ lại đang tận dụng cơ hội này ra sức lôi kéo các nước trong khu vực và Việt Nam về phía mình để làm đối trọng với Trung Quốc khiến cho Việt Nam bị rơi vào tình thế khó xử. Điều này đang là thách thức lớn đối với Việt Nam trong việc phát triển chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế, trong đó có mối quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc.

Kế đến, sự đối lập về ý thức hệ và khác nhau về chế độ chính trị vẫn là một trở lực lớn của mối quan hệ song phương này. Hoa Kỳ trước sau coi “*diễn biến hòa bình*” ở Việt Nam là mục tiêu chiến lược lâu dài của Hoa Kỳ đối với ngoại giao Việt Nam. Chính giới Hoa Kỳ, đặc biệt là các nghị sĩ trong Quốc hội, sẽ không từ bỏ việc gây áp lực đối với Việt Nam về các vấn đề như dân chủ, nhân quyền bởi họ bị áp lực từ chính các cử tri đã bầu họ lên. Vì vậy chừng nào nền chính trị Hoa Kỳ còn tiếp tục vận hành theo các nguyên tắc và thể chế như hiện nay, các áp lực

như vậy, đặc biệt là từ Quốc hội Hoa Kỳ, sẽ còn tiếp tục tồn tại<sup>1</sup>. Thông qua con bài dân chủ, nhân quyền, viện trợ phát triển và nhân đạo, thương mại và đầu tư để áp đặt giá trị Hoa Kỳ, thúc đẩy cải cách kinh tế, chính trị, từ đó dẫn đến sự thay đổi chế độ chính trị - xã hội của Việt Nam dường như là mục tiêu không thay đổi của Hoa Kỳ. Hàng năm, Hoa Kỳ đều thông qua các bản Báo cáo nhân quyền xuyên tạc, vu khống Việt Nam. Mặt khác, Hoa Kỳ và đồng minh vẫn tiếp tục dung dưỡng và tiếp tay cho các phần tử, tổ chức ly khai chống đối chế độ ta như “Nhà nước Đêga độc lập”, “Mặt trận giải phóng dân tộc Khơme Crôm”, “Chính phủ cách mạng Việt Nam tự do”,... Rõ nhất là ở Hoa Kỳ hiện còn tồn tại hơn 100 tổ chức chống Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, Hoa Kỳ ủng hộ về mặt tiền bạc để những tổ chức này triển khai các hoạt động phản đối chế độ chính trị của Việt Nam<sup>2</sup>. Đồng thời, Hoa Kỳ cũng luôn yêu cầu Việt Nam phải phối hợp với Hoa Kỳ về vấn đề nhân quyền, thả nhiều tội phạm chính trị, nói lỏng kiểm soát mạng internet<sup>3</sup>. Ngoài ra, Hoa Kỳ

---

1. Xem Lê Hồng Hiệp: “Đưa quan hệ Việt - Mỹ bước vào kỷ nguyên mới”, <http://nghiencuuquocte.net/2014/11/28/dua-quan-he-viet-my-buoc-vao-ky-nguyen-moi/>.

2. Xem: “Sự phát triển và hạn chế trong quan hệ quân sự Việt - Mỹ”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 03/6/2015, tr.9.

3. Xem: “Xu hướng mới của quan hệ Việt - Mỹ và ảnh hưởng đối với Trung Quốc”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 02/10/2015, tr.6.

còn có ý đồ gây sức ép buộc Việt Nam thực hiện các cải cách kinh tế theo mô hình Hoa Kỳ và phương Tây thông qua việc đánh thuế cao vào các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam như vụ cá basa, tôm đông lạnh, hàng dệt may,... Rõ ràng, chiến lược “*diễn biến hòa bình*” vẫn là một trong những nguy cơ đe dọa lớn đến sự tồn vong của chế độ ở Việt Nam và những vấn đề dân chủ, nhân quyền ở Việt Nam vẫn thường bị chính giới Hoa Kỳ chỉ trích. Thậm chí, một số chính trị gia luôn gắn vấn đề dân chủ, nhân quyền với mức độ thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ về phía trước. Bởi thế, ở góc độ nhất định, hai nước vẫn xem nhau như là một mối đe dọa đến bản sắc của mình. Tại Hoa Kỳ, ký ức về thất bại trong chiến tranh tại Việt Nam và ý thức coi mình là “*người bảo vệ tự do*” của Hoa Kỳ chính là những lực cản mạnh mẽ đối với việc thúc đẩy quan hệ gần gũi hơn với Việt Nam. Ở Việt Nam, mong muốn bảo vệ chế độ, tâm lý sợ bị lệ thuộc và phần nào vẫn còn tư tưởng chống phương Tây đã tạo nên sự dè chừng, một phần cản trở các bước tiến hướng tới mối quan hệ hữu nghị, chặt chẽ hơn với Hoa Kỳ. Do đó, thời gian tới, đây tiếp tục là thách thức lớn đối với Việt Nam trong quan hệ với Hoa Kỳ.

*Bên cạnh đó*, mặc dù chính sách bảo hộ thương mại của Hoa Kỳ hiện nay chủ yếu nhắm vào các quốc gia có nền kinh tế quy mô lớn nhưng không phải là không tác động đến Việt Nam. Thực tế, các biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ và chiến tranh thương mại Hoa Kỳ -

Trung Quốc sẽ tiếp tục khiến cho xuất khẩu của Việt Nam vào Hoa Kỳ bị ảnh hưởng, đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn nên có thể xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào Hoa Kỳ sẽ giảm xuống. Điều này sẽ trở thành một thách thức trong quan hệ song phương giữa hai nước vì Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam.

*Thêm vào đó*, sự chênh lệch về trình độ phát triển, những khác biệt về ưu tiên trong chính sách đối ngoại của mỗi nước “*chưa cân xứng*” trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trên nhiều mặt kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục... cũng có thể là một nguyên nhân ảnh hưởng đến mối quan hệ hai nước. Mặc dù không phải là nguy cơ trực tiếp nhưng những mâu thuẫn về lợi ích, nhất là trong lĩnh vực kinh tế về lâu dài sẽ gây ra tình trạng đối kháng, bất đồng giữa hai nước, buộc hai nước phải có những ưu tiên chiến lược riêng. Hiện mất cân bằng thương mại đang trở thành một vấn đề nổi cộm trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Tháng 5/2019, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã đưa Việt Nam cùng 8 quốc gia khác, trong đó có Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xingapo, Malaixia... vào danh sách các nước bị giám sát vì thao túng tiền tệ. Đồng thời, ngày 02/7/2019, Bộ Thương mại Hoa Kỳ tuyên bố sẽ áp mức thuế lên tới 456% đối với các sản phẩm thép nhập khẩu sản xuất tại Việt Nam sử dụng nguyên liệu từ Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc)<sup>1</sup>.

---

1. Xem: “Quan hệ Việt - Mỹ thời Tổng thống Donald Trump”, *Tlđđ*, tr.4.

*Cuối cùng*, một thách thức không nhỏ trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đó là *vấn đề cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ*. Dù phần đông người Việt tại Hoa Kỳ hoan nghênh, ủng hộ và là cầu nối quan trọng trong tiến trình phát triển quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, nhưng vẫn còn một bộ phận nhỏ nhìn nhận quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ với con mắt hận thù, phản đối, gây sức ép lên chính sách thúc đẩy quan hệ với Việt Nam của Hoa Kỳ và có những hành động chống phá chính trị nội bộ Việt Nam. Đây là một vấn đề nhạy cảm trong quan hệ song phương Việt Nam - Hoa Kỳ cần xử lý một cách hết sức tinh tế.

Tóm lại, những cơ hội và thách thức trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ thời gian tới phụ thuộc vào mục tiêu chiến lược và thiện chí của cả hai nước, đặc biệt phụ thuộc rất lớn vào Hoa Kỳ. Nhìn một cách khách quan, chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam luôn mang tính hai mặt. Một mặt, Hoa Kỳ vừa muốn quan hệ với Việt Nam để phục vụ cho chiến lược châu Á - Thái Bình Dương và giành lợi ích kinh tế cho các doanh nghiệp Hoa Kỳ. Đây sẽ là cơ hội tốt cho Việt Nam tranh thủ những ưu thế của Hoa Kỳ phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế. Nhưng mặt khác, Hoa Kỳ cũng muốn thông qua chính sách “can dự” với khẩu hiệu “dân chủ, nhân quyền” để áp đặt giá trị Hoa Kỳ, thúc đẩy cải cách kinh tế, chính trị, từ đó dẫn đến sự thay đổi chế độ chính trị của Việt Nam. Hơn nữa, Hoa Kỳ còn muốn sử dụng Việt Nam để làm đối



trọng với Trung Quốc. Do vậy, Việt Nam cần phải hết sức tỉnh táo, xử lý mối quan hệ quan trọng này, vừa phải giữ vững các nguyên tắc chiến lược, kiên quyết đấu tranh loại bỏ những âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, vừa có sách lược mềm dẻo, linh hoạt để đạt được hiệu quả cao trong quan hệ với đối tác Hoa Kỳ, tạo điều kiện để quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ phát triển ổn định, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế cũng như hội nhập quốc tế và khu vực của Việt Nam.

#### IV- DỰ BÁO TRIỂN VỌNG QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ

##### **1. Dự báo các kịch bản trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ**

Dù Việt Nam và Hoa Kỳ đã tích cực cải thiện quan hệ thời gian qua nhưng mối quan hệ này trong tương lai sẽ tiến triển như thế nào là một điều không dễ dự đoán. Có thể nêu ra các kịch bản có thể xảy ra trong mối quan hệ hai nước trong tương lai.

*Kịch bản thứ nhất: Dù vẫn còn một số tồn tại chưa thể giải quyết trong một sớm một chiều nhưng quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ sẽ tiếp tục phát triển nhanh chóng, hai nước sẽ nâng cấp quan hệ lên tầm “Đối tác chiến lược”. Có thể đưa ra những lý giải về khả năng này, đó là: Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đã đạt được nhiều thành*

tự trên tất cả các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh, thương mại - đầu tư, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế và kể cả dân chủ, nhân quyền. Đây là nền tảng cho hai nước trong thực hiện mục tiêu nâng cấp quan hệ lên tầm “Đối tác chiến lược”. Mặt khác, Việt Nam và Hoa Kỳ đang chia sẻ nhiều lợi ích chung về địa - chính trị, an ninh và kinh tế; nhiều mối quan tâm chung về duy trì hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn và tự do hàng hải ở Biển Đông, về ủng hộ việc giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) năm 1982, không đơn phương sử dụng sức mạnh, sử dụng và đe dọa sử dụng vũ lực... nên việc đưa quan hệ hai nước lên tầm cao hơn, thực chất hơn sẽ có lợi cho cả hai nước và có lợi cho hòa bình, an ninh, hợp tác và phát triển ở cả khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Với kịch bản này, những vấn đề còn tồn tại, những trở ngại, thách thức, khó khăn trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ sẽ từng bước được khắc phục, giải quyết và hai nước sẽ khai thác được tối đa những ưu thế, tiềm năng trong hợp tác. Với kịch bản này, quan hệ chính trị - ngoại giao sẽ tiếp tục được củng cố; quy mô và tốc độ của quan hệ kinh tế sẽ được mở rộng và đẩy nhanh; hiệu quả và chất lượng của các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, quốc phòng - an ninh và các lĩnh vực khác sẽ được nâng cao. Những vấn đề nảy sinh khi kịch bản này diễn ra sẽ được dự báo và

phân tích<sup>1</sup>. Dù đây là kịch bản được mong đợi nhất vì nó có thể đáp ứng được nhu cầu và khả năng của mỗi nước hiện nay, thế nhưng, trong vài năm tới, khả năng kịch bản này xảy ra không cao và khó thành hiện thực.

*Kịch bản thứ hai: Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ sẽ giữ mức độ hợp tác như hiện nay, quan hệ “Đối tác toàn diện” sẽ phát triển thực chất hơn, đồng đều hơn nhưng chưa thể phát triển thành “Đối tác chiến lược”.* Hai bên chỉ cải thiện quan hệ ở từng bộ phận, từng lĩnh vực đang có những tiến triển thuận lợi như quan hệ kinh tế, giáo dục, khoa học sẽ được củng cố và gia tăng, còn các quan hệ nhạy cảm khác vẫn duy trì như cũ hoặc có sự cải thiện nhưng không đáng kể. Khả năng xảy ra kịch bản này là lớn nhất vì quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong giai đoạn hiện nay tương đối tốt đẹp. Quan hệ song phương có những chuyển biến căn bản, quan hệ kinh tế, quốc phòng - an ninh, khoa học và công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh; những vấn đề do lịch sử để lại, những khác biệt về thể chế, hệ tư tưởng cũng sẽ được hai nước quan tâm từng bước giải quyết. Tuy nhiên, phải nhìn nhận một thực tế là mối quan hệ này đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như đã đề cập. Hơn nữa, Việt Nam - Hoa Kỳ nằm trong bối cảnh quan hệ quốc tế vừa hợp tác, vừa đấu tranh loại trừ lẫn nhau.

---

1. Xem Ngô Xuân Bình (Chủ biên): *Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ*, Sdd, tr.304.

Điều này khiến khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung, Đông Nam Á nói riêng trở thành nơi tranh chấp và tranh giành ảnh hưởng của các nước lớn và đã lôi kéo rất nhiều quốc gia trong khu vực tham gia, vì vậy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ chịu tác động không nhỏ. Thêm vào đó, sự “*chưa cân xứng*” trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trên nhiều mặt kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục... cũng có thể là một nguyên nhân ảnh hưởng đến mối quan hệ hai nước. Mặc dù không phải là nguy cơ trực tiếp nhưng những mâu thuẫn về lợi ích, nhất là trong lĩnh vực kinh tế về lâu dài sẽ gây ra tình trạng đối kháng, bất đồng giữa hai nước, buộc hai nước phải có những ưu tiên chiến lược riêng.

*Kịch bản thứ ba: Đây là một kịch bản tiêu cực* cho mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Hai nước không thể vượt qua những trở ngại khi những trở ngại này không được giải quyết và thậm chí có phần còn được đẩy lên mức độ cao hơn. Khi đó, *quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ sẽ “giãn ra”, xung đột và xấu đi*, không thể duy trì mức độ hợp tác hiện có hoặc những hợp tác giữa hai nước sẽ gặp khó khăn, trở ngại và chậm phát triển. Kịch bản này sẽ xảy ra nếu hai nước đánh mất những niềm tin đã có, hoặc một trong hai nước có quan điểm bảo thủ, thực hiện chính sách cứng rắn, không phù hợp với thực tế, hoặc do những tác động mạnh mẽ từ các yếu tố bên ngoài không thể dự đoán được (trong đó khả năng cao nhất là yếu tố Trung Quốc). Thế nhưng, với những nỗ lực hiện tại

“để thay đổi lịch sử, thay đổi tương lai”, Việt Nam và Hoa Kỳ ngày càng “làm việc tích cực hơn, làm nhiều việc hơn và làm tốt hơn”<sup>1</sup> nhằm thúc đẩy mối quan hệ tiến lên phía trước và mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đã được xây dựng trên nền tảng tương đối bền vững, đều có tầm quan trọng nhất định đối với hai nước và hơn nữa, xu thế đối thoại, hội nhập vẫn là xu thế chính trong quan hệ quốc tế hiện nay, nên kịch bản này khó xảy ra. Mặc dù vậy, cũng không thể loại bỏ kịch bản này.

Có thể nói, trong cả ba kịch bản này, xảy ra kịch bản nào thì ngoài yếu tố nội tại trong quan hệ song phương của hai nước, yếu tố Trung Quốc chắc chắn sẽ có tác động nhất định với mức độ đậm nhạt khác nhau. Nếu Trung Quốc cứng rắn hơn nữa và sử dụng vũ lực trong vấn đề Biển Đông, đe dọa nghiêm trọng đến an ninh, an toàn hàng hải trên Biển Đông và không thể có những “*con bài*” để gây sức ép lên Hoa Kỳ trong những vấn đề như: thương mại song phương Trung Quốc - Hoa Kỳ, vấn đề vũ khí hạt nhân của Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên hay vấn đề Đài Loan... thì kịch bản thứ nhất sẽ có những cơ hội lớn hơn. Còn trong trường hợp Trung Quốc có những nhượng bộ trong các lợi ích kinh tế, trong các vấn đề Iran,

---

1. John Kerry: “Remarks to Ho Chi Minh City Business Community an Fulbright Economic Teaching Program Participants”, <http://www.state.gov/secretary/remarks/2013/12/218721.htm>.

Triều Tiên, chống khủng bố hoặc Trung Quốc gây sức ép với Hoa Kỳ, buộc Hoa Kỳ phải lựa chọn hoặc là lợi ích của Hoa Kỳ với Trung Quốc hoặc là lợi ích của Hoa Kỳ với Việt Nam thì kịch bản thứ ba rất có khả năng xảy ra. Kịch bản thứ hai sẽ xảy ra khi tất cả các yếu tố tác động đến quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ vẫn giữ mức độ như hiện nay hoặc mức độ tác động có thay đổi nhưng không đáng kể và Trung Quốc tuy đã thu hẹp khoảng cách, có sự cạnh tranh quyết liệt với Hoa Kỳ nhưng vẫn phải chấp nhận vị thế cường quốc số một của Hoa Kỳ và một trật tự “*nhất siêu đa cường*”, trong đó Hoa Kỳ có vai trò chi phối, lãnh đạo trên toàn cầu.

## **2. Dự báo triển vọng quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trên một số lĩnh vực chủ yếu**

### ***Dự báo triển vọng cho kịch bản thứ nhất:***

Nếu kịch bản này xảy ra thì trên các lĩnh vực cụ thể, có thể dự báo một số triển vọng như sau:

Về *chính trị - ngoại giao*, trong khoảng một thập niên tới, rất có thể hai bên sẽ nâng cấp quan hệ lên tầm đối tác chiến lược bởi những tín hiệu như: Hoa Kỳ xác định Việt Nam là một đối tác chiến lược tiềm năng; cựu Ngoại trưởng Hillary Clinton là người đầu tiên đề xuất việc thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ; hai nước đang nỗ lực thúc đẩy mối quan hệ Đối tác toàn diện đi vào chiều sâu, thực chất hơn; lần đầu tiên Tổng Bí thư của Việt Nam đã thăm chính thức Hoa Kỳ và Tổng thống

Hoa Kỳ đã thăm Việt Nam hai lần trong một nhiệm kỳ. Tuy nhiên, trong một số sự việc cụ thể, nhất là những vấn đề liên quan đến dân chủ, nhân quyền, vấn đề cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ có thể vẫn còn những “*va chạm*” song hai nước đều cố gắng “*kiểm soát*” không để ảnh hưởng đến đại cục quan hệ hai nước.

Về quốc phòng - an ninh, hai nước sẽ tiếp tục ưu tiên hợp tác an ninh hàng hải trên Biển Đông trên cơ sở những kết quả đã đạt được. Hoa Kỳ vẫn sẽ lên án những hành động nguy hiểm của Trung Quốc trong khu vực như Nghị quyết H. Res. 714 về Biển Đông và biển Hoa Đông (tháng 12/2014)<sup>1</sup>. Đồng thời, vấn đề mua bán vũ khí được đẩy mạnh vì chính quyền Donald Trump chỉ ra rằng họ thấy việc tăng doanh số bán vũ khí của Hoa Kỳ cho Việt Nam là một trong những biện pháp giảm thâm hụt thương mại hàng hóa song phương, cũng như tăng cường quan hệ đối tác an ninh với Việt Nam. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ khuyến khích Việt Nam đa dạng hóa nguồn vũ khí của mình và mua nhiều thiết bị của Hoa Kỳ hơn<sup>2</sup>. Các lĩnh vực như hợp tác giữa hai lực lượng hải quân và các học viện quốc phòng; đào tạo nhân lực; các cuộc diễn tập chung về giúp

---

1. Xem House - Foreign Affairs: “H.Res. 714 - 113 Congress (2013 - 2014)”, <https://www.congress.gov/bill/113th-congress/house-resolution/714/text>.

2. Xem Nguyễn Lan Hương: “Chính sách xuất khẩu vũ khí của Hoa Kỳ sang Việt Nam”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 11 (260), 2019, tr.3-14.

đỡ nhân đạo và cứu trợ thảm họa; việc cập cảng của các tàu Hoa Kỳ; công tác đào tạo và hỗ trợ cho việc Việt Nam lần đầu tiên tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; nâng cao năng lực ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn cho Việt Nam; thực thi pháp luật hàng hải; các vấn đề an ninh phi truyền thống như chống khủng bố, chống buôn bán ma túy, buôn người, an ninh mạng sẽ được tăng cường hơn.

Về kinh tế, quy mô và tốc độ của quan hệ kinh tế sẽ được mở rộng và đẩy nhanh. Hoa Kỳ công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường. Tổng kim ngạch thương mại hai chiều tiếp tục gia tăng giá trị. Đồng thời, về đầu tư, Hoa Kỳ có thể trở thành nhà đầu tư hàng đầu tại Việt Nam trong một tương lai gần bởi nhiều công ty lớn của Hoa Kỳ dịch chuyển đầu tư vào Việt Nam.

Về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ... sẽ tiếp tục được đẩy mạnh. Theo xu hướng này, Hoa Kỳ có xu hướng cung cấp một nguồn tài chính ổn định, tăng dần theo các năm cho các chương trình giao lưu văn hóa, nghệ thuật tổ chức tại Việt Nam cũng như các học bổng trao đổi văn hóa tại Hoa Kỳ, trong khi đó, Việt Nam tiếp tục hỗ trợ tối đa cho các hoạt động hợp tác, ủng hộ và khuyến khích công dân Việt Nam hay Việt kiều học tập, lao động và tỏa sáng trên đất Hoa Kỳ, mang văn hóa Việt Nam đến Hoa Kỳ cũng như toàn thế giới<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, hợp tác về khoa

---

1. Xem Ngô Xuân Bình (Chủ biên): *Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ*, Sđd, tr.301.



học và công nghệ có xu hướng tiếp tục được thúc đẩy trong các lĩnh vực như năng lượng hạt nhân dân sự, công nghệ không gian và nghiên cứu biển... và hỗ trợ chương trình năng lượng hạt nhân hòa bình của Việt Nam với các tiêu chuẩn cao nhất về bảo đảm an toàn, an ninh<sup>1</sup> mà Tuyên bố chung năm 2013 đã đề cập.

Như vậy, với kịch bản này, những vấn đề còn tồn tại, những trở ngại, thách thức, khó khăn trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ sẽ từng bước được vượt qua, khắc phục và giải quyết, và hai nước sẽ khai thác tối đa những ưu thế, tiềm năng trong hợp tác. Những vấn đề nảy sinh khi kịch bản này diễn ra sẽ được dự báo và phân tích<sup>2</sup>.

### ***Dự báo triển vọng cho kịch bản thứ hai:***

Nếu kịch bản này xảy ra thì trên các lĩnh vực cụ thể, có thể dự báo một số triển vọng như sau:

Về *chính trị - ngoại giao*, hai nước vẫn giữ mức độ hợp tác như hiện nay, không nâng cấp quan hệ lên tầm Đối tác chiến lược bởi những vấn đề liên quan đến dân chủ, nhân quyền, vấn đề cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ tiếp tục có “*va chạm*” mà hai bên chưa thể “*kiểm soát*” được hoàn toàn. Tuy vậy, hợp tác chính trị - ngoại giao sẽ tiếp tục đóng vai trò xúc tác và cầu nối, tạo môi trường

---

1. Xem: “Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ”, <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Tuyen-bo-chung-Viet-Nam-Hoa-Ky/177489.vgp>.

2. Xem Ngô Xuân Bình (Chủ biên): *Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ*, Sdd, tr.304.

chính trị thuận lợi cho thúc đẩy hợp tác trong tất cả các lĩnh vực khác.

*Về quốc phòng - an ninh*, sẽ phát triển mạnh hơn, vấn đề mua bán vũ khí có thể được bàn đến nhưng còn vấp phải một số khó khăn ngăn cản sự gia tăng trong thời gian tới vì vũ khí Việt Nam từ trước đến nay vẫn chủ yếu được cung cấp bởi thị trường Nga; chi phí vũ khí Hoa Kỳ cao; quy trình mua vũ khí phức tạp...<sup>1</sup>, còn các lĩnh vực hợp tác hải quân; đào tạo nhân lực; các cuộc diễn tập chung về giúp đỡ nhân đạo và cứu trợ thảm họa; việc cập cảng của các tàu Hoa Kỳ; công tác đào tạo và hỗ trợ Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; nâng cao năng lực ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn cho Việt Nam; thực thi pháp luật hàng hải; các vấn đề an ninh phi truyền thống như chống khủng bố, chống buôn bán ma túy, buôn người, an ninh mạng sẽ giữ mức độ như hiện tại.

*Về các lĩnh vực thương mại, đầu tư, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo* vẫn sẽ được thúc đẩy nhưng trong thương mại, những hiện tượng như cạnh tranh bất bình đẳng, gây bất lợi cho hàng hóa xuất khẩu Việt Nam có thể sẽ được Hoa Kỳ áp dụng trong một vài thời điểm và trường hợp cụ thể; trong đầu tư, Hoa Kỳ vẫn không thể trở thành nhà đầu tư lớn nhất tại Việt Nam...; trong các lĩnh vực còn lại, nguồn tài chính cung cấp cho các chương trình

---

1. Xem Nguyễn Lan Hương: “Chính sách xuất khẩu vũ khí của Hoa Kỳ sang Việt Nam”, *Tlđđ*, tr.12.

giao lưu văn hóa, nghệ thuật của Hoa Kỳ tổ chức tại Việt Nam sẽ không được tăng...

Đồng thời, hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ trong khu vực cũng sẽ gia tăng mạnh mẽ góp phần duy trì hòa bình, ổn định, đảm bảo tôn trọng luật pháp quốc tế, giải quyết hòa bình mọi tranh chấp trong bối cảnh khu vực có những biến động mạnh.

### ***Dự báo triển vọng cho kịch bản thứ ba:***

Nếu kịch bản này xảy ra thì lĩnh vực *chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh* sẽ bị giới hạn xuống mức thấp hơn hiện tại. Các hoạt động trao đổi đoàn, nhất là đoàn cấp cao sẽ không thể tiến hành. Đồng thời, các vấn đề còn nhiều khác biệt sẽ được vin vào như là một cái cớ để đẩy quan hệ song phương căng thẳng trong một số trường hợp. Và, trong trường hợp này có thể Hoa Kỳ sẽ có những động thái gây bất lợi cho Việt Nam trong vấn đề Biển Đông, tạo ra những khó khăn cho vấn đề hiện đại hóa quốc phòng của Việt Nam, cản trở một số hoạt động của Việt Nam tại các diễn đàn đa phương... *Trong lĩnh vực kinh tế* sẽ diễn ra những cạnh tranh khốc liệt và các lĩnh vực hợp tác khác cũng có thể có những bước lùi. Nói tóm lại, nếu kịch bản này xảy ra, quan hệ giữa hai nước sẽ bị đóng băng trên một số lĩnh vực. Bởi thế mà, với thực tế quan hệ của hai nước hiện nay, đây là kịch bản cả hai không mong muốn xảy ra.

Nhìn một cách tổng quát, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ hiện đang phát triển theo thỏa thuận của Tuyên bố chung

về quan hệ đối tác hợp tác toàn diện. Còn trong tương lai, triển vọng trên các lĩnh vực hợp tác cụ thể như đã dự báo ở kịch bản có khả năng xảy ra nhất là khá tươi sáng. Tuy nhiên, cũng phải thấy, những triển vọng tươi sáng ấy chỉ có thể có một khi kịch bản tiêu cực cho mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ không diễn ra và kịch bản hai nước sẽ để cho những lợi ích song trùng dẫn dắt mối quan hệ song phương lên tầm Đối tác chiến lược có khả năng xảy ra lớn hơn kịch bản giữ mức độ hợp tác như hiện nay.

Như vậy, triển vọng hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ thời gian tới trên các lĩnh vực chủ yếu là có, còn chúng sẽ mang tính khả thi và được hiện thực hóa đến đâu là tùy thuộc vào nỗ lực của mỗi nước. Thời gian tới, có lẽ hai nước cần tập trung vào một số vấn đề như sau<sup>1</sup>:

*Thứ nhất*, về tổng thể, hai nước cần duy trì đà hợp tác, hướng tới nâng tầm quan hệ.

*Thứ hai*, hai nước tiếp tục duy trì các chuyến thăm, tiếp xúc của lãnh đạo cấp cao. Ngoài ra, hai nước cần duy trì tiếp xúc cấp cao bên lề các hội nghị khu vực và quốc tế.

*Thứ ba*, hai nước thúc đẩy các lĩnh vực hợp tác ưu tiên, cụ thể là tăng cường thương mại và đầu tư hai chiều, hướng tới cân cân thương mại cân bằng hơn và bền vững; Việt Nam sớm có dự án đầu tư quy mô tại Hoa Kỳ, trong

---

1. Dẫn theo Minh Quân: “Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ: Nhìn lại để tiến bước”, <https://baoquocte.vn/dai-su-viet-nam-tai-hoa-ky-nhin-lai-de-tien-buoc-108136.html>.

khi thu hút đầu tư Hoa Kỳ vào Việt Nam. Về du lịch năm 2020, chúng ta hướng tới đón 1 triệu du khách Hoa Kỳ thăm Việt Nam. Hai nước đẩy mạnh hợp tác về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo. Về quốc phòng, hai nước tiếp tục tăng cường hợp tác khắc phục hậu quả chiến tranh, nâng cao năng lực thực thi pháp luật trên biển, tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc... Đồng thời, hai nước cần thúc đẩy hợp tác kênh đối ngoại đảng, Quốc hội, địa phương, giao lưu nhân dân... nhằm tăng cường hiểu biết và xây dựng lòng tin.

*Thứ tư*, tiếp tục phối hợp với chính quyền và Quốc hội Hoa Kỳ ở cả cấp liên bang và tiểu bang, hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam tại Hoa Kỳ ổn định cuộc sống, tiếp tục phát triển và hội nhập với sở tại, góp phần tăng cường quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, đồng thời hướng về đất nước.

*Thứ năm*, hai nước tăng cường hợp tác về các vấn đề khu vực và quốc tế, đặc biệt khi Việt Nam là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và Chủ tịch ASEAN, cũng như đẩy mạnh hợp tác trên các diễn đàn APEC, WTO, các vấn đề Biển Đông, Mekong, bán đảo Triều Tiên...

Tóm lại, trên cơ sở những nhận xét, đánh giá về mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ 25 năm qua và những yếu tố về chiều hướng chính sách đối ngoại của mỗi nước đối với nhau cũng như những cơ hội, thách thức phân tích ở trên, có thể khẳng định, thời gian tới, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ có những triển vọng to lớn do tiềm năng hợp tác còn

nhieu. Nhìn một cách tổng quát, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ hiện đang phát triển theo thỏa thuận của Tuyên bố chung về quan hệ đối tác hợp tác toàn diện. Còn trong tương lai, triển vọng trên các lĩnh vực hợp tác cụ thể như đã dự báo có thể nói là khá tươi sáng. Tuy nhiên, cũng phải thấy, những triển vọng tươi sáng ấy chỉ có thể có một khi kịch bản tiêu cực cho mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ không diễn ra và kịch bản hai nước sẽ để cho những lợi ích song trùng dẫn dắt mối quan hệ song phương lên tầm Đối tác chiến lược có khả năng xảy ra lớn hơn kịch bản giữ mức độ hợp tác như hiện nay.

## KẾT LUẬN

**D**ù đã từng ở hai đầu chiến tuyến nhưng cả Việt Nam và Hoa Kỳ không ngừng vượt qua những rào cản của quá khứ để xích lại gần nhau. Cựu Ngoại trưởng Hoa Kỳ John Kerry từng phát biểu “không có hai nước nào từng làm việc tích cực hơn, làm nhiều việc hơn và làm tốt hơn để cố gắng đến lại gần nhau, để thay đổi lịch sử, thay đổi tương lai”<sup>1</sup> như Việt Nam và Hoa Kỳ.

Bởi thế, 25 năm qua, trên cơ sở bình thường hóa quan hệ ngoại giao, hai nước đã bình thường hóa quan hệ kinh tế, sau đó là bình thường hóa quan hệ quốc phòng và việc xây dựng lòng tin chiến lược giữa hai nước đã có những bước tiến nhất định. Thế nên, quan hệ hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ liên tục được mở rộng và tăng cường trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, ngoại giao, kinh tế - thương mại, đến văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, quốc phòng - an ninh, quan hệ giao lưu nhân dân... Việc hai nước xác

---

1. John Kerry: “Remarks to Ho Chi Minh City Business Community an Fulbright Economic Teaching Program Participants”, *Ibid*.

lập quan hệ “Đối tác hợp tác toàn diện” đang tạo nên tảng vững chắc cho sự phát triển của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong tương lai. Bên cạnh các lĩnh vực hợp tác song phương, hai nước tăng cường hợp tác trong các vấn đề khu vực cũng như trong các vấn đề toàn cầu như chống phổ biến vũ khí hạt nhân, chống khủng bố, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, đóng góp vào hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển tại châu Á - Thái Bình Dương và thế giới,...

Không chỉ mở rộng và tăng cường các lĩnh vực hợp tác, quan hệ hợp tác giữa hai nước ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả và thực chất. Một loạt các cơ chế đối thoại tạo cơ hội để hai nước trao đổi, tham vấn những vấn đề liên quan đến hòa bình, ổn định, hợp tác ở khu vực. Trên một số lĩnh vực, hai nước từng bước xây dựng lòng tin, tạo điều kiện cho việc tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác toàn diện, lâu dài giữa hai nước.

Tuy nhiên, cũng phải nhìn nhận một cách thẳng thắn là giữa hai nước vẫn còn một số khác biệt tồn tại. Hai nước có lập trường và cách tiếp cận khác nhau liên quan đến vấn đề dân chủ, nhân quyền do xuất phát từ sự khác biệt về chế độ chính trị, xã hội, trình độ phát triển, văn hóa, lịch sử, truyền thống, tập quán. Hoa Kỳ cần giảm các rào cản thương mại, nhất là các vụ chống bán phá giá, chống trợ cấp, mở cửa hơn nữa thị trường cho hàng hóa Việt Nam; công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam. “*Hội chứng Việt Nam*” vẫn còn tồn tại trong đời sống



chính trị ở Hoa Kỳ, một bộ phận nhỏ người Hoa Kỳ gốc Việt vẫn còn lưu giữ những tư tưởng gây chia rẽ, đối đầu. Hậu quả của cuộc chiến tranh, đặc biệt là chất độc da cam/dioxin vẫn là gánh nặng dai dẳng của hàng trăm nghìn gia đình và trên nhiều vùng đất Việt Nam. Những nỗ lực hợp tác của Hoa Kỳ khắc phục hậu quả chiến tranh còn khiêm tốn so với nhu cầu rất lớn ở Việt Nam.

Thực trạng này trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ là do sự tác động của nhiều yếu tố như tác động của bối cảnh quốc tế và khu vực, những chuyển động địa - chính trị đang diễn ra mạnh mẽ trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương khi các nước lớn, nhất là Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng và cả từ lịch sử quan hệ của hai nước cũng như việc hai nước xác định vị trí, tầm quan trọng của đối tác trong chính sách đối ngoại của mình. Những yếu tố này đã có nhiều tác động thuận chiều, dẫn đến những kết quả to lớn trong hợp tác thời gian qua nhưng cũng có một số tác động không thuận chiều, làm cho quan hệ hai nước còn những hạn chế. Dù vậy, không thể phủ nhận, 25 năm qua, Việt Nam và Hoa Kỳ đã cùng nhau cố gắng để bỏ lại sau lưng một chương buồn trong lịch sử, đưa quan hệ hai nước tiến những bước dài ấn tượng. Và đây sẽ là cơ sở, nền tảng và niềm tin về mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ có rất nhiều không gian hợp tác, đầy triển vọng tươi sáng trong tương lai khi mà hai nước đang ngày càng có nhiều hơn lợi ích chung về địa - chính trị, an ninh và kinh tế, nhiều mối quan tâm chung về việc duy trì hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn và tự do hàng hải ở Biển Đông.

Để nhận định về quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong 25 năm qua, xin được mượn lời nhận xét của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về mối quan hệ này trong chuyến thăm Hoa Kỳ vào tháng 7/2015: “Từ hai nước cựu thù, chúng ta đã chuyển thành những người bạn, đối tác, và đối tác hợp tác toàn diện. Quá khứ không thể thay đổi nhưng tương lai thuộc về trách nhiệm của chúng ta” và trên tinh thần “gác lại quá khứ, vượt qua khác biệt, phát huy tương đồng, hướng tới tương lai” với thái độ đối thoại “chân thành, thẳng thắn” làm nên sự khác biệt trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ so với quan hệ với các nước khác.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I- Tiếng Việt

1. Kim Anh: “Việt Nam - Hoa Kỳ ký kết Hiệp định hợp tác y tế”, <https://vov.vn/xa-hoi/viet-nam-hoa-ky-ky-ket-hiep-dinh-hop-tac-y-te-266857.vov>.
2. Lại Lâm Anh: “Khó khăn thách thức và phương hướng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 10, 2005.
3. Lê Lan Anh: “Hợp tác quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ hiện nay”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 8 (245), 2018.
4. Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Đồng Anh Xuân: “Thu hút đầu tư trực tiếp từ Hoa Kỳ vào Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”, tạp chí *Công nghiệp*, số 6, 2012.
5. Xuân Anh: “Quan hệ kinh tế, thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ có tính bổ trợ cho nhau”, <https://bnews.vn/quan-he-kinh-te-thuong-mai-viet-nam-hoa-ky-co-tinh-bo-tro-cho-nhau/133130.html>.
6. Ban Quan hệ quốc tế - VCCI: *Hồ sơ thị trường Hoa Kỳ*, Bản cập nhật tháng 12, 2018.

7. “Việt Nam - Hoa Kỳ ký Tuyên bố Tầm nhìn chung về quan hệ quốc phòng song phương”, <http://dangcongsan.vn/doi-ngoai/viet-nam-hoa-ky-ky-tuyen-bo-tam-nhin-chung-ve-quan-he-quoc-phong-song-phuong-305882.html>.
8. “Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ”, <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Tuyen-bo-chung-Viet-Nam-Hoa-Ky/177489.vgp>.
9. Trần Bông (Giới thiệu): “Biển Đông: Địa chiến lược và tiềm năng kinh tế”, <http://nghiencuubiendong.vn/tong-quan-ve-bien-dong/504-bien-dong-dia-chien-luoc-va-tiem-nang-kinh-te>.
10. Ngô Xuân Bình (Chủ biên): *Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014.
11. Lại Thái Bình: “Quan hệ quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ từ khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao (7/1995)”, tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 10, 2014.
12. Bộ Ngoại giao: *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
13. Bộ Quốc phòng: *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2009*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
14. Bộ Quốc phòng: *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2019.
15. Đức Bình: “Từ tháng 12-2019: sẽ xử lý ô nhiễm dioxin tại sân bay Biên Hòa”, <https://tuoitre.vn/tu-thang-12-2019-se-xu-ly-o-nhiem-dioxin-tai-san-bay-bien-hoa-20191101102910539.htm>.

16. N. Bình: “Hơn 100 ngàn người Việt du lịch Mỹ năm 2018”, <https://dulich.tuoitre.vn/hon-100-ngan-nguoi-viet-du-lich-my-nam-2018-20190418190620144.htm>.
17. T.C: “Doanh nghiệp Hoa Kỳ đầu tư vào Việt Nam: Lộ trình dài hạn để phát triển bền vững”, <https://baodautu.vn/doanh-nghiep-hoa-ky-dau-tu-vao-viet-nam-lo-trinh-dai-han-de-phat-trien-ben-vung-d103720.html>.
18. Mỹ Châu: “Hợp tác MIA Việt Nam - Hoa Kỳ: 30 năm nhìn lại”, <https://baoquocte.vn/hop-tac-mia-viet-nam-hoa-ky-30-nam-nhin-lai-85746.html>.
19. Yến Chi: “Dấu ấn 4 Tổng thống Mỹ với 5 lần thăm Việt Nam”, <https://anninhthudo.vn/chinh-tri-xa-hoi/dau-an-4-tong-thong-my-voi-5-lan-tham-viet-nam/800691.antd>.
20. “Chuyên gia Nga: Nhật Bản phản ứng với thay đổi tình hình châu Á - Thái Bình Dương bằng cải cách lực lượng vũ trang”, [http://vn.sputniknews.com/vietnamese.ruvr.ru/2013\\_05\\_31/114713655/](http://vn.sputniknews.com/vietnamese.ruvr.ru/2013_05_31/114713655/).
21. Cục Đầu tư nước ngoài: “Tình hình đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ tại Việt Nam”, <http://fia.mpi.gov.vn/tinbai/2989/Tinh-hinh-dau-tu-truc-tiep-cua-Hoa-Ky-tai-Viet-Nam>.
22. Cục Đầu tư nước ngoài: “Tình hình đầu tư nước ngoài 4 tháng năm 2020”, <http://fia.mpi.gov.vn/tinbai/6356/Tinh-hinh-dau-tu-nuoc-ngoai-4-thang-nam-2020>.

23. “Cuộc cờ Biển Đông dưới cái nhìn địa - chiến lược”, <http://baodatviet.vn/chinh-tri-xa-hoi/cuoc-co-bien-dong-duoi-cai-nhin-dia-chien-luoc-2195281/>.
24. Nguyễn Bình Dương: “Rào cản phi thuế quan của Mỹ đối với hàng thủy sản xuất khẩu Việt Nam và một số hàm ý chính sách”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 4 (253), 2019.
25. Hồng Duy, Minh Anh, Hải Anh: “Quan hệ Việt - Mỹ bước vào kỷ nguyên mới”, <http://news.zing.vn/Quan-he-Viet-My-buoc-vao-ky-nguyen-moi-post557786.html>.
26. Đài Truyền hình Việt Nam: Thời sự VTV1, 19 giờ, ngày 20/12/2013.
27. Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ: “Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ nhân chuyến thăm Hoa Kỳ của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang”, <http://vietnamembassy-usa.org/vi/tin-tuc/2013/07/tuyen-bo-chung-viet-nam-hoa-ky-nhan-chuyen-tham-hoa-ky-cua-chu-tich-nuoc-truong-tan-sang>.
28. Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ: “Việt - Mỹ tiến hành đối thoại chính sách quốc phòng”, <http://vietnamembassy-usa.org/vi/quan-he-viet-my/viet-my-tien-hanh-doi-thoi-chinh-sach-quoc-phong>.
29. Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ: “Tuyên bố chung giữa Việt Nam và Hoa Kỳ nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama”,

- <http://vietnamembassy-usa.org/vi/tin-tuc/2016/05/tuyen-bo-chung-giua-viet-nam-va-hoa-ky-nhan-chuyen-tham-viet-nam-cua-tong-thong-hoa-ky>.
30. Đại sứ quán và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Việt Nam: “Dự án hỗ trợ người khuyết tật do Hoa Kỳ tài trợ làm lợi cho hàng nghìn người dân Việt Nam trong 3 năm”, <https://vn.usembassy.gov/vi/u-s-supported-disability-program-benefited-thousands-of-vietnamese-over-three-years-vi/>.
  31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986.
  32. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1992.
  33. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.
  34. “Đầu tư từ Trung Quốc vào Việt Nam tăng mạnh”, <https://www.vcci.com.vn/dau-tu-tu-trung-quoc-vao-viet-nam-tang-manh>.
  35. Nguyễn Đông: “Tham mưu trưởng liên quân Mỹ thăm nơi xử lý dioxin ở Đà Nẵng”, <https://vnexpress.net/thoi-su/tham-muu-truong-lien-quan-my-tham-noi-xu-ly-dioxin-o-da-nang-3031648.html>.
  36. Đinh Nguyên Đức: *Quan hệ Việt - Mỹ từ 2009 đến nay: Thực trạng và triển vọng*, Luận văn Thạc sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao, Hà Nội, 2014.

37. Hồng Giang: “Việt Nam - Hoa Kỳ: Hợp tác y tế đi trước bình thường hóa quan hệ”, <https://baoquocte.vn/viet-nam-hoa-ky-hop-tac-y-te-di-truoc-binh-thuong-hoa-quan-he-21235.html>.
38. Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thị Quế: *Chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2013.
39. Bắc Hà: “Vị trí địa chính trị của Việt Nam với đường lối quốc phòng”, <http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-vn/61/43/chong-dien-bien-hoa-binh/vi-tri-dia-chinh-tri-cua-viet-nam-voi-duong-loi-quoc-phong/351475.html>.
40. Khổng Hà: “Khẳng định khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ là đối tác toàn diện”, <http://cand.com.vn/Binh-luan-quoc-te/Khang-dinh-khuon-kho-hop-tac-Viet-Nam-Hoa-Ky-la-doi-tac-toan-dien-357918/>.
41. Thúy Hà: “Hướng đến Mỹ - thị trường du lịch hàng đầu thế giới”, <http://baovanhoa.vn/du-lich/artmid/416/articleid/21356/huong-den-my-thi-truong-du-lich-hang-dau-the-gioi>.
42. “Hơn 1.500 người chết mỗi năm do bom, mìn sót lại sau chiến tranh”, <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Xa-hoi/642162/hon-1500-nguoi-chet-moi-nam-do-bom-min-sot-lai-sau-chien-tranh>.
43. Nguyễn Văn Hai: “Vùng đất “chết” hồi sinh”, <http://www.nhandan.com.vn/xahoi/tin-tuc/item/25981702-vung-dat-chet-hoi-sinh.html>.



44. Đỗ Phú Hải: “Thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao: Hiện trạng, những vấn đề đặt ra và triển vọng”, tạp chí *Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, số 6 (31), 2015.
45. Lê Hồng Hiệp: “Sóng ngầm địa chính trị khu vực và lựa chọn của Việt Nam”, <http://nghiencuuquocte.net/2014/12/28/song-ngam-dia-chinh-tri-khu-vuc-va-lua-chon-cua-viet-nam/>.
46. Lê Hồng Hiệp: “Đưa quan hệ Việt - Mỹ bước vào kỷ nguyên mới”, <http://nghiencuuquocte.net/2014/11/28/dua-quan-he-viet-my-buoc-vao-ky-nguyen-moi/>.
47. Lê Hồng Hiệp: “Việt Nam trong cuộc chơi quyền lực Mỹ - Trung”, <http://nghiencuuquocte.net/2014/6/17/viet-nam-trong-cuoc-choi-quyen-luc-my-trung/#sthash.dATu2a7M.dpuf>.
48. Hoàng Văn Hiến (Chủ biên) - Nguyễn Viết Thảo: *Lịch sử quan hệ quốc tế (1945 - 1995)*, Nxb. Đà Nẵng, 2006.
49. Hoàng Văn Hiến: *Tiếp cận lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam - Một cách nhìn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
50. Hoàng Thị Hoa: “Quan hệ hợp tác nhân dân Việt - Mỹ ngày càng đi vào thực chất”, <http://www.vietnamplus.vn/quan-he-hop-tac-nhan-dan-viet-my-ngay-cang-di-vao-thuc-chat/332133.vnp>.
51. Nguyễn Hoàng: “Mong quốc tế tiếp tục hỗ trợ giảm nhẹ hậu quả bom, mìn”, <http://baochinhphu.vn/Tieuu>

- diem/Mong-quoc-te-tiep-tuc-ho-tro-giam-nhe-hau-qua-bom-min/194822.vgp.
52. Nguyễn Hoàng: “Thượng úy phi công Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp khóa huấn luyện ở Mỹ”, <https://vnexpress.net/the-gioi/thuong-uy-phi-cong-viet-nam-dau-tien-tot-nghiep-khoa-huan-luyen-o-my-3934937.html>.
  53. Lê Viết Hùng: *Quan hệ kinh tế Hoa Kỳ - Việt Nam (2000 - 2012)*, Nxb. Đại học Huế, 2018.
  54. Ánh Huyền: “Việt Nam - Hoa Kỳ hợp tác khắc phục hậu quả bom, mìn sau chiến tranh”, <http://vovworld.vn/vi-VN/Binh-luan/Viet-Nam-Hoa-Ky-hop-tac-khac-phuc-hau-qua-bom-min-sau-chien-tranh/331035.vov>.
  55. Nguyễn Lan Hương: “Chính sách xuất khẩu vũ khí của Hoa Kỳ sang Việt Nam”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 11 (260), 2019.
  56. Hà Mỹ Hương: “Chính sách của Việt Nam với Mỹ và quan hệ Việt - Mỹ những năm đầu thế kỷ XXI: Thực trạng và triển vọng”, [http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document\\_library/get\\_file?uuid=27a112ae-1037-4676-9db7-ab0049d353c1&groupId=13025](http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document_library/get_file?uuid=27a112ae-1037-4676-9db7-ab0049d353c1&groupId=13025).
  57. John Kerry: “Quan hệ Việt - Mỹ 15 tuổi: Thành tựu và triển vọng”, <https://baoquocte.vn/quan-he-viet-my-15-tuoi-thanh-tuu-va-trien-vong-14599.html>.
  58. Phạm Văn Khải: *Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012)*, Luận văn Thạc sĩ Quốc tế học, Hà Nội, 2016.

59. Hồ Khang (Chủ biên): *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) (Tập 8)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
60. Công Khanh: “Hoàn thành dự án xử lý dioxin tại sân bay Đà Nẵng: Thành tựu ngoại giao và khoa học mang tính lịch sử”, [http://cadn.com.vn/news/102\\_197868\\_hoan-thanh-du-an-xu-ly-dioxin-tai-san-bay-da-nang-thanh-tuu-ngoai-giao-va-khoa-hoc-mang-tinh-lich-su.aspx](http://cadn.com.vn/news/102_197868_hoan-thanh-du-an-xu-ly-dioxin-tai-san-bay-da-nang-thanh-tuu-ngoai-giao-va-khoa-hoc-mang-tinh-lich-su.aspx).
61. Phạm Gia Khiêm: “Đối tác hữu nghị, xây dựng, hợp tác toàn diện hướng tới tương lai”, <https://baoquocte.vn/doi-tac-huu-nghi-xay-dung-hop-tac-toan-dien-huong-toi-tuong-lai-14601.html>.
62. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam: “Quan hệ hợp tác nhân dân Việt - Mỹ ngày càng đi vào thực chất”, <http://vufo.org.vn/Quan-he-hop-tac-nhan-dan-Viet-My-ngay-cang-di-vao-thuc-chat-29-1995.html>.
63. Kiệt Linh: “Việt, Mỹ trao đổi thẳng thắn về vấn đề nhân quyền”, [http://vnmedia.vn/VN/quoc-te/tin-tuc/17\\_2503478/viet-my-trao-doi-thang-than-ve-van-de-nhan-quyen.html](http://vnmedia.vn/VN/quoc-te/tin-tuc/17_2503478/viet-my-trao-doi-thang-than-ve-van-de-nhan-quyen.html).
64. Kiều Linh: “Hoa Kỳ sắp thành tra chương trình kiểm soát cá da trơn Việt Nam”, <http://vneconomy.vn/hoa-ky-sap-thanh-tra-chuong-trinh-kiem-soat-ca-da-tron-viet-nam-20180507212101131.htm>.
65. Xuân Linh: “Đại tướng Phạm Văn Trà và chuyến thăm Mỹ lịch sử”, <http://vnn.vietnamnet.vn>, cập nhật ngày 05/7/2010.

66. Xuân Linh: “Dư địa quan hệ Việt - Mỹ còn nhiều”, <http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/200392/-du-dia-quan-he-viet-my-con-nhieu-.html>.
67. A Lộc: “Hoa Kỳ tài trợ 50 triệu USD cho người khuyết tật tại 7 tỉnh Việt Nam”, <https://tuoitre.vn/hoa-ky-tai-tro-50-trieu-usd-cho-nguoi-khuyet-tat-tai-7-tinh-viet-nam-20190819174643745.htm>.
68. Cù Chí Lợi: “Chiến lược châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ và tác động của nó tới hợp tác và phát triển tại châu Á”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 9 (246), 2018.
69. Gia Minh: “Tác động 2 chiều của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đến kinh tế Việt Nam”, <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/tac-dong-2-chieu-cua-chien-tranh-thuong-mai-my-trung-den-kinh-te-viet-nam-141589.html>.
70. Trình Mưu - Nguyễn Hoàng Giáp (Đồng chủ biên): *Tập bài giảng Quan hệ quốc tế*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2012.
71. Phạm Thu Nga: *Quan hệ Việt - Mỹ 1939 - 1954*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.
72. Anh Ngọc: “Hải quân Mỹ muốn tăng hợp tác với Việt Nam”, <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/hai-quan-my-muon-tang-hop-tac-voi-viet-nam-2991383.html>.
73. Anh Ngọc: “MIA - cây cầu đầu tiên nối lại Việt Nam và Mỹ”, <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/tu-lieu/mia-cay-cau-dau-tien-noi-lai-viet-nam-va-my-3241398.html>.

74. Bích Ngọc, Chu Chính: “Việt Nam đã có nhiều bước tiến trong thực hiện nhân quyền”, <http://vtv.vn/viet-nam-va-the-gioi/viet-nam-da-co-nhieu-buoc-tien-trong-thuc-hien-nhan-quyen-20150512165050862.htm>.
75. Hà Kim Ngọc: “Tầm nhìn mới cho quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ”, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2015/35134/Tam-nhin-moi-cho-quan-he-Viet-Nam-Hoa-Ky.aspx>.
76. Minh Nguyên: “Trần nợ công và nguy cơ nước Mỹ vỡ nợ”, [http://www.nhandan.com.vn/mobile/\\_mobile\\_thegioi/\\_mobile\\_nhandinhhtulieu/item/21380802.html](http://www.nhandan.com.vn/mobile/_mobile_thegioi/_mobile_nhandinhhtulieu/item/21380802.html).
77. Trung Nguyên: “Đằng sau những cáo buộc Việt Nam “vi phạm nhân quyền”, <http://tapchiquptd.vn/zh/lam-that-bai-chien-luoc-dbhb/dang-sau-nhung-cao-buoc-viet-nam-vi-pham-nhan-quyen/3961.html>.
78. Hà Nguyễn: “Xuất khẩu hàng hóa sang Mỹ: Doanh nghiệp chủ động trước chính sách mới”, <https://baodautu.vn/xuat-khau-hang-hoa-sang-my-doanh-nghiep-chu-dong-truoc-chinh-sach-moi-d76855.html>.
79. Hoàng Nguyễn: “Chiến tranh Việt Nam nhìn từ phía Mỹ”, <http://tuoitre.vn/tin/the-gioi/20050501/chien-tranh-viet-nam-nhin-tu-phia-my/76626.html>.
80. Hồng Phú: “Đánh giá về nhân quyền ở Việt Nam - vẫn “bỏ cũ soạn lại””, <http://cand.com.vn/Chong-dien-bien-hoa-binh/Danh-gia-ve-nhan-quyen-o-Viet-Nam-van-bon-cu-soan-lai-538144/>.

81. Nguyễn Hồng Quang: “Động lực mới với việc giải quyết hậu quả chất da cam sau chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Obama”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 8 (221), 2016.
82. Minh Quân: “Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ: Nhìn lại để tiến bước”, <https://baoquocte.vn/dai-su-viet-nam-tai-hoa-ky-nhin-lai-de-tien-buoc-108136.html>.
83. C. Sơn: “Hải quân Mỹ muốn thăm viếng, diễn tập nhiều hơn với Việt Nam”, <http://baodatviet.vn/chinh-tri-xa-hoi/tin-tuc-thoi-su/hai-quan-my-muon-tham-vieng-dien-tap-nhieu-hon-voi-vn-3038135/>.
84. Nguyễn Thiết Sơn (Chủ biên): *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ: vấn đề, chính sách và xu hướng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011.
85. BT: “Hoa Kỳ tài trợ hơn 10 triệu USD cho rà phá bom, mìn”, <http://baochinhphu.vn/Khacphucbommin/Hoa-Ky-tai-tro-hon-10-trieu-USD-cho-ra-pha-bom-min/227376.vgp>.
86. QT: “Số lượng du học sinh Việt Nam bậc đại học tại Mỹ tăng 18 năm liên tiếp”, <https://baoquocte.vn/so-luong-du-hoc-sinh-viet-nam-bac-dai-hoc-tai-my-tang-18-nam-lien-tiep-104699.html>.
87. Nguyễn Hoàng Thanh, Hoàng Mạnh An, Đỗ Quyết, Nguyễn Bá Vượng, Lương Minh Tuấn: “Khảo sát nồng độ dioxin trong máu ở người phơi nhiễm với chất độc da cam/dioxin tại Đà Nẵng”, tạp chí *Y - Dược học quân sự*, số 9, 2014.

88. Phạm Đan Thành: “Cần sự công bằng”, <http://nld.com.vn/thoi-su-quoc-te/can-su-cong-bang-112837.htm>.
89. Nguyễn Xuân Thành: “Hợp tác quốc tế giải quyết vấn đề bom, mìn, vật nổ sót lại sau chiến tranh của Việt Nam”, tạp chí *Quan hệ quốc phòng*, số 25, 2014.
90. Văn Thọ: “Triển khai kế hoạch phát triển ngành hàng cá tra năm 2019”, <https://tongcucthuysan.gov.vn/vi-vn/tin-t%E1%BB%A9c/-nghe%E1%BB%81-c%C3%A1-trongn%C6%B0%E1%BB%9Bc/doc-tin/012314/2019-02-22/trien-khai-ke-hoach-phat-trien-nganh-hang-ca-tra-nam-2019>.
91. Hoàng Thị Thúy: “Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và vấn đề đặt ra đối với kinh tế Việt Nam”, <http://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/chien-tranh-thuong-mai-my-trung-va-van-de-dat-ra-doi-voi-kinh-te-viet-nam-314677.html>.
92. Sơn Thủy: “Bình thường hóa quan hệ: Đại lộ đầy chông gai”, <https://baoquocite.vn/binh-thuong-hoa-quan-he-dai-lo-day-chong-gai-14600.html>.
93. Thanh Thủy: “Mỹ hỗ trợ 8 triệu USD giúp Quảng Trị khắc phục hậu quả bom, mìn”, <http://www.vietnamplus.vn/my-ho-tro-8-trieu-usd-giup-quang-tri-khac-phuc-hau-qua-bom-min/309883.vnp>.
94. Cục đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư: “Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài năm 2019”, <https://dautunuoocngoai.gov.vn/tinbai/6318/Tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-nam-2019>.

95. Phạm Hồng Tiến: “Quan hệ thương mại Việt - Mỹ sau 5 năm nhìn lại”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 5, 2000.
96. Trần Nam Tiến: *Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ: Thực trạng và triển vọng*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2010.
97. Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Đôi nét về quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ”, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/View/Details.aspx?ID=242&Category=Ph%C3%A2n%20%C3%ADch%20chuy%C3%AAn%20C4%91%E1%BB%81&Group=Ph%C3%A2n%20%C3%ADch>.
98. Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Thương mại hàng hóa Việt Nam - Hoa Kỳ: Đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam và cập nhật trong 4 tháng đầu năm”, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=933&Category=Ph%C3%A2n%20%C3%ADch%20chuy%C3%AAn%20C4%91%E1%BB%81&Group=Ph%C3%A2n%20%C3%ADch>.
99. Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Xuất khẩu nước/vùng lãnh thổ - Mặt hàng chủ yếu tính đến hết tháng 12/2019 và Nhập khẩu nước/vùng lãnh thổ - Mặt hàng chủ yếu tính đến hết tháng 12/2019”, *Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan (Sơ bộ)*, 2020.
100. Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Hoa Kỳ: Diễn biến giai đoạn 2010 -



- 2018 và cập nhật tháng 01/2019”, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetail.aspx?ID=1607&Category=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20chuy%C3%AAn%20C4%91%E1%BB%81&Group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch>.
101. Tổng cục Hải quan Việt Nam: “Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và năm 2019”, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1734&Category=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20C4%91%E1%BB%8Bnh%20k%E1%BB%B3&Group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch>.
  102. “Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài đạt kỷ lục năm 2012”, <https://baomoi.com/trung-quoc-dau-tu-ra-nuoc-ngoi-dat-ky-luc-nam-2012/c/11897177.epi>.
  103. Hoàng Anh Tuấn: “Việt - Mỹ: Cơ duyên ít biết và sự trở trêu của lịch sử”, <http://m.vietnamnet.vn/vn/tuan-vietnam/246584/viet-my-co-duyen-it-biet-va-su-tro-treu-cua-lich-su.html>.
  104. Tạ Minh Tuấn: “Quan hệ Việt - Mỹ: Những thách thức trong nhiệm kỳ của Tổng thống Obama”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 4 (133), 2009.
  105. “Việt Nam trong sự giành giật giữa Mỹ và Trung Quốc”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 23/3/2006.
  106. “Sự phát triển và hạn chế trong quan hệ quân sự Việt - Mỹ”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 03/6/2015.

107. “Xu hướng mới của quan hệ Việt - Mỹ và ảnh hưởng đối với Trung Quốc”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 02/10/2015.
108. “Donald Trump, Hillary Clinton và tương lai quan hệ Việt - Mỹ”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 22/6/2016.
109. “Quan hệ Việt - Mỹ thời Tổng thống Donald Trump”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 24/9/2019.
110. “Khắc phục hậu quả chiến tranh trong tiến trình tăng tốc quan hệ Việt - Mỹ”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 02/4/2019.
111. “20 năm quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ: Chặng đường ngắn, bước tiến dài”, <http://www.vietnamplus.vn/20-nam-quan-he-viet-nam-hoa-ky-chang-duong-ngan-buoc-tien-dai/332201.vnp>.
112. “Việt Nam - Hoa Kỳ ký Bản ghi nhớ về gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc”, <http://www.vietnamplus.vn/viet-nam-hoa-ky-ky-ban-ghi-nho-ve-gin-giu-hoa-binh-lien-hop-quoc/331848.vnp>.
113. “Toàn văn Tuyên bố về Tầm nhìn chung Việt Nam - Hoa Kỳ”, <http://www.vietnamplus.vn/toan-van-tuyen-bo-ve-tam-nhin-chung-viet-nam-hoa-ky/331699.vnp>.
114. Thanh Tùng: “Nâng cấp hợp tác đầu tư Việt Nam - Hoa Kỳ”, <http://baodautu.vn/nang-cap-hop-tac-dau-tu-viet-nam-hoa-ky.html>.
115. Hà Trang: “Vì sao Mỹ dỡ bỏ một phần lệnh cấm bán vũ khí với Việt Nam?”, <http://dantri.com.vn/the-gioi/>

- vi-sao-my-do-bo-mot-phan-lenh-cam-ban-vu-khi-voi-viet-nam-983270.htm.
116. Quỳnh Trung: “Quan hệ quốc phòng Việt - Mỹ: hợp tác và nhiều triển vọng”, <https://tuoitre.vn/quan-he-quoc-phong-viet-my-hop-tac-va-nhieu-trien-vong-20180309120928633.htm>.
  117. Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông khoa học và công nghệ; Vụ Hợp tác quốc tế: “Hoa Kỳ tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với Việt Nam về khoa học và công nghệ”, <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/15052/hoa-ky-tiep-tuc-day-manh-hop-tac-voi-viet-nam-ve-khoa-hoc-va-cong-nghe.aspx>.
  118. Trung tâm Hành động bom, mìn quốc gia Việt Nam: “Mỹ tăng viện trợ cho Việt Nam trong việc rà phá vật liệu chưa nổ”, <http://vnmac.gov.vn/vi/tin-tuc/my-tang-vien-tro-cho-viet-nam-trong-viec-ra-pha-vat-lieu-chua-no.t-69.html>.
  119. Lê Vân: “Sau khi ký kết, TPP sẽ tác động thế nào tới kinh tế Việt Nam?”, <http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/91-4205-sau-khi-ky-ket-tpp-se-tac-dong-the-nao-toi-kinh-te-viet-nam.html>.
  120. Viện ASPEN: “Về nhóm đối thoại”, <https://assets.aspeninstitute.org/content/uploads/files/content/docs/agent-orange/9AOVIIFactSheet-AbouttheDialogueGroup-Aug2011-VN.pdf>.
  121. Viện Thông tin khoa học - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: “Ai kiểm soát được Việt Nam,

- người đó kiểm soát cả Đông Nam Á”, tạp chí *Những vấn đề chính trị - xã hội*, số 46, 2006.
122. “Mỹ sẵn sàng tiếp sức cho Việt Nam”, <https://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/my-san-sang-tiep-them-suc-manh-cho-viet-nam-211322.html>.
123. Phạm Thị Yên: “Quan hệ Việt - Mỹ thời kỳ chính quyền Donald Trump: Vấn đề và triển vọng”, tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 9 (234), 2017.

## II- Tiếng Anh

124. Alexander L. Vuving: “A Breakthrough in US-Vietnam Relations”, <https://thedi diplomat.com/2015/04/a-breakthrough-in-us-vietnam-relations/>, 2015.
125. Da Nang Today: “Full text of President Donald Trump's speech at APEC CEO Summit”, <https://www.baodanang.vn/english/politics/201711/full-text-of-president-donald-trumps-speech-at-apec-ceo-summit-2577482/>, 2017.
126. “Defense Cooperation in Vietnam”, <http://photos.state.gov/libraries/vietnam/8621/pdf-forms/15anniv-DAO-Factsheet.pdf>.
127. House - Foreign Affairs: “H.Res. 714 - 113 Congress (2013 - 2014)”, <https://www.congress.gov/bill/113th-congress/house-resolution/714/text>.
128. John Kerry: “Remarks to Ho Chi Minh City Business Community an Fulbright Economic Teaching Program Participants” (speech, American Center, Ho Chi Minh City, Viet Nam, December 14),

- <http://www.state.gov/secretary/remarks/2013/12/218721.htm>.
129. Mark E. Manyin: “The Vietnam - U.S. Normalization Process”, <https://www.fas.org/sgp/crs/row/IB98033.pdf>.
  130. Mark E. Manyin: *U.S. - Vietnam Relations in 2014: Current Issues and Implications for U.S. Policy*, <http://fas.org/sgp/crs/row/R40208.pdf>, update 24/6/2014.
  131. Murray Hiebert, Phuong Nguyen, Gregory B. Poling: “A New Era in U.S.- Vietnam. Relations: Deepening Ties Two Decades after Normalization”, [http://csis.org/files/publication/140609\\_Hiebert\\_USVietnamRelations\\_Web.pdf](http://csis.org/files/publication/140609_Hiebert_USVietnamRelations_Web.pdf).
  132. Office of the United States Trade Representative: “U.S. - China Trade Facts”, <https://ustr.gov/countries-regions/china-mongolia-taiwan/peoples-republic-china>.
  133. Richard Dudley: “Cam Ranh Bay is the Prize, Are Lethal Weapons the Cost”?, [http://defense-update.com/20120606\\_cam-ranh-bay-is-the-prize-are-lethal-weapons-the-cost.html](http://defense-update.com/20120606_cam-ranh-bay-is-the-prize-are-lethal-weapons-the-cost.html).
  134. The White House: *National Security Strategy of the United States of America*, Washington, DC.
  135. United Nations Conference on Trade And Development: *World Investment Report 2017 - Investment and The Digital Economy*, United Nations Publication, Geneva.
  136. U.S. Energy Information Administration: “World Oil Transit Chokepoints Critical to Global Energy

- Security”, <http://www.eia.gov/todayinenergy/detail.cfm?id=18991>.
137. Walter Lohman, Lewis Stern and Colonel William Jordan: “U.S. - Vietnam Defense Relations: Investing in Strategic Alignment”, <http://www.heritage.org/research/reports/2012/07/us-vietnam-defense-relations-investing-in-strategic-alignment>.
138. World Bank: “Gross domestic product 2018”, World Development Indicators database, 23 December, <https://databank.worldbank.org/data/download/GD.pdf>.

# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7

## *Chương I*

NHỮNG NHÂN TỐ CHỦ YẾU TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ TỪ KHI BÌNH THƯỜNG HÓA ĐẾN NAY	11
I-    Bối cảnh thế giới và khu vực châu Á - Thái Bình Dương	11
II-   Nhân tố lịch sử và địa - chiến lược	28
III-  Nhu cầu hợp tác và vị trí của Việt Nam, Hoa Kỳ trong chính sách đối ngoại của nhau	50

## *Chương II*

QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ TRÊN MỘT SỐ LĨNH VỰC CHỦ YẾU TRONG 25 NĂM (1995 - 2020)	63
I-    Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao và quốc phòng - an ninh	63
II-   Trên lĩnh vực kinh tế	114

III- Trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế	143
IV- Trên một số lĩnh vực khác	158
V- Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong các cơ chế hợp tác đa phương	170

### *Chương III*

ĐÁNH GIÁ QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ SAU 25 NĂM BÌNH THƯỜNG HÓA VÀ TRIỂN VỌNG QUAN HỆ HAI NƯỚC TRONG NHỮNG NĂM TỚI	176
---	-----

I- Đánh giá quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ sau 25 năm bình thường hóa	177
II- Chiều hướng chính sách đối ngoại của Việt Nam và Hoa Kỳ những năm tới	198
III- Những cơ hội và thách thức trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ thời gian tới	204
IV- Dự báo triển vọng quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ	215
<i>Kết luận</i>	229
<i>Tài liệu tham khảo</i>	233





## **NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222

Email: [suthat@nxbctqg.vn](mailto:suthat@nxbctqg.vn), Website: [www.nxbctqg.vn](http://www.nxbctqg.vn)

### **TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

**An Văn Quân - Trần Ngọc Hưng (Đồng chủ biên)**

**Hoàng Vũ Nam - Lê Trung Dương**

**\* QUAN HỆ MỸ - TRUNG QUỐC QUA CÁCH TIẾP CẬN CỦA CÁC CHỦ THỂ ẢNH HƯỞNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI**

**TS. Lê Đình Tịch**

**\* CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI MỸ - TIẾP CẬN TỪ THUYẾT HIỆN THỰC MỚI VÀ TRƯỜNG HỢP VIỆT NAM SAU KHI BÌNH THƯỜNG HÓA QUAN HỆ ĐẾN NAY**

**PGS.TS. Nguyễn Thị Quế**

**\* QUAN HỆ VIỆT NAM VỚI MỘT SỐ NƯỚC LỚN NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI**

ISBN 978-604-57-6718-4



9 786045 767184



8935279131600

**Giá: 81.000đ**